



NGỌC GIAO

*Cô gái*  
**LÀNG SƠN HÀ**

VĂN HỌC

# **CÔ GÁI LÀNG SƠN HẠ**

Tác giả: **Ngọc Giao**

***Tập Truyện ngắn***

Nhà xuất bản: **NXB Văn Học**

Ebook: **Cuibap**

Nguồn text: **Waka**

## Cát Bụi

Hai chị em đi sát vào nhau. Lê xách đỡ em bọc áo, và khẽ nói:

- Sao Hôm đã mọc trên ngọn núi kia rồi, ta rảo chân lên chút nữa.

Huệ vội vàng cúi xuống bỏ guốc ra, cầm lên tay, theo cho kịp chị. Huệ im lặng đi một quãng, rồi lại hỏi, giọng run hơn:

- Thật thế hở bác Giang? Người Tây đồn ấy bị cọp vồ chính ở chỗ này à?

- Không, ở núi Đèo cơ, đã đi qua rồi.

- Chỗ ấy nhiều cỏ gianh, có cọp là phải - Chặng này cũng nhiều cây, không biết chừng có cũng nên, bác Giang nhỉ?

Người kếp bước vội lên. Bác mệt nhọc vì đã bị chị em Huệ bỏ xa vài chục bước.

Khí núi tiết ra, hơi sương thu theo gió thổi hun hút làm lạnh cả da mặt ba người. Những bước chân động rất nhẹ trên con đường nhỏ ẩm sương, thỉnh thoảng tiếng ho khan của bác kếp Giang vang lên trong cái quạnh hiu ghê rợn của núi rừng.

Sao đã mọc rải rác trên nền trời rộng; ở phía rừng gồi, trăng cũng vừa rực rỡ lên cao.

Huệ vẫn đi sát vào Lê. Bác kếp vẫn theo sau. Huệ hồi hộp lắng nghe tiếng chân dẫm xào xạc lên mặt cỏ. Bác kếp Giang mỗi một đổi cây đàn đáy sang tay khác, vô tình làm cho sợi tơ nẩy lên một tiếng.

- Huệ cúi đầu xuống nhé...

Mỗi khi thấy chị khẽ bảo bằng một giọng trang nghiêm như thế thì tim Huệ lại đập rộn ràng. Huệ có cảm tưởng ngôi đèn lạnh lẽo chơ vơ trên sườn

núi kia, và ngọn cây cổ thụ đen sì cành lá đang rung rào rào, dưới gốc bầy la liệt những bình vôi trắng hếu như những đầu lâu và treo lơ lửng những chiếc nón giấy, những cặp hài xanh đỏ, hẳn là có nhiều bà cô, ông mãnh sắp sửa hiện lên để ghẹo khách trần đi qua.

Cảm tưởng ấy làm Huệ bủn rủn cả người, đi không vững. Thấy Lê và bác kếp lăm bắm kêu cầu, Huệ cũng bắt chước khấn theo. Lúc đã ra khỏi quăng tối, lại thấy trên đường có ánh trăng, Huệ mới lại hồn và bắm vào tay chị:

- Chị Lê... Chị Lê!

Lê huých khẽ vào cánh tay em:

- Im, đừng nói.

Và Lê quay sang bác kếp Giang thì thầm:

- Bác có trông thấy đốm lửa trên sườn núi kia không? Nhà thằng Mán đấy. Tôi nghe đồn nó hay mò xuống đường đón hiếp đàn bà con gái về chợ muộn.

Huệ xiết chặt tay chị, bước nhanh.

Một lúc sau con sông trắng dưới trăng đã hiện ra. Cái quán nước trên bờ sông đang rọi ánh đèn ra mấy gốc cây bên ngoài.

Huệ ngồi phịch xuống ghế, duỗi hai chân, cầm khăn phủ bụi dọc đường bám trắng trên vai áo.

- Khuya rồi mà nước của bà hàng còn nóng. Chị Lê và bác kếp uống đi cho khỏi mệt. Rồi xin bà hàng cho ngủ đỗ đêm nay.

Bà hàng nhìn chị em Lê với con mắt lạnh hiên:

- Các cô sang bên huyện hát phải không? Nghe nói quan cưới vợ cho cậu con trai cả. Đám to lắm, mấy ngày nay pháo đốt liên thanh vang cả vào rừng núi. Thế các cô đi từ đâu lại mà gặp tối?

- Chúng tôi ở làng Vân Phượng tới đây. Chúng tôi biết quan từ khi chúng tôi dọn nhà hát ngoài tỉnh. Hôm qua quan cho lính cưới ngựa về bảo ra hát đám.

Bà hàng múc thêm nước vào bát. Thấy hai cô đào hát này quen quan huyện, bà thân mật nói:

- Sao quan chẳng cho đánh xe vào đón, để các cô phải đi vất vả thế này.

Huệ nhìn chị mỉm cười. Nàng chua xót nghĩ: “Cái thân phận mình ra gì mà mong người ta đưa đón”.

Trong khi bà hàng vào dọn giường cho khách nghỉ, Huệ theo Lê xuống sông rửa mặt, rửa chân. Sương thu bay trắng trên dòng nước lạnh, chim rừng khắc khoải bên sông. Một cơn gió vút trên ngàn cây. Huệ rùng mình. Nàng buồn bã nghĩ đến những cơn gió heo may sắp tới, những ngày chị em nàng sẽ dắt díu nhau lưu lạc đến những phương trời nào xa xôi.

Một lớp sóng cuốn theo cả ánh trăng xô giạt vào bờ, vỗ vào hai chân Huệ, bọt bắn tung lên. Huệ quàng vai chị, vịn một cành cây thấp, bứt lá thả trôi trên nước.

- Chị Lê, hát ở huyện rồi, chúng ta sẽ đi đâu nhỉ?

- Sẽ đến hát ở đình làng Thượng Mai.

- Rồi lại đi đâu nữa?

Lê kéo sát em vào mình:

- Cứ hỏi vợ vẫn mãi thôi. Đi đâu mà chẳng là đi!

Huệ im lặng, nhìn dòng nước sông trôi lạnh lẽo:

- Về ngủ đi em. Sương xuống nhiều lạnh lắm.

\*\*\*

Lê ngồi lên, đặt tay vào trán Huệ. Cơn sốt của Huệ càng về đêm càng nặng thêm nhiều. Cả người Huệ nóng ran. Huệ đã bắt đầu mê sảng. Lê lo lắng mong trời mau sáng. Những đêm ở nơi này triền miên tưởng không bao giờ hết. Gió khuya rít ngoài sông dào dạt sóng. Tiếng chim rừng ghé rợn rở từng giọt lạnh buồn vào thăm thẳm không gian.

Trời đã trắng ngoài cánh liếp.

Huệ bây giờ mới ngủ yên. Lê mở khăn gói lấy áo đắp thêm cho em. Bà hàng ái ngại, sai con trai vào làng Mường xin thuốc lá. Lê ngồi liền bên em, nghe xem bệnh có giảm chút nào không, nhưng mình Huệ càng nóng, càng

mê sảng. Lê gục mặt vào cánh tay mà khóc. Bên ngoài, mưa tầm tã, tiếng gió và tiếng lá đổ rì rào vào ruột rừng cô tịch.

Lê ngẩng mặt lên, đau đớn nhìn người kếp ngồi bó gối, ngủ gật cạnh cây đàn đáy. Người kếp đó đã trung thành đi theo nàng nay đó mai đây. Xưa kia, đôi bạn giang hồ ấy cũng với cây đàn túi phách, lang thang đến các đình làng xin hát, và khi ngày xuân đã hết rồi, các cuộc tế lễ, hội hè đã hết rồi, họ lại chia tay, mỗi người đi mỗi ngả.

Sau, Lê lấy chồng. Nhưng được vài năm thì chồng Lê chết. Có vốn, Lê mở nhà hát ở một tỉnh nhỏ. Một buổi tối, người bạn giang hồ cũ tìm được đến nhà Lê với cây đàn ngày xưa. Kếp Giang đã già đi nhiều lắm, mà ngón đàn thì cũng già đi theo người.

Giọng hát hay của Lê, cung đàn tuyệt kỹ của kếp Giang, và nụ cười xinh xinh của Huệ, cái cô đào “chanh cốm” lúc nào cũng khóc, không bao ngày đã nức tiếng trong các tỉnh xa gần, nhờ vậy, không tối nào nhà vắng khách.

Nhưng chẳng may, một ông sứ mới bổ đến ra lệnh đóng cửa dây nhà cô đầu trong tỉnh.

Thế là người ta lại xếp phách, vắn chùng dây tơ để mà chết đói. Chị em Lê và kếp Giang lại dắt nhau lên đường với túi phách, cây đàn, sống đời những kẻ sông hồ. Nhưng họ chỉ đi giang hồ trong những ngày xuân, thu, những ngày các thôn quê có hội hè đình đám; còn những ngày sẽ tới, họ chưa nghĩ đến vì họ chưa muốn lìa nhau, chưa muốn bỏ nghề.

Huệ trở mình rên khẽ. Lê cúi xuống áp vào má Huệ, nước mắt dòng dòng rỏ xuống. Huệ mở mắt giọng phều phào:

- Chị ơi, ở đây thì lấy gì mà trả tiền cơm?

- Em đừng lo, cứ nằm đây vài ngày cho khỏi. Chị đã sẵn cả rồi.

Lê nói dối cho Huệ yên lòng, chứ thực ra Lê có tiền đâu.

Huệ lại mở mắt ra:

- Chị để em nằm đây cũng được. Chị và bác Giang cứ vào huyện hát lấy tiền trả trọ, chứ ở cả đây để chết đói à?

Lê khóc nức lên:

- Không, chị không đành lòng gửi em một mình ở chỗ này - Nhỡ ra, nói đổ xuống sông..., nhỡ ra em mệnh hệ nào... Không bao giờ chị bỏ em... không bao giờ...

Lê nghẹn lời, nước nở.

Bỗng có tiếng vó ngựa dồn dập ở ngoài hàng. Rồi một giọng hách dịch oang oang:

- Có bọn cô đầu nào ngủ đố đêm qua ở đây không?

Lê chạy ra, bác kếp Giang vừa giật mình tỉnh ngủ thì người lính cũng bước vào, trông thấy cây đàn đáy dựng trong xó vách.

- À, có thể chứ! Các cô xuống ngay cho kịp chuyến đò kia rồi sang bên chợ, đã có xe tay về huyện. Nhanh lên quan đang mong đấy.

Bị giục gấp bách, Lê và kếp Giang bối rối, đi không đành, mà ở lại cùng Huệ thì người ta không để yên.

Lê bảo người lính lệ:

- Con em tôi đêm qua bị cảm, tôi không bỏ nó mà đi được. Thầy làm ơn về bẩm quan gọi cô đầu khác.

Người lính trợn tròn hai mắt:

- Nó ốm thì mặc nó nằm lại đây. Hát xong, mai hay ngày kia lại về đón không được à? Việc quan chứ nói chơi đấy hần!

Hần thúc kếp Giang mang đàn ra, và giục Lê xách khăn gói xuống bến đò.

Huệ ngóc đầu lên mặt nhọc:

- Chị cứ yên lòng sang huyện hát. Em nghe trong người đã tỉnh táo nhiều rồi. Chắc mai chị về đây thì em đã khỏi. Chị đi đi...

Lê cúi xuống ôm chặt lấy mình em, lòng đau như xé.

Huệ đẩy chị ra, nước mắt đầm đìa:

- Chị đi đi..., em sẽ khỏi..., em chờ chị...

Rồi Huệ quay mặt vào vách, kéo áo che kín cả đầu.

Khi tiếng vó ngựa, tiếng guốc của người chị và người kếp đã xa Huệ mới cố ngồi lên, choáng váng bước xuống đất, men theo tấm liếp lần ra. Con đò

đã rời bến nước. Lê giơ tay vẫy, Huệ cũng giơ tay vẫy. Một cơn gió ngoài cây thổi thốc vào, Huệ tối tăm mắt mũi, ngã ngồi sau bậc cửa.

Bà hàng ở chợ bên sông vừa về kịp, vội bế xốc Huệ lên giường.

\*\*\*

- Chị Lê!... Chị Lê...

Từ lúc ấy, Huệ mê man, nằm lịm, tỉnh thì lại nôn oẹ và gọi chị. Hơi nóng trong ruột cuộn lên. Huệ thở hồng hộc, chân tay rời rã đập thình thình xuống chiếu.

Bà hàng cuống quýt chạy vào làng tìm mấy ông lang Mường xin thuốc. Bà già lá, sắc thuốc, săn sóc luôn bên mình Huệ, như người mẹ. Vẻ lo lắng hiện rõ trên khuôn mặt hiền hậu, và mỗi lần đặt tay xuống cái trán nóng hổi của Huệ, bà lại thở dài.

- Chị Lê ơi!... Chị Lê!...

Trong người nóng quá, Huệ như điên, chốc chốc ngồi vù lên, tóc xõa xuống lưng, gào khóc, rồi lại nằm xuống thở.

Nhắm mắt, Huệ lại mơ hồ thấy người chị mặt râu rĩ giọng nã nuốt, phách reo yếu ớt, và kếp Giang buồn nản mắt lúc nào cũng lim dim như ngủ gật, luôn miệng ho khan, ôm đờn ngồi bên một tiệc rượu linh đình ồn ào tiếng cười, tiếng nói của những con người đang say khướt.

Huệ mơ hồ thấy những cái mặt nòng hơi rượu ấy, kế tiếp nhau cúi xuống áp vào má Lê, và những bàn tay cứng như sắt giơ ra ôm chầm lấy Lê bế xốc lên, ghì chặt lấy...

- Chị Lê!

Huệ thét lên, hai tay ôm đầu, quẫn quại.

Mồ hôi toát đầm ra, da thịt Huệ dần dần giá lạnh, nhợt nhạt, thâm tái lại.

Gió lùa vào khe liếp. Huệ vật vã, rồi co quắp. Hai chân đã bắt đầu tê cứng, lưỡi rụt ngắn vào, mắt mờ mờ như mới bị một tấm vải trắng phủ lên.

Hình bóng người chị, bác kếp, những con người trưởng giả rượu say, lộn nhào nhảy múa trong tâm linh cuồn sáng, một nỗi sợ hãi mênh mông đè



trong lồng ngực mà khí lạnh đang vận dần lên để cắt đứt hơi thở gấp. Huệ  
nhoài hai tay ra kêu quào bám lấy ánh sáng, bám lấy cái sống... kêu lên:

- Chị ơi..., chị ơi!

Hai tay Huệ rơi xuống chiếu từ từ.

**(Đăng lại Tiêu thuyết thứ Bảy, số 277/1939)**

**(Đăng lại Phổ thông, số 10/1952)**

## Yên Hoa

*Nửa giấc yên hoa cười mộng cũ*

*Hai hàng si lệ khóc tình xưa.*

**TCHYA**

**B**à đã về ạ, mời bà vào hàng nhà cháu xơi chén nước. Có riêu cua ngon lắm. Rước bà vào.

Người đàn bà đơn đả chào mời cô gái tỉnh thành. Quế cười không đáp. Cô cúi đầu dưới mái rơm tối thấp, bước vào quán nước. Hai người đàn ông quần vén cao đến bẹn, bấp chân đầy bùn, nhích ra mãi đầu ghế, nhường chỗ cho cô gái tỉnh thành. Quế xé mảnh báo trong chiếc làn mây, lau ghế rồi mới ngồi. Không ai lấy cử chỉ ấy làm lạ, người ta nghĩ rằng vật áo lụa kia, đũng quần lụa trắng nõn kia không thể đặt dễ dãi xuống cái ghế cụt què bẩn thỉu. Phí của đi, vả người tỉnh thành bao giờ cũng sạch.

Bà hàng hai tay bưng bát bún riêu đặt lên trống, trước mặt Quế. Bà ta rút đôi đũa trong ống tre, lau cẩn thận rồi mới đưa cô. Quế “xin phép quà” tất cả mọi người. Bà hàng và hai người thợ cày vội đáp: “Không dám ạ”. Họ đáp cùng một lúc, sốt sắng và kính cẩn. Quế ăn ngượng nghịu, cô liếc thấy không những lũ trẻ xúm đến nhìn cô, cả hai người thợ cày cũng ngắm cô chăm chú.

“Cô tân thời, đẹp quá nhỉ!” - Lũ trẻ bảo nhau.

“Chuyện! Ăn trắng mặc trơn mà lại không đẹp. Chứ như bu chúng mày ấy nhá!”. Một bà già ngồi phoir nửa mình da cóc, nghiêng mái tóc bạc, tuốt trắng rận ở mảnh áo ánh nâu cười, bảo với lũ trẻ.

Quế ăn xong, bưng bát chè tươi tráng miệng. Mùi ngai ngái của những chiếc lá xanh khiến cô nao nao nhớ lại những buổi chiều ngày xưa trên mảnh sân lát gạch Bát Tràng rộng của nhà, về vụ gặt, sau những bữa cơm ấm ỉ, cũng có những bát chè tươi vàng nóng thế này, dưới ánh trăng, tiếng đập thóc và tiếng hát của bọn thợ gặt cất vang làng xóm.

- Nước ngon đậm quá! Bà nấu bằng nước sông?

- Thưa bà, sông đạo này cạn, bắn lắm. Nhà cháu nấu bằng nước giếng, nấu khéo cũng ngon.

Quế trả tiền, đứng lên. Ở sân nhà bên kia, cách quán một bờ rào dâm bụt có tiếng người con gái hát. Không phải câu hát ví von của gái đồng ruộng, mà là bài hát “gửi thư”. Cái hơi gió đoạn trường thấm ngay vào lòng Quế, như hơi sương giá thấm mái tóc con người cô độc đi trong đêm khuya. Quế vén cành lá, ghé mắt nhìn vào sân. Người con gái mặc chiếc áo lót mình màu hồng đã vá, rách, đang ngồi giặt bên chum nước. Quế nghĩ tới phận mình. Năm sáu năm trời, đã có biết bao nhiêu buổi sáng, buổi chiều, Quế cũng ngồi giặt như thế kia, cũng đôi khi buồn miệng thì hát lên vài câu hát thuộc lòng mà Quế đã hát vào ban đêm cho người ta nghe. Hai cánh tay yếu đuối giữ vò mớ quần áo nát bẩn vì canh rượu nô đùa, vì cuộc yêu đương ô trọc phần nhiều là uy hiếp. Giặt giũ xong thì mắt Quế hoa lên, hâm hấp sốt. Những lúc đó Quế chỉ mong được giấc ngủ bù cho đỡ ốm, không thiết gì ăn uống.

- Khố, ở đây thì ma nó hát ư!

Quế tắt vội ý nghĩ bằng câu nói thầm thì ấy. Cô rẽ ra xa. Người đàn bà bán bún riêu cũng chạy ra, chùng đi đâu nhớ cốt trâu rồi quay lại toe toét cười:

- Ấy, thưa bà, cái nhà tơ này mới dọn được hai tháng nay, cũng có khi có khách liền năm sáu tối. Khách toàn các thầy đờ, thầy lại, chánh, phó, lý cả. Cũng có khi ba bốn đêm ngồi ế. Cứ sáng trăng mà vắng khách là các cô ấy mặc quần áo trắng lồm lộp dắt nhau đi nhớn nhợ như ma trời, trông mà ghê.

Người đàn bà vui tính, hay nói lấy câu chuyện làm quà cho người hàng tỉnh. Nhưng Quế không muốn nghe. Cô đi vội ra cỗ xe ngựa chở khách ở

dây cây bàng cách sân ga một quãng.

Cỗ xe ngựa tôi tàn, thay xe kéo, đã có mấy người đàn bà, đàn ông ngồi giữ chỗ trước. Trên mui xe chất đầy thùng mùng. Xe đi khỏi nhà ga. hình ảnh người con hát gày còm trong góc vườn chuối nhắc Quế nghĩ đến bao nhiêu hình ảnh người con hát nữa ở thị thành. Quế sáng nay vừa ở đây lọt ra, cô những mong giải thoát linh hồn xác thịt dăm ba ngày. Dăm ba ngày sẽ qua đi rất chóng, Quế sẽ phải quay trở lại đời người con hát, sáng tắm rửa giặt giũ, chiều đưa đón, đàn ca.

Nỗi buồn làm ê ẩm lòng Quế, cô quay nhìn ra bên đường. Khách đàn ông, đàn bà chuyện trò âm ỉ. Vó ngựa giẫm lộp cộp trên mặt đất rắn khô đầy đá vụn. Gió mát lộng cánh đồng lúa xanh mướt, câu chuyện ồn vào về việc ruộng nương buôn bán trong xe làm cho Quế khuây dãn. Cô cũng góp dăm ba câu chuyện với họ. Niềm vui sống nơi đồng ruộng, quê hương bị mất đi trong thân hình héo tàn vì son phấn chợt trở lại một cách thư thái, hồn nhiên. Quế để ý nhìn người đàn bà ngồi trước mặt. Ở người đàn bà ấy, Quế nhận ra cái miệng nhai trầu, cái giọng nói nhỏ nhẹ giống mẹ mình. Người đàn bà mở khăn tay lấy trầu cau ăn. Bà ta mời một bà bên cạnh, tiện tay mời cả Quế. Bà bên cạnh cười bảo:

- Bà ấy răng trắng, ăn gì cái của nợ này!

Quế nhanh nhẩu đáp:

- Có ạ, cháu xin cụ một miếng làm phần cho... để cháu.

Quế toan nói là u. Nhưng gọi là u thì quê mùa. “Mình là người tỉnh phải gọi là mẹ hay là đẽ”. Quế vẫn nghĩ thế mỗi lần gặp mẹ, hay về quê.

Quế nhặt một miếng trầu, bỏ vào “sắc”. Mọi người chú ý ngắm chiếc ví da đen. Miệng ví mở ra, cái khóa mạ kền bóng nhoáng bấm vào nhau kêu “tách” một tiếng làm cho họ lấy làm lạ lắm.

- Bấm, cụ lớn nhà có khỏe mạnh không?

Người đàn ông xanh xao, rách rưới ngồi ở cuối ghế gãi đầu hỏi. Quế sững sốt quay sang phía người đó. Bác ta lại gãi tai, cặp cổ con chó vàng ghè lở vào giữa hai cái đùi gầy nhô xương.

- Bẩm bà lớn không biết cháu. Cháu là cu Hĩ, ở xóm Ruổi làng bên đấy ạ.

Mặt Quế đỏ bừng lên. Năm năm trời, bỏ bình kang lấy lễ một ông quan già, chữa đẽ hai lần, rồi lại trở về bình kang, Quế đã đành coi là một giấc mộng hồng nhan, hồ quên đi thì kẻ kia lại nhắc nhủ Quế nhớ đến nỗi chua cay của số kiếp mình giữa một trường hợp bất ngờ, đột ngột.

Quế ngượng nghịu, khẽ đáp:

- Cảm ơn ông... nhà tôi vẫn mạnh.

“Bà phủ đấy”. Người đàn ông ôm chó ghê thì thầm với một ông già. Chừng ý anh ta muốn khoe khoang, sĩ diện với mọi người là anh ta quen biết một bà vợ quan. Cũng như những người làng bên, anh ta yên trí Quế vẫn là bà phủ như thường. Người làng Quế thì đều biết Quế đã bỏ chồng, bây giờ đành phận gửi hai con cho bố mẹ ở quê nuôi. Họ còn tin rằng Quế mở một cửa hàng thóc gạo ngoài Hà Nội.

“Vâng, cháu nó buôn bán ngoài ấy, nhờ trời phật cũng khá, bận lắm, thỉnh thoảng mới về thăm nhà được”.

Bà mẹ Quế thường đáp mọi người như vậy. Duy ông cụ thân sinh ra Quế, là nhà nho, chỉ thờ dài lặng lẽ.

Từ nãy chiếc xe ngựa đã qua mấy cánh đồng và bao nhiêu quán nước cô độc bên đường vắng ngắt. Quế mong chóng đến nơi. Cô rất lo người đàn ông ôm chó kia gọi đến chuyện chồng con, chuyện “danh giá” của mình ngày cũ, những chuyện đã khiến Quế khóc nhiều.

Xe đỗ, Quế đi trên con đường nhỏ vào làng. Làng vào đám. Cửa đình cờ lọng uy nghi. Dân đang tế. Quế qua cửa đình, đầu cúi xuống. Bao nhiêu người cất tiếng chào cô, nhất là những bà, những cô đang xem tế. Ông cụ thân sinh ra Quế ngồi trong sân đình với các bô lão trông ra thấy con, vẫn ngồi yên không nhúc nhích. Bà mẹ Quế thì tất tưởi dắt hai cháu chạy ra đón. Quế tay ấm đứa nhỏ, tay dắt đứa lớn, chào hỏi mọi người, nói với mẹ, nựng hai con.

Về đến cổng nhà, con chó vện sỏ ra sủa ầm ĩ. Bà mẹ quát mắng chó. Quế cười bảo mẹ:

- Mẹ đừng mắng nó. Tại lần này nó trông con khác đi chẳng, nên nó lạ.

Bà mẹ nín lặng, rồi đáp:

- Ủ, ta trông độ này cô béo đầy đà ra đấy. Chó lạ là phải.

Quế vừa bước lên thềm vừa nói:

- Nhưng sao con vện gầy ốm thế kia?

Bà cụ lại nín lặng. Một lát, bà mới chép miệng:

- Trời đất này, con tính, ở nhà quê người chẳng có mà ăn, lại còn đi trách chó gầy.

Quế nghe mẹ nói, rầu mặt lại. Cô nhìn xuống đôi giày mới và chiếc áo lụa màu rượu vang lộng lẫy của mình, Quế nghĩ đến những bữa cơm gạo hẩm, cà mặn, rau già ở nhà quê để so sánh với những canh rượu trắng đêm của bọn khách chơi nói tục, uống say, đập phá, ném tiền như rác.

Quế thở dài. Bà mẹ mắng:

- Cái con bé này cứ thấy mặt là thấy thở dài. Không trách, trong tử vi, bố mày bảo còn là khổ.

Nỗi đau xót từ bao lâu đến lúc này Quế không còn nén nuốt đi được nữa, cô lăn ra giường nức nở. Bà mẹ nhìn con, chép miệng cúi đầu bước ra sân, xuống bếp. Một lúc, bà lên, đập vào chân con gái:

- Con ngủ đấy à? Dậy ăn cơm. Có xôi thịt lộc thánh ông ấy dọn để phần cho con gái ông ấy đây. Chả bấu lăm đấy!

Quế bưng mở mắt, vươn vai, ngồi lên, cười:

- Thế mà con ngủ thật à. Đêm qua thức suốt tới sáng mà.

Hai đứa con xán đến gần mẹ. Quế ôm con vào lòng hôn hít. Bà mẹ ngồi xuống giường, xới cơm cho con ăn:

- Mày là mẹ trẻ con rồi mà vẫn như con trẻ, khóc ngay đấy, cười ngay đấy. Giá mày đi hát chèo thì đóng vai Vân đại được. Ăn đi, rồi tối ra đình. Đón được một phường, thấy bảo là hay lắm.

Quế buông đứa, nhìn ra sân. Bóng nắng chiều đã tắt. Quế mỉm cười nghĩ bụng: “Ủ, anh ấy, một lần, cũng viết thư bảo mình khóc cười như Vân đại”.

Đó là Phong, một người đàn ông trẻ tuổi đã thương và yêu Quế. Mỗi tình gặp gỡ trên chiếu rượu, thường như mọi sự gặp gỡ của ái tình. Nhưng có lẽ do nợ nần, duyên nghiệp gì đó nên Quế đã thấy ngay tình che chở, tình đùm bọc lâu bền có thể trông chờ được ở con người này. Anh không nhìn Quế như nhìn một con hát. Quế mỗi lần ngồi trước anh lại nhận thấy ở đáy lòng những tình cảm kính nể, trong đó chứa cả sự phục tòng. Quế đã thú lòng mình. Người đàn ông ít nói, chỉ lặng lẽ dang cánh tay ra đón lấy mái tóc đen ngả xuống, và chỉ im lặng “nghe” những giọt lệ rơi trên má cô.

Quế đang nghĩ miên man, ngoài ngõ lao xao tiếng người cười nói. Mấy người bước vào sân, thì ra mấy cô bạn ngày nhỏ của Quế. Bây giờ họ đã có chồng, có con. Cô nào cũng làm ra đứng đắn, ăn mặc thì già nua, sồ sề.

- Bà đã về đây ư?

Một cô khác nói:

- Ăn cơm ngoài tỉnh quen, về quê gạo thối kia nuốt sao được.

Họ nói thực tình chứ không có ý gì. Nhưng Quế tưởng đó là những câu mỉa mai. Quế đáp:

- Các chị đến hay! Bọn đánh chặt với nhau cả mà sao bây giờ các chị cứ gọi em là bà. Em ít tuổi hơn các chị. Gọi thế còn gì là thân tình nữa.

Sự thực thì Quế cũng biết họ kính nể cái danh “bà lớn” của Quế, tuy đã hai năm nay Quế bỏ chồng. Cho nên sự tôn trọng kia càng thêm gọi tui hờn cho Quế và càng bắt Quế đau đớn cái oan nghiệp hiện giờ. Quế đứng lên. Các cô bạn vui vẻ kéo nhau ra ngõ, họ đến rủ Quế đi xem chèo. Tiếng guốc dép khua lẹp kẹp, tiếng cười nói nô đùa của các cô vang ngoài ngõ tre.

Quế đứng lặng giữa sân, lăm bẫm:

- Ấy, thà rằng cục mịch nhà quê. Các chị ấy như thế là yên phận. Có chị tốt số đã được nhà chồng có trâu cày ruộng cấy. Có chị đã gây nên cơ nghiệp, ruộng cá ao liền. Cũng có chị gặt thuê, cấy mướn, nhưng thôi thì cũng lần hồi đủ áo mặc cơm ăn cho chồng cho con. Còn mình thì... lênh đênh đâu nữa vẫn là lênh đênh, chả ra làm sao cả!

Quế chạnh thương phận, nấc lên khóc. Bà mẹ đã dắt hai cháu đi nhờ người đến trèo cau trẩy một buồng cho cô con gái chốc nữa ra chùa lễ.

Quế đứng khóc một mình giữa sân. Bóng trăng non mờ xanh giãi tà tà trên nền sân gạch. Một lần nữa, trong cái vắng lặng, thấy mình chơ vơ, Quế lại vụt nghĩ đến ngày xưa, ruộng đất còn nhiều, đã có những tối sáng trăng về vụ gặt, trên khu sân rộng rãi này ngát mùi cơm mới, vang lên tiếng đập lúa, tiếng hát ví dặm lơ của phường trai gái gặt thuê. Bây giờ sa sút đi rồi, ruộng đất về tay kẻ khác. Bố mẹ thì già. Quế thì không chồng mà vẫn đèo bồng hai con. Thân tàn đi, tuổi lên mãi, Quế chưa biết rồi mai sau ra thế nào.

“Anh Phong ơi!”.

Người kỹ nữ xót xa ngửa mặt ngược nhìn ngôi sao Hôm mọc bơ vơ giữa vùng trời cao rộng. Nàng nghĩ đến hình bóng đôi cánh tay ai giơ lên trong ánh trăng lạnh đêm xuân.

Người đàn ông trẻ tuổi buổi chiều nay cũng đi với Quế một chuyến tàu. Mỗi người xuống một ga. Cảnh chia tay trên đường trường lần thứ nhất đã khiến Quế lo sợ ngày biệt ly. Vẫn đã biết “Ca trường nào thiếu biệt ly”. Quế trải biệt ly nhiều rồi. Nhưng lần này, tạm chia tay người đàn ông trẻ tuổi kia trong cuộc đồng hành, Quế thấy lòng muốn khóc, tưởng như là chia tay trọn kiếp. Quế tưởng tượng giờ này người ấy cũng đang đứng một mình giữa cái trại mênh mông ở quê nhà, và có lẽ người ấy cũng nhìn sao để nghĩ đến mình. Quế nhớ, một lần người đàn ông ấy đã ngỏ lòng mình trong một phút rung động nhất: “Đêm kia, ở trại, anh đã ngủ dưới một tà áo xanh”. Quế không hiểu. Nhưng rồi Quế cũng hiểu được rằng: anh ấy nằm dưới một vòm trời đêm xanh, mà nghĩ rằng nằm dưới tà áo xanh của Quế. Tâm tình đó khiến Quế kiêu hãnh với chính mình, nhưng càng khiến Quế phải khóc thêm nhiều.

Bà mẹ đã nhờ được người về bẻ cau. Bà vui vẻ giục con rửa mặt để ra đình.

Quế dắt con, cùng mẹ ra ngoài xóm. Trong đình, phường chèo đã khua trống mõ giáo đầu.

Quế bước vào đình. Ai cũng ngoảnh ra nhìn người đàn bà tỉnh thành sang trọng, xinh đẹp, nhất là người đàn bà ấy đã là một bà quan. Quế cúi



chào các cụ. Các cụ bèn truyền cho phường hát tạm im trống mõ. Quế đưa ông thủ từ cái khay đồ lễ, kèm ba đồng bạc giấy mới. Ông từ mời Quế vào lễ. Một hồi chuông trong cung thánh vang lên. Không khí u tịch. Lễ xong, các cụ sai “giai hóa” mời “bà phủ” ngồi lên chiếu hoa nghe hát.

Quế cáo mệt xin về. Sau lưng, Quế nghe thấy người ta xì xào khen mình trẻ đẹp. Họ bàn với nhau “Bà ấy buôn bán chắc phát tài lắm. Người cứ mỗi ngày thêm béo trắng ra”.

Ra khỏi chỗ ồn ào, Quế thấy dễ chịu. Vẻ trang nghiêm mà người ta đã tạo nên vì cái sự “lễ thánh” và chính cũng vì cái “danh giá không còn nữa” của mình khiến Quế hổ thẹn và khó chịu.

Bà mẹ giữ cháu ở lại xem hát. Một mình Quế ra khỏi đình, đi về xóm.

Ánh trăng trắng các ao bèo và loáng trên những cành tre.

Về đến nhà, Quế thấy ông khóa đang buông màn ở cái giường vẫn dành riêng cho Quế những khi về đình đám hay giỗ Tết. Ông quạt muốn gài màn cẩn thận rồi bảo con, giọng nghiêm mà nhân hậu:

- Thôi con đi mà nghỉ. Đi xa về mệt.

Ông chỉ nói vậy thôi, rồi lẳng lặng ngồi bên đèn, mở sách xem. Quế biết tính cha vẫn thế. Từ ngày Quế lạc vào chốn yên hoa, rồi thì cuộc đời chìm nổi bao lần, ông chỉ nghiêng răng, vuốt bụng thở dài. Ông không mắng, không han hỏi, cũng không bao giờ nhìn dung nhan con gái. Do thế, Quế càng kính sợ cha, kính sợ để thương xót thêm nhiều.

Quế lên ra ngoài thềm, ngồi phệt xuống dựa lưng vào thân cột. Quế nhìn bóng ông khóa in lên vách, cảm lạnh như một tượng hình khổ hạnh nghìn đời, Quế nhắm mắt lại, mơ trong ánh trăng đôi mắt chiêm đăm và nghiêm nghị của người đàn ông trẻ tuổi chắc đêm nay cũng ngồi cảm lạnh như cha mình.

Tiếng trống chèo ở ngoài đình đưa văng vẳng vào trong xóm, tiếng tù và rúc xa ngoài cánh đồng.

Ông khóa, không ngẩng lên, khẽ gọi:

- Quế vào thầy bảo.

Quế rón rén bước vào.

Ông nạp mỗi thuốc vào điếu, hút. Giọng ông thấp xuống như những khi tàn canh rượu, một mình thủ thi với sách đèn.

- Số con đào hoa thủ mệnh. Bấy lâu tình duyên lênh đênh, âu chẳng qua số mệnh. Nhưng tới hạn năm nay khá, Thiên khôi, Thiên việt, quý nhân tới, Đào, hồng, hỷ hội ở cung phu, chiếu vào cung mệnh. Tất năm nay con gặp được người tử tế.

Quế đỏ mặt cúi đầu, tay mân mê vạt áo. Dáng điệu thẹn thò như cô gái đào tơ lần đầu nghe đến chuyện lương duyên.

Một lát, Quế ngẩng nhìn ra sân. Quế có cảm tưởng ánh trăng xanh hơn ban nãy.

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 458/1943)**

## Đời Tư Lã Bố

- Tối nay đình làng Thượng có phường Lê hát. - Bà Trương tất tả bước vào sân, vừa nói vừa đặt rổ bèo xuống miệng cối đá dưới cây na.

Mai mừng rỡ reo lên:

- Thực ư u? Để con sửa soạn gánh hàng xuống bán, u nhớ.

Dứt lời, Mai ném mấy quân tam cúc xuống chiếu, nhặt lấy đồng tiền trình bỏ túi, đứng lên.

- Đáng lẽ ván này em kết tốt đen vì em có tướng điều.

Một cô, là chị họ Mai, đập đùi cô bên cạnh, nói đùa:

- A, phải rồi, nó còn có ông tướng Sinh ở phường Lê thì làm gì mà chẳng kết.

Tảng lờ không nghe thấy, Mai chỉ mỉm cười chạy lên nhà.

Các cô tan cuộc, chào bà Trương, kéo nhau ra cổng. Trăng đã lấp ló đầu ngọn tre. Bọ bèo ẩn trong những bèo rau muống, bèo rau rút dưới ao đã dần dần hóa thành đom đóm, lập lòe bay lên. Chúng lượn chơi dưới ánh trăng rằm vắng vặc vút lên ngọn cau, khóm chuối, sà xuống bờ rào dâm bụt, xuống đầu các cô gái trẻ nói cười ríu rít.

Các cô nghịch tình như trẻ, đón bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng gà lên tóc, đeo vào cổ yếm, dắt nhau ra ngồi bên bờ giếng đá hát trống quân, quan họ với nhau, mãi tới lúc trăng khuya đã bơi qua dải Ngân Hà các cô mới rủ nhau về ngủ.

Những cuộc vui chơi chỉ có trong những đêm trăng ấy, tối nay Mai không được hưởng cùng các bạn, vì Mai còn bận sửa soạn gánh hàng để kịp

xuống đình làng Thượng bán trước khi phường hát lên trống giáo đầu.

Mai bảo cái Ba mang dao ra vườn chặt vội mấy cây mía, dẫn thành tấm xếp vào hai bên thúng. Còn Mai thì ra giàn trầu không bứt vài chục lá đem bỏ lẫn vào tráp đựng diêm, thuốc lá, thuốc lào. Giúp đỡ con, bà Trương vác chiếc thang tre ra vườn sau nhà trẩy buồng cau, mười trái bưởi vội đem vào. Bà luôn miệng dặn dò con gái:

- Phải có ý tứ, nghe chưa? Con giai họ chòng ghẹo thì không được híp mắt cười, mà cũng chớ nên gắt gỏng. “Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trêu”. Tiền nong phải cẩn thận, con gái mà lơ đễnh thì ruột cũng không còn.

Bà vắn cao ngọn đèn hoa kì, ngắm nghía Mai.

- Vào mở hòm lấy cái thắt lưng sồi mới của u mà thắt. Mà phải mặc cái quần lĩnh vào chứ, mặc váy trong đám hội nhờ ngồi vô ý thì mày bỏ xác mày, con ạ.

Mai then đỏ mặt, cãi bà Trương:

- U đến hay nói! U đã thấy con vô ý bao giờ chưa?

Mai vui vẻ cầm cây đèn con vào buồng sắm sửa.

Một lát, Mai bước ra, bẽn lẽn như cô dâu mới. Thấy con xinh đẹp, gọn gàng, mặt bà Trương hình như tươi lên một chút. Bao giờ bà cũng muốn giữ trọn câu “Giấy rách giữ lấy lề” của ông tú, chồng bà, căn dặn lúc lâm chung. Bà không dám để làng xóm khinh rẻ bà về nỗi sa sút cửa nhà, chỉ vì việc làm ma cho ông tú bà đã bán ruộng, giết bò thết đãi khắp mặt dân. Đã nhiều bữa, ba mẹ con gài chặt cửa ăn khoai, húp cháo trừ cơm. Cũng có khi khoai, cháo chẳng đủ mà ăn nữa. Bà cùng Mai cố tần tảo tháng ngày. Bà nuôi lợn, trồng dâu, làm đậu phụ bán cho người trong làng. Mai dành dụm được chút vốn, sắm đôi tráp sơn đựng thuốc lào, thuốc lá rồi chờ phiên gánh ra chợ bán. Công sức tần tảo ấy, bình thường cũng tạm đủ, song những lúc không may gặp phải chuyện gì, hoặc cái Ba ốm, hoặc Mai hay bà Trương ốm, lại thiếu ăn.

Bao nhiêu năm sống như vậy, bà Trương đã mất nhiều nước mắt mà Mai cũng vì cảnh nhà mà sắc đẹp giảm dần đi. Song Mai được cái tính ít lo

buồn. Sầu khổ mấy cũng chỉ khiến Mai ngồi thừ ra một lát rồi chợt thấy đôi chó mèo cắn nhau ngoài sân, hay thấy cô bạn thân nào đến trò chuyện, đùa bỡn, tức thì Mai lại cười giòn giã, lại nói liến láu, át cả tiếng thở dài của bà Trương ở trong buồng. Vô tư lự như thế, Mai luôn bị mẹ mắng. Mai không chừa được, tuy đã thử cố buồn, cố khóc. Có lúc bị mắng xong, Mai dờ dẩn hỏi bà Trương: “U nhi, có lẽ kiếp trước con là con chim sáo sậu, là con chích chòe cho nên kiếp này ông trời cứ bắt con phải nói cười luôn, chạy nhảy luôn. U có tin thế không? Nếu tin thế thì từ rày, u đừng mắng chửi con nữa nhé”.

Mai nhí nhảnh thế nên bà Trương mắng mỗi miệng, rồi cũng phải bật cười.

- Thôi đi đi, kéo chưa đến nơi, tuần đình họ đã đóng cổng đình thì khốn đấy.

Mai nhai miếng trầu cho đỏ miệng, soi vội mặt vào mảnh gương vỡ cài trên liếp rồi đặt gánh lên vai.

Hai chị em ra khỏi nhà mấy bước, Mai dừng chân đổi gánh sang vai, quay đầu nhìn bà Trương đang lịch kịch chèn chốt cửa. Lòng Mai tự nhiên chua xót, cô thương mẹ già suốt đời vất vả, không bao giờ được an nhàn như các bà Lý, bà Bá trong làng. Chợt nghĩ đến những vụ trộm, vụ cướp xảy ra luôn trong hàng tổng và cũng thường xảy ra ở chính làng mình, cô băn khoăn lo cho mẹ. Mai toan dặn bà Trương soi đèn kỹ dưới gậm giường gậm phán, nghe ngóng tiếng chó cắn, tiếng chân đi ngoài xóm, nhưng bà Trương thấy chị em cô chậm chạp, đã nhìn ra khe cửa mắng:

- Hai con ranh kia không đi, còn nhí nhảnh gì nữa đấy?

Cô khẽ “vâng” rồi rảo bước qua bờ giếng đá, lũ bạn cô gọi lại, cô chẳng trả lời. Các cô chế Mai ban nãy, giờ lại chế:

- Cái Mai hãy ngồi chơi ván tam cúc nữa để chờ kết tốt đen. Mà đã có ông tướng điều thì làm gì mà chẳng kết.

Họ cười vang lên. Cô cũng vừa cười, vừa rảo cẳng.

Ra khỏi cổng làng, men theo bờ một dải sông đào rất rộng nước lên cao gần mấp mé bờ, chị em Mai đi mãi miết. Dưới ánh trăng, đôi bóng mờ mờ

in ngang xuống mặt nước sông lấp loáng đậu chỗ này, chỗ khác mấy con thuyền.

Đi hết một ngọn đồi, chợt cô lắng nghe tiếng trống vắng vắng trong gió, cô bồn chồn cả dạ, rồi rít giục cái Ba:

- Người ta đã hát rồi. Em chạy đi trước xem có phải đúng phường Lê, nhìn kỹ xem có Tư Sinh không nhé!

\*\*\*

Tới sân đình, Mai đặt gánh, xuống cầu ao sen rửa chân. Lúc này, trăng lặn vào mây, cô vô ý dẫm phải vũng nước, bùn bắn ướt cả ống quần.

- Kìa, cô hàng thuốc! Từ tháng Giêng năm ngoái, đến tháng Tám năm nay mới gặp. Chúng tôi buồn, tưởng cô đã lấy chồng.

Cô ngẩng lên nhìn bọn trai làng đứng đông trên cầu sắp sửa gheo mình thì đã thấy tức nhưng vụt nghĩ tới lời mẹ dặn, cô lại dịu dàng đáp:

- Thưa các bác, em đã lấy chồng dạo tháng trước rồi.

- Nhà tôi đây, các anh em chớ có trêu vào.

Cậu con trai ông Chánh trâng tráo gạt bọn kia ra, rồi đỡ hộ quang gánh của cô vào thềm đình, đặc chí.

Mai khó chịu, song lời mẹ dặn trước khi đi cứ vắng bên tai, nên cô chỉ lẳng lặng ngồi bày hàng ra mẹt, cầm dao tằm trầu mời khách.

Lòng xốn xang, mấy lần cô định đứng lên nhòm vào bên trong đình, kiểm người cô vẫn nhớ vụng yêu thầm. Cô chỉ còn trông cậy vào sự che chở của Sinh, mặc dầu Sinh với cô vẫn chưa có dịp nào ngộ tình.

May lúc đó trong sân đình, đám xóc đĩa vừa tụ họp, bọn trai kia kéo cả vào. Thoát nợ, cô mừng quá, đứng phắt ngay lên, toan sán vào chỗ buông trò, nhưng cái Ba, nắm áo cô lôi lại.

- Chị không bán hàng ư?

- Chị ngó xem có đúng phường Lê không đã.

- Xem làm gì. Ngồi đây cố bán cho u lấy tiền trả nợ còn hơn...

Nghĩ đến cảnh quần bách của nhà, Mai thừ người ngồi xuống. Càng về khuya, trò hát càng hay, mọi người đều ở trong đình nghe hát, hàng cô

không ai ra ngồi nữa. Cô dỡ cái Ba nhờ nó coi hàng hộ, rồi cô đến dây chấn song gỗ nhòm vào buồng trò.

Mai thấy kếp Sinh, chính thực kếp Sinh, đội chiếc mũ lông công dài vút, mặc bộ áo giáp vàng, trước ngực tết bông hoa to bằng lụa trắng, đang ngồi trước gương vẽ lại cặp môi son.

Cô tấm tắc khen thầm:

- Sao lại có người đẹp trai đến thế kia! Ước gì mình được...

Nhưng thầm thẹn với ý nghĩ của mình, cô mỉm cười, đôi mắt bỗng long lanh sáng, nhìn Sinh. Còn Sinh thì vô tình không để ý đến cô đứng ngoài bóng tối.

Ngay lúc đó, một cô đào cũng xinh đẹp cầm chiếc quạt Tàu đập vào má Sinh, nhí nhảnh:

- Này anh Lã Bố! Tí nữa Điêu Thuyền này chuốc rượu năm ngả vào lòng anh, thì cấm anh không được ghì chặt lấy ngực đấy nhé. Tôi dặn trước, kẻo lại như năm ngoái, làm thằng chồng tôi nó ghen đến hộc máu tươi ra.

Nghe những câu cợt nhả ấy, lòng cô tựa hồ như nổi lên một cơn ghen. Cô rít răng rủa thầm:

- Đồ dĩ dại! Đồ dĩ dại!

Mai chú ý xem kếp Sinh có trả lời cô đào ấy không, nhưng Sinh nín lặng. Cô đánh bạo khẽ gõ con dao tằm trầu vào chiếc chấn song gỗ. Sinh ngẩng lên nhìn. Thấy cô, Sinh có vẻ mừng, gật chào cô, liếc nàng rất đa tình. Mai sung sướng, cơn hồ ngất lịm đi.

Lát sau, đến lượt Lã Bố ra trò. Người ta diễn tích “Phụng Nghi Đình”, tích hát cô chưa có dịp nào xem. Cuống quýt, cô len vào bên trong coi cho rõ. Giọng hát trong, điệu bộ khéo, lại giỏi trai, kếp Tư Sinh tối nay trở hết tài nghệ hiển vui công chúng, nhất là trong số công chúng ấy có cả cô hàng thuốc xinh đẹp, cô hàng thuốc mà đã bao nhiêu năm lăn lóc trong nghề chèo hát, đã gặp bao nhiêu thôn nữ trong bước giang hồ, anh chưa từng thấy cô nào xinh đến thế.

Người ta khen Sinh không ngớt miệng. Roi chầu điểm đến vỡ cả tang trống cái, bọn gái làng ngắm Sinh ngây ngất.

Mai vui thích, má ửng hồng. Chưa từng có một cảm xúc nào say sưa, mơn trớn rung động tâm hồn cô như lúc ấy.

Đây là lớp Điêu Thuyền chuốc rượu cho Lã Bố, theo mật kế của Vương Tư Đồ, cha nuôi.

Điêu Thuyền với cái bộ điệu lẳng lơ, khi ngửa mình, khi áp má, lúc quàng vai, lúc nũng nịu, lúc lả lơ trên đùi Lã Bố, làm cho mọi người phải mê mẩn, nhất là các cặp trai gái trong làng đã có tình ý sẵn, lúc này, đưa mắt nhìn nhau cười khúc khích.

Vai đào đã có nhan sắc, lại có tài, ưỡn ẹo trong lòng anh kếp đẹp trai, thực là xứng lứa. Cảnh ấy khiến Mai khó chịu. Có khi cô nhắm mắt không thèm nhìn, có khi hậm hực ngoảnh trông chỗ khác, rửa thềm:

- Con đi! Con đi!

Càng đến những lúc Lã Bố ôm Điêu Thuyền nằm ngửa mình trên lòng chàng mà uốn éo, hoặc Lã Bố hôn hít Điêu Thuyền một cách thành thật miên man, Mai càng lồng lộn, càng điên tiết, lắm lúc cô muốn nhảy xổ ra túm đánh Điêu Thuyền một trận mới hả lòng ghen.

Cô mê Sinh quá mất rồi. Cô không muốn một cô đào nào trong gánh hát tranh đoạt nỗi yêu thương thắm vụng ấy. Lòng ghen đã khiến Mai quên phắt đi rằng kếp Sinh với cô đào kia ôm ấp nhau như thế cần trong lúc đóng trò, là chuyện nghề nghiệp mà thôi.

Tiếng cười rinh rích của những cặp trai gái xung quanh càng như châm chọc Mai. Cuồng lên, cô đẩy mọi người, chạy xô ra ngoài sân đình, ngồi ôm mặt. Cô ngồi một mình dưới ánh trăng, tấm tức như một người đau khổ nhất đời.

Cái Ba đã thu dọn gánh hàng cất đi một chỗ. Nó cũng vào đình xem hát tự lúc nào.

Khóc hồi lâu, nỗi đau dường như dịu dịu, Mai đứng dậy ra ngoài bến sông. Dưới bến có vài con thuyền không biết ở ngã sông nào chờ khách đến xem chèo. Tình cờ gặp một người lái thuyền quen sắp nhổ sào đi, cô gọi:



- Bác lái Năng cho thuyền đi đâu đấy?

- Tôi qua Sơn Tự, cô có về nhân thế thì về.

Để trốn cảnh làm mình đau đớn, cô muốn về nhà tìm sự an ủi của mẹ già, nên cứ liều mặc em ở lại xem hát, gửi gánh hàng, cô bước xuống thuyền.

Dưới trăng, thuyền trôi lững lờ. Lòng cô còn vương vấn với Tư Sinh.

Đến ngã ba sông, thuyền bác Năng vừa rẽ thì cô chợt nghe rõ tiếng ai gọi tên mình. Cô vội vàng ngảnh lại. Một người đàn ông đứng trên một chiếc thuyền đuổi vừa sát tới. Người ấy nhanh nhẹ nhảy tót sang bên thuyền cô và nắm chặt tay cô:

- Cô làm tôi giục bác lái chèo hết hơi đuổi theo mới kịp. Tôi tưởng tôi đang đóng tích “Triệt Giang phò A Đẩu” mà tôi là Triệu Tử Long.

Đây là kếp Tư Sinh. Mai hả lòng, hả dạ nguýt dài:

- Ôm ấp con Điêu Thuyền đã sướng chưa? Cái con Điêu Thuyền ấy, tôi ghét cay ghét đắng...

Tư Sinh cười vang:

- Thì ra cô ghen à? Đó là đóng trò chứ có thật đâu mà ghen. Rõ thật đàn bà!

Mai khẽ tát má Sinh.

- Cả cái mặt này cũng đáng ghét lắm kia.

Hai người ngồi xuống đầu thuyền.

Thuyền qua bến Vị tự lúc nào mà cô không biết. Mãi đến lúc gà xáo xác gáy trong xóm bến, cô mới khẽ gỡ tay Sinh, rùng mình rũ những giọt sương khuya bám trên mái tóc.

\*\*\*

Bọn con gái chiều nay lại ngồi bên đống rạ chơi tam cúc như mọi buổi chiều, khi công việc đồng áng xong rồi.

Một cô vỗ đùi Mai:

- Con này lại kết tốt đen à? Ván nào nó cũng có tướng điều giữ kết.

Một cô khác chêm vào:

- Nó có nhân tình làm tướng mà lại. Chả thế, mấy tôi nay đình Thượng có hát, nó đều chịu khó bò lên bán hàng.

Bị các bạn chế giễu, Mai không giận, vì lần này cô cho là lần cuối cùng cô vĩnh biệt các bạn ra đi.

Nhưng cứ bị giễu mãi, cô mượn cớ dời ra về.

Đi rất chậm trên các con đường nhỏ trong xóm vắng, cô lần thân đếm từng chiếc hoa dâm bụi, ngắt từng chiếc lá bờ rào, đếm từng ngọn cau, ngọn chuối trong các vườn lân cận. Trong khi ấy, cô đang mãi suy nghĩ một việc quan trọng nhất đời: Cô sẽ liêu, cô sẽ nhắm mắt giữ một lời nguyện, nó có thể làm đau khổ linh hồn ông tú, phá hoại danh giá của gia đình.

Về đến nhà, Mai đi thẳng ra chuồng lợn. Cô cúi xuống vuốt ve con vật mà cô đã mất công giã bèo, quấy cám nuôi cho nó lớn, từ đây cô sẽ không còn được nhìn nó nữa. Mai rẽ vào vườn, ngẩn ngơ nhìn những luống rau, bồn cỏ, những cây chanh, cây bưởi, cây cam mà hai mẹ con cô bấy lâu nay vun xới để sinh nhai lần hồi. Bây giờ, cô bỏ ra đi, mẹ cô sẽ phải làm lụng một mình, khó nhọc một mình. Nhưng biết làm sao được! Tình mẹ với tình chàng, cô còn đang cân nhắc bên nào nặng hơn.

Cô xuống cầu ao đứng. Hết nhìn trời, cô lại nhìn bóng mình rung rinh trên nước. Rồi tần mẩn, cô vén quần đưa một chân xuống nước, khóa mấy đám bèo trang từ bụi duối phía bên kia lênh bênh trôi tới. Bị sóng, những đám bèo dạt ra xa.

Mai chua xót ví thân mình rồi đây sẽ như đám bèo trôi nổi ấy. Mai nghĩ đến những ngày, khi đã làm vợ Tư Sinh, sẽ thành một kẻ lang bạt kì hồ, lẻo đẻo đi theo phường hát, với một bó giáo, gươm bằng gỗ, đôi hòm vuông cũ kĩ, cùng một bọn người lang thang kéo nhau đi khắp làng này, tổng khác kiếm ăn. Nhưng tuy vậy, mặc lòng, cô vẫn khao khát được vào nghề.

Chẳng đã bao lần, Mai được trai gái làng, khi làm việc ngoài đồng, thường khen cô có giọng hát chèo rất trong, rất đúng là gì? Lời khen ấy đã từ mấy năm nay khiến cô mơ ước được theo một phường hát nào để đóng vai Thúy Kiều, Cúc Hoa, Thị Kính... tiếng tăm cô sẽ lẫy lừng.

- Chị ơi, u đã xếp xong gánh hàng rồi. U giục chị đi xuống Thượng kéo muện như hôm kia đấy.

Mai chậm chạp bước lên bờ. Tần ngần nhìn em một lúc, ruột như thắt lại, cô ôm em vào lòng thốn thức.

Lại nghe tiếng bà Trương gọi, cô vội cởi nút thắt lưng bao dốc ra mấy đồng xu nhét vào tay cái Ba, đoạn chạy lên sân.

Mai dừng chân bên đồng rạ. Cô nào nùng nhìn bà Trương cởi trần, mồ hôi nhễ nhại, đang đổ bèo vào cối giã một cách nặng nề, yếu ớt. Cô cảm thấy lòng mình như tan vỡ. Nước mắt lại chảy xuống ròng ròng.

Bà Trương ngạc nhiên, gắt:

- Cái con ranh này lại làm trò gì đấy. Cứ như con điên ấy, lúc khóc, lúc cười. Khăn áo nhanh lên mà đi chứ, còn trù trù gì nữa?

Để mẹ giục mấy lần, Mai mới vào buồng, lục hòm lấy mấy cái quần áo cũ giấu xuống đáy chiếc quả sơn đựng thuốc. Cô vấn khăn, chải tóc qua loa, rồi quảy gánh hàng ra.

Mai rụt rè không dám bước qua ngưỡng cổng. Cái ngưỡng cổng mà hồi bé, Mai vẫn ngồi cùng các bạn đánh chuyền, đánh chặt, đánh giải gianh, ngồi mãi đến nỗi khúc tre bương đã lên nước bóng. Cái ngưỡng cổng ghi bao kỷ niệm sâu sa ấy, Mai bước qua tức là đi hẳn, không bao giờ còn trở lại.

Mai ngần ngừ đứng sững, ngoảnh đầu trông mẹ. Cô cố nén tiếng khóc để giã từ:

- U ở nhà, con đi! Em Ba ở nhà, chị đi!

“Đi” đây là “chết”, là vĩnh biệt. Nước mắt lại trào xuống như mưa. Mai phải cắn môi dưới cho đau, phải kéo khăn vuông mỏ quạ xuống che kín mặt cho mẹ khỏi ngờ.

- U làm nhớ... con đi! Em Ba hầu u cho ngoan ngoãn... em giã bèo giúp u nghỉ tay một lát...

Bà Trương gắt mấy lần nữa, Mai mới ngập ngừng bước qua ngưỡng cửa ra đường. Những con dơi trên các ngọn cau bắt đầu tới tấp bay ra săn muỗi

trong bóng tối. Cái Ba lúi húi thổi mỗi rơm châm đóm đốt đèn.

Nặng nề, bà Trương gạt mồ hôi, giơ hai cánh tay chỉ còn da bọc xương cố nâng chiếc chày nặng già bèo. Tiếng chày đập thành thịch xuống lòng cối đá, âm trầm.

\*\*\*

Có lúc bước nhanh như người chạy trốn, có lúc đi chậm, đổi gánh nặng sang vai, Mai buồn rầu nhìn lại phía làng Trung Tự đã mịt mờ. Nhưng hình ảnh bà Trương với cái Ba, hình ảnh mái nhà gianh với vườn rau cải, vũng ao bèo phảng phất hiện ra trước mặt Mai. Mấy lần, cô đặt gánh ngồi bệt xuống bãi cỏ rìa sông, bưng mặt khóc. Cô cảm thấy lúc này mình là người đau khổ nhất đời. Khóc như vậy hồi lâu mà nỗi đau khổ ở lòng sao chẳng vơi được ít nào. Mai bực tức nhổ cả một mảng cỏ lên ném xuống nước sông; sau cùng, cô nắm tay dấm vào ngực, vào mắt, tự mắng mình như hóa dại: “Tại sao mà y nữ bỏ mẹ già, em dại, theo trai? Mà y là con đĩ, con đĩ!...”.

Khóc chán, Mai gục đầu xuống cánh tay, nhắm mắt, mặc cho lòng chết lịm trong cơn đau đớn. Rồi bàng hoàng, cô tưởng tượng mình là một đứa trẻ thơ ngồi đây chờ ông Bụt, ông Tiên nào đó hiện thành ông lão ăn mày, tóc bạc phơ, tay cầm gậy trúc sắp đi qua. Ông lão ấy sẽ an ủi, hoặc khuyên can cô phải trở về với mẹ già, em dại, y như trong truyện cổ tích mà thưở bé cô đã vùi bà Trương kể đi kể lại biết bao lần.

Thực vậy, chỉ có ông Tiên, ông Bụt mới khuyên nhủ Mai trở lại được thôi. Chứ chính cô, cô đã chịu thua lòng, chịu thua sức cám dỗ của tình yêu, của Tư Sinh.

Gió đồng thổi lộng chợt đưa đến bên tai Mai những tiếng trống châu khoan nhạt ở phía đình làng Thượng.

Như bị ma run rủi, Mai đứng phắt dậy, lau nước mắt, đặt gánh hàng lên vai, bước rất nhanh. Cô không quay đầu ngoái lại, rặng tre xanh mờ mịt lùi dần, xa dần sau bước chân.

\*\*\*

Con gà trên đầu thuyền bác lái Năng đã ba lần gáy sáng.

Mai ra mạn thuyền nhúng chiếc khăn xuống nước sông rửa mặt, rồi cô đứng ngoài khoang rũ tóc, cầm lược chải. Gió mai hây hây mát, thổi tóc bay phất phất. Cô nghiêng mình soi bóng trên mặt nước trong, vội vấn khăn, vuốt lại thân áo nâu non bị nát nhàu.

Bẽn lẽn, cô cảm ơn bác dĩ Năng đã cho ngủ đỗ một đêm, đoạn cô bước lên bờ.

Cô bờ ngõ đi sâu mãi vào các xóm làng Sơn Thượng. Gặp anh mõ, cô nhờ hẳn chỉ bọn phường Lê ngụ ở chỗ nào sau đêm hát. Hẳn chỉ lối cho cô đến điểm canh cuối xóm Đông.

Mai rảo chân tìm tới. Đây chỉ là một túp lều gần đống nát, bốn bề vách thủng bịt bằng lá chuối xác xơ. Đây chỉ là một túp lều quá tồi tàn mà ngày thường dùng cho ăn mày trú nấp, ngày làng đình đám thì dành cho phường chèo tạm trú để chờ đến tối lại dặt díu nhau gánh hòm mũ áo ra đình làm tướng, làm vua.

Rón rén đứng ngoài vách nhòm vào, cô thấy cả phường Lê trong đó.

Ôi chao lúc này, cô cảm thấy vùng trời xanh đổ xuống đầu cô, cũng như một thế giới đầy mộng đẹp mà mấy ngày nay cô ôm ấp bỗng nhiên vụt biến đi, tàn nhẫn, bất ngờ.

Mai lặng người trước một cảnh tượng mà cô cầu rằng nó chỉ có trong giấc mộng hãi hùng mà thôi.

Cô giương mắt nhìn mấy người đàn bà da mặt nhăn nheo xanh như bọc một lớp rêu, đang bắc nồi cơm lên ba hòn gạch, chúi đầu xuống thổi cho củi cháy. Thịnh thoảng một người lại chạy ra chỗ ổ rơm vỗ đứa trẻ gày còm khóc thét lên vì đói. Cạnh đấy, cạnh đôi hòm vuông nước sơn bong gần hết, dăm ba người đàn ông, kẻ cởi trần tròng trọc da đen thui thúi, kẻ quần nâu, áo vải rách rưới, nằm co quắp lấy nhau, há miệng ngáy khò khè. Bên trong, một người mà Mai trông ngỡ ngỡ: một người gày guộc, bộ mặt hom hem, da nhợt như chàm, thâm trứng cá, tóc rũ rượi dính mấy sợi rơm, bọt mép chảy lầy nhầy xuống dưới cằm, nằm ép sườn bên khay thuốc phiện tắt đèn, ngoẹo đầu bên chiếc gối gộc tre mà ngủ.

Liền bên cái “xác chết” ấy một cô gái mà Mai trông cũng quen quen: một cô gái mặt phù, da sần sùi gần như da cóc, cởi trần, yếm tuột hở cả đôi vú sữa, nằm gối đầu lên cánh tay ghè lở của một lão già, còn hai chân thì gác cả lên bụng anh chàng nghiện ngập kia.

Mai hồi hộp nhìn thật kĩ. Cô đau lòng nhận ra hai người đó chính là chàng... Lã Phụng Tiên Lã Bố với ả Điêu Thuyền. Hai người đã làm cho cả phường Lê nổi tiếng. Hai người đã khiến bao nhiêu già trẻ, gái trai đều yêu tài, mến sắc! Hai người đã làm cho Mai ghen và cảm, đã làm Mai bỏ mẹ, lìa em để đi theo mà yêu, để chiếm đoạt mà thắng, để nhập nghề... lang thang khắp nơi, khắp chốn, theo chàng cùng say kiếp bèo mây...

Hoài vọng tan như huyễn mộng. Bây giờ đây, Mai chỉ còn một tấm lòng nguội lạnh, một cảm giác chán chường, ghê tởm. Cô nhẹ như chiếc bóng, đi giật lùi mấy bước, rồi vội vã quay mình chạy vụt ra ngoài xóm. Đến bờ sông, thấy thuyền bác sĩ Năng vừa nhổ sào về Trung Tự, Mai cuống quýt đuổi theo, vẫy gọi, nhờ bác cho đáp trở về làng.

Khi bước được xuống thuyền rồi, Mai tựa hồ mới thoát được một tai nạn gì ghê gớm. Cô siết chặt tay bác sĩ Năng, nhìn bác bằng đôi mắt sáng:

- May quá! Chậm chút nữa thì cháu bị nhỡ chuyến đò!

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 210/1938. In lại trong Cô gái làng Sơn Hạ, NXB Văn học, H., 1989)**

## Cụ Quận Ăn Tết Vui

*Kính tặng linh hồn kếp Sáu Phú, kếp Cầu chuyên sắm vai Quan Công và  
Trương Phi thời tuồng Quảng Lạc*  
HÀ NỘI CŨ

Cụ Cố Tân nghiêng đầu ngắm cái bàn thờ tổ mà nguyên rửa một câu cho hả giận:

- Mẹ đời chứ, loan lạc chó gì mà đến nỗi con hạc thờ mất cả chân. Tai hại! Thật là tai hại!

Cố xót xa đôi hạc Tàu cổ mà bom đạn của thời đại loạn đã làm cho con thì cụt mỏ, con chỉ còn độc một chân đứng như chết trên mai rùa đen mốc mà cái đầu bé nhỏ lúc nào cũng như sợ sấm sét, co rụt lại. Cố xoay xoay chiếc đỉnh đồng hun tam khí cho ngay ngắn, rồi cong ngón tay khẽ vuốt chòm râu đề, gật gù ngâm thơ với giọng xứ Nghệ quê ngoại Cố:

*“Nọ biết ông chi mặt đỏ gay*

*Thế mà hương khói bấy lâu nay?*

*Bên tê chú lái cầm dao quăm*

*Bên ni thày sãi bưng cái khay.*

*Trên án bình hương con chó đứng*

*Ngoài sân cò trắng...*

- Ông ơi, ông hát điệu gì mà lạ thế? Ông dạy cháu hát đi.

Cố cười, bảo cháu:

- Hát hồng gì nào! Có đi lấy sách học không?

Thằng Khánh là con trai hiếm hoi của bà Quận Ký, là cháu đích tôn của Cố. Yêu cháu vốn là cái đức quý nhất của Cố ngang với cái đức thành thạo văng tục, cũng như ngang cái đức chơi bàn thờ, đồ sứ, nhất là chơi hạc thờ, đình cổ.

Cụ quý cháu đích tôn đến độ không dám để cháu học nhiều sợ rồi giỏi quá dễ ho lao, không dám để cháu ngủ một mình sợ đái dầm mà phải ngủ với vú em để thành thạo còn ti một tí, dẫu đã mười bốn tuổi, không dám cho cháu ra đường nếu không có lính tiền hô hậu ủng bằng súng liên thanh, sợ va phải vía quan ôn.

Mợ huyện Ký, bây giờ là bà Quận, đẻ ra chú Khánh ở một huyện bé nhỏ thuộc vùng Thái Bình vào một buổi chiều mùa thu. Lúc đó Cố đang nằm hút thuốc phiện, Lão Nho khi nghe gia nhân lao xao rằng bà lớn đã sinh công tử thì lão vội ngừng tiêm, bấm độn, rồi vỗ đùi đánh đốp một cái: “Quý tử ra đời!”. Rồi đó, lão huyền thuyên về các hành tinh, về giờ tốt xấu, cứ nhất định về sau công tử cung quan lộc phải hanh thông gặp nghìn cụ lớn nhà.

Từ đó Cố ngày đêm mơ tưởng về tương lai đứa cháu đích tôn. Cố lại tin nữa rằng, vẫn theo lời tán róc của Nho già, lúc Công tử Khánh chui ra khỏi cửa bát nhả thì trên mái tư thất có vượng khí bay tà tà trong nắng quái chiều thu, rục rờ như mây ngũ sắc, chẳng khác gì các đấng minh chúa lúc ra đời. Ai mà bảo rằng đó là khói bếp đang nấu cám cho lợn ăn ắt Cố nổi giận la lớn:

- Mẹ đời chứ! Cái quân phạm phu tục tử, người trần mắt thịt, biết đẽch gì mà báng bổ.

Những lúc nằm hút thuốc phiện, Cố phải có công tử Khánh nằm co tròn cạnh bụng thì hút mới biết ngon. Đối diện là ông Huyện (mà bây giờ là ông Quận hay cụ Quận) đôi khi cũng nằm cạnh khay đèn để cùng điếu bố điếu con cho có vẻ tân dân chủ. Sâm banh của thần dân, nho táo của thần dân, Cố và Quận cùng hăm khói ả phiến. Cố chẳng hề quên kê cốc sâm banh vào môi cháu đích tôn, và Quận cũng chẳng hề quên âu yếm bỏ quả nho mọng nước vào mồm quý tử.



Cố bà ngồi sập bên hút thuốc lá tổ sâu ướp hoa sói, và cũng hãm khói thuốc lá thơm bằng hương trà mạn sen như tất cả các vị mệnh phụ phu nhân khả kính khác, nhìn cảnh hạnh phúc đề huề đó tuy đã lấy làm sung sướng lắm, nhưng cũng như mọi lần, Cố bà nhổ cốt trầu vào ống nhổ, lườm Cố ông một cái mà rít lên về sự nuông chiều ấy.

- Rồi hỏng cả, ông ơi! Ông chiều cháu, bố nựng con, lớn như cái sào ấy mà không cho ăn học, còn đợi bao giờ nữa!

Ông Quận những lúc đó đang say lơ mơ không thèm để tai nghe lời mẹ mà nằm nghiên ngẫm, suy nghĩ về thời thế, về công danh sự nghiệp thăng trầm để rồi trợn mắt uống cạn cả cốc sâm banh, sau khi rít tàn điếu thuốc Cố vừa tiêm với câu mời rất bạn bè: “này hút điếu nữa đi cho khỏe”; cạn cốc rượu rồi, ông Quận lại đập tay xuống sập mà ư ử ngâm một câu thơ lịch sử, bằng cái giọng một đờ nho dốt nát mà lại oán rằng mình không được mang tài ra giúp nước phò vua.

- Ai công hầu ai khanh tướng, trong trần ai ai dễ biết ai.

Cố cũng cảm khái như con, tiêm luôn điếu nữa đưa con hút, mà rằng:

- Ừ, nghe khẩu khí anh Đặng Trần Thường ấy, thế mà ông.

Ông Quận không nghe thấy ông bố già đang làm cái việc của một ngự sử luận anh hùng sự một cách rất sành sỏi, trang nghiêm, nên không đáp, lại ư ử ngâm luôn:

- Thế chiến quốc thế xuân thu, gặp thời thế thế thời phải thế.

Cố càng cảm khái hơn, lại tiêm luôn điếu nữa mời ông Quận và cười rung cả chòm râu:

- Cái lão Ngô Thời Nhiệm đối đáp như vậy mới thật là khí khái. Ờ, gặp thời thế thế thời phải thế! Chứ, mẹ đời, cần cái đếch gì nào! Đây, hút đi. Hãm đi. Cái thứ sâm banh “quả phụ Kích Cô” này thế mà có vị hơn cái thứ Mô-ét chua cứ như là dấm.

Ông Quận hút xong rồi lại hãm và trong lúc lơ mơ ông nhìn lên trần xem con mỗi đang ra sức đuối dờn con nhện nhỏ vào góc lưới ở khe tường.

Đang khi ấy thì tiểu thư Rosa Yến (con gái cụ Cố Tân, em ông Quận Ký), một vị nữ lưu một thời hăng hái hoan nghênh phong trào cách mệnh đệ tam quốc tế, nhưng cũng nhiệt liệt bảo tồn việc Cố bà lên đồng Quan Tướng, Đức Thượng Ngàn, và rất phần nộ việc “anh huyện em” không được làm “phụ mẫu tri dân” nữa. Nhắc lại: trong khi ấy thì cô Rosa Yến mặc bộ quần áo khuê phòng rất mỏng, hai bên ngực thêu rồng phượng quấn nhau, đang đu võng nheo nhéo đọc tiểu thuyết quái đản miền rừng khiến cho Cố bà lại nhổ cốt trầu vào ống phóng mà rít lên:

- Đấy, ông đã nghe con Yến đọc truyện người ta viết chưa? Nuông chiều mãi chán vào, rồi thì hỏng hết!

Cố đã nổi giận như một cao tăng đắc đạo đang tụng kinh niệm phật mà bị bà vãi tré cứ đến vạch áo cà sa cù vào nách:

- Mẹ cha đời chứ, sách chỉ nói toàn nhảm nhí. Hồ đếch gì lại đến ngồi hít khói của anh già thổ mán ấy để rồi thành nghiện. Rắn đếch gì lại cuốn tròn vào đùi anh nghiện để góc mỏ lên đóp khói. Khói cũng không bằng thịt tươi máu sốt, nó thì vồ bỏ mẹ chứ lại còn chờ cho nằm ung dung mà thờ khói vào mũi nó. Mẹ cha đời chuyện với trò.

Rồi Cố ghẹo lên ngăm vợ ngăm con mà làm cái việc giáo huấn của người chồng, người cha kiểu mẫu, tự biết mình sắp bị mọc sừng vì lũ cung văn, rằng con gái đẹp của mình, ở cái quận gớm ghiếc này, đang sửa soạn chờ được hiếp, bởi vì hể lần nào ông Quận về thuật lại những vụ dâm tình chiến quốc ấy cho cả nhà nghe thì chính cô Rosa yến đã long lanh mắt và đỏ bừng hai má mà lắng nghe kỹ hơn ai hết. Cố đã nói như cụ Khổng giảng cho chư tử nghe về kinh Lễ và kinh Nhạc:

- Đó nọ, bà có trông quần áo nó không. Gấu quần thì có đăng ten thùy ba sóng gợn như ở gấu áo cấm bào của đại thần, mà lại cả ngực áo nó nữa kia, cái gì mà lại thêu rồng thêu phượng hả! Bà há chẳng biết rằng long ly qui phượng là tứ linh, bốn giống thiêng chỉ dùng để thêu vẽ vào áo vua quan, cùng là các đồ nghi trượng triều đình, cung lăng chùa đền thần thánh. Vậy mà đàn bà con gái ngày nay nó đã thêu vẽ cả rồng phượng vào bộ ngực. Thế thì quá lắm, thế thì mặt kiếp đến nơi rồi.

Cố rên lên như là những ngày loạn tảo cư thiếu thuốc. Nhưng trước pho kinh Lễ kinh Nhạc của ông bố, cô Rosa YẾN chỉ mỉm cười mà tê mê nghĩ đến những câu chuyện lý thú về hãm hiệp của ông Quận anh thường kể mỗi khi đi kinh lý về để rồi lại tê mê nhìn xuống con rồng con phượng quấn nhau ở ngực và bộ bi-da-ma lụa mỏng của mình; còn Cố bà thì cũng đưa mắt liếc con gái một cách biểu đồng tình để rồi thở khói thuốc lá ướp hoa nhài hoa lý mà nhớ đến mấy gã cung văn trẻ tuổi...

Ông Quận thì vẫn còn nghiên ngẫm, suy nghĩ rất sâu cay về thế sự, về công danh sự nghiệp thăng trầm với mấy câu thơ đối đáp của Đặng Trần Thường, Ngô Thời Nhiệm mà chẳng thèm để tai nghe ông bố giảng kinh.

Nhưng Cố ông coi như là “anh Huyện nó, anh Cử nó” đã tỏ thái độ phục Cố bằng cách kính nhi viễn chi mà nằm yên lặng, chứ như mọi khi, muốn tỏ ra một người con hiếu, một ông quan đức độ, gương mẫu, thì ông Huyện, hay ông Quận, đã đập chát xuống giường mà quát:

- Thôi, bố ơi, bố hút đi. Cũ lắm rồi. Không chịu được! Bố ơi là bố!

Còn công tử Khánh lúc đó đã ngà ngà say khói thuốc phiện mà ông nội và bố đã thở mãi vào mũi nó, đồng thời mặt nó cũng đỏ bừng lên vì sấm banh do ông Quận kề mũi cốc vào mồm. Thế là đứa trẻ đã được huấn luyện hăn hoi để đủ tư cách làm một tay dâng tử con nòi cháu giống. Công tử Khánh lao đao ngồi dậy, tiến đến vông cô Rosa YẾN đang nằm lơ mơ nghĩ đến những vụ ái tình thú vị. Công tử Khánh, quả thực đã đủ tư cách làm một tay công tử tuy mới mười bốn tuổi đầu cười khanh khách đưa tay ôm lấy ngực cô, nắm vuốt hai đầu rồng thêu chỉ óng vàng.

Rosa YẾN ôm đầu cháu cũng cười rung rúc, như là một vị tiểu thư rất hài lòng trong tay một kẻ đàn ông đã hãm hử hại cả một đoạn đời phong nhụy của mình.

Ấy thế, rồi thì Tết. Tết ở một cái quận buồn tênh, chung quanh là cánh đồng chiêm mông mênh nước, đây đó dăm ba đồi đất trụi, lũy tre vàng úa xác xơ và những thôn xóm nghèo nàn, còm cõi của Tề dân.

Trước ngày Tết, người dân ở Quận này đã làm đủ bốn phận đối với bậc phụ mẫu vì dân mà phải ngày đêm lo lắng, một nắng hai sương như ông

Quận Ký.

Ông bà Quận, Cố ông, Cố bà đã bằng lòng, tỏ lời ban khen dân sự ở đây còn biết ơn hơn cái lũ dân ngày trước ở Bắc Ninh, hồi “anh huyện nó” còn lãnh mệnh triều đình chặn dắt chúng. Dân gì mà bạc như vôi, quan nào đến cũng gặp toàn xương xẩu.

- Tết buồn bỏ mẹ, thôi thôi, tôi về Hà Nội chơi xuân đây. Không thể nào chịu được. Cứ như là đày ở Thượng du ấy.

Rosa Yến tiểu thư kêu như vậy. Bà Quận đã toan cự cô em, nhưng rồi cũng nhận rằng cô em kêu là phải, vì pháo mừng xuân chẳng thấy, chỉ toàn liên thanh nổ như khua mẹt đuổi gấu ăn trắng. Cố bà Cố ông đã định mắng Rosa là hư hỏng, ngựa quen đường cũ, vụ án hai thằng trai trẻ đâm nhau chết đứt vì tranh đoạt cô vẫn còn vang Hà Nội, bây giờ dẫn mặt về làm gì cho thiên hạ chửi. Nhưng rồi cả hai Cố đều yên lặng đồng tình rằng không thể ăn Tết ở cái xó quê mùa này được nữa.

Song tất cả những lời ca thán cũng không có hiệu quả bằng một cái nhăn mặt của công tử Khánh, chiều ngày mồng một Tết.

- Tết mà chú chẳng được đi xem hát, xi nê! Chán lắm, chú buồn. Chú đi đây!

Chữ “đi” mỗi lần ở miệng công tử thốt ra là một lần khiến cho ông Quận, nhất là Cố ông, phải hết hồn. Ờ, chú dỗi, nhất định chú đi thì chết hết. Công tử bỏ cơm khiến cả nhà cuống quít. Sau nửa ngày thì thăm bàn tán, cụ Cố, ông Quận, đều vô kế khả thi, không biết làm thế nào cho công tử vui với Tết.

Sau cùng, ông Quận gọi lính hầu vào vấn kế.

Một anh lính già, vốn là chú Cai cơ đặc lực của ông Huyện, bây giờ là mưu sĩ của ông Quận chau mày nghĩ một phút, hăm một điều thuốc Lào, rồi cười ha hả:

- Bẩm quan, có kế rồi, cách đây ba hôm, có bắt được mấy thằng lái thuốc Lào ở làng Côi, dự định sang sông. Chúng vẫn bị giam dưới lô cốt. Tra khảo, biết rằng chúng xưa kia có nghề hát chèo, xuân thu vẫn đi hát đám.

Đêm qua, con lắng nghe thấy chúng nó hát với nhau, hay lắm. Bây giờ cho gọi chúng nó lên, bắt đóng trò cho chú Khánh khỏi vùi, thế là thượng sách.

Ông Quận, cố Ông gật gù:

- Ủ, anh làm cách nào cho chú lại chịu ăn, và cười được, ta sẽ thưởng riêng con lợn đem về cho vợ con ăn Tết.

Lính già liền thi hành diệu kế. Bọn lái thuốc Lào được đòi lên tư thất, và ông Quận bảo làm trò. Họ run sợ, chối rằng không hề biết hát chèo. Ông Quận truyền không hát chèo thì hát tuồng hay cải lương Sài Gòn cũng được. Họ nhăn nhó, lại chối từ. Lính già đưa mắt nhìn ông Quận, rồi nhìn cây súng ở tay lão. Ông Quận gật đầu. Lính già bắn luôn ba phát chỉ thiên. Bọn lái thuốc Lào đành nhận làm trò vậy.

Rồi lệnh truyền ra. Bọn lính đi lấy tre, cốt, lá gồi, lá chuối, dựng thành cái rạp trước công đường và treo đèn kết hoa, bắc hai dãy ghế.

Lính mang trống ở chòi canh xuống làm trống hát, lại đem kèn đồng ra thổi trợ vui.

Hai Cố, ông bà Quận, cô Rosa Yến xúm lại dỗ được công tử Khánh ăn hết ba thìa yến, mặc áo gấm, quần lụa bạch, đeo đủ năm lá dấu của Mẫu vào năm chiếc khuy vàng, rồi cả nhà xúm lại, tranh nhau công kênh công tử Khánh ra ngoài rạp, đặt chú ngồi vào chiếc ghế chính giữa cao nhất, bọc gấm hồng.

Công tử Khánh chờ mãi sốt ruột toan dỗi đi vào, vì chưa thấy có trò vè gì vui cả, chỉ nhức đầu vì tiếng kèn đồng của mấy anh lính thổi điệu kèn trận pha lẫn điệu kèn già lam. Công tử nguẩy một cái, đứng lên. Hai Cố, ông bà Quận sợ quá. Một mặt cố dỗ chú, một mặt sai lính quát giục bọn phường chèo.

Ngay lúc đó, mấy anh lái bước ra, anh thì bôi son vào mặt đỏ như nôi đất mới nung, anh thì bôi nhọ nôi như tướng cướp, râu ria thì toàn bằng lá chuối tước nhỏ, quần áo thì vẫn là quần áo cộc nâu rách tả tơi như quân hành khất.

Công tử Khánh bĩu môi, lại nguẩy một cái, đứng lên. Cố ông, ông Quận sợ quá, dỗ công tử, rồi quay ra quát mắng lũ hát chèo:

- Râu ria, quần áo gì bẩn thì thế. Mũ mũng, áo bào áo giáp của chúng mày đâu, ông cho lính đưa về lấy.

Bọn lái thuốc lào nhăn nhó, kêu loạn lạc mấy năm nay, chúng đã hết thời xưng vương, phong tướng, thì làm gì còn những đồ phong kiến ấy.

Công tử Khánh lại nguây nguấy bảo:

- Chán chán là ý! Chú chớ chơi với các người nữa. Chú đi đây.

Không còn hồn vía, Cố ông nhìn Quận ông. Quận ông nhìn anh lính già mưu sĩ. Mưu sĩ chau mày một phút:

- Muốn có mũ mũng, cân đai, mã giáp, chẳng khó gì. Cố và quan tha tội chết, con mới dám thưa.

Khi đã được phép thưa rồi, mưu sĩ liền ghé tai Cố, tai quan nói nhỏ.

Thoạt nghe, Cố ông toát mồ hôi trán, lắc đầu lia lịa:

- Chết nỗi, chết nỗi, áo bào hia mũ của ba vị thành hoàng, dân nó gửi. Mai kia xây dựng lại đình, dân nó xin về trả thánh. Nay đem ra làm trò, ngài quật chết. Không thể được. Thằng này bàn láo, quân vô đạo mặt kiếp!

Công tử Khánh đã nghe lỏm thấy, bèn giẫy nảy lên:

- Cũng được, lấy áo thành hoàng làng mà mặc ra trò cho chú xem. Chú thích thế. Mau lên!

Cố ông, ông Quận sợ hãi nhìn nhau. Công tử Khánh lại nguây vai toan đổi, và đòi “đi”.

Ông Quận đành bảo lính già:

- Chú thích, cứ làm theo ý chú. Tội vạ đâu tao chịu.

Cố ông, lúc đó, trước mệnh lệnh của ông con quý và ông cháu đích tôn, đành chỉ thở dài một cách bất lực như tất cả những ông già đáng kính.

Sau đấy, trống phách nổi lên. Bọn lái thuốc lào xin hiến tích chèo “Vườn đào kết nghĩa”.

Quan Vân Trường mặt đỏ, mắt xếch, râu dài (râu mượn của tượng Đức ông bên chùa) mặc hoàng bào, vác thanh long đao (cũng mượn của Thành hoàng) cưỡi ngựa xích thố (mượn ngựa thờ của đình làng). Ngựa có bánh xe ở bốn chân, có nhạc đồng ở cổ, được đẩy ra kêu nhong nhong. Hán Thọ

Đình Hầu vênh râu, múa long đao, ngồi trên mình ngựa thờ cao như thật, trông oai phong lẫm lẫm. Tiếp, Trương dực Đức mặt đen râu xồm, cũng mặc mũ áo của thần làng, cũng cưỡi ngựa thờ múa sà mâu, phóng ngựa ra. Lưu Bị thì mặt trắng đội tam mũ tế, mặc tam áo tế cũ bạc mà xưa kia, chưa cách mạng, quan viên chức sắc trong làng vẫn mặc để tế thần, nên cọi bộ rất là Lưu Bị, nghĩa là rất lành hiền.

Quan Công thét một tiếng rất oai. Trương Phi thét ba tiếng rung trời. Lưu Bị không có ngựa, đứng lùn cùn dưới chân ngựa của hai em, nên không quát một tiếng nào.

Công tử Khánh bật cười to, vỗ tay bôm bốp. Lúc bấy giờ hai Cố, ông bà Quận thấy chú không đòi đi nữa, đã vui cười rồi, mới được hoàn hồn hú vía. Cô Rosa Yến cũng cười suýt chết ngất đi vì thấy Quan Vân Trường thét to đến nỗi rơi cả chòm râu ban nãy dán vội xuống chân ngựa gỗ. Công tử Khánh đã cười rồi, hai Cố và ông bà Quận mới dám cười theo, như vua U vương sung sướng khi đã sai đốt ụ lửa đánh lừa các nước chư hầu để cầu cho Bao Tự cười một tiếng.

Quan Vũ, Trương Phi xuống ngựa cùng Lưu Bị hát, rồi vái nhau, cắt máu ăn thề. Bọn lái thuốc lào hát khá hay, thỉnh thoảng quên lại đứng ngẩn mặt nhìn nhau rồi bịa một cách rất ngây ngô. Nhưng chính vì cái ngây ngô đó mà công tử đã luôn luôn vỗ tay khen, Cố ông đã bò ra đúi Cố bà để úp mặt xuống cười đến nỗi cả cơn ho suyễn. Ông bà Quận, Rosa Yến cũng cười lăn cười lộn cười ôm chặt lấy nhau như những con người ấy xưa nay chỉ có một việc là ăn chơi và cười rờn trước bất cứ trò gì diễn ra trước mắt.

Thốt nhiên, Công tử Khánh im bật không vỗ tay không cười nữa. Chú ngồi thừ ra. Hai Cố, ông bà Quận, Rosa Yến lại phải một cơn kinh hồn bạt vía, đang cười sặc sụa bỗng không ai bảo ai mà cùng ngừng cả lại. Ai nấy hoảng hốt như là một tai nạn ghê gớm sắp xảy ra. Mọi người cung kính, sợ sệt, rón rén lại gần công tử. Cố ông cầm tay công tử, rồi sờ trán, Cố ông run giọng nói thì thào:

- Chú nóng đây mà!

Ông Quận tái xanh mặt mũi:

- Sao? Sao? Chú ươn à?

Cố bà cũng thì thầm:

- Hay là... đức thành hoàng ngài phạt?...

Cố ông liền vụt nhớ ngay đến pho kinh Nhạc, kinh Lễ mờ hôi càng toát mãi ra, khiến chân tay run bần bật, bèn nghĩ rằng muốn trấn át cơn sợ hãi này ắt phải vào ngay phòng hút thuốc phiện mới xong.

Cố bà vội ra ngay điện thờ ở góc vườn, đốt hương khẩn vái.

Cô Rosa Yến thì vội chạy về phòng riêng để thay quần lót, vì cô đã cười đau bụng đái đến nổi tái phạm cái việc thưở sơ sinh làm ướt cả nôi cả tã.

Còn bà Quận cứ đứng ngẩn ra để chờ nghe chú đòi “đi”.

Nhưng công tử Khánh bỗng quắc mắt lên, ra lệnh cho ông bố, giọng oai nghiêm như giọng ông huyện và ông Quận quát dân lành:

- Chú thích cười ngựa nhong nhong kia. Mau lên! Mau lên!

Bà Quận kinh hãi, ông Quận sợ chú giục hai lần, vội ẵm ngay công tử Khánh lên yên ngựa thờ mà Hán Thọ Đình Hầu Quan Vũ vừa mới cười.

Ngồi trên ngựa rồi, công tử Khánh lại truyền:

- Chú thích cái gậy có con rắn đồng kia. Mau lên!

Trương Phi vội vã đưa ngay cây bát sà mâu cho chú, bụng nghĩ thầm “Con nhà thánh vật, ông chỉ mong cho thành hoàng vật mày chết tươi”.

Công tử Khánh múa sà mâu, vỗ đầu ngựa quát ngựa đi. Ông Quận ra hiệu. Tức thì Quan Vân Trường, Trương Dực Đức cùng đẩy ngựa thờ đi quanh đủ ba vòng chiếu giải làm sân khấu. Công tử cười ngật nghêo:

- Ba anh hát đi nào. Ta đóng vai vua nhé. Hát đi, kéo ta đâm chết.

Ông Quận đưa mắt. Tức thì Quan Công, Trương Phi, Lưu Bị lại ngheo ngao hét hò.

Chú cười sảng sặc. Bỗng nhiên, chú sa sầm mặt, rẫy đành đạch trên mình ngựa gỗ.

- Chú không thích nữa đâu! Chú “đi” đây. Ông bà Quận cuống quít, đứng dưới chân ngựa thờ nói với lên, như khi lễ thánh:

- Thế chú thích gì chú cứ truyền.



Công tử Khánh càng rầy đành đạch, cầm ngược cây bát sà mâu như sắp tự đâm vào cuống họng. Ông bà Quận không còn hồn vía, kêu van mãi:

- Chú thích gì nào? gì cũng xin làm theo ý chú.

Công tử Khánh trở ngay vào mặt hai anh lái thuốc truyền rằng:

- Chú thích cắt đầu hai thằng này. Cái thằng mặt đỏ cái thằng mặt đen. Chú thích thế. Còn cái thằng mặt trắng thì ba bị lắm, chú tha cho. Mau lên! Chú thích! Chú thích! Mau lên! Chú đi bây giờ nhá!

Ông bà Quận luống cuống chân tay, riu cả lưỡi, càng van xin, công tử Khánh càng rầy đành đạch và càng dí mũi sà mâu vào cuống họng.

Lính già mưu sĩ rón rén tiến gần ông Quận, mặt lạnh như đồng nói:

- Thì thì ngay đi! Chú đã thích, quan chớ nên trái ý. Tôi e cái tang huyết mạch đến nơi rồi đó.

Ông Quận cau mày lại, mím chặt môi rồi khẽ gật đầu. Lệnh xuống cho nghỉ hát. Trong đêm đầu xuân đó, giữa tiếng vòi nững nịu “Chú thích! Chú thích! Chú đi đây này!” chợt xen vào hai tiếng súng nổ ở ngoài cổng quận làm ngừng bật tiếng côn trùng trên bãi cỏ xanh.

Người ta đã lấy đầu Quan Vân Trường, Trương Dực Đức vì cái tội đã dám theo Việt Minh nửa đêm đột kích vào đồn quận.

Và cũng đêm xuân đó, Cổ ông lại hút thuốc phiện hãm sâm banh, trên cánh tay có cháu đích tôn yêu quý nằm nhai những chùm nho mọng nước. Ông Quận thì nằm nhắm mắt, lặng yên suy nghĩ về công danh sự nghiệp thăng trầm. Dưới chân ông, anh mưu sĩ già tiêm xong liều thuốc hộp đồng, dâng lên ông Quận, cười nhạt nói:

- Bẩm, tôi xem tử vi chú thì sao Vũ khúc đóng vào cung mệnh. Tôi đoán rằng tiền kiếp đích thực chú Khánh nhà ta là Quan Vân Trường hay Trương Phi đời Hán bên Tàu. Cho nên khi xem đóng trò tôi thấy chú biến sắc luôn. Có lẽ linh hồn Quan Công hay Trương Phi đã nhập vào, đòi chém hai anh lái thuốc, để trừng phạt cái tội người trần tục đã dám trá hình hai bậc thánh.

Ông Quận vẫn nhắm mắt lặng im. Duy Cổ ông, cho lời tán ấy là có lý, bèn hưởng ứng bằng một chuỗi ho suyễn vì ban nãy đã cười nhiều nôn cả

ruột, và tiếp cơn ho suyễn bằng cả một cốc cúp sâm banh “quả phụ Kịch-Cô” hãm sâm Cao ly mà cố cứ khen là thuốc trường sinh bất tử.

**(Đăng Phổ thông, số 4 và 5/1952)**

## Đôi Giầy Cũ

Người hảo hán ấy quả đã một thời được mệnh danh là Cọp Xám bãi cỏ xanh.

Ở cái thuở mà Hà Nội băm sáu phố phường còn có những cô me ở trại hàng hoa, hạt vàng quần cổ xe nhà nghênh ngang, còn có những cái xe lừa chiều chiều ì ạch đi tười ướt những con đường đá gồ ghề; còn có bà đầm Hàng Cót dắt chó bông đi dạo phố cho trẻ con sợ sệt chạy theo sau, và bà Bé Tý ban tài phát lộc cho đến cả những tay anh chị ngõ Sầm Công, Phất Lộc, nhất là còn có những ông tướng Bổng, Cống, Tiên, Chức, Mégy tranh bá đồ vương trên các vòng đua vĩ đại ở đại lộ Cột Cờ, thì con người hảo hán bãi cỏ xanh kia tên tuổi đã làm cho thời nhân kính phục hay là kính sợ hơn cả mười ba cái đầu rụng giữa một đêm Yên Bái đỏ.

Hãy gọi danh thủ túc cầu ấy là Sáu Thủ. Ngoài biệt hiệu “Cọp Xám cỏ xanh”, còn hõn danh nữa là Hùng Khoát Hải (*người anh hùng thứ sáu của đời Tùy đã hai tay nâng đỡ cả tấm cửa thành bằng đá mấy ngàn cân để cho ba trăm vị phản vương và thiên binh vạn mã ôm đầu hú vía chạy thoát sức mạnh Võ Văn Thành Đô vô địch*).

Vậy Sáu Thủ mỗi lần đăng đàn bá tướng ra quân, các phóng viên nhà báo lại có dịp bọc quanh anh, làm như gặp một thiên thần vừa bơi qua Đại Tây Dương hay một thứ Bát Tý Na Tra vừa cưỡi xe lửa xuống hồng trần để uống với họ một chai bia, ăn với họ một đĩa bánh tôm nóng, một chiếc bánh tây nhét đầy chả trầu ngát thìa là đúng vào liễn dấm ớt của anh Hai Răng Vàng lùn.

Thời ấy, những sớm thứ hai giờ báo đọc mục thể thao, người Hà Nội ai nấy đều sung sướng như đọc truyện Phong thần, Tam quốc. Bãi cỏ Cột Cờ biến thành một chiến trường gió lửa ngút trời để cho Sáu Thủ phá ban giắt bóng, oai phong lẫm liệt.

Này là một cú ngã bàn đèn, khiến thủ thành lê dương lao người như con vượn mà thành nghiêng ả võ. Này là một cú đà đao, tam phong địch thủ đang lên như gió mà cũng cứ bị giạt cả ra nhường nhịn kiêng nể một mũi giày gài cựa.

Sáu Thủ tung hoành khắp trận, cản mặt thành, trấn biên cương, tiến nam lui bắc, có khi liều mạng mở con đường máu đem ban thoát địch như Triệu Tử Long đoạt giang phò A Đẩu, có khi ung dung giải khốn phá một trái ban phạt góc như kẻ chỉ, làm tan nát cả cuộc đột kích của đối phương, đến mực ông phóng viên nằm bên khay đèn trong tiệm viết bài tường thuật phải tung bút ví Sáu Thủ là Khổng Minh mở cửa thành đánh đàn mà lui giặc, lại có cây bút ví Sáu Thủ là Hán Thọ Đình Hầu một đao chặn giữa đường núi hẹp Hoa Dung làm rụng râu Tào Tháo và làm mất vía tàn binh Tào.

Ôi chao, Sáu Thủ! Sáu Thủ của cái thời quả banh da trâu ngự trị trên nền văn minh đế quốc, của cái thời mà anh hùng ngô Hàng Hương, Hàng Lược, Sầm Công, Cột Đồng hồ sống như những kẻ Lương Sơn Bạc, con người ấy quả thực đã là một cái đinh sắt ghim chặt vào nền bóng đá mới của xứ này.

Thuở ấy đã qua rồi. Cái đinh kia, theo luật thời gian đào thải, đã rỉ nát, rời khỏi bức tường rêu mốc.

Anh Sáu Thủ của chúng ta - nói riêng cái lớp bà con mộ điệu túc cầu còn sót lại đến bây giờ - cũng đã già nua, vô dụng như cái vỏ ba lông cũ rách mà người ta thường thấy vất ở bãi cỏ, đầu đường.

Trên bãi cỏ xanh Trung, Nam, Bắc đã tan mờ hình bóng Tương, Tốt, Vinh, Trọng, Nhuận, Lưu trâu lẩn, Chấm Cự ngã nạm thâu... Còn gì nữa, hỡi ơi, cái thời Giang Đông kháo võ: mỗi một cầu thủ phải là một chú bò rừng, một con cọp đói, một thứ Kinh Kha, để giày gài kín phi tiêu nhọn hoắt, bàn tay nắm chắc dao găm để lấy máu địch thủ khi loạn chiến!

Bao nhiêu bạn cùng hàng ngũ đã theo nhau ngã xuống vì thời thế, vì thuốc phiện, vì bệnh tật, nghèo nàn, vậy mà Sáu Thủ, con hùm xám bãi cỏ xanh ngày cũ, hiện nay vẫn còn lay lút sống với cái vẻ lạnh hiên của chú mèo già.

- Hết cả gân ròi, ông ạ. Trông họ chạy cũng cứ ngựa ngáy cả người lên đấy, nhưng giá ai đẩy mình ra đá dăm ba quả thì chỉ còn cách nhắm vợ con khiêng về theo tiên tổ! Bây giờ thời buổi mới, các anh ấy chơi bằng trí nhiều hơn bằng sức mạnh như cái lớp già chúng tôi. Khoa học đấy, nhưng nhiều trận đấu thật tẻ buồn, thành ra cái trí và cái lực đều không thấy ở chính ngay những cầu thủ mà người ta hâm mộ nhất. Do thế, nhiều anh hữu danh mà vô thực, không như ngày xưa, anh nào trội thì trội rõ rệt, mà đã xoàng thì không thể chịu đựng nổi nửa giờ trên bãi chiến. Chưa bị đồng ngũ sa thải họ đã bị khán giả lôi cổ khỏi bãi, lột áo, đuổi về nhà.

Ấy thế, lão tướng Sáu Thủ, trong một buổi coi trận đấu Việt - Hoa đã thì thầm với ông bạn già như vậy. Ông bạn già râu mọc lơ thơ, mặt xanh, gày lẻo khẻo, mặc áo the thâm, nghiêng ô che nắng cho Sáu Thủ.

Sáu Thủ cũng râu tóc như bạn già, đứng nép dưới vành ô đen chói nắng, lim dim mắt nhìn ra bãi cỏ mênh mông, lúc đó, cầu thủ vừa rút lui nghỉ giải lao theo thường lệ. Ông bạn già tự hai mươi năm năm xưa vốn đã phục uy danh Sáu Thủ, nay gặp cố nhân, mừng lắm.

Sáu Thủ tuy chẳng hề biết bạn già họ tên chi, nhưng cũng hả lòng vì biết rằng trần ai còn sót lại một người này để làm tri kỷ.

Bạn già hô cô gái mở bia. Đang khát và đang thèm nước, Sáu Thủ đỡ cốc bia ở tay bạn già, uống một hơi dài khoan khoái. Sáu Thủ lại hài lòng và hơi tiếc rằng giá gặp sớm tri âm ngay từ ngoài cổng thì hẳn là đỡ được chiếc vé bình dân. Sáu vụt nghĩ đến những chiều chủ nhật, mình phải lao đao lắm mới xoay nổi tiền mua vé, có khi nài xin tiền người vợ hai sương một nắng bán quà rong, có khi phải xoay của một anh bạn qua nhà, hay bí quá phải moi trộm ống tiền dành dụm của lũ con, thật quá thảm hại như một con nghiện đã đến giờ vật vã.

Chất bia, vì thế, không còn làm cho Sáu ngưỡi ngoai. Ông đứng thừ ra, mắt nhìn vào trong bãi cỏ. Ông bạn già yên trí rằng người anh hùng xưa đang nhớ lại những trận tung hoành thuở trước. Ông bèn kính cẩn nghiêng ô che nắng cho lão tướng. Rồi đó, nhẹ nhẹ rút thuốc lá mời. Sáu Thủ thở khói, ông rất hài lòng và cảm thấy cuộc đời còn thú lắm. Ông bạn già cũng lấy làm khoái trá, coi là vinh dự, vì giữa cái buổi phò tân phế cựu này, ông là một con người tôn cổ, xem cái ngọn mà không muốn quên cái gốc, sống trắng đầu mà không phụ ngày xanh. Lúc này đây, đứng cạnh ông là một danh tướng đã trăm trận đánh trăm trận thắng, đã làm rạn vỡ cả một thế hệ thể thao nước nhà, đã cho thiên hạ biết rằng đường ban bóng chày ngang dọc trên bãi cỏ đều là những đường sinh lối tử của thập bát trận đồ.

Chứ không à! Sáu Thủ của giới túc cầu Bắc Việt, người đã sinh đồng thời với Lý Huệ Đường, Guichard thời cực thịnh, những danh thủ mà hai mươi năm năm xưa mỗi lần mặc giáp lên yên là khiến ông hồi hộp, và suốt trận đấu ấy ông là người vỗ tay hăng nhất theo những cái đánh đầu tuyệt diệu, những cú đá lông và gài sút ngầm mạng mỡ tiên phong bên địch thủ vững chắc như cột đồng. Hồi ấy người ta kính phục cầu thủ danh tiếng như tôn sùng những liệt sĩ Phạm Hồng Thái, Cô Giang, Thái Học, Xứ Nhu. Và người ta cũng yêu mến cầu thủ đại tài như hâm mộ những đào kép tuồng: Tư Lộ, Ba Bí, Tư Đình, Tám Long, Ba Liên, Sáu Phủ, Hai Giờ, Chín Cường...

Được kết thân với những bậc đế vương, đại tướng, hoàng hậu, công chúa trên sân khấu, được bắt tay và cũng nghênh ngang vào bãi với Gôn Thuận, Văn Đức Vinh hoặc Thông, Viễn, Hai, Trọng, Hiếu, hay đi với mấy tay cầu thủ sừng kèn Đồng Nai những khi họ kéo đại binh ra Bắc, ấy là những thành tích phi thường mà các tay chơi hào hiệp ở đây cần phải gây bằng cái khí phách trọng nghĩa khinh tài, nghĩa là phải có tư cách chơi cái trò thượng mã để thâm nạp anh hùng làm bạn hữu.

Đã có những anh hùng ấy ở chung quanh tức là đã có một hỗn hiệu đại vương rồi đấy.

Ông bạn già hồi ấy cũng đã chịu năm ngày tiệc lớn, ba ngày tiệc nhỏ. Ông là con một vị đại thần. Ông có ấp lộc ở miền Kinh Bắc. Ông là Ấm Hiễn. Ấm Hiễn thuở tráng niên, đã đọc thuộc lòng bộ Đông Chu Liệt Quốc, Thủy Hử, Tam Quốc, coi ba bộ truyện ấy là cái túi khôn rộng lớn hay là chiếc kim chỉ nam cho ông nhảy vào đời, bất chấp! Nhưng Cự Cố chán lộc dân, quy rồi. Cậu Ấm lại cảm thấy mình bờ ngõ non dại lắm, bèn không vào đời nữa, mà chỉ đứng ở ngưỡng cửa cuộc đời, với một cô vợ cô đầu, ở tòa nhà tây ấp lộc. Cứ chờ thứ bảy, cậu Ấm lại tạm bỏ ruộng giắt túi một món tiền ra Hà Nội, xem đá bóng và chơi hát bộ.

Vậy, ông bạn già đã là một khán giả của túc cầu, là người hâm mộ Sáu Thủ từ một nửa kiếp người rồi.

Hôm nay, gặp cố nhân, Ấm Hiễn muốn mời ngay Sáu Thủ đi đánh chén một bữa linh đình, nhưng than ôi, cuộc biến dâu đã phá tan hết ấp lộc phiêu của cậu công tử ấy. Đến nỗi bây giờ tản cư về Hà Nội, Ấm Hiễn chỉ còn là một anh kiết xác ghìen nặng túc cầu như Sáu Thủ, chủ nhật nào ông cũng xoay xở vỡ mặt mới có nổi tấm vé đi coi. May mà hôm nay, dư vài đồng bạc, đãi nhau một cốc bia, một điếu thuốc lá, bạn già nghĩ rằng thế là long trọng lắm.

Cuộc đấu đã tan. Ông bạn già cụp ô, cặp nách, theo Sáu Thủ nhảy qua bức rào xi măng cốt sắt vào trong bãi.

Sáu Thủ đi lẫn đám khán giả đang ò ạt kéo lên khán đài xem đội ban Trung Quốc lĩnh cúp. Đến giữa bãi, Sáu hoang mang nhớ lại ngày xưa ngày xưa mình chạy ở đây, đá những quả banh chí tử giữa pháo tay vang động một góc trời. Sáu lững thững đến khung gỗ trắng, lại mang máng nhớ mình đã bao lần trấn ở cửa thành này giải khốn dẹp nguy cho đồng đội, bụi cuốn lăm lăm lên, những gót giầy đánh rầm rập, những khối thịt lấn xô, hỗn loạn như một bày chiến mã tơi bời trong gươm giáo. Thế mà lúc này Sáu Thủ có cảm tưởng rằng bãi cỏ kia mênh mông hơn trước, cái khung gỗ rộng cao hơn trước, mình đứng đây mà tưởng như lọt thỏm vào một vùng rừng núi.

Bóng tối đổ xuống đầu. Ra khỏi bãi bóng ông bạn già chia tay Sáu Thủ, tiến ngược lên phía trại Ngọc Hà. Sáu Thủ ngậm ngùi nhìn theo cái thân

hình lom khom thất thểu khuất sau những gốc cây cổ thụ.

Sáu đi về cái ngõ cụt sau Đền Giám. Tới căn nhà nhỏ nằm dưới một cây bàng rụng lá, Sáu thấy hai thằng con đang lon ton đá bóng, kêu hò ầm ĩ. Quả bóng là cái vỏ da rách nát mà bữa qua Sáu Thủ lấy đế nhồi giẻ rách vào làm ruột.

- Bố ơi, Tàu được hay ta được.

- Ta được phải không?

Sáu đang đói mệt cũng lây cái vui của trẻ, cười nói huyên hoa. Quả bóng lăn đến chân, Sáu chặn lại, co chân sút mạnh vào bức tường đồ trước cửa nhà. Quả bóng da bị sút mạnh quá bật ra, làm ngã thằng con nhỏ. Nó không khóc, nhin đau chuyền lại cho bố và la lớn:

- Bố sút đi nào! Gôn này, phải biết. Thọ ve cũng phải hàng nhé!

Người cha khoái trí, sút luôn cú nữa, đúng ngực con. Thằng bé ngã chúi vào chân tường, tay còn ôm chặt quả bóng. Nó đau quá, không ngóc lên được nữa. Thằng lớn sợ hãi chạy vào mách mẹ. Người cha nhắc con lên. Thằng bé cố cười:

- Chưa thấm vào đâu. Bố tha hồ sút nữa đi. Đấy bố xem, con nhựa lắm. Có giỏi bằng gôn Nhuận ngày xưa không hả bố?

Người vợ chạy ra tru tréo:

- Khổ chưa? Đá đấm gì, khéo chết con thôi. Già còn rưng mỡ. Trót một đời đá đấm mãi còn chưa chán, hử!

Sáu Thủ cười khà, dắt con vào. Ông cởi áo phành phạch quạt. Bỗng nghe tiếng chuột rúc rích ở đâu đấy. Sáu đứng dậy tìm. Ông cúi xuống gầm giường lôi đôi giày ra phủi bụi. Mấy chú chuột nhắt ở trong giày chui vội ra chạy mất.

Ô, đàn chuột ồm ờ đã làm tổ trong đôi giày oanh liệt của lão tướng Sáu Thủ tự bao giờ! Chao ôi, đôi giày đá ban của Sáu Thủ đã từ mấy chục năm làm mưa làm gió trên cầu trường đất Bắc tuy đã miệng há, đế bong rời, nhưng lão tướng vẫn giữ gìn cẩn thận như một danh tướng thời xưa giữ gìn chiến bào, kiếm báu.



Hai năm trời tản cư miền Việt Bắc, Sáu Thủ chẳng quên đeo bông đôi giày oanh liệt, lang thang hết núi tới rừng, đến nỗi người vợ phải kêu la trời đất, ba lần vất bỏ cho nhẹ gánh, ba lần người chồng lừ mắt nhặt lên lau chùi sạch sẽ, lại bỏ vào hòm, cố quảy. Ở ngoài kia, có lần đi khiêng lợn mướn, qua đường sỏi núi đau chân quá, Sáu Thủ đã lôi đôi giày quý báu này ra xỏ vào chân. Để giày nghiêng đá rừng xào xạo, làm tung bụi đỏ khiến người ta cười rộ cho là anh lấm cấm. Bởi thế, Sáu Thủ lại lau giày bỏ vào hòm, để rồi lại trịnh trọng tha về Hà Nội.

Thế mà không hiểu sao, người đàn bà tục tũ kia đã dám cả gan lôi đôi giày danh tướng ra vất dưới gầm giường cho nhện vương, bụi bám và chuột nhắt xông vào đùa giỡn nhau trong đó!

Thật không thể nào tha thứ được. Ông giận vợ. Ông giận luôn cả cuộc đời. Người vợ không biết cái giá trị người chồng gởi vào đôi giày cũ kỹ, đôi giày mang cả một thiên túc cầu lịch sử hào hùng. Và cuộc đời đã hùa theo sức tàn phá của thời gian mà quên trúc già tre cối, chỉ ngảnh nhìn măng mọc, tre vươn. Tuy nhiên, đã có một người già hiểu giá trị anh, kính mến ông. Ấy là ông bạn già che ô lục soạn, chiều nay vừa trân trọng nói chuyện với ông như một kẻ thực lòng yêu nước đốt hương lần giở trang sử cũ.

Thế là đủ lắm rồi. Đời chỉ cần một người hiểu chân giá trị mình. Sáu Thủ nguôi cơn giận dữ. Ông lau bụi, dốc ngược giày cho phân chuột rơi ra, rồi trong khi người vợ lúi húi dọn cơm dưới bếp, ông xỏ giày, buộc dây cẩn thận, co chân chạy mấy bước quanh giường.

Hai đứa con lại lôi quả bóng da nhồi giẻ rách chuyền cho bố.

- Nào, bố sút nữa đi. Gôn này phải biết, quốc tế đây, bố nhớ!

Thằng nhỏ sát lưng vào vách, lăm le đợi bóng. Thằng lớn nhảy xổ vào vờn bóng với cha:

- Khê đấy, bố nhớ. Đổ bố qua được đấy, qua được con mới cho là giỏi! nào, bố lừa đi, a-lê-hấp!

Thằng lớn lao vào chân bố. Bố gạt bóng, sút tréo giò. Thằng nhỏ thủ thành nhào ra bắt gọn bóng vào tay, đúng bụng. Bố ngửa mặt cười vang:

- Giỏi, giỏi! Thật cha hồ không đến nỗi sinh con chó. Thằng này rồi kế nghiệp bố đây.

Rồi đó, bố lại lừa ban với thằng con lớn để sút băng băng vào vách cho thằng con nhỏ chộp, đấm, nhào.

Sáu Thủ khoái chí:

- Khá lắm! Thực là hậu sinh khả úy, bố phục con, bố phục con!

Bóng vào gôn, bóng lại bật ra. Ba cha con nói cười ầm ĩ. Lão danh tướng túc cầu, đã mấy chục năm qua, hôm nay mới ôn lại những đường ban cũ quanh chiếc giường tre ọp ẹp trong gian nhà đổ nơi ngõ cụt với đàn con mà người bố tin rằng đó là tương lai của cầu trường mai hậu.

Muỗi hát trong bóng tối. Người vợ cầm cây đèn dầu ở dưới bếp lên, đứng sững nhìn chồng, nhìn con, khẽ lắc đầu.

Thằng nhỏ thét:

- Bố sút đi nào!

A-lê-hấp! Sút mạnh, sút mau!

**(Đặng Sinh lược, 1953)**

## Người Gác Đêm

Chiều hôm nay lá rụng như mưa, vàng cả trời đất. Lá úa của ngày hè đang độ nhạt rụng nhiều, để chờ những ngày đầu thu đang tới. Trong hơi gió rào rào, lắng nghe, ai có thấy những tiếng rên nho nhỏ của những chiếc lá úa khi rời khỏi cành cây khô? Lão Năm - điên nghếch mãi mặt lên nhìn lá rụng và nghe tiếng xào xạc của lá. Lão già cô độc thương lá cả bốn mùa. Chiều nào lá rụng nhiều, chiều ấy lão không thiết nói năng gì cả, môi lão mím chặt lại, hai tay chắp sau lưng, lão bước cù rử như con cò ốm.

Lão Năm âm thầm chịu khổ từ mấy chục năm trời. Những chiều lá rụng, trong tâm trí lão hiện ra một đứa trẻ thơ đang vun lá dưới những gốc cây: ấy là con lão, đứa con gái có trái đào phơ phất trên đầu ngày xưa vẫn ra sân đình lượm lá về đun. Hai cha con sống ở một căn lều tận cuối làng. Cái ngày được người ta nhớ đến, lão chỉ muốn đào lỗ mà chui xuống, ở luôn dưới đó không bao giờ lên nữa, nhưng người ta cứ lôi lão lên để bảo cho lão biết rằng nghèo thì nghèo cũng cần phải lĩnh cái sưu cho được tiếng là người dân lương thiện, chứ lẩn lút như vậy thì có khác gì con vật.

Lão Năm xấu hổ vì bị người ta nhiếc là con vật nên một sớm lão đã đeo khăn gói bỏ làng ra đi. Hai cha con trải bộ suốt đêm đến bến đò Tân Độ, xuống tàu lấy vé lên Hà Nội, thiếu mất chút ít tiền nhưng van lạy mãi, người ta chửi dăm ba câu rồi cũng cho một chỗ. Lạc vào Hà Nội, lão hỏi thăm đến xưởng cai xe, xin lĩnh chiếc xe mà kéo. Nhưng lão không có thể, gã cai văng tục vào mặt lão, nhiếc lão là con vật, là thằng mọi nhà quê. - “Lão già, lão mà không học thuộc bản đồ thành phố thì người ta đập sặc tiết lão ra” - gã cai xe bảo vậy.

Thế là đủ lắm rồi! Từng ấy lời đủ cho lão run cả người lên. Lão đói ba ngày. Ba ngày đói lão còn cố chịu, chứ đứa con gái nhỏ, thực là não ruột, nó rũ ra ở vỉa hè như cái giẻ rách.

Hai cha con lão lại lang thang. Khát lắm, có thể ra máy nước, vì nước là của bể, của sông, của trời. Đói thì đành cố mà chịu vậy.

May mà gặp được Phúc tinh: có một bà Phán thấy cha con lão đi qua, ngửa miệng gọi đến, rồi bằng lòng nuôi con lão làm con ở.

Con bé ốm đói mới vào hầu hạ được ba ngày thì đã bị ba trận đòn. Nhưng đủ ba lần nó rình lẻn được ra đầu phố dúm cho lão nắm cơm cháy và vạt áo cho lão xem những vết roi. Hai cha con thương nhau đứt ruột mà phải cố nuốt nước mắt, vì khóc ở ngay giữa cái thành phố lão đã bắt đầu sợ hãi này thì lão quyết không dám.

Lão già bỏ con vùng chạy, lão tìm một gốc cây tối ở một phố rất vắng để khóc, lão khóc cho hết nước mắt chứa ngập trong tâm hồn. Từ chiều đó, lão không dám trở lại nhìn con lão nữa. Lão mất hút trong Hà Nội. Lão xin được chân phu quét đường thành phố. Sau cùng, lão xin được chân gác trong vườn Bách thảo. Một lần lão đến nhà bà Phán hỏi con gái lão. Bà Phán bảo nó trốn từ lâu. Thế là hai bố con lạc nhau. Lão đi trong phố, gục đầu xuống ngực mà khóc, mắt lão đỏ ngầu nhìn mọi người. Lão không cần giấu rằng lão khóc.

Không ai làm gì lão, lão có quyền khóc. Lão nghĩ như thế cho đến lúc về tới vườn Bách thảo, lão trèo ngay lên ngọn núi Nùng gục xuống, lả người đi.

Kể từ ngày ấy đến bây giờ đã được bốn năm. Bốn năm trong khu vườn mênh mêng, bao nhiêu lần lá đã thay mùa như buổi chiều thu hôm nay.

Khu vườn mênh mêng chiều nay càng mênh mêng tợn. Sương đã bắt đầu vương trên các chòm cây và trên các khóm sen tàn ở dưới hồ. Gió heo may chưa đến mà lão đã thấy lạnh.

Lão dừng chân ngoài tấm rào thép, mấy con hươu sao chạy đến rúc đầu vào bàn tay lão, bày hươu này hề thấy bóng lão tới là chạy cả ra, vẻ mừng rỡ như đàn trẻ nhỏ đợi quà. Những con hươu lông vàng điểm trắng ngậy

thơ mà nhanh nhẹn, đáng yêu biết bao. Chúng nằm ngả nghiêng trên cỏ xanh chơi với nắng, chúng đứng dưới bóng cây ghéch mắt lên nhìn đàn chim sẻ nhảy trên cành. Trời mưa, chúng tụ họp cả trong chuồng, cái chuồng xinh xinh trong đó chất đầy cỏ tươi. Bầy hươu ngoan ngoãn sống trên mảnh đất trên có trời, có cả gió trăng. Còn bầy ác thú! Mang danh thế chứ chúng có hại ai đâu. Lão Năm yêu chúng bằng tất cả tình yêu trong lòng lão. Hàng ngày, hai buổi, lão đợi xe thịt người ta kéo đến, lão cầm từng miếng thịt trùi mền đưa qua song sắt cho con hổ ở chuồng này, con báo ở chuồng kia. Xong rồi lão sang chuồng gấu. Những con gấu đi như người, đùa như trẻ, giơ hai chân trước lên đón những miếng dưa đỏ ngon lành ở tay lão chuyền qua song sắt. Chúng ăn rồi chúng vục đầu vào bể nước mà uống và chạy loạn cả lên. Lão đứng nhìn đàn vật, mắt nheo lại trong một nụ cười khô héo. Lòng lão vui như lòng một người mẹ yêu con giữa một bữa cơm gia đình. Lão coi chúng chẳng khác nào những người bạn thân, những đứa con yêu của lão. Than ôi, lão già cô độc! Con lão lạc đâu rồi, lão biết thương ai; quê hương lìa bỏ đã lâu, lão còn biết có ai ở cái mặt đất mênh mông này mà yêu nữa.

Thế mà những người bạn đó, những đứa con đó, từ mấy tháng nay đã bỏ lão mà đi. Lão không biết chúng đi đâu, nhưng lão tin rằng không phải chúng về rừng. Người ta đã dồn chúng lên những cái xe bịt sắt chắc chắn. Người ta bảo lão giúp một tay, lừa cho con hổ già nhất, đó là con hổ què, vào xe. Lão trèo lên nóc chuồng kéo cửa sắt lên, trong khi ấy một gã thò chiếc gậy qua song dồn cho nó chạy. Con hổ không nhìn thấy lão trên nóc, nhưng ở trên nóc lão cúi nhìn thấy nó. Nó tập tễnh chạy quanh rồi sau cũng phải chui vào trong xe. Lòng lão Năm quặn lại, hai bàn tay gầy yếu bỏ rơi cái cửa chuồng kêu đánh rầm khiến lão giật bản mình. Thế là xong việc. Chỉ còn một dãy chuồng không. Những con vật gặm gừ trong mấy cái xe bịt kín, lão thèm được nhìn chúng thêm một lần. Người ta đẩy đoàn xe đi, đoàn xe đi lẳng lẳng như một bọn lũ hành ở xứ Phi Châu trong cánh rừng hoang rậm. Lão nhìn theo đoàn xe, lòng chua xót và mắt lim dim chớp... Những cái chuồng không kia đã phá bỏ cả rồi. Bây giờ chỉ là miếng đất, cỏ

đã mọc xanh và những cây mới trồng đã lên cao. Bóng tối cùng với hơi sương xuống mịt mù, lão Năm đứng ở đây từ lâu lắm. Mắt lão mờ đi và hoang mang như thấy trong khoảng tối kia, trên nền cỏ xanh, thấp thoáng những cái bóng vàng vàng của con hổ, con báo đi đi lại lại, những cái bóng đen đen của bầy gấu chạy hai chân, dựng thẳng cả mình lên như người.

Lão lại co ro bước. Con bồ nông ở dưới gò vẫn xù lông đứng yên một chỗ. Khốn nạn, nó lại ốm hay sao! Ban chiều lão bơi thuyền ra đống cho cá tươi mà nó cũng không ăn nhanh nhẹn như mọi ngày.

Gió vẫn lên mạnh thêm trong đêm tối và lá vẫn rụng nhiều. Lá rụng bao nhiêu, lão càng nhớ con gái lão. Vẫn hình ảnh khi con bé lom khom nhặt lá trên sân đình làng. Lão nhớ con và nhớ cả những đứa trẻ nhà người vào ngày chủ nhật vẫn vào đây đánh đu, nghịch cát. Chúng có những người mẹ lành hiền ngồi trên ghế cúi đầu đan tất và những chiếc áo xinh xinh cho chúng. Chúng có những người vú vui tươi lúc nào cũng chạy kèm để nâng đỡ đỡ dành khi chúng ngã. Hỡi ôi, những đứa trẻ con nhà người. Nhưng lão yêu chúng lắm, có khi lão còn đùa với chúng, ngồi yên cho chúng ném cát vào đầu, cho chúng vượt râu, cho chúng xúm vào bịt mắt lão, rồi chúng trốn đi một chỗ để lão tìm. Tốt đẹp thay! Những đứa trẻ còn nguyên tính thiện, chưa biết làm hại ai, cũng chưa bị ai làm hại chúng. Chúng là những vị thần trong sạch, nhớn nhोर chơi ở cái vườn trần cát bụi này.

Bây giờ, chủ nhật nào lão cũng mong chờ lũ trẻ vào vườn, nhưng không thấy nữa. Lão nghĩ có lẽ chúng đã cùng những người mẹ lành hiền kia đi chạy loạn, đến các nơi nghỉ mát, hay về các vùng quê yên tĩnh. Lão thở dài, chua xót thấy mình mất đi biết bao nhiêu những cái thân yêu thầm kín.

Một mình trong khu vườn tối mênh mông, tiếng guốc của lão quèn quẹt trên đường đá, và bóng lão dưới ánh đèn lờ mờ mới bật lên lẫn với những bóng cây chập chờn. Mỗi mệ, lão bước vào trong Nhà kèn, thổi bụi trên chiếc ghế gỗ dài, nằm xuống. Mưa rào đổ mau, mưa rào trong khu vườn tối này nào nuốt biết bao nhiêu. Lão thao thức nghe tiếng cú rúc ngoài cây, tiếng vượn trong chuồng ai oán rú lên từng hồi như khóc. Lão Năm ngồi dậy, lấy điều cây rít một hơi dài.

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 325/1940)**

## Ông Kễnh

Đây là một cái tỉnh xép quạnh hiu ở miền đồng chua nước mặn. Một hai dãy phố vắng teo nằm lành hiền cùng năm tháng dưới chân ngọn núi trên có bức tường thành bằng đá xây từ thời xưa. Mười nóc nhà gạch thấp bé như nhà lá đứng rúm ró trên mảnh đất um tùm cây cỏ, xuôi dốc xuống bờ con sông rộng quanh năm gió to sóng lớn ăn ra biển. Dân số ở đây chừng hơn một trăm. Họ truyền đời sống nghề chài lưới và buôn bán trên sông. Những chiếc thuyền to đụ xúm xít ở một khúc sông cong khuất gió, những ngày nghỉ họ phơi buồm, vá lại sạp thuyền, rồi lại ra đi các ngả sông sóng trắng ngút trời. Họ chở đá, than, vôi cát, nước mắm đến Hải Phòng, Quảng Yên, Hồng Gai, Móng Cái, đi không mỗi mệ, chỉ dừng lại ngày giông bão, cánh buồm rộng lớn phồng nằng gió quanh năm.

Trong khi ấy, có một con thuyền nghề đã từ sáu bảy năm nay buồm xơ, chèo gãy, nằm mục nát trên bờ hẻo lánh cát lở dần theo sóng nước. Người thủy thủ già, ông Kễnh, chưa chịu bán con thuyền nát đó cho ai hết, mặc dầu ông đã yếu già, đã mù hai mắt, rất đỗi túng nghèo.

Ngôi nhà gạch cũ ở giáp bên sông. Ngày ngày, ông Kễnh ngồi trong cửa sổ nghe gió từng cơn rít ngoài bến nước, nhớ rất nhiều đến những ngày ngang dọc hải hồ. Những ngày xưa, trong chiếc thuyền nát níu buộc một cách tội tù vào bến gió mưa kia, ông Kễnh đã từng họp mặt với bao nhiêu khách sông hồ hảo hán. Cho đến bây giờ, trên mi mắt đã khép chặt, sự đời còn luôn gợn những đám mây vàng soi lung linh xuống con sông đầy nắng.





Một chiều, có mấy chiếc thuyền dong buồm từ phía chân mây lướt tới, ghé vội mũi vào cạnh thuyền ông Kỉnh rồi những tay anh chị nhảy tót sang. Họ xúm quanh ông Kỉnh để thì thầm mật sự, trong khi người thủy thủ đàn anh điềm tĩnh ngồi nghe.

Người con gái ông Kỉnh không chờ cha ra hiệu, đã quen lệ thường đãi khách phương xa vẫn tới nhà, cô lẳng lẳng ra đầu thuyền đun nước rồi bưng bộ khay chén Tàu cổ bày ra giữa chiếu hoa. Tuần trà vừa mới bắt đầu, cô gái ngoan đã nhanh nhẹn bước qua cầu thuyền lên trên nhà sửa soạn làm cơm khách. Bầy dê đang ăn cỏ xanh non trên núi thiếu ngay mất một con. Cô gái bắt trọn con béo giữa đàn, dễ như bắt con gà trong bu. Cô mổ dê, rồi nấu nướng, cũng dễ dàng, mau chóng như người ta làm thịt con gà, con vịt khi khách đến chơi nhà.

Quanh mâm rượu trên bến vắng bọn giang hồ nâng chén, cười ngả nghiêng. Những cánh buồm cao ngất và căng rộng cọ xát vào nhau ôm hướng gió lồng lộng từ biển thổi về làm đu đưa những mũi thuyền trên sóng lớn.

Người con gái khép nép đứng ngoài mũi thuyền hầu rượu khách, nhìn những cánh buồm oanh liệt, sức nhớ đến những mẫu chuyện cha mình đã kể những ngày gian nan vật nhau với sóng ở cửa bể Tuần Vương, ở phá Tam Giang, ở bến rừng Tam Bạc.

Trong thuyền, Cả Tính - người mà chư hữu gọi đùa là “con chó bể” - cạn chén mà rằng:

- Chuyến này phi tay nguyên soái Kỉnh, việc lớn sẽ thành không mất. Lão huynh lại đi giúp anh em một chuyến.

Ông Kỉnh vuốt hàng râu mép cười, nhìn ra bóng tối buông ngoài sông. Anh Hai Sọ - mệnh danh là Hứa Chử, có tài đỡ tên, bản nỏ - đặt chén xuống thành mâm:

- Xin lão huynh vì danh dự cả phường mà dong buồm đi chuyến nữa rồi về ăn Tết là vừa. Năm nay, bọn đàn em sẽ xin họp hội thuyền ở bến này uống rượu xuân với lão huynh.

Ông Kỉnh vẫn trầm ngâm, rót rượu đầy chén khách, chưa nói gì.

Cô gái ở đầu thuyền nắm mạnh hai bàn tay vào nhau, môi mím lại, mắt long lanh sáng. Cô hồi hộp chờ câu đáp của cha mình.

Anh Năm Kịch - hay là Năm Chột - tính nóng như lửa, vòng tay vái ông Kễnh:

- Bác nhận lời cho chừ đệ mừng, uống hết vò rượu ngon này. Bằng không thì chừ đệ xin sang thuyền đi tức khắc.

Người thủy thủ già cười ran, rồi vỗ lưng Năm Kịch:

- Chú nó càng già càng nóng nảy. Thì ta đi giúp một chuyến chứ sao. Uống đi! Thế bao giờ khởi sự?

- Ngay đêm nay.

Người con gái đứng ngoài thuyền khẽ reo lên một tiếng vui mừng.

Hai Sẹo bàn vào việc:

- Tàn cuộc rượu - mà Năm Kịch uống vừa độ thôi đấy nhé - chúng ta sẽ cất quân. Đạo thuyền chúng ta sẽ ra cửa bể phục chờ quân địch. Bọn Tàu ô nghe chừng chuyến buôn này đi đông lắm. Nhưng với tài Yết Kiêu của Hai, với chiến lược xuất quỷ nhập thần của Kễnh nguyên soái, với hai cây nỏ cứ xuyên bụng từng thằng, bác Cả và chú Năm bắt chấp cả súng trường của địch.

Cả Tính tiếp lời:

- Chuyến này huynh trưởng cho cháu Hăng đi một thể. Nghe nói tài mã tấu của cháu gái tôi độ này khá lắm.

Ông Kễnh cười khiêm tốn:

- Cháu còn kém lắm, đã biết gì. Nhưng các bác muốn vậy thì tôi cho cháu nó đi hầu các bác cũng không sao.

Thế là đêm ấy họ ra quân. Trời không trăng sao. Sóng gió lộng trời. Họ đã thắng bọn Tàu ô, chiếm được cả một thuyền hàng hóa, đã tàn nhẫn gửi vào lòng biển ngót bốn chục mạng con người. Con gái người thủy thủ già đã tự tay chém rụng ba đầu rơi xuống sóng. Cô đã cười vang trong lúc thuyền quay lái dong buồm chiến thắng trở về bến cũ khi tảng sáng.

Và Tết ấy bọn người sông hồ anh chị này đã uống rượu xuân trong những khoang thuyền ấm áp, vui nghe loài chim tứ chiếng bay đến đậu trên cột buồm ca khúc hát nước mây.

Sớm ngày mồng một, trong lúc đứng hầu rượu các bác với bố mình. Hăng đã vâng lời đi mấy đường kiếm, nhanh như con én, nhảy vút hết mũi thuyền này sang mũi thuyền kia.

Các bác vỗ tay khen, ngả nghiêng cười nói kể lại chiến công oanh liệt của mình, bên vò rượu lớn và một mâm đầy thịt. Họ không biết, cả Hăng cũng vậy, rằng ông Kỉnh vừa chột ôm lấy ngực nghiêng chặt răng, giữ tiếng kêu đau. Ông đã bị một viên đạn xuyên qua xương sườn trong lúc giao tranh với lũ Tàu ô, nhưng ông giấu tất cả mọi người vì tự ái.

- Thế nào, huynh trưởng cho nghe vài câu thơ chứ. Tài văn võ song toàn, huynh trưởng cho nghe thơ, rồi ta cùng ra mũi thuyền khai đao kiếm.

Ông Kỉnh run tay cất chén rượu lên môi, rồi nhìn ra ngoài khoang, vài con chim đang sải cánh trên sóng nước sang sông về rừng. Ông cất giọng ngâm, giọng yếu hơn mọi lần hào hứng.

*Cánh buồm căng gió đại dương,  
Khuấy lên nắng sớm lười gươm anh hùng.  
Giang hồ quen thói vẫy vùng  
Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo.  
Ta giờ thế một tiếng reo  
Vỗ gươm chót vót, bóng chiều xa xa...*

**(H.C)**

Người thủy thủ già thốt buông rơi chén rượu, nhăn mặt lại. Bọn khách giang hồ vội hỏi:

- Huynh trưởng làm sao thế?

Ông Kỉnh nghiêng răng nhin cơn đau, cố gượng cười.

- Không, tôi có sao đâu. Có lẽ hôm nay vui chén quá say một chút rồi chẳng!

Có một con thuyền nghề đã từ sáu bảy năm nay, buồm xơ, chèo gãy, nằm mục nát bên bờ hẻo lánh cát lờ dần theo sóng nước vỗ thảng ngày.

Người thủy thủ già, ông Kễnh, chưa chịu bán con thuyền nát đó cho ai hết, mặc dầu ông đã mù hai mắt, và rất đói túng nghèo.

Ngôi nhà gạch cũ, giáp bên sông. Ngày ngày, ông Kễnh ngồi trong cửa sổ nghe gió rít từng cơn ngoài bến nước, nhớ rất nhiều đến những ngày ngang dọc hải hồ.

Những ngày xưa...

Hỡi ơi, những ngày xưa, máu cuộn ba đào, đầu chìm xoáy nước, xác giã doành khơi... tiếng cười reo tội lỗi, tiếng khóc vọng đáy thuyền, cha con ông Kễnh đã ngang nhiên đứng dưới cánh buồm chiều, sớm, chơi cái tài hoa với cả phong ba trời nước.

Vậy mà bây giờ, gió bão xoay chiều, cuộc đời cha con ông Kễnh cũng đổi thay, buồn thảm nhìn chuối ngày qua như nhìn trò ảo mộng.

Ông Kễnh đã bị mục tạt, ngồi đợi chết già bên song cửa hẹp. Con thuyền mục nát buộc tù hãm vào bến cũ. Người con gái cũng già theo bố, tháng ngày bắt ốc mò cua, an phận đói nghèo.

Tối hôm nay trời bốc khói. Sóng thét ào ào ngoài bến lạnh. Mưa trút lụt trời.

- Bão đấy Hăng ơi! Ra cột lại con thuyền, kéo sóng cuốn bay đi mất.

Hăng khoác áo tơ lá, xuống bờ sông. Ngọn đèn gió đu đưa dưới bàn tay run lạnh, soi lập lòe ánh lửa đỏ ngẫu trong trời đất tối mênh mông. Bão nổi bạo cuồng, rít như ma quỷ khóc. Hăng run lập cập bước theo chiều gió ngược. Chiếc thuyền bị sóng xô mạnh vào bờ rồi lại dạt mạnh ra, kêu rảng rảng như sập vỡ. Hăng lấy hết sức bình sinh buộc ghè sợi dây chèo lớn, cột mũi thuyền vào chiếc cọc lim to chôn sâu xuống lòng đất núi.

Tiếng ông bố mù hỏi vọng ra bị mưa gió át đi, nhưng người con gái cũng nghe văng vẳng:

- Liệu sức dây chèo có chịu được không con? Bão xoay hướng đấy, từ phương Nam. Bão bề động mà. Gió này còn mạnh ba ngày đêm là ít.

Hằng buộc chặt dây, toan lên nhà. Nhưng vừa quay lại, người con gái đã thấy ông bố mù rờ rẫm đội mưa bão xuống bờ sông. Ông Kỉnh cúi nắm chặt sợi dây chèo đang quấn quai. Ông nghe sức gió, sức sóng rồi thở dài thất vọng:

- Hồng mất con ạ. Nội đêm nay con thuyền này vỡ mất. Thế là hết cả! Thế là xong!

Người thủy thủ mù lật bật trèo lên đường trơn dốc quay về. Người con gái đỡ lấy cánh tay bố đang lao đao bước. Ngọn đèn gió đu đưa trong mưa bão.

Ông già mù bỗng đứng lại ngoảnh ra sông. Nhờ ánh đèn, người con gái nhận thấy bố già há miệng, nắm chặt lấy cánh tay mình, đau đớn rít:

- Thôi xong! Hồng mất rồi, vỡ mất rồi!

Hằng giơ cao đèn soi. Sợi chèo đã đứt, sóng phá tan chiếc thuyền cũ nát, cuốn băng băng từng mảnh, trôi đi...

Người thủy thủ mù gục đầu xuống, níu chặt cánh tay con gái, thở phì phào, lật bật đi ngược chiều mưa gió và bờ sông trơn dốc.

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 10/1949)**

## Cô Gái Làng Sơn Hạ

### I

Trong đêm tối, một mình, anh đi như thế mãi, đầu cúi thấp, chân bước nặng nề, guốc nghiêng rào rạo mặt đường đầy than vụn.

Mưa phùn dai dẳng từ mấy ngày nay vẫn chưa ngớt cơn. Từng vũng nước đục lấp loáng ánh sáng lạnh lẽo của mấy cây đèn dầu trông rải rác trên bến tàu. Những con đường goòng chạy dọc theo bến, khuất sau những trái núi than lù lù đột khởi trong bóng tối mênh mông. Từng chỗ nhô lên trên mặt đất một tảng sắt hoặc một đoạn gỗ lim tròn, quấn chặt vào sợi xích lớn hay sợi thừng chắc khỏe của những chiếc tàu buôn ở các ngả sông xa vừa tới cắm neo.

Nước sông gầu đỏ, cuồn cuộn chảy, sóng ào ào vỗ mạn tàu, mạn thuyền khiến chúng va vào nhau lộp cộp. Gió rít làm đảo nhào những cột buồm cao vút trên trời tối, kéo căng những đầu dây neo trên bến.

Anh ngẩng đầu lên. Rặng núi đen sì sừng sững kề ngay đường cái. Dưới chân núi, một đốm lửa vàng le lói. Đó là ngọn lửa ấm áp của gia đình anh. Buồn phiền, anh nghĩ đến người mẹ già giữa lúc khuya khoắt này đây đang ngồi co ro trong xó bếp, tay nhem nhuốc nắm những hòn than nắm chất thành đống cao để sáng mai đội xuống tàu bán cho khách trú; và anh nghĩ đến người cha, có lẽ lúc này vẫn ngồi khoác chăn ôm chai rượu vào lòng.

Đầu lại cúi xuống, anh chậm chạp bước theo dọc bờ sông. Chán nản, anh không muốn về nhà, định bụng đêm nay gập đầu ấm chỗ thì ngủ nhờ ngay đây, rồi mai lại thức dậy từ mờ đất, còng lưng đẩy hết chuyến xe goòng này

đến chuyển xe goòng khác, vác hết bao than này đến bao than khác, như tất cả những con người sống lam lũ ở bến sông.

- Bác Vĩnh! Hãy uống nước đã nào.

Anh dừng lại. Ánh sáng gắt của cây đèn phẫn [1] trong nhà hàng cơm làm chói mắt anh, và giọng nói thân mật của cô gái dậy thì kia khiến anh phải mỉm miệng cười.

- Thế nào, canh tài bàn đêm qua Vĩnh phát tài, đãi chúng tớ một bữa rượu đi.

Mấy người phu mỏ bạn Vĩnh đang ngồi đồ quýt với nhau, xúm quanh Vĩnh, cười nói huyên thuyên. Một người có vẻ say, quay lại cô gái nhà hàng:

- Có thể thì mới đúng lẽ chứ, phải không, cô Nhàn?

Nhàn cười tít đôi mắt bồ câu.

- Cái đó ở như bác Vĩnh, chứ em biết đâu ạ.

Nhàn mở nắp cống trà tươi, múc nước đổ vào cái bát đàn Vĩnh vừa lật ngửa trên mặt chõng hàng. Hơi khói ở miệng cống bốc lên nghi ngút, trong làn hơi khói ấy lóng lánh cặp mắt đen nháy và hàm răng hạt huyền đều đặn của Nhàn.

Thấy Vĩnh ngấm mình, mặt Nhàn đỏ bừng lên. Cô ngượng nghịu cúi xuống tằm trầu bày ra đĩa. mấy người bạn quay sang Vĩnh:

- Kìa, tiếc chúng tớ một bữa chén xoàng ư?

Vĩnh trừng mắt nhìn bọn họ, rồi anh trật cái mũ cát kết sũng nước mưa trên đầu xuống, đập mạnh vào mặt chõng, làm nảy lên những chiếc bánh gai, bưởi, quýt và khiến những bát chè tươi sóng cả ra ngoài.

Lũ bạn Vĩnh không cười đùa nữa. Họ đoán Vĩnh đang buồn bực chuyện gì. Cử chỉ ấy, Vĩnh thường có; lắm khi người bạn mới nào chưa biết tính anh mà trêu chọc mãi, tất bị anh lẳng lẳng đứng dậy đánh liền. Ở đây, từ mấy năm nay, người ta biết cái tính nết kỳ quặc đó. Người ta cũng biết là anh có khá nhiều miếng võ, ngoài ra anh còn một vốn chữ nho. Những cô gái trên bến tối tối thường tụ họp trong quán nước đua nhau bói Kiều, nhờ anh xem

hộ. Mùa xuân họ đi lễ về, tìm anh nhờ đoán thẻ. Đó là những quẻ thẻ cầu duyên. Vĩnh khéo tán nghĩa, giọng ngọt ngào, gương mặt sáng sủa, giỏi trai, khiến các cô càng xúm xít quanh anh. Nhưng chưa cô nào được Vĩnh thực tình yêu lại. Tuy vậy, các cô vẫn không ghét Vĩnh. Các bạn trai đối với anh cũng thế, họ mến anh, vì vậy họ nhường nhịn anh, nhiều khi khiếp sợ nữa. Đó là những lúc thấy anh mắt đỏ ngầu, lầm lì không nói không cười. Nhưng vào những buổi chiều nào thấy Vĩnh chải đầu, cạo mặt sạch sẽ, điều thuốc lá trên môi, miệng nhai bôm bẻm miếng trầu là các bạn Vĩnh reo lên, kéo anh vào hàng nước, giục anh kể chuyện. Anh kể rất có duyên. Những chuyện anh kể khiến họ nghe chăm chú.

Ông Cử khó tính, nên các bạn Vĩnh chỉ dám đến nhà Vĩnh khi biết ông đi chơi vắng. Bà Cử dễ dãi, hiền lành, thấy bạn con đến nhà là vội vàng rửa tay đi tằm trầu, đun nước. Có khi họ chung tiền mua chó về mổ thịt, chèn chén với nhau suốt cả ngày.

- Kìa, bác Vĩnh xơi nước đi cho nóng. Nước ban nãy nguội, em đã múc bát khác rồi đấy ạ.

Vĩnh từ nãy chống bàn tay vào má, cúi gầm mặt xuống không nhúc nhích, bỗng ngẩng lên. Các bạn anh đã không còn đấy nữa, mà Nhàn thì đang ru đứa em bé trong lòng, đôi mắt đen đăm đăm nhìn Vĩnh.

Vĩnh đưa bát nước lên môi, anh không thể không ngắm đôi mắt đẹp của Nhàn qua những sợi khói nóng tỏa lên miệng bát. Nhàn e lệ, vờ cúi xuống hôn em. Cô sung sướng lắm vì chỉ có tối hôm nay cô mới được người con trai mà cô thầm yêu mến ấy nhìn đôi mắt bồ câu và hàm răng mới triết của mình. Hàm răng đen cô nhuộm riêng vì Vĩnh. Đã bao nhiêu đêm khuya lạnh, trở dậy ra sân nhổ thuốc để rồi vào thay lá khác, cô đã đứng run cầm cập nhìn lên nhà Vĩnh trên đường núi, thờ dài.

Mưa ngoài sông và gió bắc trên núi hất lùa vào làm cho cây đèn phẫn dòng giây từ trên mái xuống đung đưa. Gió mạnh quá làm đổ tấm giại<sup>[2]</sup> dựng bên ngoài. Nhàn toan đứng lên, nhưng Vĩnh ra dựng lại, rồi anh vào ghế ngồi, vẫn im lặng như lúc nãy. Nhàn vào giường đặt em. Cô ra mở tủ



kính nhỏ lấy bao thuốc lá, bóc đầu giấy sẵn đặt vào đĩa trà. Giọng thân mật, cô bảo Vĩnh:

- Nhà em sẵn nồi than hồng sấy cau, bác Vĩnh có rét, em bưng ra bác sưởi.

Vĩnh ngược nhìn Nhàn, anh khẽ lắc đầu.

- Thôi, cảm ơn cô, trời này đã lấy gì làm rét.

Vĩnh uống cạn bát chè tươi, chụp mũ cát kết lên đầu, đứng dậy. Anh móc túi, đặt vào đĩa hai đồng chinh, bước ra thềm. Bóng Vĩnh in chệch lên bóng cây bàng khẳng khiu ngoài mảnh sân hẹp sũng nước mưa. Tiếng guốc Vĩnh rào rào, mất dần trên những lối đi đầy than vụn lơ mờ dưới ánh sáng mấy cây đèn dầu trồng theo dọc bến tàu.

Giọng hát ru em của Nhàn buồn rười rượi, văng bay theo gió bên tai Vĩnh. Anh cắn môi, nhai nghiền đầu mẩu thuốc lá đang lóe cháy trong bóng tối đen đặc quần lấy mình. “Sao con bé mãi chẳng lấy chồng cho xong chuyện. Yêu mình làm gì, thêm bận bịu mình ra thế này!”.

\*\*\*

Vĩnh vào nhà cai Cửu. Đây là sòng bạc của cai Cửu mở ra lấy hồ, bóc lột bọn phu mỏ và phu bến. Anh nào say gỡ, say đánh mà không có tiền thì hăn cho vay, rồi đến ngày lĩnh tiền, hăn sẽ trừ, tính thêm cả lãi. Có lắm anh, kỳ lĩnh lương không còn lấy một đồng xu.

Vĩnh thấy cái tai họa ấy đã khuyên nhủ anh em nhưng đó là một việc làm vô ích. Đêm mùa đông ở cái bến tàu hẻo lánh này, người ta, sau một ngày làm ăn cực nhọc nếu không đánh bạc thì cũng phải hút thuốc phiện, hay uống rượu cho say khướt mà thôi.

Bọn phu phen ở đây phần nhiều ở phương xa tới làm ăn, số đông không có vợ con gia đình. Họ chia nhau từng tốp ba bốn người dựng một cái lều trên núi hay dưới bãi, sống chung đụng với nhau. Ngày Tết họ bỏ lều không, kéo về quê hương, chỉ còn lại gia đình Vĩnh. Những ngày đó bến vắng tanh vắng ngắt, các ống khói ở trong sở mỏ, sở than không nhả một tia khói lên trời. Xa các bạn, Vĩnh một mình đi thẩn thơ dưới bãi, nhìn mấy con tàu đầy hành khách chạy ngoài sông. Ông Cử thì tay chấp sau lưng,

ngửa mặt ngắm những đám mây tan tấu, ngậm ngùi nhớ tới quê nhà miền Kinh Bắc.

- Anh Vĩnh, lẻ rên luôn sáu tiếng rồi, đánh đi cho vui.

Cai Cửu, chiếc mũ chào mào úp lệch trên mớ tóc rối, mặt đỏ nhẵn nhụi, mấy vết sẹo ghi rõ hình tích những nhát dao sâu lõm, sặc sụa hơi men quàng tay vào cổ Vĩnh. Hắn làm ra thân mật ghé vào tai anh:

- Đánh đi. Nếu không mang tiền thì tớ có sẵn đây.

Nói rồi, hắn móc ví, rút ra tờ giấy năm đồng, dúi vào tay Vĩnh. Vĩnh lắc đầu cười nhạt. Anh rẽ đám đông rảo bước ra.

Thoát khỏi hơi người nặng nề hôi hám, và cái mặt gớm ghiếc kia, Vĩnh thấy nhẹ cả mình. Anh lại lủi thủi đi dọc theo bến, định xuống một cái bè quen nào ngủ qua đêm.

Bỗng có tiếng ai đó rú lên. Thì ra, trong lúc cắm cúi đi, Vĩnh đã vô ý chạm phải một người. Người đó đứng phắt dậy: một cô gái, Vĩnh móc túi lấy đèn bấm soi. Cô đang lúi húi buộc sợi dây thừng vào cái cọc gỗ lim trên bến để giữ thuyền khỏi bị sóng đẩy ra xa.

Cô nheo mắt trước ánh đèn sáng chói. Vĩnh đã kịp nhìn kỹ gương mặt xinh đẹp của cô. Thốt nhiên tâm hồn Vĩnh xáo động lên như gặp phải một sự lạ lùng tốt đẹp mà từ đâu kiếp trước anh mong đợi, và bây giờ điều ấy trời đưa lại cho anh.

Vĩnh hỏi dụi dàng:

- Cô ở đâu đến chơi đây mà phải đi thuyền?

Cô gái trả lời, giọng êm mượt như gió thoảng:

- Em ở bên sông.

Vĩnh không biết nói gì hơn nữa; anh tắt đèn bấm, lặng im.

- ... Gió đêm thổi dữ, sóng mạnh như thế mà cô dám sang ngang với chiếc thuyền thúng kia à?

Cô cười tự nhiên, miệng cười xinh quá, xinh hơn Nhàn nhiều.

- Gió thế này, sóng thế này đã thấm vào đâu ạ. Em là con nhà chài lưới, nếu thuyền có lật thì em bơi cũng được. Lướt sang em chờ, lướt về đến

phần anh em... Anh em vẫn đi nghề, ra biển hàng sáu bảy ngày đêm còn được nữa là qua một con sông lành này.

Cô ngừng nói, nhìn người đàn ông đứng trước mặt cô. Cái anh chàng giỏi trai này sao thoát nhìn đã thấy gần ngay. Cặp mắt to sáng ấy chứa đựng biết bao là ý tình êm dịu, vóc người và dáng điệu hiên ngang ấy hẳn là ấp ủ một tâm hồn mạnh khác người.

- Cô về đâu nhỉ?

- Em ở làng...

Cô nín lặng, ngoảnh nhìn lên bóng núi.

- Làng nào? Hình như cô muốn giấu tôi, tôi hỏi cho biết... khi nào tiện qua, tôi sẽ vào thăm các cụ nhà...

Cô e dè một lúc, rồi đáp nhanh:

- Em ở làng Sơn Hạ.

Sơn Hạ! Một tiếng sét bên tai Vĩnh. Bởi Sơn Hạ là một thôn vạn khuất nẻo bên kia sông, trai làng thì vừa làm nghề chài lưới, vừa làm nghề trộm cướp, gái làng thì dĩ thỏa, lẳng lơ, anh em trong họ cũng cứ hỗn dâm là thường.

Vĩnh khẽ kêu lên:

- Cô là gái làng Sơn Hạ thực à?

Bất giác, anh lùi trở lại. Không phải Vĩnh sợ cái tên ghê gớm đó như những người quanh vùng này vẫn sợ, anh chỉ thầm tiếc cho người con gái nhan sắc ấy mà sao lại sinh ra giữa cái làng bạo nghịch này. Như đoán biết ý nghĩ của Vĩnh, cô quắc mắt nhìn mặt anh.

- Ông khinh làng tôi lắm phải không? Cũng như bao kẻ khác. Tôi biết. Nhưng người ta không có quyền khinh như thế khi chưa dám đến gần.

Mặt đỏ bừng, cặp mày tơ liễu hơi xếch lên cau hăn lại, người con gái lúc này càng tức giận càng xinh đẹp, đẹp đến rợn người. Vĩnh thấy nhùn cả lòng, anh vội đáp:

- Không, tôi không hề cảm nghĩ như mọi người. Tôi tin rằng họ nhầm tất cả. Mà sao họ lại nở đồn đại ra như thế trong khi ở làng ấy có một người

con gái đẹp tuyệt vời như cô...

Giọng nói êm ngọt, miệng cười có duyên của Vĩnh làm tan ngay cơn giận của cô. Vĩnh thân mật nói tiếp:

- Tôi có thể sang thăm các cụ nhà được không, cô cho tôi biết.

Cô gái cũng thân mật trả lời.

- Còn gì vui cho cụ em và anh em hơn nữa.

Cô quay lại trở tay về phía bờ sông xa.

- Kia kìa, nhà em ở dưới những bóng dừa cao vút. Sáng mai, em sẽ trèo lên buộc một tờ giấy hồng điều vào một ngọn cây cao nhất để ông dễ tìm.

Vĩnh hoan hỉ, ghé gần tai cô gái:

- Tên em là gì?

Cô đưa mắt sắc như dao cau liếc anh chàng có giọng nói dịu dàng, vóc người gân guốc, đôi vai rộng.

- Tên em ông sẽ biết sau, bây giờ thì... kia kìa, anh em ở sông bạc đang ra đấy. Thôi em xin phép xuống thuyền. Xin ông tránh ra xa một quãng kẻo tính anh em khó chịu lắm, nhất là khi anh ấy vừa thua bạc.

Vĩnh quay lại phía nhà cai Cửu. Một người con trai cao lớn, tay cầm chiếc gậy vuông, tay kia xách chiếc đèn mỡ đang xăm xăm bước đến.

Vĩnh đứng lên, lấy thuốc lá ra châm hút. Người con trai nhìn Vĩnh, Vĩnh điềm tĩnh nhìn trả lại.

Giá không có cô em gái xinh đẹp ngồi dưới thuyền nhoèn miệng cười với Vĩnh thì Vĩnh đã lẳng lặng quăng anh ta xuống nước sông. Anh chàng thấy Vĩnh to lớn và ngang ngạnh thì cúi xuống cời sợi dây chèo buộc đầu cọc lim rồi nhảy xuống thuyền đẩy ra khỏi bến.

Vĩnh đứng lặng nghe tiếng mái chèo khuấy trên dòng sông gió hút. Khi ngọn lửa đèn nơi tay cô gái đã thu dần dần lại bằng cái chấm đỏ ở tít đằng xa, anh mới thở dài, buồn bã, thấy rằng dưới trời khuya chỉ còn trơ lại một mình anh.

## II

Vĩnh trèo lên còn đường núi ở mãi tận trên cao. Nhà anh, ánh lửa vẫn còn le lói lọt ngoài cánh liếp. Đến gần, anh dừng gót bên một gốc cây mọc cạnh vách nhà. Anh ngồi thụp xuống dưới cửa sổ con, rồi từ từ nhô đầu lên nhòm vào. Một bóng người cúi lom khom bên chum nước; tiếng bát đĩa kêu lạch cạch trong chậu sành mà bàn tay bà đồ run lẩy bẩy vì nước giá đang cọ rửa. Bữa rượu của ông đồ mãi đến tận canh hai mới xong. Bà đồ phải thức để hầu hạ ông chồng, để ngồi nắm than trong khi ông đã ngậm cả que tằm nằm lăn ra ngủ. Rồi giữa tịch mịch của đêm khuya, bà luôn ngóng chờ tiếng guốc của con. Đêm nào Vĩnh cũng la cà dưới bến, có khi ngủ nhờ nhà bạn, có khi ngủ nhờ dưới thuyền. Đêm mùa hè, anh nằm ngủ ngay trên bến, trên những tấm ván thuyền bắc làm cầu lên xuống.

Nếu quá canh tư mà Vĩnh chưa về, bà đồ lại phải cầm đèn xuống bãi tìm từ lều này qua lều khác, không thấy thì bà lại xách đèn lom khom đi suốt bến, hỏi khắp các thuyền bè. Bà chỉ lo Vĩnh quá buồn bực mà bê tha cờ bạc, lẫn vào những chỗ có bàn đèn, hay là quá chén mà ngã dúi vào một xô nào thì khốn.

Từ nãy, mắt Vĩnh mờ đi, nhìn theo bóng mẹ. Lòng Vĩnh xót xa khi thấy mẹ úp xong bát vào chạn, rón rén ôm cái chăn của bà đắp thêm vào mình ông đồ đang ngáy. Bà thối tắt đèn. Vĩnh nghe tiếng chiếu sột soạt trong bóng tối: mẹ anh đã nằm xuống tấm ổ rơm, co quắp dưới manh chiếu rách. Có cái giường tre bà đã nhường cho chồng nằm, có hai tấm chăn bông cũ bà cũng nhường cả cho chồng đắp.

Lúc này, anh biết, mẹ anh tuy nằm đó nhưng vẫn còn mở mắt đợi nghe tiếng guốc của anh.

Nước mắt bỗng dưng dàn dụa, anh càng thương mẹ vô ngần, anh muốn lén ngay vào ngủ bên chân mẹ, song nghĩ đến ông đồ, anh lại cắn chặt môi, gục đầu vào thân cây. Anh khóc như một đứa trẻ còn thơ dại. Lời ông đồ sỉ vả anh giữa đêm khuya hôm anh ở nhà bạn, hay vui chơi trong quán nước về, lời ông nhiếc mắng tàn nhẫn mẹ anh khi ông quá chén lúc này lại như theo tiếng ngáy ở trong lều vẳng đưa vào tai anh. Anh thấy anh không còn thể phục tùng người cha khó tính, cố chấp, rượu chè như vậy mãi, mặc dầu

anh đã viện tất cả chữ nghĩa thánh hiền chứa trong đầu anh để dẹp lòng uất phần. Đã nhiều lần Vĩnh định bỏ nhà, nếu chẳng còn vương mẹ.

Tối nay, tránh cơn say của ông đồ, Vĩnh phải xuống bến đi lang thang dưới cơn mưa gió, và sự tình cờ dắt anh đến cô gái lạ kia. Men say của mối tình mới mẻ, lúc này sức nghĩ tới, làm anh rạo rức. Vĩnh bước đi, xa tiếng ngáy của ông đồ, xa cái gác bếp tối tăm trong đó người mẹ thân yêu đang nằm ngóng đợi anh.

Gió trên đỉnh núi rừng rợn rít từng hồi, quạt vào da thịt anh như những ngọn roi. Đến một túp lều bên khe núi, anh đứng lại. Đó là túp lều của người phu già vừa chết thương hàn được mấy hôm nay, bây giờ bỏ hoang không ai dám ở. Vĩnh bước vào, ngồi xuống đồng rơm. Dưới chân anh, ở cái bãi tối mịt mù và rộng mênh mông kia, những ống khói của sở than, sở mỏ nhô lên trên những mái thấp đen sì nối liền như bát úp. Đó đây có ánh lửa chập chờn; đấy là một hai sòng bạc mà bọn áo rách đang bóc lột nhau, và đấy là những hàng cơm mở gần tới sáng bán cho khách ở sòng ra, kẻ thua cũng như kẻ được, ăn cho no, nốc rượu cả chai để chờ rạng sáng lại đi làm.

Vĩnh nhìn sang ngôi làng xa tít bên kia sông. Những bóng đèn ở đâu, người con gái xinh đẹp ấy đang nằm ngủ say bên gốc dừa nào trong khoảng nước trời đen đặc tối? Vĩnh chỉ thấy ở ngoài biển, xa, rất xa, ánh ngọn hải đăng sáng lập lờ. Lắng nghe tiếng sóng biển đêm vọng lại rõ hơn cả mọi đêm khuya khác, Vĩnh cảm tưởng trời đất đêm nay cao rộng hơn, người con gái mất hút vào trong đó, chẳng còn bao giờ thấy...

Chưa bao giờ Vĩnh phải buồn vì một người con gái bởi anh chưa khi nào thất vọng. Nhờ vẻ đẹp trai, miệng nói có duyên, lại có chút nho học, có sức khỏe, và nhờ tính nết ngay thẳng khí khái, Vĩnh đã được hầu hết cô gái ở bến này yêu mến. Thường ngày Vĩnh ít nói cười là tại anh buồn vì cha, thương mẹ già cực khổ. Thực ra Vĩnh là người vui tính. Hôm nào được thư thái, anh cất tiếng ca hát thì các cô gái đang ngồi sấy than đãi cát trên bến đều ngẩng lên nhìn, lắng tai nghe. Tiếng hát ấy cũng giúp sức cho những

cánh tay rắn khõe của các bạn anh đang cồng lưng đẩy những xe goòng chạy rầm rập trên đường sắt.

Vậy mà đêm nay, Vĩnh đã tê tái buồn vì cô gái bên sông. Cô gái làng Sơn Hạ! Cô gái đã dám chở con thuyền thúng nhỏ đèo ngang sóng mạnh qua sông dưới trời khuya mưa gió. Cô gái đã cười bảo anh rằng “Nếu thuyền có lật thì em bơi”... và cô cũng ngộ tình cảm với anh, nếu không, sao cô lại hẹn “ngày mai, em trèo lên một cây dừa cao nhất, buộc một tờ giấy hồng điều cho ông dễ tìm thấy nhà”. Vĩnh nhủ lòng: “Sao người con gái ấy lại sinh ra ở làng Sơn Hạ! Một làng ăn cướp!”. Sơn Hạ, đó là một địa danh heo hút mọc lên không biết tự thuở nào trên con bờ [3] dài rộng giữa ngã ba sông lớn thông ra cửa biển Đông. Dân thôn xóm đất liền xưa nay vẫn coi Sơn Hạ là hoang đảo, ít khi tiếp xúc. Người lương thiện không mấy ai nói đến nó, hoặc có nói thì cũng bằng một giọng rẻ khinh. Nhưng điều đó không hề làm suy giảm tình yêu trong lòng Vĩnh lúc này. Anh muốn yêu một cô gái khác thường, một mối tình liêu lĩnh, dù rằng anh hình dung cô gái xinh tươi ấy đã nhiều lần cầm vũ khí đi cướp bóc ở một làng nào đó, đã xông xáo chém đứt một cánh tay, một cái đầu, đâm thủng bụng kẻ này, xuyên ngập lưng kẻ khác. Cái bàn tay thon nhỏ ấy đã múa lưỡi dao sáng loáng đỏ máu người. Cái bàn tay ấy vừa rồi đã dịu dàng giơ tay lên vuốt mấy sợi tóc mai bay trên làn da mát mịn, đã như con bướm nhỏ ngoan ngoãn nằm trong bàn tay rắn chắc của anh tối trước, khi cô bước xuống thuyền.

Vĩnh nhìn xuống quán nước của mẹ con Nhàn. Người con gái lành hiền ấy cũng có cặp mắt bồ câu, miệng cười tươi tắn, đôi bàn tay mềm mại, trắng muốt lành hiền như tất cả đức hạnh của cô. Bàn tay hiền dịu ấy, lúc nào Vĩnh đi qua, cũng nựng vỗ đưa em nhỏ trong lòng, hoặc tằm trầu mời anh. Mới đêm nào chớm rét, bàn tay ấy đã vá áo cho anh.

“Nhàn ơi!” - Tên cô gái lành hiền gợn rung trong tâm tưởng Vĩnh như cơn gió bắc. Anh tự trách lòng tại sao lại hững hờ với Nhàn. Còn mấy cô gái khác: Hiền, Thoa, Cúc, Lộc, họ cũng yêu anh lắm mà anh có thực tình lưu ý đến họ đâu. Có lẽ tất cả tâm tình thâm kín, mạnh mẽ ở lòng anh, anh

chờ đêm nay sẵn sàng dâng cả cho người thiếu nữ xa lạ ấy. Anh cho là duyên số, và anh thấy rằng cuộc đời anh cũng từ đêm nay phải thay đổi ít nhiều.

Vĩnh ngả lưng xuống nệm rơm, mệt mỏi, thiu thiu ngủ.

Mờ sáng, mở mắt ra anh đã thấy mẹ ngồi bên cạnh. Bà nhìn con, lắc đầu.

- Con cứ ngủ xó xinh thế này à, ngộ cảm chết còng queo ra thì mẹ biết làm sao. Về ăn cơm, rồi còn xuống bến làm. Bố mày đã thức dậy đâu. Đây, mặc thêm áo vào. Cứ cậy khỏe mà phong phanh thế, ho thì lại khổ mẹ thôi.

Vĩnh đỡ cái áo vàng ở tay bà đồ. Anh vờ cúi đầu cài khuy áo cho bà khỏi biết mắt anh đang ướt. Anh đi sát vào bên mẹ. Bà đồ xuýt xoa, lập cập dầm đôi guốc mòn lên những hòn đá vụn.

Vĩnh nhìn làn khói trắng ở mái bếp nhà anh đang bốc lên cao, loãng đần trong gió.

\*\*\*

Còi tầm vừa dứt. Vĩnh xuống bờ sông rửa mặt, chân tay bám đầy bụi than. Buổi trưa nay mưa phùn đã tạnh. Trời khô hoe hoe nắng, mù núi đã tan, nước sông chảy êm đềm. Vĩnh nhìn ra cù lao nhỏ ở xa xa. Thốt nhiên Vĩnh reo lên một tiếng. Mắt anh rực sáng. Thái độ ấy khiến Lũy, bạn anh, phải ngạc nhiên, ngẩng đầu lên hỏi:

- Cài gì vậy, Vĩnh?

Vĩnh không trả lời. Anh đắm đắm nhìn một ngọn dừa trên dải cù lao xanh, có một tờ giấy hồng điều bay phấp phới.

Tâm hồn Vĩnh bỗng dưng xao xuyến tưởng như mọc cánh bay ngay đến đấy. Cô gái làng Sơn Hạ đã giữ lời hẹn ước, đánh dấu nhà cô cho anh dễ kiếm tìm. Vĩnh sung sướng thấy mình được yêu. “Chắc người ấy đang mong mình lắm”. Nghĩ vậy, lòng Vĩnh càng xao động, tươi tỉnh thêm ra. Chưa có cuộc đắc thắng trong tình yêu nào làm cho anh xúc cảm đến mức điên rồ lên được như cuộc đắc thắng này. Chiếm được tình yêu cô gái lạ kia, anh chưa hề phải tốn công, anh chưa từng phải chờ đợi, kết quả tới mau chóng quá đến nỗi anh tưởng người đẹp bên sông ấy cợt đùa anh.



Nhưng lúc này Vĩnh muốn tin tưởng hơn là ngờ vực, mặc dầu cái tên “cô gái Sơn Hạ” vẫn làm rờn rợn lòng anh. Đây là một cuộc chơi dao sắc, không phải là yêu một cô gái nhà lành, ngoan ngoãn như Nhàn. Anh biết thế, song dải giấy hồng điều trên ngọn dừa xa xa bay rướn lên theo gió, tựa hồ vẫy gọi anh sang. Vĩnh dấn mạnh vào lưng Lũy, làm cho anh này ngã lộn đầu xuống nước. Anh ta ngoi lên nhìn theo Vĩnh, miệng há hốc, lẳng lặng cúi xuống vượt nước trên đầu tóc. Vĩnh lao mình chạy trên bãi, nhảy qua cả những xe goòng. Thấy anh bỗng vui vẻ thế, mọi người cười rộ cả lên. Vĩnh cũng cười theo, âu yếm nhìn các bạn.

\*\*\*

Thuyền ra giữa sông. Vĩnh chèo mãi miết. Mắt anh ngắm thẳng vào tờ giấy hồng điều bay phấp phới, mỗi chốc mỗi gần thêm. Da thịt nóng bừng, anh không còn biết rét. Con thuyền mỏng mảnh chồm lên chúi xuống trên làn sóng, trườn nhanh, nước bắn cả vào lòng thuyền.

Gần hơn, gần hơn nữa, thuyền Vĩnh đã sắp tới rừng dừa. Bao nhiêu sức mạnh dồn cả vào đôi cánh tay to bắp. Vĩnh lướt mái chèo. Tim anh cũng đập rộn theo sóng vỗ. Đôi cánh tay anh chột như mềm lại. Mái chèo sững yên dưới nước. Anh chăm chú nhìn về phía cô gái dáng hình thon thả, khuôn mặt trái xoan, cặp mắt dài hơi xếch đen lạnh lánh, làn môi mọng hé ra, lộ hàm răng trắng muốt. Cô đứng tựa vào một thân cây dừa, giơ tay vẫy. Mái chèo lại mạnh mẽ khuấy dòng nước xám xanh, mũi thuyền xé sóng vút nhanh hơn trước. Thuyền đã lách vào khóm sậy.

Vĩnh nhảy lên bờ. Cô gái vẫn đứng yên, tình yêu trong sóng mắt - đôi mắt sắc như dao cau, đôi mắt đẹp hơn đôi mắt của Nhàn. Vĩnh nắm chặt hai bàn tay cô. Quanh đảo dừa, gió hú. Lá dừa quất vào nhau sần sạt. Dải dây lưng màu cánh chả của cô gái cũng múa bay lên.

- Hồi chờ anh lâu quá. Em nói dối anh Phiên em là em đi chợ, để ra đây đứng ngóng anh. Anh chở thuyền nhanh nhì. Nhanh hơn cả anh Phiên em đấy. Hôm nay biển lành. Anh Phiên em vừa mới cùng các anh trai đảo rủ nhau đi nghề, có lẽ dăm hôm nữa mới về. Em đã nói trước với thầy em, hôm nay anh sang chơi...

Hai người đi bên nhau, len lách qua những gốc dừa cao vút, rợp bóng xanh. Lá reo trên đầu, cỏ mềm nép dưới chân.

- Kia, nhà em đây rồi.

Nhà Hôi là một gian nhà xinh xinh, bên một gốc đa cổ thụ. Ngoài có đậu nửa đàn cánh sẻ bao quanh. Trong vườn trồng hoa, rau cải, su hào. Hôi mời Vĩnh vào sân. Thấy một cụ già ngồi vá lưới, Vĩnh đưa mắt hỏi Hôi. Cô khẽ nói:

- Thầy em đấy.

Nói rồi cô lùi lại rẽ vào bếp. Vĩnh bối rối chưa biết khi đến trước ông già, anh sẽ tự giới thiệu thế nào. Nhưng ông cụ đã ngừng tay kim, gạt đầu, hiền từ nhìn Vĩnh.

- Mời cậu vào chơi trong nhà.

Nghe giọng nói dịu dàng của ông già, Vĩnh thấy yên lòng.

Anh theo ông vào ngồi trên chiếc giường tre, dưới chiếu trải ổ rơm. Ông ngồi xếp bằng tròn, nạp thuốc vào điếu, hai bàn tay xương xẩu run run gí đầu que đóm vào ngọn đèn con, mắt mở to nhìn cho rõ ngọn lửa đèn bé bằng hạt đỗ. Làn khói trắng che mờ mái tóc bạc và khuôn mặt quắc thước đen sạm của ông già. Ông trầm ngâm, chờ cho khói thuốc tan đi mới từ từ với tay nhắc cái khay chén trên bàn thờ xuống, cầm mảnh vải điều lau từng cái chén.

Cử chỉ chậm chạp của ông lúc này trái hẳn với vẻ niềm nở lúc Vĩnh mới vào sân, khiến Vĩnh lại hồi hộp, lo lắng. Anh đưa mắt ngắm quanh nhà. Trên hai cột giữa treo một cây đàn nguyệt, một ống tiện. Mặt vách chỗ nào cũng toàn là câu đối hán tự viết lối đa thảo, gân guốc, bay bướm. Anh lăm lăm đọc từng bức một. Văn hay ý đẹp khiến anh thích chí, bất giác ùi anh khẽ rung mà anh không biết.

Hôi ở dưới bếp lên, nhẹ nhàng bước đến sau lưng Vĩnh, hai tay đưa cha ấm nước sôi. Thấy Vĩnh rung ùi hết một thư sinh thời nghiên bút, cô suýt bật cười. Vĩnh giật mình đưa mắt nhìn Hôi. Má cô, ở bếp ra, đỏ hồng hồng và đôi mắt thêm đen lánh.

Cô cúi đầu đưa tay che miệng rồi e lệ bước ra sân. Vĩnh ngượng nghịu, mặt anh cũng đỏ bừng.

Trà đã ngấm, ông già rót nước ra chén. Lúc này ông mới để ý ngắm người con trai lạ ngồi trước mặt. Vĩnh ngượng nghịu thêm, anh vờ ghé mắt nhìn bức hoành phi treo bên gian hữu.

Ông già nhẹ gật đầu. Trong khi để ông già ngấm diện mạo mình, Vĩnh đã tự tin dù khó nết đến đâu ông cũng không chê anh được. Buổi trưa, nhìn thấy tấm giấy hồng điều bay phấp phới trên ngọn dừa anh đã chạy như bay đến nhà người bạn hỏi mượn bộ cánh trắng vào, cũng không quên đến bác thợ cạo già cắt tóc cạo râu. Chị Năm, vợ bạn anh, cười với chồng, khen rồi rít: “Khuôn mặt bác Vĩnh hồng hào, vuông vắn, thành ra đội chiếc khăn của nhà tôi đẹp lắm. Chứ nhà này mặt quắt lại đen, đội xấu xấu là. Cặp áo the bác Vĩnh mặc thì vừa vặn, nhà này mặc thì dài rộng quá! Gớm, con nhà nho có khác, trắng bộ vào thế kia thì gái nào chẳng bỏ nhà theo”.

Ông già nhắc chén trà mời Vĩnh:

- Cậu xơi nước đi cho nóng.

Vĩnh lễ phép đỡ chén nước của ông đưa. Ông nhấp từng ngụm nhỏ, chậm rãi nói:

- Con em Hồi nó đã nói chuyện với tôi về cậu. Nó tin chắc hôm nay thế nào cậu cũng sang chơi. Ấy, lúc sáng thấy chim khách hót ngoài bụi trúc, tôi cũng đoán ngay là có khách. Thế nào, cụ Cử bên nhà có mạnh không. Cụ vẫn làm thơ như thường đấy chứ?

Vĩnh ngạc nhiên:

- Bẩm, cụ cũng biết thầy con?

Ông già vuốt râu cười:

- Tôi thường nghe người ta nói bên bên có cụ Cử thơ hay, chữ đẹp. Tết năm nay tôi định sang mừng tuổi cụ, xin bức đại tự treo nhà. Bình sinh, tôi chỉ thích chơi câu đối, cậu ạ. Nhờ tổ ấm khi xưa, tôi cũng được đôi năm đèn sách, nhưng rồi cũng chẳng nên công cán gì. Con em Hồi và thằng anh Phiên nó, tôi vẫn bắt học khi nào rảnh rỗi, song chúng tối dạ lắm, học đâu bỏ đấy ngay. Thấy em nó nói cậu có lòng mến em, mến tôi mà hôm nay

sang chơi, thực bụng tôi rất mừng. Ở cái đất làng này, nói nhỏ riêng với cậu, con trai con gái chẳng ra sao cả. Tôi vẫn buồn phiền lắm. Nay được cậu thỉnh thoảng có thời giờ sang đây làm bạn với hai em, dạy bảo cho hai em mỗi khi dăm ba chữ, thật là quý hóa. Tôi bây giờ yếu rồi, lẫn cấn rồi, sinh lười cậu ạ. Ở gần sông, gần biển rét lắm, cứ ốm đau luôn. Hễ trời ấm ráo như hôm nay mới ngồi dậy được, cất nhắc một vài việc cho giãn tay chân một chút.

Những lời thân mật của ông cụ làm cho Vĩnh cảm kích, mừng vui. Anh biết những lời lẽ ấy cũng đã lọt vào tai Hồi đang đứng nghe trộm đằng sau vách, vì thỉnh thoảng anh nghe thấy tiếng động.

Vĩnh kính cẩn đáp lời ông già:

- Mới buổi đầu cụ đã thương con như là con cháu trong nhà, không còn gì may mắn cho con hơn.

Anh ngừng lại, bởi anh ngượng nghịu vì câu anh sắp muốn nói ra. Trong khi ấy anh thò ngón tay út vào chén nước, cời ra một con ruồi mới sa vào.

- Thưa cụ lát nữa về, con sẽ thưa chuyện với thầy mẹ con để thầy mẹ con có lời sang thưa cùng cụ.

Ông già rót nước vào chiếc chén khác, mời anh.

- Cậu xơi đi. Cái con em Hồi nó ướp nhiều hoa sói vào trà, thành ra uống nước đầu, hương nồng quá. À thế nào, những vế chữ này, cậu thấy có tạm được không? Cứ hôm nào con em Hồi đi chợ, thằng anh Phiên đi biển vắng, ở nhà một mình buồn, tôi lại viết nhảm nhí chơi. Gân tay yếu rồi, chữ trông run lắm nhỉ?

- Thưa cụ, câu văn nào cũng rất chỉnh, điển cố dùng rất đắt. Còn bút pháp thì con thấy thực là già, mạnh. “Bút linh diện nhập thần”. Có thần trong nét chữ, thưa cụ.

Ông già vuốt râu, khà một tiếng, ngửa mặt nhìn người khách trẻ, biểu lộ tình cảm trìu mến.

Có một bóng người qua ngoài cánh giại. Vĩnh nhìn ra. Hồi đứng giữa sân, tay bưng chiếc rá. Bỗng ở đâu kéo tới một đàn ngan trắng kêu vang, xúm xít dưới chân Hồi, tranh nhau những hột cơm, hạt thóc mà cô đang rắc

xuống. Mấy con bồ câu trắng trên mái giạ bay sà xuống đậu vai Hôi, rồi bay tản ra các góc sân.

Vĩnh say sưa ngắm cô gái đẹp giữa đàn ngan trắng, bồ câu trắng. Anh cảm thấy đó là một bức tranh tuyệt đẹp.

Ông già khẽ gọi:

- Hôi à, con liệu làm cơm khách nhé. Ra chợ xem có cá mè tươi mua về làm gỏi. Hôm nay ấm trời, ta đánh chén với gỏi cá thì tốt lắm, phải không cậu?

Vĩnh chưa bao giờ cảm động sung sướng bằng lúc này, có lẽ là lần đầu trong cả cuộc đời anh. Hôi đã cặp rổ ra ngoài ngõ. Anh liếc trông theo, thấy Hôi ngoảnh lại nhìn anh miệng cười chúm chím.

### III

-Lấy cho tôi chai nữa, cô Nhàn!

Vĩnh đặt mạnh vỏ chai xuống chõng. Mắt anh đỏ ngầu.

Nhàn ngồi nép bên cái tủ nhỏ và cóng nước trà tươi, rung rung đưa em nhỏ trên tay đang khóc.

- Thôi, anh Vĩnh, say rồi đấy, về mà nghỉ.

Vĩnh quay nhìn ra ngoài dòng sông tối, giọng anh thấp xuống như nói với ai kia đang mong chờ anh ở bên sông.

- Tôi không về..., không bao giờ tôi còn về nữa. Có lẽ tôi sẽ phải bỏ nhà bỏ cửa mà đi...

- Đấy, anh Vĩnh, say thực rồi. Về đi kéo cụ bà lại phải xuống tìm. Trời rét mướt...

Vĩnh gục mặt vào lòng bàn tay, tóc anh rũ rượi. Anh lẩm bẫm:

- Cơ sự thế này thì tôi đến phải bỏ nhà mà đi mất... Ai lại mắng chửi mình, xô đuổi mình như con vật...

Hớp rượu cuối cùng chưa kịp nuốt đã sặc, rồi thì nôn thốc nôn tháo, Vĩnh ngã đầu tựa vào cột tre, mắt nhắm nghiền.

Một lúc, mở mắt, anh thấy Nhàn đứng đắp chiếc khăn dúng nước nóng vào trán anh. Vĩnh nắm lấy cổ tay Nhàn, giọng anh mệt nhọc:

- Cô Nhàn!

- Dạ...

Nhàn không rút tay lại, má đỏ bừng, cúi nhìn xuống đất. Vĩnh kéo Nhàn sát lại gần.

- Tôi cảm ơn Nhàn...

Cổ anh nghẹn lại. Anh nhớ đến những lần ông bố quá say, mẹ anh cũng sợ hãi đắp khăn nóng vào trán ông như thế này. Anh nhớ đến vẻ mặt buồn phiền và đôi mắt chứa đầy thương xót của bà nhìn cha anh, rồi bà buồn phiền cúi xuống, cũng như Nhàn... Nhàn lúc này đây, sắc sảo anh như một người vợ, cũng có vẻ mặt sầu khổ và đôi mắt ướm lóng lánh nhìn anh vô cùng thương cảm. Anh xiết chặt hơn cổ tay Nhàn:

- Tôi cảm ơn Nhàn lắm...

- Có gì đâu ạ, anh Vĩnh!

Hơi thở Nhàn rộn lên vì xúc động. Bỗng Vĩnh rời tay Nhàn ra, gọi một cái bóng vừa thoáng qua ngoài bến tối:

- Lũy! Xuống thuyền chờ tôi nhé!

Anh đứng dậy, chụp chiếc mũ nồi bản thiu lên đầu, lão đảo bước ra.

Nhàn lắc đầu chán ngán. Cô thu hàng, khép tấm gại, trèo lên ghế thối tắt đèn.

\*\*\*

Lũy khép ván cửa khoang thuyền cho đỡ gió. Rồi anh thối mũi rơm châm đèn, rít một hơi điếu cày. Khói tỏa lên, lờn vờn đọng trên vòm mũi nửa. Sóng vỗ óc ách. Thuyền khẽ tròng trành như ru. Vĩnh nằm yên, mở to mắt nhìn vào mặt Lũy. Anh này đưa bàn tay sần sùi gãi cái sẹo ở cằm. Lũy kể:

- Ngày bé, đã có lần tôi theo mấy người anh em sang Sơn Hạ. Bên ấy mở hội to, người các làng vạn quanh đấy kéo nhau đến xem đông lắm. Những kẻ dám đặt chân vào đất Sơn Hạ ấy thấy đều là những tay chơi liều lĩnh và cần nhất là phải giắt dao trong mình.

Tôi nhớ rằng, sợ không được đi, tôi đã lên xuống thuyền trước, chui ván chui xuống nấp. Khi đến Sơn Hạ, chờ cả bọn lên bộ rồi, tôi mới chui lên

đuổi theo sau. Lúc này, thấy tôi, họ chỉ trợn mắt nhìn, đành cho theo vậy.

Chúng tôi đứng xem họ đấu vật. Tôi còn nhớ rõ mồn một cái gã đô vật của Sơn Hạ to lớn lạ lùng, gã đã thắng tất cả đô vật khác trong mấy ngày liền. Gã ta thách đô vật các nơi xem ai dám đấu tiếp. Có một người cũng to lớn chẳng kém gì gã ta xông vào. Mọi người đứng xem thì thầm bảo nhau đó là một tay thuyền chài ở vùng khác, vật có tiếng xưa nay. Rút cuộc, gã đô vật làng Sơn Hạ bị thua. Lúc sẩm tối, chúng tôi đang ngồi uống rượu trong quán, cô con gái bà hàng chạy về cười rú lên báo tin ngoài rừng dừa mới có một cái xác lòi cả ruột. Cô ả thản nhiên nhổ cốt trầu rồi tiếp: “Đó là xác tay đô vật thuyền chài bị anh đô vật làng Sơn Hạ mình giết đấy!”.

Ăn uống xong thì sẩm tối. Chúng tôi vào đình. Mới bước đến sân đình, tôi đã sồn tóc gáy vì thấy những cây thiết lĩnh, giáo mác sáng loáng cắm trên hai giá tre bày hai bên, dưới những lá cờ ngũ hành xanh đỏ. Bọn tuần tráng anh nào cũng khỏe mạnh đi đi lại lại. Trong đình, ở hai gian bên có mấy đám thò lò, xóc đĩa. Tiếng cười thét ầm ầm như chợ vỡ. Thịnh thoảng lại có cuộc đánh nhau; con gái, trẻ con chạy ùa cả ra ngoài. Giữa đình, phường chèo đang hát. Phường hát này mà dám nhận đám ở đây chắc cũng phải là một phường hát có gan, tay trùm cũng phải là tay ăn chơi giỏi võ.

Có một người kể chúng tôi nghe: “Một năm, phường hát này có cô đào đẹp lắm. Anh con trai một ông vạn ngộ nghịch, võ nghệ giỏi xưa nay, trông gheo cô đào hát. Bố cô đào đánh ngay con trai ông vạn ở giữa đình. Anh trai này bị thương, nhưng anh ta không tính việc báo thù. Sáng hôm sau anh làm cơm rượu ra đình mời cả phường vào thết đãi. Từ đấy, phường hát này được trai làng Sơn Hạ phục và cũng từ đấy hễ có hội hè đình đám là phường lại được dân Sơn Hạ đi mời.

Chúng tôi ra đám hát trống quân. Gái làng này đẹp lắm, cô nào hát cũng hay. Trai trong làng, trai các nơi, hễ anh nào hát thua thì bị các cô làm cho xấu hổ, cho nhục nhã. Các cô bảo trẻ con lên vào đứng sẵn sau lưng, anh nào thua, tức thì chúng đổ ngay nước tiểu vào đầu, vào quần áo. Mà anh nào thắng thì có thể bế xốc ngay cô gái lên đùi, cũng có thể dắt cô ấy vào

rừng dừa, ra bờ sông, vào ruộng rau, cắt tàu lá chuối trái xuống đất thay manh chiếu.

Cái trinh bạch của các gái tơ làng Sơn Hạ không có nghĩa lý gì. Kể cả đàn bà có chồng có con rồi, trinh tiết, họ không cần giữ. Chỉ chết những thằng đàn ông. Anh nào bị phồng tay trên thì lẳng lặng đến nhà hàng nốc cho say, rồi tìm bác thợ rèn cuối chợ, mua một con dao nhọn sắc. Công việc tính toán với nhau rất chóng. Một cái xác buộc vào hòn đá vớt ra sông, nó sẽ từ từ trôi ra biển.

Một đêm hội hè vui vẻ, một đêm trai gái mặc sức nô đùa, vài ba cái xác trôi đi là thường lắm. Trong khi ấy thì những cặp nhân tình cứ tự do dắt nhau đi dưới ánh trăng, ra rừng dừa, ra vườn rau, ra bờ sông, trái tàu lá chuối xuống nằm, trái ngay trên miếng đất còn ướt máu, còn vài ngón tay bị chém vương vào chân cỏ. Án mạng trên cái đất Sơn Hạ này, ngày thường cũng như ngày hội, xảy ra nhanh chóng, dễ dãi như là ta nhai dập một miếng trầu. Các xác buộc vào hòn đá nặng cứ việc trôi ra sông ra biển, để cá nó ăn cho béo. Mà cá béo thì lại lọt vào lưới của chính những kẻ đã giết người, không cần hối hận. Họ đem cá đi bán cho cha mẹ, vợ con những kẻ xấu số đã nằm trong bụng cá kia. Quan không làm gì họ, bởi huyện ở xa, phủ ở xa. Đến nơi thì tang tích không còn. Thực ra, quan cũng ngán, chẳng muốn dây vào làng hủ”.

Nhưng đó là làng Sơn Hạ mười mấy năm về trước. Bây giờ, anh Vĩnh ạ, tôi chắc dân đã khá thuần rồi.

Một điều ta nhận thấy là từ khi anh đến ở bến này, có nghe thấy nói làng Sơn Hạ đi cướp bóc ở đâu chưa? Có thấy một cái xác trai gái nào trần truồng giạt sang bến này không? Xưa kia chính mắt tôi luôn thấy. Đã một lần, tôi ra đây vo gạo, thế nào mà đặt ngay cái rá lên mớ tóc nổi lênh bênh.

Lũy cười phá lên, cái miệng đã méo sắn của anh ta xéch hẳn sang một bên, má đầy những hột cơm, sẹo nhỏ.

Vĩnh không cười. Mặt anh đượm một nỗi buồn thâm kín.

Lũy thấy Vĩnh không cười thì ngấn mặt ra. Anh nói:



- Có phải thế không? Tôi cũng nghe đồn bên Sơn Hạ, mấy năm nay, người ta giẫy cả vườn hoang để cày cấy. Một nửa dân làm ruộng, một nửa dân vẫn theo nghề chài. Thịnh thoảng con trai bên ấy chẳng sang đây mua than bán cá là gì đấy. Họ cũng lương thiện y như chúng mình. Thí dụ anh chàng đem nợ vào đánh bạc trong sòng bạc bác Cai, dắt theo một cô gái xinh xinh ấy. Vĩnh còn nhớ chứ? Anh ta lành ra phết, thua sáu bảy đồng mà chẳng cúi kính gì. Thế mà bây giờ người ta vẫn khinh ghét làng Sơn Hạ. Ai cũng yên trí ở Sơn Hạ trai thì ăn cướp, gái thì làm đĩ, loạn dâm. Cái miệng người đời chó lăm!

Lũy thở khói thuốc lào, dụi mạnh tàn đóm xuống sạp thuyền. Đoạn anh nằm xuống, kéo chiếu đắp cho bạn và đắp cho mình.

Lát sau, anh ngoi đầu lên khỏi mép chiếu, giọng chán nản:

- Vĩnh ơi, thế anh có hết lòng giúp tôi cái việc hệ trọng nhất đời đó không?... Cái việc Nhàn ấy mà...

Vĩnh ngồi lên, âu yếm vỗ vào đầu Lũy:

- Tôi giúp anh. Anh có thể tin chỉ từ giờ đến Tết, Nhàn sẽ là vợ anh. Cứ cố dành tiền đi, rượu ít chứ.

Lũy vẫn chán chường:

- Ít lâu nay tôi sinh ra rượu chè là tại tôi rất buồn vì Nhàn. Cô ấy không yêu tôi, có thể nói cô ấy ghét tôi. Tôi biết mình xấu xí, chẳng bằng ai, nhất là chẳng bằng anh. Nhàn mê anh lắm, tôi biết. Tối nào tôi cũng phải đi qua nhà Nhàn, chứ không dám vào. Vào thì ra về thêm túi, lại phải nốc thêm dăm cút rượu nữa mới đặt mình ngủ được. Ban nãy tôi đứng bên ngoài, nhìn Nhàn chườm khăn nóng vào trán anh. Giá Nhàn làm thế cho người khác thì tôi đã xông vào, nhưng Nhàn sẵn sóc anh là đáng lăm. Đã có lần tôi khổ sở quá, uống cả một chai trước mặt Nhàn, rồi gục xuống. Thế mà Nhàn cứ mặc xác tôi nằm đấy. Như vậy anh bảo tôi còn hy vọng nổi gì?

Lũy gằn như muốn khóc. Vĩnh ấn đầu bạn xuống mỉm cười:

- Anh cứ tin lời tôi. Tôi chắc mai một anh sẽ được ngồi nói chuyện với Nhàn.

Lũy thò tay ra ngoài chiếu, giơ lên một chuỗi dây xà tích bạc.

- Đây này, tôi đã nhịn may áo, mua cái này định biếu Nhàn. Nhưng gặp Nhàn, tôi lại hồi hộp..., thế rồi thì không dám bỏ ra, không dám nói câu gì cả.

Vĩnh bật cười thương hại bạn:

- Sáng mai anh đem bán lại nó cho hàng bạc, lấy tiền may áo rét, hay bỏ ống để mai mốt mà mua trâu cau.

Vĩnh kéo chiếu lên đắp kín đầu Lũy, rồi anh với tay ra mở cửa thuyền. Đêm nay, ánh trăng mùa đông lạnh lẽo rải trên sông, trên bến. Nhìn tảng đá bên đường goòng Vĩnh nghĩ đến tối qua anh ngỏ lời xin cha mẹ cho anh lấy Hôi. Ông Cử thét: “Mày mà lấy nó thì tao từ. Tao như thế này mà lại đi thông gia với quân kẻ cướp à? Tao còn sống đây, lại để mày mang con giặc cái ấy về nhà này ư? Giấy rách phải giữ lấy lề. Mình tuy nghèo khó, nhưng ở cái bến này ai cũng có lòng kính nể. Nay mày rước đứa con gái ở cái làng ăn cướp ấy về làm dâu tao, thì phỏng mày định bôi giơ trát trấu vào mặt bố mẹ mày ư?”.

Anh đã đau đớn, tức giận đến nỗi không sao nhịn được: “Ấy là thầy chỉ nghe người ta đồn đại những tiếng xấu cho cái làng ấy mà thôi. Hiện giờ, người ta cũng làm ăn lương thiện như mình. Cha anh cô ấy cũng có chữ nghĩa như mình, cô ấy cũng lành hiền trong sạch như là mẹ con...”.

Ông Cử vợ lấy cái chén ném vào anh, ông thét: “A, thằng này hỗn láo! Mày ví những quân ăn cướp với cha mày, so sánh con đĩ với mẹ mày”.

Rồi ông bước xuống giềng, kéo tay anh ra cửa. Bà Cử cuống quýt níu lấy áo ông: “Thôi, tôi lạy ông, con nó dại ông để tôi bảo nó...”. Nhưng ông hất tay bà ra, ông lôi Vĩnh xuống bến. Đến cái tảng đá bên đường goòng, ông đẩy Vĩnh ngồi xuống đấy, chỉ tay ra ngoài biển mịt mù: “Tao nói cho mày biết, bao giờ ngọn hải đăng kia tắt, tao chết, thì mày muốn làm gì mặc ý mày. Chứ ngọn lửa ấy còn, tao còn, thì tao quyết không cho mày lấy con giặc ấy. Tao để mày ngồi trên hòn đá này suốt đêm nay mà ngẫm”. Rồi ông lại trèo lên dốc núi. Vĩnh một mình gục đầu xuống cánh tay.

Vĩnh lắc đầu, cay đắng nghĩ đến lời ăn tiếng nói của người cha. Anh trông lên chân núi, gian nhà anh lơ mờ dưới ánh trăng khuya, trong đó

người mẹ già đang khóc vì anh.

\*\*\*

Tinh sương, Vĩnh đã sang Sơn Hạ. Phiên, anh Hồi, đang cuốc đất trong vườn rau, bước ra niềm nở đón anh. Vào giường ngồi, đã uống hết hai chén trà mà chưa thấy tiếng Hồi, anh băn khoăn nhưng hỏi thì không dám. Ông già cũng vừa ngủ dậy, từ trong buồng bước ra. Trông thấy anh, ông có vẻ bằng lòng lắm. Có tiếng cười của Hồi ngoài ngõ. Hồi bước lên thềm tình cờ thấy Vĩnh, mặt cô ửng đỏ. Có lẽ Hồi mừng thầm, nghĩ hôm nay Vĩnh sang sớm thế, chắc là để báo cho mình một tin mừng.

Phiên tinh ý mỉm cười, hỏi cho em đỡ thẹn:

- Cô ra chợ mua gì thế?

- Em mua một cái gương. Nhà chả có cái gương nào, em cứ phải đội khăn mò, có soi thì lại ra chum nước.

- Em tội đạo này sao hay làm dáng thế! Đưa anh coi gương có đẹp không.

Xem gương rồi, Phiên cười, nhìn em bảo:

- Chiếc gương sáng quá! - Và quay lại cười với Vĩnh - Chú Vĩnh ạ, em tôi về việc mua bán thì kén chọn sành sỏi lắm, chẳng mấy khi bị hớ đâu.

Má Hồi lại thêm ửng đỏ. Vĩnh đưa mắt nhìn Hồi. Cả hai cùng hiểu ý nghĩa câu nói của Phiên. Lúc này Vĩnh thấy quý người con trai ấy quá, muốn nắm lấy bàn tay Phiên thật chặt.

Một lát sau, Vĩnh bấm Phiên ra vườn. Vĩnh thú thật việc cự tuyệt của ông bố, giọng anh thành thực, đau buồn. Phiên cắn môi dưới, lắc đầu. Hồi nấp sau một bụi chuối, bước ra. Mắt Hồi đã ướt, nhìn Vĩnh:

- Thầy em và chúng em cũng đoán trước sự việc này rồi. Cái làng này, ai chẳng có quyền khinh. Bây giờ, tùy anh...

Vĩnh cúi nhìn xuống đất. Rồi bỗng anh nắm lấy tay Phiên và tay Hồi, mắt anh như rục lửa:

- Cơ sự đã thế này thì ngay từ hôm nay tôi không về nữa. Tôi sẽ dựng một căn nhà gianh ở làng này, để theo bác ra khơi, đợi khi nào thầy tôi hồi

tâm lại, sẽ hay.

Hồi ngược mắt nhìn Vĩnh. Hai bàn tay họ nắm chặt nhau, thầm trao tình gắn bó.

#### IV

Phiên và Hồi đã giúp Vĩnh dựng xong một gian nhà gianh vách đất bên cây đa cổ thụ gần ngay giếng nước. Hai nhà cách nhau chỉ một quãng, nên ngày nào ba người cũng qua lại chơi bởi thân mật. Mới được chừng nửa tháng, Vĩnh đã theo Phiên ra biển hai ba bận. Vĩnh khỏe mạnh, can đảm, sáng ý, thành ra học được nghề chài lưới chẳng khó khăn gì.

Một sớm, ông Trùm Vạn, bố Phiên bảo con đưa Vĩnh đi xem cảnh đảo, cùng lúc, thăm hỏi bà con trên đảo. Ông nói:

- Tôi cần báo trước với anh Vĩnh: dân đảo dừ này đều là tử chiếng quân cư. Phần đông ông cha họ xưa kia là những người cầm vũ khí trong các cơ đội hùng mạnh của Đề Thám, Tán Thuật, Cai Vàng. Những cơ đội nghĩa quân ấy đã dần dần tan rã chỉ do cái hèn nhát của một tên vua. Đọc sách sử, anh đã rõ.

Nghe ông Trùm giới thiệu gốc nguồn dân đảo, Vĩnh kinh ngạc, lạnh sống lưng. Ông trùm tiếp:

- Qua nhiều năm, họ rủ nhau kéo đến đây sinh sống, một lòng, một chí, chịu sự diu dắt của tôi. Họ thay tên đổi họ, tất cả chung một họ Trần. Tôi đã tình cờ tìm ra cái đảo này, đặt nhát cuốc đầu tiên xuống mảnh đất hoang này. Bởi thế, họ xây cho tôi cái sinh phần ở cuối đảo, lát nữa, anh sẽ thấy.

Vĩnh đã cùng Phiên đi hết đảo, đã thăm hỏi khắp mặt cư dân. Vĩnh nhận thấy họ rất đàng hoàng trong thái độ và ngôn ngữ. Phút giây đầu, anh mến họ và họ cũng quý anh.

Thấm thoát qua nửa tháng. Một buổi trưa, Vĩnh ra sông tắm; về, thấy đông nam nữ hội nhau trên mảnh sân rộng nhà cụ Trùm, người cầm đoản côn, người cầm mã tấu, đoản đao, giáo mác. Vĩnh đứng khuất mình ở một góc sân. Yên lặng như tờ. Ông Vạn ngồi chiếc ghế to đặt trên thềm. Ông giảng giải cho môn đồ nghe về võ thuật.

Vĩnh thêm kinh ngạc về lai lịch ông Trùm. Thì ra ông già này, thoạt nhìn hình dáng có vẻ suy nhược, tàn phế đến nơi (ngờ là ông chờ chết) lại là một con người toàn tài văn võ, khéo ẩn mình.

Cuộc thao diễn võ thuật kéo dài đến tận chiều. Lòng náo nức, Vĩnh vẫn đứng ở góc sân, sau một cây đại thụ, nhận xét tài lực của đám môn sinh ông Vạn. Cả nam lẫn nữ, người nào cũng mạnh, nhanh, song cách sử dụng binh khí đôi lúc, đôi người, còn khiếm khuyết, cần phải kịp sửa ngay. Bỗng ông Trùm cất tiếng lệnh cho Hồi ra đấu mã tấu với một thanh niên tráng kiện, khôi ngô. Hồi không chút rụt rè, vâng lệnh. Hồi vận lối võ sinh, đầu quấn khăn tím đầu rìu, quần màu mận ống bó chèn, áo màu xanh quần ngang lưng giải lụa hồng, chân dẫm đất. Vào cuộc, hai thanh mã tấu chạm nhau tóe lửa. Đường đao của cô gái biến hóa khá lạnh lẽ, có những nhát chém ngang, chém bổ thượng xuất thần. Địch thủ cô, không kém. Vĩnh tấm tắc khen. Qua mấy đường đánh huyệt, Hồi nghe như đã thờ. Đôi võ sinh dồn nhau tới sát vòng vây, gần ngay chỗ Vĩnh. Chàng trai dần dần dồn cô gái vào thế bí. Đỡ một đòn quá mạnh của đối phương, Hồi vô tình xoay lưng về Vĩnh. Quá hồi hộp, Vĩnh nói đủ Hồi nghe, mách người yêu một thế thủ, thế công. Tình yêu luôn sẵn luồng giao cảm, Hồi nghe tiếng Vĩnh, nghe hơi Vĩnh, thốt khỏe ra. Nhanh như làn gió, cô phá đòn địch, hạ mình thấp xuống, phóng đao quét ngang chân, tung mình lên, phóng cước. Đối thủ của Hồi kêu lên một tiếng, ngời bệt xuống. Cả võ trường hò reo. Ông Trùm vượt râu cười. Đôi mắt tưởng như kèm nhèm của ông già, thực tình, đã nhận rõ toàn thể hiện trường. Ông biết và mừng, thấy thẳng rể tương lai của ông đã khéo giấu mình ít ngày nay trước mặt ông. Anh chàng mách cái nước đỡ đòn hạ địch cho con gái mình ắt phải là một tay cao thủ, cũng là trùng ý ông lúc đó, song ông không thể lên tiếng “gà” cho con gái.

Hồi cúi đỡ anh chàng bại trận đứng lên, nói mấy câu nhún mình xin lỗi, rồi quay lại phía Vĩnh, đôi mắt đã sẵn đen nhánh càng thêm lóng lánh, chớp động hàng mi dài cong vút. Mồ hôi đọng trên vầng trán, cặp má anh đào. Hồi loay hoay nắn túi tìm khăn lau mặt. Vĩnh nhanh tay đưa Hồi khăn tay của anh, Hồi lau xong, nở nụ cười duyên, đút vào túi áo:

- Cảm ơn, cảm ơn anh Vĩnh!

Cách đó ba hôm, ông Trùm muốn biết thực tài Vĩnh, tự đánh công, triệu tập võ sinh tại sân nhà. Ông mời Vĩnh thao dượt một bài quyền, bài côn, bài kiếm. Thế chẳng thể đừng, Vĩnh đành phải vâng lệnh ông Trùm một mình đứng giữa sân, trước mấy trăm cặp mắt, biểu diễn mấy môn anh đã được một võ sư người Nghệ Tĩnh truyền dạy ban đêm trên đỉnh núi bên than.

Dân đảo, không thiếu mặt nào, hết lời thán phục người khách lạ. Từ buổi ấy, họ tìm đến với anh, khách lạ thành người quen, bạn quý. Riêng Hồi, kể làm sao xiết cái vui, cái mừng, cái trọng đối với Vĩnh, đóa hoa điểm phúc của đời cô.

Một hôm, Vĩnh nằm trong lều, nghe mưa gió. Anh nghe tiếng chân người rậm rịch chạy qua. Vĩnh vịn cao ngọn lửa đèn hoa kỳ, khẽ rút then cửa, lộ đầu ra. Phiên và Hồi vừa đi tới. Thấy Vĩnh, Hồi ghé tai nói nhỏ:

- Em có lỗi, không nói anh biết từ chiều. Canh ba đêm nay, thám báo của bố cho biết có hai thuyền Tàu Ô ở Móng Cái sang, đem hàng lậu vào Cửa Tùng bán. Bố cho lệnh đánh, thuyền mình phục sẵn tại ngã ba sông gần cửa biển. Chúng em sắp khởi sự cất quân. Anh ở nhà, chờ sáng tỏ, em về. Đừng nóng ruột, đừng lo gì cho em hết, nghe anh!

Nói rồi. Hồi vuốt má Vĩnh, thăm thì, giọng ngọt ngào mát rượi: “Nghe, anh! Đừng lo gì cho em nhé. Em đã quen rồi, anh Vĩnh à!”.

Vĩnh nhìn thẳng vào mắt Hồi, giọng như đao kiếm:

- Hồi thưa với bố, cho anh góp sức trận đánh này. Anh rất muốn coi tận mắt lũ giặc Tàu Ô khét tiếng hung ác xưa nay. Anh rất muốn coi tận mắt trai gái đảo dừ tung hoành hoạt động ra sao, nhất là trong đó có em, cô gái làng Sơn Hạ, cô gái yêu quý của anh, của cả đời anh.

Hồi đưa mắt nhìn Phiên. Người anh vui vẻ gật đầu. Tiếng công vắng tới. Hai anh em vội kéo tay Vĩnh cùng rảo bước đến “đại bản doanh”, sân nhà ông Trùm Vạn. Thấy Vĩnh trong ánh lửa những cây đuốc nhựa thông, ông Trùm giơ cao cánh tay vẫy mời. Vĩnh bước đến gần ông già. Ông bảo:

- Tôi chưa muốn để anh dự trận là vì còn e ngại! Nay anh có bụng hào hùng muốn cùng sinh tử có nhau, tôi xin mời anh đi. Anh giám sát thế trận,

thấy điều gì lợi hại, báo ngay cho chúng tôi biết. Không cần giữ ý.

Vĩnh khẽ vâng. Ông lại dặn thêm:

- Điều này, bác nói thật. Cái con bé Hồi của cháu ấy, nó gan dạ, liều lĩnh lắm đấy. Phải canh chừng nó, luôn luôn để mắt đến nó. Bác tin ở hành động khôn ngoan của cháu.

Canh hai, đoàn thuyền trai gái đảo dứa lạng lẽ tiến ra cửa biển. Canh ba, thuyền Tàu Ô đến, bị đánh bất ngờ. Tàu Ô nổ súng. Hồi, đoán kiếm cầm tay, né mình sau cột buồm to, bảo Vĩnh:

- Anh tưởng ta không có súng à? Anh chờ nghe đấy!

Lập tức, súng ở mấy thuyền dân đảo liên hồi trả lại súng Tàu Ô. Đạn giặc nhả thưa dần. Hồi, Phiên hét hiệu lệnh, cùng Vĩnh và quân nhảy cả sang thuyền giặc. Quân chiến bằng mã tấu, còn kiếm một hồi, giặc biển chết nhiều trên mặt sóng, một số nhảy xuống bơi trốn chạy.

Hồi cầm quân trận ấy, toàn thắng kéo về với hai thuyền hàng của Tàu Ô. Ông Trùm chia đều cho dân đảo. Cả ngày sau, Hồi nói cười vui vẻ. Hồi rủ Vĩnh đến bãi lau, ngồi đón cơn đông đang kéo đến. Vĩnh vuốt ve bàn tay trắng mịn của Hồi, bàn tay này, đêm qua, đã thọc lưới kiếm suốt bụng qua lưng tên cướp biển. Bàn tay dính máu. Tuy nhiên, Vĩnh vẫn thấy yêu bàn tay ấy, bàn tay người đẹp dám diệt cái ác, trừ cái hại cho thiên hạ. Cái đẹp chỉ có thực trong hành động. Vĩnh bồi hồi, đặt bàn tay ấy lên ngực Vĩnh.

Tuần sau cách đó, ông Trùm Vạn chỉ định Vĩnh cầm đầu một trận đánh thuyền cướp biển, có Hồi và Phiên bên cạnh. Trận ấy, Vĩnh vận dụng toàn trí lực, thắng rất nhanh, rút quân về cùng chiến lợi phẩm sớm hơn giờ ông Trùm chờ tin tức. Ông ôm Vĩnh, vỗ vỗ vào lưng, cũng không quên xoa đầu con gái quý.

Hồi bưng khay rượu, đồ nhắm đặt lên bàn. Ông Trùm rót rượu mời Vĩnh. Rượu ba tuần, ông vào buồng mở rương sắt, lấy ra thanh kiếm đưa Vĩnh xem.

- Thanh cổ kiếm đã nhuộm nhiều máu giặc. Kiếm tùy thân của ông Tán Thuật để lại cho ông cụ sinh ra ta đó. Thuở ấy, ta còn trai tráng, theo bổ sung quân, chuyên giữ ngựa cho ông Tán Thuật, sau chuyển sang theo hầu

ông Cai Vàng, được hai ông thương yêu, truyền võ nghiệp. Ông Tán Thuật trao ta thanh kiếm cổ này, dùng trừ diệt lũ quan văn bán nước, ôm chân giặc Pháp - Giọng ông thấp xuống: - Bữa nay, ta trao cho cháu. Tay yếu già rồi. Kiếm báu cất lâu hoen rỉ. Cháu dùng nó thay ta, thỏa mãn linh hồn các bậc tiền nhân, tiền bối.

Hai tay đón nhận cổ kiếm, Vĩnh cúi đầu:

- Cháu ghi ơn bác trọn đời. Cháu ở lều tranh trốn tránh sợ kẻ gian trộm mất. Xin gửi bác, khi nào dùng sẽ xin bác trao tay.

Ông Trùm ửng ý, cười ha hả, tiếng cười già trẻ tương tri.

Tiết trời sang hạ. Khắp rừng cây đảo ve sàu lạnh lớt. Vĩnh, một mình, ngồi bên bãi sậy, ôm cây đèn nguyệt mượn của cụ Trùm. Mặt trời đã khuất nơi chân mây đỏ rắng. Anh đèn đôi khúc, tiếng đèn gợn gợn oán than. Tâm trạng anh rối loạn, nỗi đau nghĩ đến mẹ già bên kia bến, thấm vào đường tơ, rung lên những âm thanh não ruột, Vĩnh có ý đợi Hồi. Cô đi đâu từ sớm, anh không biết, chỉ đoán là Hồi đi lo việc của ông Trùm.

Bóng tối đổ xuống rừng cây, nhuộm đen sông nước. Có tiếng động rất nhỏ đâu đây. Vĩnh ngừng đèn, chưa kịp quay đầu lại nghe hơi gió, thì, như tia chớp, một mũi lao xuyên vút tới. Vĩnh nghiêng mình, cúi thấp, phóng cánh tay ra gạt, nhưng không kịp né, mũi lao đã cắm ngập vào mạng sườn, cán gỗ rung rinh. Vĩnh ôm vội vết thương, định nhổ lưỡi lao. Một bóng người nhào tới. Ánh thép loáng lên. Một vết đùi anh bị bồi thêm nhát chém cực kỳ hung hiểm. Thân hình Vĩnh liền đổ xuống. Gian nhân co chân chạy, chưa kịp rút lại ngọn lao cắm ở sườn Vĩnh, bởi nó nghe tiếng chân ai chạy đến. Phiên bấm đèn soi. Nhận rõ mặt thẳng Sói, Phiên vừa tri hô âm ỉ, vừa rượt đuổi tên hung thủ. Rừng cây đen đặc tối giúp nó biến đâu mất. Phiên quay lại. Mấy người trai nhà gần đó đã đứng quanh vũng máu. Họ cùng Phiên khiêng Vĩnh về lều.

Lát sau, Hồi đi việc ở thôn bên về, nghe tin, chạy đến. Cái gan, cái liều của cô gái trong trận đánh lúc này không còn nữa, nhường cho tiếng kêu than, nước nỏ, nước mắt của cái “Nhi nữ thường tình”. Hồi ngắt lịm bên cạnh Vĩnh. Ông Trùm vẫn bình thản như thường, bảo người trai thủ hạ:



- Chạy mau tìm anh Dềnh Xảy, mang cả thuốc men, đến ngay đây!

Bố Dềnh Xảy, xưa là thủ túc chữa bệnh cho gia đình cụ Hoàng Hoa Thám, Dềnh Xảy học được nghề cha, lưu lạc đến đảo này từ ngày đảo mới được ông Trùm Vạn dựng lên. Anh chữa mọi bệnh toàn bằng lá thuốc, được mọi người tin cậy.

Hồi tỉnh dậy, nghiêng răng rút mũi lao ở sườn Vĩnh. Máu ộc ra. Máu ở đùi cũng chảy ròng ròng. Lòng dạ cô đau như cắt. Dềnh Xảy tận tình bôi thuốc, rịt lá, băng bó, và đổ thuốc cho Vĩnh uống. Anh dần tỉnh, hé mắt trước hết nhìn Hồi, mỉm cười. Đầu óc anh đã sáng ra. Anh bắt đầu nhớ đến lời một bà già ở xóm lau nói với anh bữa nọ: “Cháu nên cẩn thận giữ mình. Ở cuối bãi kia, có cái thằng Sói thiên lôi đánh không chết, đã lâu rồi nó mê say theo đuổi, rình mò con bé Hồi, mong cướp cô làm vợ. Ông Trùm cự tuyệt không cho nó đặt chân vào ngõ. Cô Hồi cũng đã có lần tát vào mặt nó ngay giữa chợ cá tôm. Nó thù, uống rượu say dọa giết cô Hồi. Hơn một tháng nay, biết cô Hồi sắp làm vợ cháu, nó lại rêu rao hàng quán thề phải giết cháu bằng mọi cách...”.

Vĩnh nghe bà già nói vậy, anh vẫn không để dạ, coi thường. Bởi trong thâm tâm Vĩnh nổi chán chường, mệt mỏi khiến anh coi sống chết là chuyện không đáng quan tâm lắm.

\*\*\*

Ông Trùm Vạn, anh em Hồi, bà con thôn xóm đảo cho đến thầy thuốc Dềnh Xảy ngày đêm chăm nom cứu chữa, canh gác cho Vĩnh nằm tĩnh dưỡng. Vết thương ở sườn tuy đã đỡ đau, nhưng dù thuốc gì đi nữa, máu vẫn rỉ ra, khiến Vĩnh cứ gày yếu đi, nhắm mắt là mê sảng, oán cha, thương mẹ. Vết chém ở đùi thịt có lành rồi, nhưng xương vỡ nát, thuốc đều vô hiệu.

Hồi sớm tối ngồi bên Vĩnh hăm hở an ủi Vĩnh: Hồi sẽ trả thù, lấy đầu thằng Sói. Vĩnh nhìn Hồi âu yếm, chỉ lắc đầu cười mỉm. Ông Trùm, sau hôm Vĩnh bị thương, sai người truy lùng thằng Sói. Ngay hôm đó, Sói đã tự đốt gian lều con của nó trên bãi sù, tại đó nhiều năm nay nó sống chơ vơ, không hề một ai lui tới. Cả tài sản của Sói là một con thuyền, tấm lưới. Nó

đốt lều rồi đẩy thuyền đi mất hút, biệt tăm. Người ta không biết lai lịch Sói, chỉ đoán phỏng là nó vượt tù, giết người cướp của, bị Tây truy nã, trốn vào đây, ngay từ ngày đầu ông Trùm mới đến. Vì thế, ông Trùm không nỡ trục xuất nó ra khỏi đảo. Không ai ưa nó. Thân hình nó to cao, mắt lồi, râu quai nón lồi liền với râu cằm, râu mép. Quanh năm uống rượu với cá sống thay cơm. Ở đâu có đàn bà, có nó, là có máu rửa oán thù.

Qua một tháng, Vĩnh đã được Hồi nâng đỡ ngồi lên tập lần ra cửa. Tầm thân cường tráng của Vĩnh sút rạc đi nhanh chóng. Chân phải gãy xương, khó lê thành bước, luôn luôn Vĩnh nhọc mệt, đau nhức, phải dựa mình vào vai Hồi cho khỏi ngã. Hồi càng rên rỉ, xót xa, càng căm thù thẳng Sói.

Thương Vĩnh không kém gì Hồi, ông Trùm, một buổi ban mai, ngồi kỳ cách làm cho Vĩnh đôi nạng gỗ. Vĩnh tập đi đu mình giữa cặp nạng như cái chuông khi bước, Hồi nhìn anh, lau nước mắt. Vĩnh chỉ mỉm cười.

Trong cơn ốm, hai bức thư của bà Cử nhờ Lũy - ban thân Vĩnh ở bên than - ghé thuyền, lên đảo, tìm Vĩnh trao thư. Nhưng Hồi dặn mọi người không cho Lũy gặp Vĩnh, sợ rằng Vĩnh xem thư mẹ, anh càng thêm ốm.

## V

Vào một ngày hè oi nóng. Mây trắng xộp như băng tuyết trải bồng bênh khắp nền trời xanh sáng. Chiếc thuyền gỗ nhẹ hình lá trúc uể oải rẽ sóng lướt tới đảo xanh làng Sơn Hạ. Thuyền ghé bãi lau ven đảo. Ông Cử, bố Vĩnh, khăn lượt, áo the, quần lụa trắng đã ngả màu, tay chống ô lục soạn, tay cầm chiếc roi tre gai lớn bước lên bờ. Lũy, bạn chí thiết của Vĩnh, mặt buồn rười rượi, vẫn ngồi yên dưới thuyền, không nhúc nhích. Anh thương bạn, biết rằng Vĩnh sắp bị người cha khắc nghiệt kia làm nhục.

Chó sủa vang. Gia nhân ông Trùm chạy ra ngõ, thấy khách lạ hỏi chủ mình, vội đưa khách vào nhà. Ông Trùm đứng trên thềm đón khách. Nét mặt chủ nhân ân cần, tươi tỉnh bao nhiêu thì nét mặt khách hằm hằm, bực tức bấy nhiêu. Linh cảm đã thầm báo ông Trùm vị khách quý là ai, nên nét mặt ông nghiêm lại. Ông giơ tay mời khách:

- Xin lỗi, mời cụ ngồi. Quý nhân cho kẻ già nua thô lậu này được biết lý do cuộc thăm viếng bất ngờ này...

Ông Cử cau mày, quắc mắt, ngó mặt ông Trùm, dẫn giọng:

- Tôi cất công sang cái đất này, chính vì cần gặp thằng con tôi, thằng Vĩnh. Đã mấy tháng nay, nó bỏ nhà đi lang bạt, có thể nay làm đạo tặc, có thể mai bị tù đày. Nó trốn lẩn tại nhà này, tôi biết. Ông mau gọi nó ra đây.

Ông Trùm ù tai, tím ruột. Ông nhìn sững mặt ông Cử, chột căn môi. Hình dáng một con người cũ, lâu rồi, đúng hơn là một cái bóng ma đang rõ nét, nổi hình trước mặt ông. Một kẻ thù, một tên phản bội, đã qua nhiều năm ông lặn lội đi tìm kiếm mà chưa thấy. Lão đây rồi!

- Ông có nghe tôi nói đấy không? - Ông Cử gắt - Mau bảo thằng nghịch tử, thằng đạo tặc ra đây. Nhà ông là một ổ dâm loạn, một nơi nhà chứa. Ta sẽ sai người đốt. Ta sẽ triệt hạ cái làng quỷ dữ này...

Cơn tức giận khiến nước miếng chảy ra, cổ tắc nghẹn, không thốt nên lời nữa, ông Cử hầm hầm, đập ngọn roi tre xuống chiếu.

Ông Trùm vẫn ung dung cười nhạt, hướng ra sân, lên tiếng:

- Phiên đâu, anh ra lều, dắt anh Vĩnh lên đây. Mau!

Có tiếng dạ ran. Giây phút chờ đợi Vĩnh đến, khách chủ không hề nói năng gì cả. Lát sau, tiếng nạng gõ khua lọc cọc lổ đi lát đá, Vĩnh tới thềm, nạng dãi chói chang. Anh nhìn lên, nhận thấy cha mình. Bất giác một bên nạng tuột nách rơi xuống đất. Cả thân anh treo vào một nạng, muốn nhào sập xuống.

Ông Cử, cơn điên giận nén dồn từ này, thấy mặt Vĩnh, bốc lên, bật lên như sức lò xo. Ông bật dậy, bước xuống thềm, giơ thẳng cánh tay quất, vụt, đánh tới tấp vào đầu, vào mặt, vào khắp cái thân hình què quặt, ốm đau. Vĩnh nghiêng chặt hai hàm răng, không tránh, không đỡ, không kêu một tiếng. Chiếc roi tre gai xé thịt da, rách bật máu Vĩnh. Anh vẫn đứng lạng như cục đá, trợn mắt nhìn người bố. Ông Cử thở dốc lấy hơi sức, rồi lại vụt, lại quất, lại đánh, Vĩnh vẫn nghiêng răng đứng trơ trơ.

Từ này, Hồi nấp sau bụi cúc tần, giận, thương, uất ức, làm cô run lập cập. Bất thần, Hồi một bước, nhảy vọt ra, giơ lưng, giơ mặt, hứng lấy, đỡ lấy ngọn roi gai vun vút xuống. Máu ở mặt Hồi ứa chảy. Vai áo lụa rách toang

dưới sức roi, rách da thịt hẳn hai ba lần máu. Ngọn roi gãy làm đôi. Ông Cử vút roi xuống đất, hàm hè bước lên thềm, gieo phịch người xuống ghế.

Từ đầu đến lúc này, ông Trùm vẫn ung dung tự tại - trầm tĩnh vuốt râu, uống nước, mắt nhìn vòm trời nắng đỏ sao vàng, miệng như muốn cười, không muốn nói.

Ông Cử thở một hồi, nhìn xuống. Vĩnh vẫn đứng trơ trơ. Bên Vĩnh, một cô gái yêu kiều, thanh nhã, gương mặt như hoa, đang lay động Vĩnh, cố dìu Vĩnh bỏ đi. Nhưng Vĩnh vẫn trơ như đá, vững như đồng, bất động với bàn tay ập ủ, xoa vuốt của Hồi.

Ông Cử vợ chén nước, uống một hơi, quát Vĩnh:

- Thăng Lũy chờ ngoài thuyền đó. Thăng nghịch tử mau ra thuyền mà về bến. Tao còn phải dạy mày đến nơi đến chốn, không phải trận đòn này đã đủ đâu!

Vĩnh vẫn không động đậy, mắt đỏ vẫn tia máu, mở to ra, nhìn người bố không hề chớp.

Ông Trùm, tới lúc này, xoay người lại, dịu dàng bảo Vĩnh:

- Thôi thế đủ rồi. Ta đã hiểu ra tất cả. Hồi hãy đưa anh Vĩnh về lều nghỉ. Ta có câu chuyện cần nói riêng với khách. Các con hãy lui mau.

Vĩnh từ từ nhích động. Hồi cúi nhặt chiếc nạng gỗ. Hai người khuất dạng sau những bụi cây, tiếng ve sầu rả rích trong nắng lửa.

Tư thế vẫn ung dung, ông Trùm đưa tia mắt như lưỡi dao vào thẳng mặt ông Cử, cao giọng nói:

- Nào, bây giờ, tôi nói chuyện với ông Cử Văn đây! Ông dỏng tai nghe cho rõ.

Cái tiếng Cử Văn làm ông Cử giật bản mình. Ông lăm bắm: “Sao lão quê mùa hủ lậu này biết tên ta?”. Ông Trùm nhận thấy cái giật mình của ông Cử, ông điềm nhiên tiếp:

- Ta biết ông. Ông không thể biết ta. Bởi ta là người đi truy lùng, còn ông là kẻ đi trốn lẩn.

Mặt ông Trùm đanh lại:

- Cách đây khá nhiều năm, Cử Văn, tức huyện Văn đã nhúng ngón bút lông vào máu. Cử Văn đã viết thư tố cáo với triều đình Huế, với cha con thằng giặc bán nước họ Hoàng, với quan Tây, bắt tù tội, xử tử tất cả năm bậc sĩ phu khoa bảng về tội gia nhập Cần Vương. Trong hàng ngũ Cần Vương đó, có cả người, thằng ngụy nho liếm gót giặc. Tây cho người một chức quan. Nhưng người sợ chết, người bỏ ghế quan, đi lẩn trốn. Nghĩa quân Bãi Sậy giao cho ta lệnh tìm kiếm giết người, rửa oán cho năm mạng.

Cử Văn, mặt như tràm đổ, cúi gầm mặt xuống. Ông Trùm cười nhạt, tiếp:

- Nhiều năm rồi, ta nghe ngóng tin người. Hóa ra kẻ thù ta ở ngay sát nách. Nếu biết, ta đã sang bến “thăm” người với lưỡi kiếm này rồi!

Ông với tay lấy thanh cổ kiếm, soạt một tiếng, kiếm ra khỏi vỏ, sáng ngời, dường như nòng tanh hơi máu.

Cử Văn run sợ, hai tay xoắn vào nhau, như muốn van xin, lạy lục ông Trùm. Nhìn thấu tâm trạng hèn nhát của kẻ thù, ông Trùm lặng lẽ nhìn sân nắng, vuốt chòm râu cước, cười khẩy:

- Cái đầu người có đáng được hưởng lưỡi kiếm này không, người tự xét xem. Lúc này, mệnh người ở tay ta. Người tự đâm đầu vào máy chém. Nhưng ta rộng lòng, mở đức mà nghĩ lại. Ta cho người tạm sống mà về, chính bởi ta nghĩ đến cái tình của đôi trẻ, trai tài gái sắc, chúng thương yêu nhau. Giết mi, trừ đi một lão ngụy nho phản phúc, ta chỉ cần đưa một nhát gươm, nhưng ta không nỡ làm đau lòng con trẻ, mặc dầu chúng chẳng coi người là người cha hiền đức.

Ông Trùm ngừng lại, râu áo đứng lên, quát lớn:

- Thôi, ta nói thế đủ rồi. Người có thể ra thuyền rồi đấy. Cút mau!

\*\*\*

Qua mấy hôm sau, người bến than biết tin ông Cử vội khăn gói gió đưa, xin tiền bà vợ làm lộ phí trở về quê quán vùng Kinh Bắc. Bà Cử đi theo. Ông nhất quyết không cho, thề không bao giờ nhìn mặt vợ và thằng nghịch tử.

Cũng một tuần sau, ngoài bến than lại nghe tin ông Cử chết bệnh ở dọc đường, mất xác. Bà Cử kêu khóc, ốm, không dậy nổi.

Hồi bàn với Vĩnh, xin sang sông rước đón bà Cử về xóm đảo thuốc thang hầu hạ, cho người bến than khỏi chê cười Vĩnh, cho Hồi trọn đạo dâu con. Vĩnh không muốn về bến cũ với tấm thân tàn tật, ngại thiên hạ xì xào, ngại hơn nữa là Nhân. Vĩnh sợ, không dám thấy mặt người gái thủy chung, hiền đức ấy. Vĩnh viết thư, năn nỉ xin mẹ sang bên đảo. Trong thư có cả lời mời mọc chân thành của ông Trùm Vạn. Một sớm, Hồi cùng Phiên chở thuyền sang bến, Hồi trình bày hết lẽ, sụp lạy “mẹ chồng”, sau đó, bà Cử mới ưng thuận sang sông, sống với con trai.

Thấy đôi trẻ yêu nhau, ông Trùm khôn cầm nước mắt. Nhân có bà Cử đã sang chung sống với con, ông Trùm quyết định tổ chức hôn lễ cho con. Vĩnh không muốn cưới. Anh nghe trong mình khó thọ, không nỡ để người vợ trẻ sớm thành góa bụa. Vĩnh xin khất năm sau. Ông Trùm không bằng lòng, mà Hồi thì khóc, tủi phận mình. Vĩnh đành tặc lưỡi nghe lời. Đám cưới rất xuềnh xoàng, đơn giản. Không hoa, không pháo, không cỗ. Chỉ có chén trà suông, mời bà con chứng giám. Hồi nào ruột thở dài, cầm tay Vĩnh: “Thôi, thế cũng là xong!”. Sớm chiều, Hồi hết lòng nâng niu chồng, hết lòng hầu hạ mẹ chồng, ai cũng khen Hồi vợ hiền dâu thảo.

\*\*\*

Thằng Sói, từ hôm định giết Vĩnh, rồi tự đốt lều, trốn tránh nơi xa, không ai thấy bóng Sói quay lại đảo dừa. Người xóm dân cũng quên đi, duy có Hồi, không bao giờ cô gái ấy nguôi thù khi vợ chồng cô còn tồn tại ở xóm làng Sơn Hạ.

Cơn mưa vừa dứt, nắng hoe lên. Hồi dắt Vĩnh ra ngồi chơi bên bờ lau sậy mọc um tùm. Ở đây, mọc lên một thân cây lớn, quá cỡ vòng ôm. Người đảo không biết tên nó là loại cây gì, thân to, cao vút, suốt cả bốn mùa cành lá tươi xanh. Người ta gọi nó là cây xanh. Hồi yêu mến cây xanh, vì Hồi đã tập đi, tập chạy dưới vòm lá cây này. Hồi tựa lưng vào thân cây. Vĩnh nằm trên rêu cỏ, gối đầu lên đùi vợ.

Thốt nhiên, Hồi rú lên một tiếng:

- Nó kia rồi! Nó, đúng nó!

Hồi nhắc đầu Vĩnh lên, đứng vùng dậy, nhanh tay với cây lao của kẻ thù mà lúc nào đi đâu Hồi cũng mang theo phòng khi gặp Sói, giết Sói bằng mũi lao thù truyền kiếp.

Hồi cầm lao, chạy xuống bãi lau; ở đây luôn đậu chiếc thuyền nan sẵn đôi chèo gỗ tốt. Thuyền Sói đang rẽ nước ngược dòng sông, không biết có Hồi trong bãi sậy.

- Nó đấy! Nó đấy! Em đuổi theo, giết nó, một mất một còn!...

Thấy vợ một mình chọi nhau với con ác quỷ, Vĩnh không đành lòng ngồi đợi. Anh tập tễnh đuổi theo, cũng xuống thuyền. Hồi kêu lên:

- Anh để em đi. Em quyết giết nó, không cần anh giúp sức..

Nhưng Vĩnh mỉm cười, bình tĩnh trong bất cứ tình huống khó khăn nào:

- Kẻ thù của anh. Phải để chính bàn tay anh giết nó. Chèo đi, kéo nó chuồn mất đấy!

Hồi dồn hết sức chèo. Thuyền nan, nhẹ, trườn nhanh cỡi lên đầu sóng ngược. Thằng Sói quay lại nhìn thấy vợ chồng Hồi. Nó nổi cơn ghen, quát to một tiếng, lao cả thuyền gỗ vào chiếc thuyền nan mỏng manh. Nhưng trước khi mũi thuyền nó đâm tới, tay Hồi đã phóng mạnh ngọn lao, mũi sắc loáng cắm ngập vào lưng Sói. Nó rú lên. Cán lao rung trên cái lưng trần to như lưng trâu mộng. Máu nó đổ ra. Nó gào thét, nhảy xuống nước, dang hai bàn tay sắt lật úp thuyền nan, làm cho Hồi và Vĩnh chìm xuống nước. Vẫn mang cây lao run bần bật trên lưng, máu hòa với nước, Sói ngụp xuống, quờ quạng tìm Hồi, Vĩnh. Hồi vốn giỏi bơi hơn Vĩnh. Cô bơi vòng ra sau lưng Sói, cố rút mũi lao ra, đâm Sói. Vĩnh dồn hết lực tàn còn lại trong tấm thân đau ốm vào đôi bàn tay trước kia bẻ sắt, chém gạch tựa chém bùn, gắng sao bóp được cổ kẻ tử thù. Sói bơi không bằng Hồi, chỉ ngang sức Vĩnh. Dưới sóng nước, bọt ùng ục nổi lên, nó xoay ngang, lộn dọc, tránh đòn của hai đối thủ. Nhân lúc Sói đập sóng ngoi lên, nó bị hở đòn. Mười ngón tay Vĩnh đã nắm được cổ Sói. Vĩnh nghiêng răng, nghiêng răng, gồng hết sức mình, bóp chặt, xiết chặt. Tiếng sặc, tiếng thở của Sói đã đuối hơi, khiến nước sủi tăm, hòa với máu Sói, ứa cả vào miệng Vĩnh, Hồi. Không bỏ lỡ, Hồi luồn lách, rút được mũi lao nơi lưng Sói, Hồi giữ đứng tư thế,

cắm ngập mũi lao vào trúng sườn Sói. Nó gãy mạnh, rú lên, rồi chân tay nó cứng đờ dần. Thân con trâu mộng từ từ chìm xuống.

Vợ chồng Vĩnh mệt, không còn đủ sức bơi. Thuyền nan của Hồi đã lật, sóng cuốn ra xa. Vĩnh, Hồi cố gắng bơi đến thuyền của Sói, kéo nhau lên. Hồi ngồi thở rộ. Vĩnh nằm duỗi chân, gối lên đùi Hồi, cũng thở. Nụ cười quen thuộc, nụ cười bình thản lại nở trên môi Vĩnh. Anh vuốt tóc Hồi, khẽ nói:

- Vậy là chúng ta rửa được hận thù. Anh có ra đi, cũng được thôi! Cũng nhẹ thôi! - Vĩnh nhìn trời xanh, cười thành tiếng: - Anh có ra đi...

Hồi thốt rùng mình, nhìn Vĩnh, ôm chặt Vĩnh:

- Anh ơi, sao anh nói gở vậy, em sợ lắm, em khổ lắm, anh ơi...

Thuyền trở về, xuôi nước, đậu vào bụi lau. Hồi lấy đôi nạng vẫn dựa gốc cây, đưa Vĩnh. Lắng nghe tiếng nạng gõ lọc cọc trên lối đi lát dày đá sỏi, Vĩnh ngửa mặt hát mấy câu vui nhộn Vĩnh thường quen hát. Hồi lên nhà trên, thuật câu chuyện giết Sói cho ông Trùm nghe. Ông cười khoái trá, tợp liền ba chén rượu.

\*\*\*

Sau cuộc rửa thù một mất một còn, Vĩnh mỗi ngày thêm đau yếu. Vết thương cũ ở mạng sườn ngâm nước quá nhiều, bị nhiễm trùng loét lở ra. Đôi chân gần như bại liệt. Cơ sốt nóng lạnh kéo dài ngày đêm. Vĩnh gầy rạc, không ăn không ngủ. Thầy mo Dền Xảy trên đảo bó tay, chịu không chữa nổi. Vĩnh nằm chờ đi, không rên la, không buồn tiếc, coi nhẹ như đợi chờ một cuộc viễn du giải kiếp.

... Cho đến một đêm giông bão nổi động trời, bàn tay Vĩnh rời mấy ngón tay mềm trắng của vợ yêu, thở dốc lên mấy tiếng, rồi đi, nụ cười không tắt.

Hồi sống cô đơn, vò vố. Người gái góa không còn thấy đâu là biển hồ, rừng núi, cỏ cây, trời đất. Hồi thoi thóp sống với hình ảnh Vĩnh không thể chết trong cô.

Mộ Vĩnh kề ngay gốc cây xanh đại thụ. Đôi nạng gỗ treo ở thân cây. Một buổi tinh mơ, Hồi lại trèo lên ngọn dừa cao có tấm giấy hồng điều gió bay



phơ phất, như bàn tay ai vẫy gọi đi. Tấm giấy đỏ đưa duyên buổi trước, giờ đây tựa như cành phước đón hồn ma nơi hoang đảo.

Người gái góa làng Sơn Hạ thốt thở dài, quen miệng nói:

- Thôi! Thế cũng là xong.

*(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy các số 289, 290, 291/1939;)*

*(Cô gái làng Sơn Hạ, Nxb Tân Dân, 1942.)*

***(In lại theo Cô gái làng Sơn Hạ, Nxb Văn học, 1989)***

### **Chú Thích**

[1] Phẫn: chụp đèn, chao đèn

[2] Tấm liếp che mưa, nắng đan bằng tre, nứa.

[3] Dải đất nhô lên giữa sông

## Đô Kinh Bắc

Tôi thành kính lật lại đôi trang sử của chú tôi: Đô Tượng hay Đô Kinh Bắc.

Truyện hai mươi năm cũ

Hai mươi năm bụi đời đã nhuộm trắng nửa mái tóc người đại hiệp danh vang miền Kinh Bắc, kể từ con đường thuộc địa số 5 tới rừng gianh Yên Thế xa vời.

Ngày nay, con voi già ấy đành phận cuốn vôi nhắm mắt nằm yên sau lũy tre căn làng Nguyệt Đức vọng nghe lửa réo bốn phương trời.

### I

Bãi cỏ non trước đình Thượng tối nay xanh ánh trăng hạ tuần tiết thu, và con sông đào Nguyệt Đức dâng đầy mực nước vỗ chân cầu. Trên chín nhịp cầu dài, trai gái xóm Đông, Đoàn đang ngồi ăn trầu uống nước. Họ xì xào:

- Tiếng trống châu của Đô Tượng tối nay nghe ra có phần xô xát lắm, các bác có thấy không?

- Trần Đô Tượng còn phải nói! Sắc như nước cờ xe ghềnh nhập cung mà cũng ác như ngón móc quai xanh hạ trăm nghìn Đô trong thiên hạ.

Lúc đó Ba Sao, vốn là cao đồ của Đô Kinh Bắc, chau mày nghĩ: “Quái, tiếng trống châu của thầy dường như ứng một điềm bất trắc. Từ Thượng Bình xuống Song Châu reo rờ rạc, lại từ Yên Hạ sang Phô Thủy, roi châu không găm vào tang để nâng giọng câu hát khách của kếp già Ba Lộ. Mọi bữa, tiếng trống châu của thầy ung dung nhàn hạ lắm. Tối nay thì có lúc

dồn gấp vội, có lúc rời rã trễ nải, biểu lộ một tâm trạng không bình tĩnh. Cái triệu bất tường đó chẳng...”

Bảy Hồ, đồ đệ vào bậc khá của Đô, khẽ vỗ vai Ba Sao nói nhỏ:

- Mai sớm đã khởi hành, thầy thức trọn đêm, em lấy làm lo ngại...

- Chú cứ an tâm. Thầy đã sắp xếp xong mọi việc. Còn sức khỏe của thầy thì chú lo lắng là thừa. Chuyến này lên núi hạ cờ đoạt giải, con Voi Kinh Bắc sẽ lại kiêu hùng mà giữ toàn uy danh cho cả miền Kinh Bắc. Thầy tuy ngồi ở trong đình, nhưng vẫn chờ trăng chếch ngọn đa là về nghỉ đấy.

Bảy Hồ bần khoản thấp giọng:

- Anh ạ, lần này lên núi, em nhận thấy thầy có vẻ không vui. Có thật thế không, hay là em lầm lẫn?

Ba Sao sợ bọn trai gái làng trên cầu nghe thấy, vội đứng lên.

- Về đi, chú Bảy.

Hai người đi trên con đường lát gạch men sông. Cảnh tre la đà rờn ánh trăng khuya, bóng ngả lung linh xuống bờ nước lặng.

Tiếng trống cầm trịch cho phường hát bộ đệ nhất trấn Kinh Bắc đêm thu này vang vọng khắp cánh đồng Nguyệt Đức. Tiếng chầu Đô Tượng vốn là tay ăn chơi lệch đất trời lại càng là một kiệt tác phổ vào tài năng xuất chúng của kếp Ba Lộc, đào Hai Cấm, hề Lùng.

Dưới ánh đèn, ánh nến sáng rực trước ban thờ Thành hoàng làng, lão hiệp Đô trấn Bắc, đầu quấn khăn nhiễu Tam Giang, mình mặc áo the huyền rộng, quần vóc đỏ, chân mang tất trắng, ngồi trên chiếu hoa song hỉ cạp vải tây đỏ thẫm, tay cầm roi trống, tay tì vào chông gối xếp kê bên chiếc điều ống khám trai. Đô quả có phong độ một văn thân, sĩ tử hơn một lực sĩ, một đại tướng đã từng dự trăm trận hạ các Đô tứ xứ, đã từng trăm trận đánh đuổi phường thảo khấu vì nghe danh Đô mà đem quân đến quấy rối vùng Nguyệt Đức để thử tài.

Bước chân Ba Sao, Bảy Hồ từ nãy vẫn nhẹ lướt trên đường gạch ven sông, thẳng vào cổng làng rẽ sang xóm Hạ.

Lũ chó nấp bờ hoang sủa âm ỉ. Bảy Hồ bước sau bạn trưởng tràng, cất giọng:

- Thật thế, lần này thầy lên núi Cửu Long dự cuộc tranh hùng với các Đô vùng Yên Thế, em thấy trong lòng e ngại thế nào... Đã vậy, cách đây ba hôm, tự nhiên con gà mái mơ cất tiếng gáy vang sân chẳng khác gì gà trống. Ông Đồ xóm Thượng bảo đó là triệu chứng không lành...

Ba Sao không đáp. Bước chân vẫn lướt trên đường tối quanh co. Bảy Hồ thăm thì nói tiếp:

- Hay là... anh liệu lời xin thầy bỏ cuộc thượng đài. Mùa thu sang năm, nếu thầy cho phép hạ sơn, anh em ta sẽ vì uy danh của Giáo đô Kinh Bắc mà lên núi đoạt giải mang về tạ ơn thầy. Anh dạy thế nào?

Ba Sao cười nhạt:

- Chú Bảy nghĩ lầm rồi. Giáo Đô trấn Bắc chẳng khi nào nhường chức vô địch cho ai. Chú hẳn nhớ đã bảy năm nay, giáo đô mình được ngửa mặt nhìn các tay chơi ngoài thiên hạ là nhờ tài lực phi thường của sư phụ. Nay chỉ vì mấy tiếng gà mà thoái bước, gài then cổng, buông rèm kín mà ẩn náu thì danh dự phường Đô trấn Bắc tiêu ma, chẳng cứ thầy, cả lũ chúng ta còn dám đi đâu nữa.

Bảy Hồ ngập ngừng một lát mới tiếp lời:

- Nhưng em nhận thấy đạo này thầy không được dồi dào sức lực. Đêm kia, nấp sau bụi chuối em thấy thầy có phần mệt nhọc khi chuyển cái cối đá to từ sân trước ra bờ ao. Lại khi diễn xong mười hai lối tấn, thầy ra mồ hôi nhiều lắm, hơi thở mạnh hơn ngày thường. Sau đấy, thầy thở dài một tiếng mặc áo lên nhà trên. Đến thềm, thầy rút cây thiết lĩnh múa chơi. Nhưng chỉ múa qua vài đường, thầy ném vũ khí bước lên thềm. Đêm ấy, thầy ngồi suốt năm canh, hết đọc sách, hút thuốc lào, lại ra sân ngửa mặt nhìn trời. Bởi thế em lo ngại về chuyến thượng đài này, anh nên nghĩ kỹ. Huống hồ, thầy đã ngoại ngũ tuần rồi. Bảy năm vô địch phường đô tứ xứ, nay một năm tạm nhường cho kẻ khác, rồi lại giành giật lại, em thiết tưởng sự đó chẳng làm giảm danh lớn của ta.

Nghe Bảy Hồ nói, Ba Sao thấy chờn lòng, lẩm bẫm: “Ờ, sang cỡ thu này, thầy ít ngủ kém ăn, lại hai lần ngộ cảm vì quá chén. Sức lực có phần kém sút mất rồi. Đã thế, còn điềm gà mái gáy... Ờ, lời Bảy Hồ can ngăn có lẽ chẳng là thừa. Để rồi mình liệu ý thầy xem sao đã...”.

Hai người vừa tới cổng gạch cao trấn hướng đông nam của “Đô Vương trại”, Bảy Hồ dấm rung cánh cửa lim, chẳng thấy gia nhân ra mở. Đoán rằng gia nhân đã kéo ra đình xem hát, Ba Sao, Bảy Hồ vỗ đùi rón gót nhảy lên thành cổng cao chót vót, rồi quăng mình vào trong trại, nhẹ như hai cánh lá rơi.

Vào tới sân, hai người giật nảy mình vì lão Đô Kinh Bắc về tự lúc nào, và đang cời trần trùng trục, mở gióng cài chuồng trâu, chọn lấy con trâu dữ nhất, lớn khỏe nhất, kéo sừng lồi ra tuồn tuột.

- Các con đứng xa ra chút nữa, xem thầy vật con trâu mộng này. Nếu không hạ nổi nó thì thôi, ta bỏ cuộc lên đài, nhường giải cho bọn Yên Thế giữ.

Ba Sao, Bảy Hồ chia nhau đứng hai đầu sân gạch rộng, phòng tiếp ứng sư phụ nếu trâu làm dữ.

Lão Đô đi sau mà về trước hai đồ đệ, đã cho trâu uống rượu để nó hăng tiết thêm sức mạnh mới bỏ cho mình độ sức.

Trăng treo trên ngọn cây vối đại bờ ao, trải ánh sáng xanh dịu trên sân gạch Bát Tràng trắng hoa cau liên phòng thơm ngát.

Lão Đô đầu búi tóc củ hành thít chặt bởi giải khăn lụa đỏ, hạ bộ đóng khố hồng. Tắm thân rắn chắc thẫm màu đồng gạch cua.

Con trâu mộng sừng cong vút, mắt đỏ men nồng, xông vào lúc người đang khoa tay dữ. Đô Tượng né mình, vươn tay nắm cặp sừng lắc mạnh như song đao vừa lướt tới ngang bụng dưới. Đô toan dùng sức ấn đầu trâu xuống, nhưng con trâu khỏe quá hất ngược đầu lên. Tay Lão Đô bị tuột văng trở lại hơi tê buốt. Đứng vào thế thủ, lão Đô chờ trâu lao cả cái mình đồ sộ đến. Lần này tóm được sừng, lão Đô lại lấy toàn lực ấn đầu con vật. Trâu tung sừng cựa, nhưng đôi cánh tay có sức cổ thụ ngàn cân đã khiến trâu chúi mũi thở phì phì trên nền gạch. Lão Đô chuyển vận nội công, một

tay ấn đầu trâu. đúng vào xoáy huyết, một tay duỗi ra nắm chân trước con vật bẻ phục về phía bụng. Trâu không cự nổi, chịu phục trước sức mạnh của trùm Đô Tượng khi đó quả xứng danh là con voi dữ miền Kinh Bắc.

Lão Đô đã mặc áo, ung dung ngồi giữa sập. Bảy Hồ ngồi dưới thềm thành phách quạt hỏa lò đun nước mưa kinh niên, pha trà lão mai, dâng Sư phụ.

Ba Sao thì khêu to ba ngọn đèn cho sáng tỏ ban thờ tổ, và tiếp tuần nhang ngát, rồi đi xem lại hành trang.

Lão Đô nhấp chén trà thơm nóng, bình thần nhìn ánh trăng đã lạnh màu sương gió ở ngoài trời.

Ánh đèn hiu hắt cháy. Thốt nhiên, con chim lợn vút bay ngang hàng cau cất tiếng kêu xé trời khuya.

Lão Đô thốt rùng mình.

Bảy Hồ đưa mắt nhìn Ba Sao. Ba Sao hơi biến sắc chắp tay thưa:

- Bẩm thầy, con xin được trình ngu ý...

Lão Đô cất nhẹ chén trà lên nhấp, mắt vẫn đăm đăm nhìn thấu trời đêm.

- Bẩm thầy... chúng con trộm nghĩ, tiếng chim quái gở kia...

Lão Đô dẫn mạnh chén xuống lòng đĩa sứ, giọng trầm hùng:

- Ta cho phép hai con đi nghỉ. Mai sớm, gà gáy canh tư, dậy thôi cơm, canh năm đã xong mọi việc để khởi hành trước khi trời sáng. Cần nhất không cho người thôn xóm biết, họ sẽ đến tiễn đưa, chúc tụng, ta không ưa như vậy. Thôi, đi nghỉ. Thầy ngồi đây đợi sáng trời.

Nghe nghiêm lệnh, hai người cúi đầu lùi xuống thềm, tới nhà ngang nghỉ.

Trăng đã lặn dần. Gió đêm nổi mạnh. Bụi tre gai vắn mình theo gió ken két như tiếng nghiêng răng. Cây sung già ngoài bờ ao, quả nẫu rụng rơi lồm bồm xuống mặt bèo vàng động làm cho ếch nhái giật mình kêu.

Lão Đô uống cạn ba tuần trà đượm, bỗng thấy trong mình mang máng như bóng chiều đổ xuống vườn hoang tối. Mắt chợt hoa sao, ngực đau nhói

buốt, lão Đô nấc lên một tiếng, rồi chất mận ứa ra thấm chảy xuống chòm râu thưa. Đô Tượng giơ bàn tay trước lửa đèn: bàn tay dính máu.

Người hảo hán già khẽ thở dài gục xuống chông gối xếp. Một con mối trên mái gồi rơi xuống đúng bắc đèn, làm tắt ngay ánh lửa. Khóm tre vẫn vẫy mình rũ tóc kêu rền rĩ ngoài trời thu lạnh.

## II

Trên núi Cửu Long, bên kia bờ sông Đuống.

Đại hội Giáo đô hôm nay đã sang ngày thứ ba, ngày chung kết dành riêng cho các đô lợi hại.

Hai hôm đầu, các tay vật hạng trung bình vào dự để lọc những người điểm cao cho vào chung kết.

Hạng anh chị có thành tích gớm ghê trong hàng hảo hán đều có mặt từ ba bốn hôm đầu. Dân chúng khắp miền Kinh Bắc nô nức trảy hội vật Cửu Long sơn. Năm ấy mùa màng tươi tốt, nên từ trai gái, trẻ con đến các cô lão đều rủ nhau vượt qua sông Đuống sang bên kia rặng núi mà hình thể phảng phất chín con rồng cuộn khúc vào nhau.

Trên núi Cửu Long, có ngôi đền lớn. Hòa thượng Thiên Hương Tự vốn là một tay cách mạng bất đắc chí, chán sự đời lên núi tụng kinh. Thiên Hương hòa thượng tuổi ngoài tứ tuần, sức mạnh khác thường, ngày phá nường, đêm kinh kệ, vẫn chẳng quên cái thú kết nạp nghĩa sĩ bốn phương và luyện võ mài gươm như một đạo sĩ thời thượng cổ. Vì vậy, người ta đồn đại, xì xào nhiều chuyện phi thường về nhà sư đó. Đến nỗi quan nha sở tại được lệnh ông Sứ tỉnh Bắc truyền lưu ý hành động của nhà sư. Nhưng rồi nhà sư vẫn được an thân cày ruộng và rảnh trí đọc thiên kinh vạn quyển, không hề bước chân xuống núi bao giờ.

Một buổi chiều thu, ánh lửa đèn ở ngót trăm hàng quán sáng như một trời sao đổ bao quanh chân núi Cửu Long mịt mù sương khói biếc.

Thầy trò Đô Kinh Bắc đã thông dong tới chân núi cao chạm trời mây, rẽ đám đông người đang vui đầu vào canh bạc, đám trống quân, đám chèo, đám sấm. Họ theo con đường sau núi lên Thiên Hương Tự.

Đêm ấy thầy trò lão Đô được vinh dự làm thượng khách của hòa thượng giang hồ. Hàn huyền, rồi qua chuyện vật mấy hôm nay, nhà sư tỏ vẻ lo ngại cho lão Đô về cái giải quán quân Ất Dậu này khó mà đem nổi về Nguyệt Đức. Bởi vì hai ngày liền, một Đô trẻ tuổi nhưng có một sức mạnh thường luồng, một cặp cánh tay dẻo dai như tay vợ, và một chiến lược xuất quỷ nhập thần, đã vỗ trắng bụng một lúc năm bảy đô danh tiếng rừng Yên Thế, Lục Nam. Một trong những kẻ chiến bại, mất thể diện, đã trả thù con thường luồng ấy bằng cách rút nhanh mũi diệp đao dắt kín bên vành khối thích ngang họng Đô Đình Thép (một vùng sơn cước miền Yên Thế, mà trước kia, Hoàng Hoa Thám bị kẻ nội phản cắt đầu), nhưng gã Đô đất Đê Thám nhanh nhẹn đề phòng, bẻ gãy cánh tay kẻ ám thích, dễ như đùa trẻ nít. Vì vậy suốt nửa ngày hôm nay, không ai dám thượng đài tỉ thí với con thường luồng ấy.

Thiên Hương hòa thượng điềm đạm dặn:

- Ngày mai đọ sức, bạn già chớ nên khinh địch nhé. Phải thận trọng từng bước tiến lui, vì tôi đã nhận thấy thiếu niên đại hiệp kia không chỉ là một đô vật nhà nghề mà còn là một võ sĩ có những đường quyền thuật chân truyền, những thế tấn vững như sắt đá mà chỉ con mắt chúng mình mới hiểu.

Lão Đô nghe bọn bồ đề căn dặn, chỉ dạ vâng, vẻ mặt vẫn ung dung, bình thản như khi nghe một bài thơ phú.

Duy có cao đồ Ba Sao, Bảy Hồ là luôn luôn đưa mắt nhìn nhau lo lắng.

\*\*\*

Hôm sau, mặt trời vừa phá màn sương lạnh, mọc cao ngang sườn núi, thiên hạ đã bao chặt từ đỉnh non xuống các đường thung lũng rộng.

Trống vật khua vang một góc trời. Trên đỉnh núi, một khoảng rộng phẳng lì như bãi cỏ võ trường, chung quanh cờ ngũ hành bay rợp trời và chính giữa bãi, một cây tre bương cao chót vót, trên đó năm tấm lụa màu buông thông múa bay theo gió núi mây ngàn, đẹp như cầu vồng vừa sa xuống cõi trần gian. Đó là giải Đô vô địch của Đại hội Cửu Long Sơn khảo võ.

Hội đồng giám khảo đã đủ mặt, trong đó có Thiên Hương hòa thượng ngồi làm cố vấn.



Ba hồi trống chiêng đồng dục gióng lên.

Thầy trò lão Đô ở trên chùa bước xuống.

- Đô Kinh Bắc!

- Đô Kinh Bắc!

- Đã có người địch thủ với Đô Yên Thế rồi kia.

- Có thể chứ. Lẽ nào năm nay trấn Bắc mình chịu trơ mắt nhìn người ta “ấm” mất giải sao!

- Cố lên lão tướng! Cố lên!

Tiếng dân chúng hò reo, hỗ trợ lão Đô vang như bão ngàn, sông bể.

Lão Đô vui vẻ nghiêng mình chào đám đông, ung dung bước vào võ sảnh, ung dung ngồi xuống chiếc ghế phủ vóc hồng. Hai đồ đệ đứng châu sau ghế, tim đập theo nhịp trống.

Đối diện lão Đô Kinh Bắc, ở ghế phủ vóc xanh phía bên kia, con tuồng luồng Yên Thế đã ngồi chờ từ trước. Lão Đô đưa mắt nhìn sang, thấy một gã tráng niên to lớn, mặc quần áo cánh lụa màu huyền, trán gồ, mắt sắc, cánh tay dài chống nẹ hai bên, quắc nhìn thẳng vào mặt Đô trấn Bắc, tỏ ý coi thường hay thương hại một lão già tự tìm đến cửa tử.

Ba Sao, Bảy Hồ quên lo lắng, tự nhiên thấy cơn giận nổi lên trước cái nhìn vô lễ của kẻ đầu xanh đó.

Ba Sao khẽ ghé tai thầy xin ra thử độ tài. Lão Đô lừ mắt, rồi đứng dậy tháo khăn, bỏ áo.

Trống vẫn khua vang. Người kéo nhau lên núi đông như thiên binh vạn mã đang vây phá một ải quan của giặc.

Hai Đô đã nhảy vào vòng vây, tức là bãi chiến trường.

Chiêng trống rộn ràng, chuyển bạt cả mây trời, gió núi.

Thốt nhiên, lão Đô ngó ý cần ký giấy giao kèo, rằng chết không đòi thường mạng, rằng không được dùng ám khí, và xin thu nhỏ vòng vây lại, chỉ bằng một cái nong, hễ ai chạm chân tay vào vạch vây là bại trận.

Đô Yên Thế cười nhạt, nhận ký kết liền.

Rồi đó chiêng trống lại khu vang. Ba Sao, Bảy Hồ giắt sẵn khí giới trong tay áo, chia nhau trấn hai bên phòng có biến.

Đô Yên Thế, bấp thịt cuộn cuộn như chảo quẩn, ngực đầy lông lá, đôi mày rậm xéch ngược lên, hàm răng nghiến lại, vờn lối hạc quyền, tiến lui chập chờn, khởi thế công toan hạ trước.

Đô Kinh Bắc xuống tấn đứng vững tựa cột đồng, không vờn múa, mà cặp mắt lão giang hồ lung linh sáng tiết ra một nhồn lực thôi miên.

Vụt như con trăn gió, đô Yên Thế cuốn mình vào, thoát cái đôi cánh tay lợi hại của loài hầu vượn đã quẩn chặt cổ lão Đô vít xuống.

Lão Đô hạ tấn sát mặt đất núi, toàn thân lão cứng trơ như tảng đá thiên thu khiến đôi bàn tay sắt của kẻ thù như không lay chuyển nổi. Trong khi đó, lão Đô luồn ngược tay ra phía sau lưng địch thủ, nắm được xương bả vai bẻ xoắn lên.

Đó là một ngón đòn hiểm độc, người bản lĩnh tâm thường tất quy. Nhưng Đô Yên Thế đã vận nội công, nên ngón tay lão Đô Kinh Bắc không sao bẻ nổi xương vai gã. Trả miếng, con thường luồng cũng cố dồn thần lực bẻ xương cổ lão Đô. Song ngón tay gã trối lên mà không thấy kẻ thù chuyển động.

Hai người cứ thế giữ chặt lấy nhau. Tiếng chiêng trống đổ hồi như trống giục ba quân phá thành đoạt ải.

Thiên hạ hò reo ầm ĩ. Hai đồ đệ Lão Đô hồi hộp, biến sắc mặt dần dần.

Bảy Hồ hoang mang nhớ đến tiếng gà mái gáy trưa nào... Ba Sao nghĩ đến tấn tuồng hung triệu, và tiếng chim lợn vút qua mái nhà sư phụ đêm nao...

Thốt nhiên, lão Đô thét lên một tiếng, định bốt người địch thủ lên bằng miếng đòn đánh vào hạ bộ. Đô Yên Thế rời bật bàn tay. “Dĩ nhiên dĩ kích” gã lướt theo cánh tay lão tướng chưa kịp thu về, để nắm lấy xương sườn bóp mạnh.

Lão Đô thu hết lực vận nội công, choài mình về phía địch nắm được xương hông gã.

Bao nhiêu sức lực bình sinh, bao nhiêu công dụng của đòn ác hiểm đều dồn cả vào độc thủ này.

Mắt lão Đô, đồng thời, tiết diện lực thôi miên gã đô rùng. Mắt gã dường như xuống sắc. Dần dần mồ hôi gã vã ra. Da thịt gã mất hiệu lực nội công, mềm dịu lại. Do thế, lão Đô đưa được một tay lên nắm vào gáy kẻ thù, điểm huyết. Còn tay kia, sau một hơi thở dồn ra, bẻ mạnh. Một tiếng rú lên, át tiếng xương kêu răng rắc. Đô Yên Thế mềm mình gục xuống. Đô Tượng hất ngựa địch nhân. Đô Rùng nắm tên hênh, trừng mắt nhìn kẻ thù, sùi bọt mép.

Thiên hạ hò reo. Phường bát âm cử bài Lưu thủy ca ngợi chiến công oanh liệt của lão tướng đã giữ toàn danh dự cho trấn Kinh Bắc tám năm liền.

Thiên Hương hòa thượng mỉm cười, bước xuống đài ghé tai bạn già bảo nhỏ:

- Miếng móc quai xanh ác quá, kẻ kia sẽ thành phế nhân kể từ nay. Tội đã nhiều lắm đấy. Nên giải giáp mà quay về gài chặt cổng, tụng kinh sám hối đi thôi nhé!

Dứt lời, hòa thượng dắt tay lão Đô lên chùa, uống rượu giải lao.

Ba Sao, Bảy Hồ đấm đổ cây tre bương, đoạt năm tấm vóc và gói bạc, hân hoan theo sau sư phụ cùng lên điện Phật.

Đêm ấy, tiếng kinh kệ của Thiên Hương hòa thượng vừa tắt trên đại điện thì, ở dưới trai phòng, Đô Kinh Bắc buông rơi chén trà lão mai, toát mồ hôi, thổ huyết, máu tươi lênh láng nhuộm đỏ cả chõng kinh trên văn kỷ. Lão giang hồ, trong trận đấu ban chiều, đã dùng quá sức già, và cũng chính bởi những ngón tay Đô Yên Thế toan bóc xương vai kia lúc này làm đọng huyết trong tim phổi, nên hộc ra như vậy.

Lão Đô ốm nặng, Thiên Hương hòa thượng và hai đồ đệ cố sức đêm ngày săn sóc thuốc thang. Nửa tháng sau, Ba Sao, Bảy Hồ phải cáo thầy về Nguyệt Đức. Và cũng từ đấy, tuân theo lời bạn bồ đề, lão Đô đóng cửa cài then, nằm đọc sách, thôi giảng võ mà chỉ giảng dạy văn chương phú lục như một ông đồ chán hết chuyện trần ai.

\*\*\*

Tôi thành kính lật lại trang anh hùng sử của chú tôi.

Truyện hai mươi năm cũ.

Hai mươi năm bụi đời đã nhuộm trắng nửa mái tóc người đại hiệp danh vang miền Kinh Bắc, đông đoài.

Thế rồi thì bãi bể nương dâu, loạn ly thui tàn đất sống.

Ngày nay, hỡi ơi, con voi già ấy vẫn còn sống âm thầm, nhẩn nhục, mình gầy sức yếu, mắt đã gần mù, tháng ngày tẻ nhạt. Chú tôi lần đầu gậy như một bóng ma trong lũy tre làng Nguyệt Đức chỉ còn trôi trôi mấy lớp nhà gianh hoang đổ. Chung quanh, tiếng giầy đánh nghiêng đất, đạn nổ tươi bời, chú nằm yên đấy, ngồi yên đấy, như một con voi đất sứt cả vòi, gãy cẳng, nằm vô tri trước đình làng chỉ còn sót lại đồng gạch tàn ngói vụn, dành chỗ cho cỏ mọc và cây cáo lẩn mà thôi.

Mắt chú đã lòa rồi. Tai chú đã điếc rồi. Mai đây, có ai về Kinh Bắc, đọc cho chú tôi nghe những dòng này?

**1953**

## Đề Tặng Các Võ Sĩ Già

Ở rạp chiếu bóng ra. Kông hoa mắt nhìn những ánh đèn pha xe hơi, xe đạp ngược xuôi ngoài phố lạnh mưa phùn. Anh chìa tay chào người bạn mới quen, ân cần nói:

- Cám ơn bác đã đãi tôi tấm vé. Tình cờ được coi một phim hay quá...  
Cám ơn bác lần nữa nhé!

Người bạn mới quen cũng nắm chặt tay Kông niềm nở:

- Có gì mà bác nói ơn với huệ. Phim tả cuộc đời võ sĩ phải được một khán giả võ sĩ như bác coi mới đúng. Tôi không có tâm sự con nhà võ mà cũng xúc cảm, bồi hồi nữa là bác, già nửa đời nhảy lên đài, làm gì mà không cảm động.

Người bạn mỉm cười xuýt xoa vì rét.

- Giờ ta đi chén bát phở nóng cho ấm bụng. Cuối phố Huế kia có chú Tàu chuyên môn phở ngẫu pín, ăn bổ lắm. Nào mời bác lên xe.

Người bạn hào hiệp ấy vẫy xe. Nhưng Kông nhất định cảm ơn về tấm vé thêm lần nữa rồi chối từ bữa phở, nhất định bắt tay ông bạn mà đi, lấy cơ răng đau bụng, kiêng ăn thịt.

Ông bạn cả cười, rung mạnh bàn tay lực sĩ Kông:

- Đã đến mười năm nay tôi mới lại được thấy bác. Tuy bác chẳng biết tôi, song đã nhiều lần tôi được thưởng thức, hâm mộ tài nghệ võ sĩ Kông, tung hoành các võ đài Nam, Bắc. Chính tôi, hồi 1939, đã theo đoàn võ sĩ Bắc vào Chợ Lớn, coi bác hạ một võ sĩ da đen trong đó. Tôi võ tay khoái quá, suýt bị mấy khán giả miền Nam đánh chết tươi ngay ở cửa võ trường.

Ông bạn mới cười to và bắt chước giọng Sài Gòn:

- Họ nắm tay tôi, lại trở vào mặt tôi mà thét: “Mấy anh đất Bắc này coi bộ muốn gây lộn hả. Còn la cho người Bắc nữa, ta đánh bể đầu nè!”. Tôi hết vía, phải chuồn về Sài Gòn ngay lúc đó, không thì bỏ mạng vì cuộc đấu võ ấy rồi.

Kông mắt sáng hẳn lên, nghe ông bạn kể lại trận đấu mà Kông cho là oanh liệt nhất đời của mình. Chính nhờ trận đấu ấy mà Kông có tên tuổi trong làng quyền anh. Nhờ trận đại thắng ấy, anh đã kiếm được số tiền đáng kể, để rồi ra Hà Nội mở một cửa hàng xe đạp, nhà võ sĩ quyền anh danh tiếng Kông lại ba lần được khoác áo danh dự trong các cuộc đua xe đạp Hà Nội - Đồ Sơn, rồi vào Nam so vòng bánh với bầy phượng hoàng Đồng Nai nữa. Nhờ những cuộc đua vạn lí đôi giò võ sĩ Kông càng thêm một sức dẻo dai, một sức chịu đựng phi thường, tài nghệ đấm của Kông quả đã bao phen làm cho khán giả say mê, làm cho địch thủ không đo ván cũng xin bỏ cuộc đấu ở hiệp ba, hiệp bốn, mặc dầu những địch thủ ấy là những kẻ xương đồng da sắt.

Vậy mà, ngày nay...

Kông thốt thở dài. Ông bạn mới không nài ép về bát phở ngẫu pín nữa, cười ha hả:

- Thế rồi, từ năm ấy, tôi không còn dịp trông thấy bác, nhưng mỗi lần xem quyền anh, tôi lại nhớ đến hình ảnh bác ngày xưa. Thấm thoát, tóc đã lốm đốm muối tiêu, nhưng coi bác còn khỏe lắm, còn đủ sức thượng đài. Bác thử lại quả đấm xem.

Ông bạn mời điếu thuốc cuối cùng. Kông hút một hơi dài. Ruột đang rộng đói, khói thuốc làm anh khó chịu, nôn nao. Ông bạn rung cánh tay Kông, lúi lại nheo mắt ngắm:

- Thực tế trông bác cũng chẳng sút bao nhiêu. Bác cứ thử lên đài lần nữa xem nào!

Rồi ông ta ghé tai Kông, nói nhỏ:

- Nếu tiện, xin mời bác sang đồn tôi. Cứ hỏi thăm ông Quận, còn lạc đường sao được. Ở với tôi, bác tha hồ tắm bồn và tập dượt. Cạnh đồn tôi, có

mấy anh võ sĩ đen và trắng, vào hạng nặng cân cả đấy. Tôi vẫn thấy họ tập khi nào rỗi rãi. Tôi sẽ giới thiệu, bác sẽ cùng họ đấu dượt chừng vài tháng, lo gì không trở lại phong độ vô địch cũ. Bác nghĩ kĩ xem, rồi biên thư cho tôi biết nhé!

Ông ta cười khà khà, nhảy lên xe đi thẳng.

Võ sĩ Kông xuôi xuống phía cửa ô. Mưa bay mau hạt. Gió thêm lạnh buốt, Kông thấy cơn đói như cào cào dạ dày. Anh vút nửa điều thuốc lá thơm xuống gốc cây bên hè, đứng vào chỗ thịt rượu của một kẻ tửu đồ nào nôn ra đó.

Mưa gió thấm vào da thịt. Kông bước rảo cho đỡ cóng, nhưng xe cộ chật đường và trai gái chật hè, anh phải đi chậm lại.

Bộ phim vừa rồi lại hiện trước mắt anh. Kông thì thầm: “Tối nay, chúng ta đã thắng” - “Nous avons gagné ce soir”. Thật là bi thảm. Kông lần lượt nhớ lại những hình ảnh trong phim.

Một võ sĩ tuổi đã ba mươi. Vợ chồng anh sống nghèo nàn trong gian phòng khách sạn. Họ yêu nhau. Người vợ xinh đẹp và hiền hậu, chăm lo sức khỏe cho chồng. Trên võ đài, anh đã nếm nhiều thất bại, khiến người vợ se lòng mỗi khi thấy chồng vì kế sinh nhai mà nhận ký giao kèo với những ông bầu quyền anh. Chủ trọ đuổi vợ chồng anh đi chỉ vì vợ chồng anh nghèo quá. Bị dồn đến đường cùng, anh lại liều mạng lên đài lần nữa, mặc dầu vợ anh năn nỉ can ngăn. Nàng định đi làm, bán hàng hay đánh máy chữ ở một hãng buôn nào, để cho chồng nàng dưỡng sức, bồi bổ những vết thương do bị người ta đánh đấm. Nhưng người chồng cương quyết, vì anh yêu vợ, không muốn vợ phải lầm than. Hơn nữa, anh nghĩ: thắng đàn ông đội trời, đạp đất, thà chết chứ không ăn bám vợ. Thế là tối ấy, anh xách vali ra cửa, hôn vợ, và đưa tấm vé cho vợ, dặn: “Mình cứ đến xem, tối nay anh sẽ thắng, chúng ta sẽ thắng, sẽ có tiền trả chủ nhà, chủ nợ...”. Người vợ hiền, đúng 9 giờ, đã đến cửa võ trường, nghe rõ tiếng hò reo trong đó vọng ra ầm ĩ. Chị rùng mình ghê sợ, nghĩ rằng chồng chị đã ngã gục dưới chân địch thủ, đã ộc máu mồm, máu mũi, như tất cả mọi lần, trước những con mắt trợn ngược, những cái mồm sùi dãi, những bàn tay nắm chắc vung lên

không khí của bọn người đánh cá. Thiếu phụ tần ngần rời cửa võ trường, đi vào con đường hẻm mờ sương. Theo sau chị, một gã phong tình buông lờ ong bướm. Chị chau mày cự tuyệt, lẳng lẳng bước lên cầu, xé nát tấm vé, thả những mảnh vụn xuống dưới đường, ngựa xe thiên hạ trôi như nước chảy. Trong khi ấy thì chồng chị đã lên đài. Anh hốt hoảng, ngã lòng vì nhìn xuống hàng ghế dưới vẫn không thấy vợ yêu. Anh chịu đựng được một hiệp đấu, dưới cơn mưa dấm của con đười ươi hung dữ. Anh ngã gục, lại ngóc lên, chịu thêm vài quả dấm, để rồi lại ngã. Nhưng anh vẫn còn sức đứng lên trước tiếng cồng cứu vớt. Đến quả dấm thái sơn vào giữa mặt, anh ngã sấp xuống sàn, quắn quại, bên tai còn văng câu nói của vợ hiền: “Đừng lên đài nữa, mình đã luống tuổi rồi”. “Không, tối nay anh sẽ thắng, chúng ta sẽ thắng, sẽ có tiền để sống...”.

Gương mặt âu sầu, hiền hậu của vợ anh lờ mờ hiện trong con mắt sưng húp. Anh cố ngóc lên, cố đứng lên. Một sức mạnh ma quái nào vừa cuốn vào bắp thịt, anh đánh trúng cằm địch thủ. Con đười ươi cao lớn lao đao. Tiếp hai quả vào mang tai, nó rũ xuống. Nhân đó, anh đánh bật nó vào dây vũ đài. Nó gục hẳn, nằm bất động.

Nửa giờ sau, anh ra khỏi vũ trường, lao đao bước. Anh không còn sức, ngã phệt xuống vỉa cống.

Người vợ ngỡ ngác chạy kiểm chồng, đã thấy anh ở đó. Chị ôm chầm lấy anh, nhắc anh lên, lau vết máu ở mắt anh. Anh tỉnh hẳn, nắm chặt bàn tay vợ hỗn hển nói: “Anh đã thắng. Anh đã đoán chắc với em mà!”. Người vợ lau nước mắt. Lòng quặn đau. Phở về khuya, không còn một chiếc xe, chị dìu chồng về, đi không vững.

Từ này, Kông gục đầu bước trên hè, lan man nghĩ đến câu chuyện phim bi thảm. Thì ra số phận một phần đông võ sĩ thế giới đã nổi tiếng hay ngập chìm trong bóng tối cơ hàn, đều chẳng hơn gì số phận anh, các bạn anh. Kông chặc lưỡi thở dài:

“Cũng may mà mình chưa mang trọng tật: lòi mắt, thủng màng tai, đeo hàm răng giả, chảy nước óc, mà mới chỉ có vài cái sẹo in trên mặt. Mình đã



suy yếu lắm rồi, phen này quyết là giải nghệ, sức đâu mà theo đuổi danh vọng mãi”.

Kông lại liên miên nghĩ đến hàng ngũ của anh, kẻ thì đã xoay nghề làm nên giàu có, kẻ đã bỏ mạng vì nghệ thuật ngay trong trận đấu, kẻ bây giờ còn ngắc ngoải, vẫn còn níu lấy nghề nghiệp cũ bằng cách mở lò hun đúc tài năng cho đàn niên thiếu cương cường.

Kông đã chạm vào cái cổng tre ở ngoại ô. Đó là trạm chứa đồng bào mới hồi cư, do một hội từ thiện lớn thủ đô tổ chức. Võ sĩ Kông mới đem vợ con về Hà Nội đã hơn ba tháng, vẫn tạm ăn ở nhờ hội thiện, chiếm một góc nhỏ của khu đất rộng, quây cót lợp gồi che mưa gió. Anh buồn bã bước chân vào, sờ túi tìm bật lửa xòe lên. Vợ anh trùm kín chiếu. Đưa con trai lên tám tuổi co ro ngồi bên mẹ, thấy bố về, vội reo mừng:

- Mẹ ơi, cậu về kìa. Cậu có xin được việc làm không cậu? Cậu xơi cơm chưa? Con phen cậu bát cơm trong rổ đấy.

Kông ngồi xuống ôm con hôn hít:

- Cậu được người bạn mời xem xi nê, lại mời ăn phở ngẫu pín nữa, no rồi. Con đem cơm ra mà ăn, không phải nhường cho cậu.

Đứa trẻ sờ soạng lấy bát cơm ra:

- Con ăn còn đói. Cậu no rồi, con ăn thêm vậy - Đứa bé bốc cơm nhai trong bóng tối, vừa ăn vừa hỏi bố: Cậu xem xi nê có thích không?

- Thích lắm. Phim đánh bốc. Mai cậu sẽ cố xoay tiền dắt con đi coi lại.

- Thế hả? Đánh bốc thì thú lắm. Nó có giỏi bằng cậu không?

Kông thở dài nín lặng.

- Kìa sao cậu thở dài, con hỏi nó có giỏi bằng cậu không? Chắc không bằng cậu, chả ai bằng cậu. Con chắc thế.

Kông se lòng vì lời trẻ dại, hôn con:

- Sao con chắc chả ai bằng cậu?

- Con biết chứ. Ở hậu phương, cậu dạy bao nhiêu học trò lớn, ai cũng bảo rằng cậu giỏi. Mai kia, cậu lại đánh bốc nữa, lấy tiền thuê nhà rộng, cậu lại dạy con học võ, cậu mua thuốc cho mẹ khỏi ốm, cậu nhá?

Người vợ khẽ cựa mình, lật chiếu thò bàn tay nóng bỏng ra, nắm lấy tay chồng:

- Mình đã về đây ư? Có tí cơm phần mình đây, ăn tạm cầm hơi vậy.

Kông chua xót đáp:

- Tôi ăn rồi. Khổ, càng ngày càng sốt nặng biết làm sao đây?

- Đỡ rồi mình ạ. Mai tôi lại đi chợ như thường, mình chớ bận tâm về tôi quá nhiều...

Tiếng người vợ yếu dần, tắt vào tiếng ho của những ông già bà lão, tiếng khóc của con trẻ chung quanh đang nheo nhéo vì gió rét và tiếng thở than về nỗi ngày cùng tháng tận đến nơi rồi.

Kông mệt mỏi, đói cào gan ruột, anh ngả mình nằm xuống bên con. Đứa trẻ lại hỏi chuyện xi nê. Anh thuật lại chuyện anh chàng võ sĩ trong phim cho con nghe, để quên cơn đói. Miệng nói mắt thì riu lại, anh thêm thiệp ngữ. Anh mê sảng nhắc lại câu nói của anh chàng võ sĩ bất hạnh trong phim: “Tối nay anh sẽ thắng, chúng ta sẽ thắng, chúng mình sẽ có tiền...”.

Người vợ ngắt cơn rên, sờ tay sang bên cạnh khẽ lay hỗn hển:

- Mình ơi, sao mê sảng thế mình?

\*\*\*

Võ sĩ Kông, vì hoàn cảnh đói nghèo, đã viết thư cho ông Quận và được mời vượt bốn mươi cây số bằng ô tô để đến cái tỉnh bé nhỏ kia, tập dượt lại quyền anh, mong một ngày tới nhảy lên vũ đài lần nữa.

Quả như lời ông Quận hứa hẹn tối nọ ở ngoài cửa rạp chiếu bóng, võ sĩ Kông được ông trọng đãi.

Ông Quận cũng có thâm ý. Số là ông vốn có hiềm với một võ sĩ đương kim vô địch hạng gà, tên là Hải, mà làng quyền anh đặt cho tước hiệu Hùng Khoát Hải. Đã hơn một lần ông Quận bị lực sĩ Hải đâm ngã đổ máu mũi tại một nơi đông người, chỉ vì một đuôi mắt mi nhân. Ông Quận mang nhục và nuôi hận, vẫn không có dịp nào trả được, mặc dầu ông có quan quyền ấn tín và súng lục.

Năm nay, Hùng Khoát Hải xưng vương ở võ đài Bắc Việt, chưa hề ai hạ nổi con trâu rừng ấy. Ông Quận định võ cho võ sĩ Kông trở lại tài lực cũ, để thượng đài đánh ngã Hùng Khoát Hải cho hả cái giận chằng chùng một đất trời.

Ngày ngày, ông Quận tôn võ sĩ Kông làm thượng khách. Mỗi ngày ba bữa thịt bò thui, thịt bò bít tết. Để thay món: cá to, thịt cừu dăng võ sĩ; tráng miệng điểm tâm toàn trứng gà con so, chuối trứng cuốc, cam, nho.

Võ sĩ mới mờ đất đã dậy, chạy từ đồn đến một địa điểm nào nhất định, chùng mười cây số, rồi về nhảy dây, đấm bị cát và biểu diễn tài nghệ với mấy quân nhân ngoại quốc vốn cũng là tay cự phách trong làng quyền thuật.

Xem võ sĩ Kông đấu với các võ sĩ kia, lại thấy Kông nở nang lực lưỡng nhanh như thổi, ông Quận mát ruột mừng rằng hận kia phen này ắt rửa sạch. Mấy võ sĩ da đen đều lần lượt bị Kông cho đo đất. Họ thành thật bắt tay Kông, bái phục.

Thấm thoắt, võ sĩ Kông đã ở với ông Quận hơn hai tháng: Một hôm gió heo may thổi, võ sĩ mang mang nhớ vợ nhớ con. Võ sĩ nghỉ ba ngày, không tập dượt, chỉ lặng lẽ nhìn về trời Hà Nội.

Ông Quận kinh ngạc hỏi. Kông ngỏ ý muốn về thăm vợ con. Ông Quận tròn mắt nói:

- Tôi đã viết thư về Hà Nội báo cho Chủ tịch Quyền anh biết rằng bác muốn lên đài, thách đấu với vô địch Hải 6 hiệp. Có lẽ họ sắp trả lời và tin rằng Hải không dám xé tối hậu thư của cự vô địch mà nó yên trí rằng tuổi đã xế chiều, tài sức không bằng nó. Công tu luyện bấy nay đã vững chắc rồi, thế mà bác hạ sơn, đụng vào cái việc chẵn gối thì... giết đệ, cứ là trùng gân trùng gối, công rèn cốt luyện xương một phút đi đời nhà ma hết. Thôi, xin bác vì nghĩa lớn mà dẹp lòng thương nhớ gia đình lại ít ngày...

Võ sĩ cương quyết đáp:

- Nhất định đệ phải về thăm cháu. Đêm qua cuối canh tư, tôi mơ thấy tay tôi máu đổ. Có lẽ cái điềm cháu chằng được lành chằng. Tôi nguyện sẽ lên ngay và đoan rằng không dúng vào tửu sắc. Bác yên lòng.

Kông về Hà Nội. Quả như mộng triệu. Thằng bé Hoa đang mơ hoảng vì cơn sốt thương hàn, chỉ còn tí xương da cuộn vào manh chiếu rách, trong quán dịch ngoại thành.

Người cha gặt lệ, ôm con và nắm bàn tay băng giá của vợ hiền cũng võ vàng như cỏ úa.

Kông lưu lại với vợ con năm hôm. Năm hôm đó Kông nhận được hai điện tín của ông Quận thúc về đồn tập luyện. Kông viết thư kể sự nhà và hỏi vay ông Quận một số tiền, hẹn sau cuộc đấu với Hùng Khoát Hải sẽ xin thanh toán.

Ông Quận không hề trả lời về vấn đề vay nợ. Kông chán nản, bắt đầu ngờ tẩm lòng hào hiệp của ông từ đó. Nhưng, đúng như súng nổ trên đầu, một sớm Kông lang thang ngoài phố, chờ gặp cố nhân nào đó để vay tiền mua thuốc cho con thì thấy mấy dòng chữ lớn trên tờ báo thể thao bày trong hiệu sách đăng tin cự vô địch Kông thách đấu với đương kim vô địch Hải và võ sĩ này đã nhận đấu. Cuộc tranh hùng phi thường đó sẽ quyết định vào ngày lễ tới.

Chao ôi, Kông hoa mắt, ù tai không phải vì cái tin quái lạ kia, chính vì anh điên cuồng uất ức. Anh có cảm tưởng người ta coi anh như ngựa thi, gà chọi không hơn không kém. Kông lắc đầu chửi thầm một câu giữa đám đông đang xúm vào đọc cái tin thể thao quan trọng đó, rồi lững thững bước men theo bờ Hồ Hoàn Kiếm, ngược lên phố Tràng Thi.

Qua cửa nhà thương, Kông lững thững bước vào. Anh loanh quanh ra vườn sân bệnh viện, ngơ ngác nhìn những người đau ốm, què chân, băng cổ, nằm ngời la liệt ra cả ngoài hành lang hẹp, sặc một thứ mùi không chịu nổi.

Chợt Kông dừng chân trước căn phòng ngoài treo tấm biển: “Phòng máu”.

Kông thầm nhủ: “Có lẽ ở đây người ta mua máu. Mình thử hỏi xem. Mấy tháng nay mình được lão Quận tẩm bổ cho béo tốt, nghe như máu ứ tràn huyết quản. Bán đi một lít, vừa giúp bác sĩ tiếp huyết cho người ốm, lại được tiền thuốc thang cho vợ con...”

Anh bước lên thềm, gặp một cô khán hộ, hỏi về việc mua bán máu. Cô cho anh rõ: người phong lưu thừa máu quá, lo có ngày căng huyết quản, biểu nhà thương máu, nhà thương vui lòng nhận. Người thừa máu nếu bán lấy tiền, nhà thương cũng vui lòng trả hăm năm đồng một phân khối.

- Nếu vậy, thừa cô, tôi nhiều máu quá, nhưng đang thất nghiệp, xin bán một lít hay hơn cũng được.

Cô khán hộ xinh đẹp mỉm cười:

- Thường thì chỉ cần trích 200cc máu một lần. Chứ trích ngay một lít thì chúng tôi chỉ còn việc đưa ông vào nhà xác.

Kông lặng im suy tính:

- Tôi xin tạm bán 200cc vậy, vị chi là...

Cô khán hộ nhanh nhẹn đưa võ sĩ Kông vào phòng bác sĩ. Người ta thử máu và bằng lòng mua máu Kông.

Sau đó nửa giờ, võ sĩ già đã bàng hoàng đút vội mấy tờ giấy bạc vào túi áo rời bệnh viện.

Anh đi trong phố, soi vào gương kính tủ sách gần bệnh viện, nghĩ rằng mình vừa sút gày đi, rồi thì sẽ xanh đi, nếu còn có lần sau, nghèo túng quá, anh cần phải vào “Phòng máu” bán hết phần máu còn sót lại trong da thịt.

Qua hiệu sách phố Bờ Hồ, Kông bước vội để khỏi phải nhìn mấy dòng chữ lớn in trên tờ báo thể thao: “Cựu vô địch Kông sẽ thượng đài...”.

Kông cúi đầu rảo bước, mong về với vợ con ở ngoại ô. Anh chen lấn đi trong đám đông người và xe cộ, thảm hại như cái rác trôi giạt theo dòng nước trong cơn mưa ngày lửa hạ.

*(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, 1952.)*

**(In lại trong Cô gái làng Sơn Hạ, NXB Văn học, H., 1989)**

## Phấn Hương

Bạn làng chơi chẳng lạ cái ngõ hẻm đầy người, đầy rơm rác, nặng “*mùi bần tiện*”, “*mùi hạ lưu*” ấy tại Hà Thành. Nhưng đấy là một chỗ ăn chơi, thật là một chỗ ăn chơi huyền ảo, cuộc vui bắt đầu ngay từ lúc thành phố lên đèn.

Bước chân vào ngõ ấy, vào giờ vui ấy, tức thì người ta quên mùi nước cống mà để cho khứu giác xúc tiếp ngay với mùi thơm của một tiệm cao lâu âm ỉ những tiếng hò hét của các ông chiệc đang đánh bài cào, mặt chược, và những tiếng đàn ca lạnh lạnh của các cô đào Tàu mua vui cho khách đến ăn.

Liên đấy là rạp hát tuồng, một rạp hát tuồng trường thọ nhất và được khán giả hoan nghênh nhất. Ngoài cửa bao giờ người ta cũng thấy treo tấm biển: “*Tối nay đại diễn...*” chữ viết bằng phấn nước của họa sĩ Trần Phênh, nét chữ mềm mại quá, khiến người ta càng ngắm càng yêu. Mấy tàu lá gồi quán ngoài cửa rạp đã héo vì nắng gió, chiếc đèn lớn làm theo hình tấm hoành phi, phơi mãi ngoài trời nên những chữ cắt dán hồ đã rơi rụng từng nét một, và giấy bạc phếch lại thùng rách từng miếng lớn, trơ cả khung tre.

Đó là một buổi hát đặc biệt, thiên hạ nô nức đi xem. Người ta chú ý ngay tự lúc chiều: một chiếc ô tô nát tã phun khói mù đường, trên chở một tấm biển lớn kê tên tích hát, và năm bảy đào kép, mặt phấn môi son, mũ giáp lịch sự như Tiết Đình Sơn, Phàn Lê Hoa nhà Đường; dữ dội, xấu xí như Chung Vô Diệm, Bao Công đời Tống. Những danh nhân thời chinh chiến ấy ngồi chõng chất lên nhau, chiều chiều đi diễu hết các phố, phơi mặt hê

dưới nắng chiều hè còn nóng rát, hoặc dưới mưa gió buốt những chiều đông. Họ đã quen với khán giả lắm rồi, mà dân các phố cũng thích nhìn những bộ mặt ấy vì họ cho là một trò vui mắt vui tai.

Hà Thành thời đó không thiếu gì những sự ngang tàng. Muốn gặp những cái ngang tàng ấy, phải đến cái ngõ hẻm này, chỗ đấu chọi của các tay chơi.

Phong trào đâm chém của đảng Càn Long đang thịnh, cho nên những tay anh chị luôn luôn giắt roi da, dây điện, dao, búa làm khí giới cần dùng trong lúc thị uy để tranh cướp một con đĩ thập thành, hoặc một con sen ngoài máy nước. Nhất là ở cửa rạp hát tuồng trong cái ngõ đầy người, đầy rơm rác, đầy ruồi muỗi ấy - âu là tôi cứ gọi thẳng tên nó là ngõ Sầm Công - dân Càn Long càng muốn trở oai, hoành hành như những ông tướng đóng tuồng. Người lịch sự phải góm mặt các ông tướng đó, vì mỗi khi họ cần cà khịa, nhe chiếc răng đồng cười nhạt để thử gan một ông diện sang đi với một cô nhân tình xinh đẹp, thì tốt hơn là ông này cứ lẳng lẳng mà đi.

Nhưng các ông tướng Càn Long lại rất nhún nhường, nịnh hót những ông tướng đóng tuồng, vì họ cần những ông này truyền cho họ dăm ba miếng võ tuồng.

Được nói chuyện với một kếp hát trứ danh là một điều hãnh diện. Vừa thấy mặt ông kếp mặt xanh xao đầu tóc rối bù, vận quần áo cánh lụa, nghênh ngang rẽ đám đông người vào rạp, là mấy ông tướng Càn Long chạy đến chào hỏi, mời kéo ra hàng nước để thết miếng trà, hay cốc nước chanh.

Ở thời ấy, đào kếp hát tuồng được người ta yêu mến như bây giờ người ta yêu mến những ngôi sao màn ảnh..., nhưng thời ấy qua rồi!

\*\*\*

Ngày nay người ta thích chớp bóng, thích cải lương Nam Kỳ, người ta quên hẳn nghề hát bộ, quên những người, chừng mười, mười lăm năm trước, đã được họ nhắc nhủ luôn, đã được họ ngắm những chân dung lồng trong khung kính treo ngoài cửa rạp, như ngắm những bậc vĩ nhân thế giới.

Phong trào của kịch trường mới đã đẩy họ lùi vào dĩ vãng tối tăm hoặc đưa họ về những năm mờ. Họ đã chết hay là đang sống không nghề nghiệp,

hay là đang hấp hối, thở nặng nề mà tiếc than nghề cũ, thời xưa.

Đã lâu lắm rồi, tối nay tôi mới đi qua cái ngõ chật người, đầy muối, ngạt mùi hôi hám ấy.

Tôi đã vì một sự bất đắc dĩ mà chui đầu qua một khung cửa gần như đổ sụp xuống đầu tôi, và tôi đã đứng trong một căn gác tối gần như hũ nút. Bạn tôi bảo tôi ngồi xuống chiếc giường có sẵn một người nằm bên khay đèn thuốc phiện chưa lên lửa. Người nằm đó nhòm đầu lên, vợ chiếc giẻ lau khay đèn để chùi mũi, nhìn chúng tôi không biết nói câu gì. Bạn tôi lẳng lặng đặt giữa lòng khay một hộp thuốc một đồng, rồi giới thiệu cho tôi rõ người đàn bà ấy xưa là một danh ca của nghề hát bộ.

Nàng là Bảy Hoa.

Tôi tưởng đó là lời giễu cợt, nhưng không, ai lại giễu cợt một nỗi đau thương, một hiện hình của cái dĩ vãng sâu thẳm ấy. Vậy thì Bảy Hoa, chính thị nàng. Nàng, xưa là Sắc đẹp, xưa là Tài hoa, xưa là tất cả những lời tưởng lệ, mà nay, trái lại... tôi rất ngại ngùng vì phải tìm những chữ chằng vãn hoa để tả hình dung người đàn bà ấy.

Bảy Hoa! Tên nàng in vào óc tôi tự ngày còn nhỏ. Tôi bỏ học, nhịn ăn quà để lấy tiền xem hát, cũng như để thuê những truyện La Thông tảo Bắc, Chinh Đông, Chinh Tây, Thủy Hử, Tùý Đường. Mê xem hát và ham đọc tiểu thuyết Tàu đến nỗi bị thầy tôi treo ngược chân lên cành cây mà đánh, bắt nhịn cơm đến hai ba bữa, mẹ tôi xin hộ mới thôi.

Tôi thuộc tên các đào kép hơn thuộc tên các danh nhân trong sử ký; tôi thuộc tích hát hơn thuộc những bài học ở trường.

Nhất là Bảy Hoa, cái tên dễ nhớ làm sao! Tôi mê vẻ đẹp của nàng - tôi chỉ biết mê thôi, bởi vì tuổi thơ ngây tôi đã biết gì là yêu. Tối nào đi xem mà Bảy Hoa không sắm trò thì tôi chán ngán chỉ muốn về. Không được đi xem, tôi nằm mê thấy Bảy Hoa, tôi thấy Bảy Hoa hiển hiện trên trang sách học, trong bóng ngọn đèn. Tôi vui thích mỗi khi Bảy Hoa đóng vai võ chém một tướng Phiên; tôi hồi hộp mỗi lần Bảy Hoa bị trúng mũi tên, xõa tóc than thảm thiết bên bức phong vẽ cảnh núi rừng.



Không bao giờ Bảy Hoa sắm vai đào phụ, vì người ta phải kính trọng cái danh và tài nghệ của nàng. Nhiều lần, chen lách vào lấy được chiếc vé hàng ghế cuối, tôi ra cửa thờ, và tôi đã phát ghen với mấy ông lớn rất sang khoác tay Bảy Hoa lên chiếc xe hơi, đưa nàng đi ăn uống trước giờ nàng vào rạp sắm tuồng.

Bảy Hoa đẹp như thế, tài danh như thế, ai mà chẳng đón đưa.

Bảy Hoa lại được hãng thu thanh mời hát vào đĩa nhựa. Tôi xin thầy tôi mua tất cả những đĩa có bản hát của nàng, và tôi đoán rằng được vậy, tôi sẽ không dám trốn học đi coi hát nữa.

Thế là ngày đêm tôi đã có Bảy Hoa ở bên mình, ở chung giường ngủ, ở trên bàn học và Bảy Hoa theo tôi về tận nhà quê, trên bãi cỏ, hát cho tôi nghe dưới bóng cây râm mát giữa cánh đồng. Trời ơi! giọng ngân dài như tiếng tiêu sâu, ni non và thắm thía như lời than thở ấy, tôi không mê mệt làm sao! Đây là lớp Hán - Sở tranh hùng, Ngu Cơ khóc biệt Hạng Vương trên bến Ô Giang vắng buồn khúc địch Trương Lương... Đây là lớp Bàn Phi quỳ ôm gối Nhân Tôn, kéo dài bào van lạy quân vương xin cho khỏi tội tử hình... Đây là lớp Bạch xà bị tiên ông hãm trong tháp ngọc..., Đát Kỷ làm nũng Trụ Vương đòi ăn gan nuốt mật Tỷ Can...

- Bảy Hoa ơi! Thời xưa mất hẳn rồi.

Tôi ngậm ngùi thương người đẹp ấy, nàng danh ca ấy, tối nay, một tối mưa đông buồn lạnh, một tối mà không biết vì đâu, lòng tôi cũng lạnh buồn như mưa. Cuộc gặp gỡ Bảy Hoa, hình sắc Bảy Hoa càng khiến lòng tôi thêm chán ngán, và quả như lời kẻ buồn đời thường than thở, cuộc sống của con người ngắn ngủi quá chừng.

- Vừa mới năm nào!

Ừ, vừa mới năm nào Bảy Hoa còn được đời mến chuộng, đón đưa, mà nay thì thân tàn ma dại, mình gày bọc manh áo vá tanh hôi.

- Bảy Hoa hiện nay làm nghề gì cho đủ xài, đủ hút?

Nàng tiêm thuốc trả lời:

- Còn biết làm chi nữa! Nghề hát đã phế bỏ rồi. Chỉ còn một cách tự tử, hoặc sống mà ăn xin cho qua bữa.

Câu nói ấy se lòng tôi lại, nhưng Bảy Hoa vẻ mặt thản nhiên, vì có lẽ nàng đã dùng câu đó để đáp nhiều người, như tôi, đã thương hại hỏi nàng.

- Ông ạ, bọn anh em chúng tôi nay sống ít, mà chết thật rất nhiều. Tôi đã đi đưa đám những bạn tôi, hồi còn có sức; nhưng nay yếu rồi, tôi chẳng còn sức mà đi đưa đám nữa. Sau khi mất nghệ, chị Tám mà nay còn đĩa hát đấy, đã chết vì đau phổi, anh Sáu đã bỏ mạng bởi thiếu sài... còn kẻ sống sót như anh Hải thì soạn vở cải lương, như chị Thanh, chị Cường thì đi làm diêm. Còn tôi, tôi chỉ còn đủ hơi chờ một ngày rét quá, một buổi trời u ám quá...

Bảy Hoa thở dài.

Tuy căn gác tối như hũ nút, tôi cũng cố tìm xem có vật gì đáng giá ít nhiều, nhưng không. Tôi chỉ thấy trên bức tường đầy khói ám, mấy tấm ảnh lồng trong khung kính vỡ treo lệch lạc: ảnh Bảy Hoa chụp hồi còn trẻ. Bức thì chụp nàng mặc áo giáp Tàu sắm vai nữ tướng, bức thì chụp nàng ôm bó hoa to che gần kín ngực, tươi cười.

Bảy Hoa của thời xưa sắc tài đang lừng lẫy đấy! Bảy Hoa thuở trước đã qua rồi!

\*\*\*

Tôi lại bước chân vào cái ngõ hẻm đầy người, đầy rơm rác, đầy nặng, đầy “mùi bần tiện, mùi hạ lưu” ấy một đêm sau, mưa gió lạnh lùng hơn. Và tôi lại khom lưng chui qua khung cửa thấp, trèo lên cái thang ọp ẹp gần sụp đổ, ngồi nhìn Bảy Hoa tiêm hết hộp thuốc lớn tôi mua tặng, nhìn những bức ảnh lúc thiếu thời treo trên vách bẩn nhện chằng.

Nàng kể cho tôi nghe những tích hát nàng thích, những đoạn tình kỳ dị, những người yêu thủy chung, si ngốc hoặc là đểu giả, lọc lừa...

Tôi ngỡ cho nàng biết lòng tôi yêu mến sắc tài nàng hồi tôi còn thơ nhỏ. Nàng ngược mắt nhìn tôi:

- Trời ơi, đã lâu lắm tôi mới được nghe một người như ông, nhắc đến sắc đẹp của tôi, nhắc đến những cảm tình dành tặng tôi... tôi sung sướng quá...

Bảy Hoa ngồi nhóm dậy, lôi một chiếc hòm gỗ đầy bụi bậm ở gầm giường, mở lấy một gói giấy to, nàng run tay trịnh trọng mở gói giấy đó ra, khẽ đặt lên lòng tôi.

- Đây là những bó hoa năm xưa, nhân dịp biểu diễn quyên góp giúp đỡ dân bị nạn, quan Đốc lý đưa tặng tận tay tôi... đây là bó hoa của một người... một người đã mất cả gia tài, cơ nghiệp vì tôi... đây là những bó hoa của một số đông khán giả... đây là... nhưng thôi, nó nào phải là những bông hoa tươi thắm như nhan sắc tôi năm ấy,... nay chỉ là một đồng lá khô, cánh héo, hương sắc không còn.

Tôi cúi người đưa trả lại nàng những bó hoa khô.

Nàng khẽ tiếp:

- Giờ trót đời, tôi chỉ ước ao lại được nhận một bó hoa tươi của ai tặng... Có một đêm tôi nằm mê thấy được như thế đấy. Song đùa vậy mà chơi, chứ đó chỉ là một giấc mơ!

\*\*\*

Mấy ngày sau, vào một buổi chiều trời u ám, lá rụng rơi bời trong gió thổi, tôi đi lang thang bên bờ hồ Hoàn Kiếm, rồi qua chợ Đồng Xuân. Chợ đã tàn, chỉ còn một cô gái bán hoa, trên rổ còn một bó hoa gần héo úa. Nhìn cô gái bán hoa mặt buồn rười rượi, quần áo tồi tàn, tôi tưởng tượng đến cảnh gia đình nghèo túng của cô, tôi vét tất cả xu trong túi mua bó hoa tàn úa ấy rồi đi.

Đang lúc không biết dùng bó hoa ấy làm gì, thì một chiếc lá rơi xuống đầu tôi, một hơi gió nhẹ thổi qua tai tôi như hơi thở của một người gần chết, tôi vụt nhớ đến Bảy Hoa. Vội vàng, tôi quay lại nhà nàng.

Nghe tiếng giầy tôi vừa giẫm cọt kẹt trên sàn gỗ nát, Bảy Hoa đang thiêm thiếp bên khay đèn không lửa, bỗng mở mắt nhìn tôi, gượng cười.

Ngồi bên nàng, tôi ngạc nhiên vì thấy đày mình nàng rắc kín những cánh hoa khô héo mà người ta đã tặng nàng, và nàng đã cho tôi xem đêm nọ. Nàng nắm tay tôi, thở phì phào:

- Ông làm ơn mở rộng cửa sổ kia ra, cho tôi nhìn thấy bầu trời một lần chót nữa.

Tôi kính cẩn nâng bó hoa mua ban nãy, ghé tai nàng:

- Bảy Hoa, tôi tặng bà bó hoa này, tôi tặng bà tất cả tấm cảm tình của tôi hồi thơ nhỏ, và tôi cầu cho linh hồn bà siêu thoát.

Mắt sáng hẳn lên, nàng đỡ bó hoa đặt lên miệng hôn, rồi ấp lên ngực, hơi nhếch đôi môi xám nhạt:

- Ông đã làm giấc mơ của tôi thành sự thực, ông đã cho tôi một bó hoa cuối đời..., ông ơi, tôi mãi nguyện quá, vui thỏa quá...

Rợn người, tôi cúi đầu trước thi thể Bảy Hoa trong căn gác tối, khi ấy ngoài trời mưa gió vẫn thổi dài.

***(In trong Phấn hương, Nxb Tân Dân, 1939)***

## Thời Gian

Bà Tú đến trước bàn thờ ông Tú, tay run lấy bầy đặt một vòng hương lên đầu cái que cắm trong chiếc bát sành đầy cát. Bà châm hai cây nến trắng cắm trên đôi đài gỗ mộc bày hai đầu án thư, cạnh chén nước lã với đĩa trầu lẫn mấy bông hoa.

Bà xếp lại bát đũa trên mâm cơm cho ngay ngắn, rồi ra sân nhúng chiếc khăn vải đỏ vào chậu nước nóng lau đôi mắt lèm nhèm, chậm chạp co tấm áo vải nâu cũ phơi trên dây thếp, từ từ khoác lên cái mình gầy.

Bây giờ bà quỳ trước bàn thờ, lâm râm khấn vong hồn ông Tú. Những giọt lệ nóng trong hai cái hố sâu trên khuôn mặt dẫn deo tiêu tụy của người đàn bà già nua ấy trào ra. Bà vừa khóc vừa cúi rạp đầu xuống lễ. Mỗi lần, bà ngược nhìn lên bức chân dung ông Tú ngồi chễm chệ trong cái khám thiếp vàng nhưng hương khói của những ngày giỗ tết và bụi bậm của thời gian đã nhuộm lên màu vàng đó một màu tro bần - tự nhiên lòng bà lại đau xót vô cùng.

Những năm xưa...

Bà Tú với ông Tú thẹn thò quỳ dưới trời sao làm lễ tế Tơ hồng, giữa cái đêm thành Thành Thăng Long thất thủ, quan Nam mở rộng các cửa ô để quy hàng.

Ông Tú là trai vùng Yên Thế, bà Tú là gái Đình Bảng, chợ Dầu.

Hai người ấy, một hôm gặp nhau trên khúc sông đào, cùng chung một chuyến đò ngang.

Hồi đó, ông Tú chưa đủ công đặng hỏa đẽ vào tràng ốc đua tài ganh bút. Và bồ côi, không thể học đến cùng, ông Tú ở nhà miệt mài đọc sách và gõ đầu dăm ba đứa trẻ, người ta mệnh danh ông là khóa Chu.

Khóa Chu, hôm ấy, gặp ngày xuân mộ, nghênh ngang cắp tráp xuống đò, định đi thăm một bạn cố giao hiện đang ngày ngày cày ruộng, ngâm thơ trong một gian lều cỏ dựng ở núi Nga Sơn, cách Yên Thế chừng hơn mười dặm.

Ngồi bên thầy khóa Chu là cô Liễu. Cô Liễu xinh như một bông hoa. Văn nhân vốn giống đa tình, lại gặp giai nhân kề liền bên tráp sách thì, lúc này, muôn kinh thư chẳng quý bằng hai chữ Ái tình, - thầy khóa Chu, nhân đò vắng khách, nhìn hoàng hôn mà cất giọng ngâm thơ.

Nghe giọng thầy khóa Chu trong như giọng cô gái đẹp, cảm lời thơ hay như thơ Lý, Đỗ thời xưa, trộm liếc gương mặt cùng y phục chàng thư sinh rõ ra dòng hào hoa nho nhã, cô gái Chợ Dầu thấy lòng tình bỗng nao nao, cô liền ngâm họa lại mấy vần.

Đò ghé bến, hai người cùng dắt nhau lên, rồi say sưa gấn bó một lời nguyện, thầy đồ Chu cắp tráp đi tìm lều cỏ của người ẩn sĩ, còn cô gái Chợ Dầu, ngại ngùng quấy gánh lụa lên vai, đi về mãi tận phía ngàn dâu xanh.

Mùa thu năm sau, thầy khóa Chu cùng cô Liễu quỳ dưới trời sao làm lễ tế Tơ hồng giữa cái đêm Thăng Long thất thủ..., giữa thời kỳ loạn lạc âm ảm rung chuyển khắp non sông.

Cô khóa cùng chồng yêu nhau như đôi chim yến. Cô chần tằm, hái dâu, dệt lụa đem ra chợ bán, một lòng một dạ kính chồng. Cả ngày, thầy khóa chỉ nằm làm văn từ thi phú; cũng nhiều khi được lúc an nhàn, cô khóa lại ngồi mài mực hầu chồng, hoặc pha trà thơm cùng nhau ngồi kề vai lặng chờ hoa nở, trăng lên.

Cách năm sau, một ngày xuân, thầy khóa Chu cùng tên đầy tớ nhỏ vác lều chõng lên vai, tạm biệt vợ hiền bên kia bến sông đào, thầy vui cùng mấy chàng sĩ tử lên đường xa để dự kỳ thi Nam.

Khoa đó thầy đồ Tú tài. Cô khóa vẻ vang ra đứng bên sông đón tiếp tân khoa, rồi đêm hôm ấy, đôi vợ chồng kể lẽ niềm thương nỗi nhớ ngày ly

biệt, và dưới đèn trắng, hai người vui chuốc rượu hồng, say sưa quá cùng ôm nhau ngủ.

Những ngày xưa...

Yên Thế mịt mù khói đạn: Đền Thám hưng binh chống lại với quân Pháp, với Lê Hoan.

Rừng cháy, cây khô, núi vỡ, thôn dân nheo nhóc. Cô Tú Liễu hải hùng thu xếp áo quần, tiền bạc, ép chồng xa lánh cảnh binh đao, nhưng thầy Tú Chu, tuy sức nhà nho không buộc nổi chân gà, song dòng máu anh hùng của trai Yên Thế không cho thầy yếu hèn trốn lẩn như một kẻ tầm thường nhi nữ. Thầy nhất định ở lại để một là làm mưu sĩ cho Đền Thám, hai là, nếu không đắc dụng, thầy sẽ ung dung nằm nhìn tên đạn mà ngâm thơ đọc phú.

Một thời gian, cuộc chiến bỗng nhiên ngừng lại, người ta không biết quân Pháp đành tạm khoan tay tìm chiến lược, hay “con Hùm Yên Thế” tạm nghỉ ngơi nuôi sức để vồ mồi?

Tuy nhiên, cô Tú Liễu vẫn lo ngay ngáy, cô hết lời lạy van ép chồng đi lánh nạn, hết lời van lạy mãi, suốt ngày nước mắt chảy đầm đìa, thầy Tú đành chịu mềm lòng, rồi chẳng thể dừng... - một đêm sâu, hai cái bóng người in lờ mờ trên bóng núi, chạy trên một bãi đất rộng mênh mông, lau trắng xóa rít xào xào trong gió lạnh...

Những ngày xưa...

Các đấng anh hùng đã hóa người thiên cổ, muôn triệu vong hồn chiến sĩ đã tan trong khoảng trời bình trị, muôn triệu bộ xương chiến sĩ đã bị đè nát tiêu mòn dưới chân móng những tòa nhà gạch nguy nga, tiêu mòn dưới những con đường trải nhựa ồn ào qua lại những xe cộ tân thời, những gót giày da của một giống người vong quốc.

“Hỡi những người đã chết vì đất nước, đã chết vì ta!

“Hỡi những người tử sĩ mà tên tuổi còn ghi lại lờ mờ trên trang sử ký, hoặc không ghi lại chút gì, hãy nằm yên, nằm yên! Dưới vỉa cống kia, hằng ngày anh phu rác, biết đâu, đã đưa bao nhát chổi lên những bộ đầu lâu trắng của mấy vị anh hùng nào đó. Dưới con đường trong một phố nhiều ánh

sáng nhất đô thành kia, ta vẫn xéo hàng ngày lên những mớ xương vàng khè, lên những mẩu sắt gỉ vì thấm máu, vì khí đất, mà ta có biết gì đâu!

“Khấp cả, khấp cả! Không còn thiếu chỗ nào! Dưới sàn gạch bóng ta ôm nhau khiêu vũ, dưới chiếc ghế ta đang ngồi xem một cuốn phim tả cuộc chiến tranh ghê gớm nhất của loài người, dưới chiếc ghế các cô đang ngồi soi gương, thoa phấn, kẻ lông mày, ngắm nhìn nhan sắc, dưới gậm giường ta đang ngủ say sưa trong giấc mộng đầy hương, dưới chân bàn ta đang ngồi viết những dòng này với một u hoài thống thiết đằm tâm hồn..., khấp cả! Khấp cả! Đâu cũng có xương, có thịt, có máu, có linh hồn người chiến sĩ Việt Nam!

*“Nhưng hỡi các Người! Hãy nằm yên đấy, nằm yên đấy!*

*“Bởi vì những ngày xưa..., xa lắm lắm rồi!”*

...

Người trai Yên Thế với cô gái Chợ Dầu, từ bao nhiêu năm nay, sống trong một gian nhà lá ngoại thành Hà Nội.

Ông Tú Chu dần dần già yếu, tính nết ông ngày một bướng gàn. Ông vẫn như xưa, chỉ nằm dài ngâm thơ, đọc sách, không ra khỏi ngõ, chẳng kết giao với một ai. Cái búi tóc, theo tuổi rụng dần chỉ còn bé bằng một củ hành con, ông Tú nhất định không chịu cắt. Suốt cả bốn mùa, sáng ông dậy sớm, ngồi gậy một lư trầm, gắp mấy cánh chè tàu bỏ vào chiếc ấm nhỏ bằng quả quất, hãm nước mưa lọc đun sôi. Hết buổi trà, buổi rượu, đến việc ngâm thơ, ra vườn bón cây, tỉa lá, chiết cành, tưới rau, nhổ cỏ, không còn một việc gì hơn.

Bà Tú thì vất vả không cùng.

Bà tảo tần buôn bán, ngày ngày gánh rau lên chợ Đồng Xuân bán, có khi trốn vé, người ta điệu bà vào “ngồi bó” suốt một ngày đêm.

Mỗi khi không chiều đúng ý chồng, bà lại bị mắng mỏ, rày la cực nhục. Đã một lần, bà bị ông ném cả cây điều ống vào đầu, đau phát ốm, nhưng bà vẫn giữ mặt ôn hòa vui vẻ, gánh rau lên chợ bán như thường, và lại càng chiều quý ông hơn nữa.

Nuôi chồng, bà lại nuôi cả hai con.



Người con trai lớn được bà cố nai lưng kiếm cho ăn học bảy, tám năm. Bà thầm mong con sẽ đỗ lấy mảnh bằng, đi làm cho nhà nước để bà bỏ công mồ hôi nước mắt. Không ngờ, một hôm bà được tin con trai bà bị bắt, rồi cách ít lâu bị kết án đầy ra Côn Đảo vì tội làm chính trị. Bà kêu đất, gọi trời, khóc gần lòa mắt, mê loạn tựa người điên.

Ông Tú thì trái lại. Nghe bà gào khóc báo tin dữ đó, ông thản nhiên vượt râu, ngửa mặt lên cười. Ông rung đùi ngâm bài thơ Chính khí, uống cạn luôn ba hồ rượu, và đặt tay lên vai bà, vui vẻ nói:

- Có thể mới là con trai Yên Thế! Có thể mới là con ta!

Những canh khuya, ho nhiều không ngủ được, ông Tú thường trở dậy ra sân đứng ngắm sao mờ lẩn trong mây, nghe lá rụng chạy xiết mặt thêm rêu, ông Tú lại cau mày thương xót đứa con trai chí lớn, không biết còn sống hay bị lao mà người ta ném xác xuống biển khơi rồi. Gió khuya thổi phất phơ chòm râu bạc, ông Tú trầm ngâm giơ tay áo rộng lau đôi mắt ướt, thờ dài.

Sáu năm rồi, người con trai ấy mất tích. Ông Tú dần dần sức yếu, ít khi ngâm thơ uống rượu, gầy lư trầm hãm ấm trà thơm hay ra vườn thăm hoa, sửa cảnh, suốt ngày đêm ông chỉ nằm trong màn.

Bà Tú lại càng khó nhọc, kiếm được đồng nào dùng thuốc thang cho chồng hết. Có lần bà cùng Nhung, cô con gái, đành ăn cháo để nhường cơm cho ông Tú.

Nhung đã mười lăm tuổi, xinh đẹp hết như bà hồi trẻ, giống bà từ giọng nói, dáng đi. Nhung học được nghề thêu thùa rất khéo. Thấy cảnh nhà túng quẫn, mẹ làm vất vả, Nhung xin cha mẹ cho đi kiếm việc để giúp đỡ thêm đôi chút. Khi biết Nhung khâu thuê cho một nhà Tây, ông Tú tức giận kêu trời, cấm không cho con gái đi làm nữa. Bà Tú van lạy mãi, hết lễ giải bày cảnh khó của gia đình ông Tú mới buộc lòng mặc Nhung đi làm việc, nhưng từ đó ông không muốn nhìn đến mặt Nhung, vì ông yên trí rằng con gái mình một khi đã làm nghề khâu đầm tại một nhà Tây như thế thì giữ sao cho được vẹn toàn với chủ, với bếp, với bồi. Ông tủi nhục thờ dài sườn sượt, rồi ông mang bệnh nặng.

Nhung đi làm được mấy tháng thì ông Tú lìa đời.

Khi hấp hối, ông Tú nắm chặt tay bà, lấy hết hơi mà nói bên tai:

- Đời ta có một cái vinh và một cái nhục: Vinh, là con trai ta đã chết với danh nghĩa người trai Yên Thế. Nhục vì con gái ta sẽ đi làm đĩ, sẽ trôi nổi dòng đời của ta, sẽ khiến vong linh ta uất ức dưới tuyền đài. Bà cứ ngẫm lời ta nói mà coi!

Ông Tú chết được hai năm rồi.

Bà Tú vì những năm xưa dầu sương, dãi nắng quá nhiều để nuôi chồng, nuôi con, nên bây giờ sức suy, lực tận, bà ốm đau hoài. Mỗi lần đặt gánh rau nặng lên vai, bà cảm thấy cả bộ xương như sứt xuống. Bà nhăn nhó còng lưng dưới đôi gánh nặng, cố lần lên mãi chợ Đồng Xuân. Nhưng tuổi già, duyên cũng hết: rau của bà không ai mua; ngời tới lúc chợ tan, bà lại khóc mếu, gánh về ngoại ô.

Năm sau, bà Tú phải dùng đến gậy, bà lê từng bước, từng bước một, bà mắc bệnh tê.

Bây giờ thì bà hoàn toàn trông cậy vào Nhung mà sống cho hết những ngày già.

Nhung mỗi ngày thêm đẹp, thêm xuân sắc, nhưng đức hạnh thì không. Nàng cậy mình kiếm ra tiền để nuôi báo cô bà mẹ ốm nên nhiều lần nàng mắng bà Tú như mắng mẹ vú già. Ngày giỗ ông Tú Nhung đi biệt, cũng không đưa tiền chợ. Bà Tú chỉ biết ngồi dưới bàn thờ khóc một mình. Những ngày chủ nhật, Nhung kéo bạn trai về ăn uống, cười đùa, phá phách, bà Tú có nói câu nào, Nhung lại nhún vai, thối sáo, gạt phắt ngay không cho nói.

Thế rồi, suốt một ngày kia, bà lão già nhìn đỏi ngời chờ con gái..., suốt một đêm kia, tựa đầu bên cánh cửa ngóng con về. Nhung không về? Bà Tú cuống cuồng nhờ mấy người hàng xóm đi tìm. Nghĩ đến di ngôn ông Tú lúc lâm chung, bà Tú nhìn chân dung ông trên khám thờ, ôm mặt khóc.

\*\*\*

Bà lau nước mắt, đứng lên. Mấy nén hương cháy đã bén chân, hai cây nến chỉ còn leo lét sáng.

Nghe tiếng pháo nổ ran bên sân nhà hàng xóm bắn cả xác đỏ sang sân nhà mình, bà Tú bồi hồi và lẩn thẩn nghĩ thầm:

- Không biết thằng Cường ở ngoài Côn Lôn có được ăn Tết hay không?... Không biết con Nhung ăn Tết ở tỉnh nào, ở nhà ai?

- Bà Tú ơi! Năm mới, bà có một tin mừng đấy!

Bà Tú vội ngảnh ra sân, thấy bác cai xe bên láng giềng, mặt rượu đỏ gay đang hớn hờ ngậm mẩu xì gà giữa hai vành môi xám.

Bà Tú còn đang ngạc nhiên chờ nghe tin mừng thì bác cai xe đã nói to:

- Thật là công to của cháu nhé! Ngót một năm trời lần mò mãi mới ra, bà hãy mở hàng trước cho đồng bạc để đi xóc đĩa đã nào.

Bà Tú run lên giục:

- Tin gì bác nói mau đi, lành hay dữ?

Bác cai xe kề cà mãi mới trả lời:

- Năm mới thì phải có tin mừng chứ. Thôi, cháu nói nhé! Chính mắt cháu đã trông thấy cô Nhung tối hôm qua.

Bà Tú mừng quá lạng người đi. Bà để tay lên ngực, cổ mở to mắt nhìn bác cai:

- Thật à, bác! Thế nó có lành lặn không. Có gày lảm không?

- Bà tưởng! Cô ấy đẹp gấp trăm lần, sang gấp nghìn lần, chứ như xưa thì còn nói chuyện gì!

Trong cặp mắt lèm nhèm vụt nẩy chút hào quang, bà Tú vồ lấy áo bác cai:

- Vậy à, bác? Thế nó có nhớ mặt bác không? Bác có bảo nó rằng tôi thương nhớ nó, khóc ngày, khóc đêm vì nó không, hở bác?

- Bà nói dễ sao! Cô ấy bước xuống xe ô tô, cô ấy khoác tay một quan Tây vào nhà nhảy đầm to nhất phố Khâm Thiên, cô ấy đâu thèm để mắt đến tôi, mà tôi thì cho tiền tôi cũng chẳng dám đến gần để nói rằng bà khóc, bà thương cô ấy.

Chân tay bà run lật bật, mắt bà lệ trào ra, bà rót chén nước vối nóng, nhặt miếng trầu trên chiếc đĩa mẻ bày trên bàn thờ ông Tú, trịnh trọng đưa mời

bác cai. Bà ghen ngào cảm ơn bác đã đem lại cho lòng bà một hi vọng cuối cùng.

\*\*\*

Tiệm khiêu vũ Động tiên, tối mồng ba Tết, mở rộng cửa, đốt một tràng pháo cối thật dài đón mừng khách nhảy đến thưởng xuân.

Xuân, ở chỗ ăn chơi rục rờ này cái gì cũng xuân hết cả. Cặp này, cặp khác ngồi khắp chỗ, gọi rượu, thuốc lá, vẫy nhân tình, nói tục, cười đùa, lấy điệu tự nhiên, thực là những con người sung sướng.

Vũ nữ ngồi rải rác khoe những áo quần mới nhất, đẹp nhất, làm bộ vui tươi hơn ngày thường, mặc dầu ba ngày Tết, cũng có kẻ trong bọn họ, không nhà trú trọ, đã đi lang thang các phố như những cô hồn vất vưởng, mặc dầu có kẻ đã đi gõ cửa những anh tình nhân chưa vợ cũng nghèo nàn vì sẩy lạc gia đình, để xin một li rượu ngọt uống cho lòng khỏi lạnh, cùng ngồi lặng lặng nhìn nhau chia sẻ nỗi quạnh hiu...

Khắp trần, khắp cột, khắp góc tường, đâu đâu cũng có hoa, có hơi thuốc lá thơm ngào ngạt. Ông chủ mặc lễ phục cho long trọng, luôn luôn cười nói, gập đôi mình xuống chào đón khách. Bà chủ thân chinh thu tiền, không hà tiện những khốe liếc lảng lơ, không tiếc những nụ cười đã thỏa làm say lòng khách.

Khúc vũ nhạc nổi lên bằng những điệu, những lời êm ngọt nhất, khiêu khích nhất. Các cặp uyên ương âu yếm ôm nhau lướt trên sóng mộng, mà kẻ dẫn đầu những tế vật của Dâm thần đó chính là quỷ Satan.

- Rosette Bạch Nhung đã đến kìa! Sao mà đẹp thế, hỡi Trời!

Đấy là một lời kêu đau xót ở miệng một gã si tình, đã hơn một lần bị Nhung vạch mắt cho nhìn thấy cái kim gài dưới bàn tay đẹp của nàng đeo tất tay nhung.

Nàng khoác tay một gã người Pháp, kiêu hãnh bước vào, đi ngang qua sàn giữa lúc người ta nhảy. Nàng ngạo nghễ nhìn thiên hạ bằng cặp mắt sâu đẹp trong khi gã người Pháp ân cần đỡ manteau <sup>[1]</sup> của nàng đưa cho tên bồi đứng cạnh, và kéo ghế để nàng ngồi.

- Người đẹp muốn gì?

- Crog.

Có kẻ lấm lét nhìn bộ ngực tuyệt mỹ của Nhung, có kẻ bạo dạn nhìn cặp môi hồng, cặp mày mịn như tơ. Những kẻ này nhìn để thèm thường. Còn vũ nữ thì nhìn Nhung để ghen hờn, để ao ước, đố kỵ, tố cáo với nhau cái lí lịch không tốt đẹp của nàng.

Nhung chỉ ngồi có nửa giờ, không nhảy. Nàng đứng lên chìa cánh tay cho gã người Pháp khoác, bước qua sàn, điệu ngang tàng, bướng bỉnh và khiêu khích cho thiên hạ ngắm.

Thấy mọi người chú ý nhìn mình, Nhung nhếch một nụ cười đắc thắng, nũng nịu với người yêu:

- Gấu con! Em có đẹp không?

- Mình đẹp hơn tất cả những nhan sắc cổ kim.

- Văn chương nhỉ! “Ái tình của ta ơi!”

Nàng ngheo đầu lim dim mắt cười một tiếng, ghì chặt lấy tình nhân.

Bà Tú đứng co ro trong một xó tường chờ đợi... Bà không dám đến cửa nhòm vào vì người Tây đen gác cổng tưởng bà là ăn mày nên mấy lần dọa đánh.

Bỗng bà Tú cuống quýt chạy xồ ra:

- Nhung! Nhung ơi! Mẹ con đây mà!

Bà toan cúi xuống nắm lấy gấu manteau của Nhung, nhưng thấy Nhung trợn mắt nhìn, bước lánh ra thì bà vội co ngay tay lại.

- Nhung! Con không nhớ mẹ hả con?

Nhung cau ríu lông mày né tránh, như sợ bàn tay kia làm bẩn áo. Gã người Pháp vừa mở cửa xe ô tô, vừa quay lại hỏi nàng:

- Nó muốn gì, con mụ ấy?

Nhung ngần ngừ rồi chặc lưỡi, nàng khẽ đáp:

- Nó muốn xin tiền.

Gã móc túi quần ném cho bà Tú một đồng xu.

Chiếc xe hòm khẽ rít lên một tiếng rồi chạy vùn vụt.

Gã ngả đầu bên má Nhung:

- Mình có lạnh không, mình?

Nhung ngồi yên lặng, chẳng trả lời.

- Mình làm sao thế?

Nhung khẽ đẩy đầu tình nhân ra, giọng run run:

- Không, em chỉ khó chịu xoàng.

Thấy câu nói ấy khiến người tình buồn bã, Nhung thương hại xích mình gần lại, quàng tay ôm chặt gã.

- Rét quá, làm thế nào cho ấm? Ấp ủ cho em đỡ lạnh, mình!

\*\*\*

Trở về gian nhà lá ở Yên Phụ, bà Tú lần mò lủi thủi trên đường. Đường Cổ Ngư tối quá, gió Hồ Tây khiến bà run bần bật, đầu gối muốn rời ra. Mắt bà bị mờ dần, bà thấy mặt hồ rộng đen ngòm, xa thăm thẳm tựa một cõi âm đầy bóng quỷ hình ma.

Trên đầu bà lá xào xạc, hai bên tiếng sóng vỗ buồn như tiếng từ một thế giới hư huyền nào vọng đến.

Mê man, bà ngồi xuống cỏ, ngả đầu vào một thân cây.

Tiếng pháo nổ ở nơi nao xa bay trên sóng hồ vọng lại, bà giật mình, mở mắt nhìn ngơ ngác. Bà lại chống tay vào đầu gối đứng lên và cố bước từng bước, từng bước, vất vưởng đi như một cái vong hồn.

*(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 101/1936. In lại trong Phấn hương, 1939.)*

*(In lại trong Cô gái làng Sơn Hạ, Nxb Văn học, 1989, với tên Đời nó thế II.)*

**(Nay giữ nguyên tên cũ: Thời gian).**

**[1]** Áo khoác ngoài (tiếng Pháp)

## Đôi Mắt Đẹp

Trang lần bước đến bên cửa sổ, ngồi đan cho chồng một chiếc áo len để mặc trong vụ rét.

Chiếc áo ấy, Trang bắt đầu làm từ nửa tháng nay, nửa tháng nay nàng sắm sửa áo cho chồng, cho người mà nàng yêu quý nhất đời.

- Sến ơi, lửa còn cháy không, em?

- Thưa mợ, còn cháy ạ...

- Xếp thêm củi vào để cậu về sưởi, kéo rét...

- Mợ còn nhắc đến cậu làm gì. Chắc cậu chả về nữa đâu... mà than cũng sắp tàn hết rồi mợ ạ...

Câu nói vô tình của con bé ở trung thành khiến Trang đau đớn. “Than sắp tàn rồi...”, ngẫm nghĩ câu ấy, Trang thấy nó có một ý nghĩa mỉa mai chua chát, nhắc nàng nhớ đến tình yêu của chồng đối với nàng đã hầu như lạt lẽo, chẳng còn đậm thắm như xưa! Nhưng có lẽ nào nàng bị chồng hắt hủi cho đang! Nàng vẫn tự tin mình đã giữ tròn phận sự của một người vợ thủy chung thì rồi nàng sẽ được chồng thương lại.

- Sến ơi, Sến có đứng đấy không?

- Thưa mợ, con vẫn ngồi cạnh mợ đây mà. Lửa trong lò sưởi còn cháy to lắm. Mợ có ấm không? À này... mợ lắng tai nghe mà xem, tiếng củi nổ lách tách vui tai quá... Mợ đừng buồn... cậu chẳng về thì thôi... Mợ đã có tiền của ông bà gửi cho luôn rồi thì cần gì lương của cậu nữa.

Trang cất tiếng cười giòn giã, bảo con Sến:

- Không, có bao giờ mợ buồn đâu; lúc nào mợ cũng yêu đời lắm!

Rồi nàng lại vui vẻ giơ cái áo đang đan dở lên ngang mắt, hỏi:

- Sến ngắm hộ mợ cái áo này cậu mặc có vừa không?

- Có lẽ hơi rộng, mợ ạ...

- Sao mà biết?

- Vì con đoán độ này cậu chơi bởi nhiều quá, người chắc phải gầy đi.

Trang thở dài yên lặng... Sau nàng đứng lên, sờ soạng lần đến bên cửa sổ, đứng “nhìn” ra ngoài phố. Lặng tai nghe tiếng xe cộ, tiếng người qua kẻ lại, bỗng thấy lòng buồn bã. Nàng vẫn đi lại quanh nhà, nhưng nào nàng có đi xa được nữa đâu.

Giá đi được thì nàng đã không bị sống cô độc trong ngày đông tháng giá, và nàng đã không phải ngậm ngùi, than khóc giữa thế giới tối tăm vô tận, vô cùng..., giữa cái thời xuân rục rờ mà than ôi, nàng không biết một tia ánh sáng của ngày xuân. Nàng để mấy giọt lệ rơi hoen má, mỉm cười một cách chua cay:

- Sến ơi, ngoài đường vui vẻ quá... Tao vừa thấy cậu đi khoác tay một người con gái xinh đẹp lạ lùng..., nhất là đôi mắt... ừ... đôi mắt thì lại đẹp tuyệt trần là đẹp!...

Nghe chủ nói, con Sến bưng miệng cười khúc khích:

- Ở lạ! Mợ trông thấy cậu con ư, sao mợ không gọi lại?

- Con ranh này lại muốn giểu tao! Tao chỉ tưởng tượng thấy thế, chứ tao có trông thấy gì đâu!...

- Thôi mợ đi vào, kéo đứng đẩy gió lùa vào rét lắm.

Trang quay vào ngồi đan nốt chiếc áo để đợi chồng, đợi người mà nàng yêu quý nhất trong cuộc đời trống rỗng, buồn tênh.

- Thưa mợ, than sắp nguội hết rồi, mợ ạ...

Trang lạnh lùng đưa mũi kim đan... nghe những giọt mưa gieo ngoài cửa kính...

-... Thì lại chất thêm củi vào để cậu về sưởi kéo rét...

Tiết trời chiều nay càng thêm lạnh ngắt. Nàng gấp chiếc áo len đã đan xong, cất cẩn thận vào tủ áo. Vô tình, nàng đứng trước tấm gương lồng



trong một cánh cửa tủ rồi nàng giơ bàn tay sờ soạng tự hỏi không biết mình có còn trẻ, đẹp nữa không!

Vẫn vợ, nàng sức nhớ tới những khi cùng người chồng thân yêu đứng ngả đầu áp bóng trước mảnh gương trong suốt, ngây thơ sung sướng... Nàng nhớ nhất là lúc chồng nàng ghé môi hôn cặp mắt đen láy của nàng trong những phút mơ màng đắm đuối... Thế mà nay, nàng lại đứng một mình sờ soạng bắt lấy bóng chồng xưa và tìm lấy đôi mắt xinh đẹp của mình khi trước. Nhưng than ôi! Tấm gương vẫn lạnh lùng, giá ngắt chìm sâu vào nơi tăm tối vô cùng.

Trang rùng mình, lẳng lẳng ra bàn giấy của chồng thường ngồi viết. Nàng chạm tay rờ đến một bức ảnh của nàng đã chụp với chồng mùa đông năm ngoái, sau khi cưới được vài hôm. Nàng vội lấy mùi soa lau sạch mặt kính, xong lại nâng niu đặt vào chỗ cũ. Nàng lẩm bẩm một mình:

“Yêu bức ảnh này, có lẽ chồng ta chỉ yêu riêng đôi mắt xinh đẹp của ta thôi... nhưng đến bây giờ... đôi mắt ấy còn đâu...!”.

- Thưa mẹ, con đã về đây ạ.

- Sến có nhớ mua hoa không đấy?

- Thưa mẹ, có.

Nàng cầm bó hoa cắm vào chiếc lọ sứ men trắng mà nàng mua từ khi mới lấy chồng. Nàng rờ từng cánh hoa, hỏi con Sến:

- Đây là đóa cẩm chướng, phải không?

- Thưa mẹ, đúng ạ.

- Đây là đóa vân côi.

- Ô, mẹ đoán tài đấy.

- Bông... hải đường?

- Vâng, chính bông hải đường, sao mẹ biết?

- Vì mùa đông năm ngoái, cậu rất ưa những thứ hoa này. Cậu thường hay ví tao đẹp như đóa vân côi, bông cẩm chướng, đóa hải đường.

- Thế mùa đông năm nay cậu có còn ưa chuộng những đóa vân côi, bông cẩm chướng nữa không, hả mẹ?

- Trời ơi, sao mà nỡ hỏi tao câu ấy...

Trang thốn thức, gục đầu xuống khóc.

Sến sợ hãi, đứng dựa vào góc tường không dám nói nữa. Nó hối hận đã vô ý làm cho chủ phải đau lòng.

... Những giọt mưa đông vẫn gieo ngoài cửa kính. Xe cộ vẫn tấp nập ngoài đường. Trang vội ngẩng đầu lên, bảo Sến:

- Mau đi đốt củi để cậu về sưởi kéo rét...

\*\*\*

Ngày qua...

Đếm từng giờ, nàng cố mong chồng nhưng chồng không trở lại...

Đếm từng giờ, những tia lửa trong lò than thoi thóp cháy rồi để lại chút tro tàn lạnh lẽo, cũng như... đếm từng giờ... những đóa vân cô, cầm chướng theo nhau ném những cánh héo khô xuống mặt khăn bàn.

Sáng nay, Trang ngồi bên lọ hoa men trắng, sờ soạng đếm những cánh úa tàn của đóa cầm chướng, vân cô... như đếm những ngày cô tịch, những bước đi của chồng trong xóm trụy lạc, yên hoa.

Thất vọng, nàng thở dài, buồn bã... Nàng không còn mong được thấy ngày chồng nàng sẽ hồi tâm trở về gian phòng xinh xắn ấy để yêu nàng. Tâm hồn nàng bị tan nát giày vò bởi những ý nghĩ chán nản, chua cay trong những đêm dài đặng đặng... những ngày đông quạnh quẽ, âm thầm.

Nàng vừa toan đứng lên ra tựa cửa kính “nhìn” ngoài đường cái thì chợt Sến chạy vào mừng rỡ reo to:

- Mợ ơi... mợ ơi, cậu con đã về rồi kia, mợ ạ.

Trang bàng hoàng cảm động. Người nàng run lên như bị công, nàng không thể đứng được, phải ngồi phịch xuống ghế. Sức nghĩ đến những giọt mưa đêm qua đã làm lạnh chồng yêu, Trang vội vã giục Sến:

- Đốt củi mau để cậu sưởi kéo rét, Sến ơi!

\*\*\*

Trên bậc thang, Tân khó nhọc, uể oải trèo lên gác. Tân bơ phờ mỗi mệ như một anh chàng đã lăn lóc suốt đêm trong nhà hát hay một tiệm thuốc

vừa ra.

Sến lấp bắp:

- Mợ con mong mãi cậu...

Tân lẳng lạng không đáp, đẩy cửa, khẽ bước vào phòng. Anh đứng sững, ngơ ngác ngắm gian buồng lịch sự, ngắm ngọn lửa hồng reo trong lò than rực rỡ, nghe tiếng củi nổ lách tách, âm thầm... Anh từ từ nhìn đến vợ, trời ơi, vợ anh ngồi đây kia... một người còn trẻ nõn, xinh đẹp tuyệt trần. Này mớ tóc đen quăn rối, rủ lò xòa xuống màu da trắng mịn màng không gợn phấn..., này vành môi đỏ chót in nét sâu, không đượm chút son tô.

Những vẻ đẹp hiền từ, phúc hậu, dịu dàng, ngây thơ ấy như đã cảm hóa được tâm hồn đăm đối như bản của anh.

Tân chột giật mình nom thấy bóng mình trong tấm gương ở tủ áo. Tân ghê sợ vì cặp mắt lờ đờ, sâu hoắm của mình, vì màu da xanh xám, mớ tóc rối bông mà đã mấy ngày nay anh lơ đễnh chưa hề cầm lược chải! Anh khó chịu nhìn mắt ngắm nghía rồi tự thấy mình khinh ghét mình, anh có cảm giác coi mình như một kẻ bất lương, một tên tướng cướp mới vượt ngục trốn về! Rồi Tân nhắm mắt lại, vội quăng chiếc áo toì lên lưng ghế, đoạn rón rén ra giường gieo mình xuống nệm bông, nằm thiêm thiếp...

Từ nãy, những cử chỉ của chồng, nàng không nom thấy. Nàng vẫn hỏi hớp ngời yên để chờ một câu hỏi của chồng. Nhưng chờ mãi không thấy một tiếng động nào. Nàng khẽ hỏi:

- Sến ơi, cậu đã lên chưa?

- Thưa mợ, cậu con nằm ngủ rồi. Con trông cậu con như người ốm ấy, mợ ạ.

- Trời ơi, tội nghiệp! Em đi lấy lọ bạc hà đem ra đây, mau lên!

Trang hấp tấp, lần tới giường ngồi bóp trán cho chồng. Nàng rờ rẫm thấy quần áo chồng bị ướt đầm và người gầy hảnh đi thì khẽ thở dài. Đoạn nàng lại lấy chăn đắp kín cho chồng, ngồi lặng yên chờ anh tỉnh giấc.

\*\*\*

Buổi chiều hôm ấy, ánh đèn xanh tỏa trong gian buồng ấm áp, yên vui.

Tân thức dậy, rửa mặt chải đầu, thay quần áo sạch sẽ. Còn nàng thì tươi tỉnh dọn dõ Sến nấu nướng các món ăn. Nàng trải một chiếc khăn bàn trắng nõn, xếp đặt hai chiếc cốc, một chai rượu tây và chính giữa bàn nàng để chiếc lọ sứ men trắng mà nàng lại mới thay vào một bó hoa tươi: những đóa vân côi, những bông cẩm chướng.

Nửa giờ sau con Sến đã xếp đặt xong bàn tiệc. Trang sung sướng, vui vẻ mời chồng.

- Nào xin mời anh vào bàn cho...

Tân đáp ngượng ngùng:

- Cảm ơn mình.

Nàng mở nút chai, rót đầy cốc rượu tràn cả xuống khăn bàn. Tân vội đỡ chai rượu ở tay nàng.

- Em rót đầy quá!

Nàng cười nức nở:

- Tại em không trông thấy. Mà có đầy thế thì mới gọi là thực yêu nhau chứ...

Người chồng hồi hận, bồi hồi.

- Kìa, anh đã cạn cốc chưa?

- Anh uống rồi.

Trang nhắc cốc rượu giơ về phía có ánh đèn ngắm nghía...

- Hình như rượu màu hồng ấy, anh nhỉ! Ờ, ờ phải..., em tưởng tượng như thấy một màu hồng rực rỡ tươi thắm quá... Mà đây này... em lại còn tưởng tượng thấy bóng anh lặn lội ngoài mưa gió với một người... phải, một người có đôi mắt đẹp, trong như nước mùa thu...

Tân lẳng lặng.

Lời nói chua chát ấy đã vụt lôi anh trở lại với quãng thời gian như bản vừa qua... Anh hình dung đến khuôn mặt xinh xắn, đến đôi mắt đẹp của Nga, của một ả giang hồ đã bắt chàng xa vợ, xa nhà!

- Em tha thứ cho anh.

Trang càng cất tiếng cười nức nở, rượu trong li tràn xuống tay nàng.

- Không, không, anh chẳng có tội gì với em. Cái bóng người có đôi mắt đẹp ấy là em kia mà... Ngoài chúng ta, em có thấy ai đâu!

Tân cảm động, chàng không ngờ vợ chàng lại có một tấm lòng quảng đại, một tâm hồn thanh cao đáng để chàng kính phục vô cùng.

- Này em, ngoài anh ra, em không trông thấy ai hết... em không nhận hay không nỡ nhận thấy những cái xấu xa như bản của anh trong lúc anh hắt hủi em ư? Trời ơi, thế thì chính em mới là người có đôi mắt đẹp nhất đời...

Nàng cất tiếng cười khanh khách:

- Đôi mắt đẹp của một... người mù, ồ, thú nhỉ!

-... Mà đôi mắt đẹp ấy thì quyết ở trên đời này, không một thiếu nữ nào có được.

Ánh đèn xanh tỏa trong gian phòng ấm áp.

Tiếng củi vẫn reo...

Tân vuốt ve những cánh hoa cẩm chướng, vân côi, rồi anh cúi đầu âu yếm hôn những cánh hoa ấy... cũng như xưa, anh đã hôn “đôi mắt đẹp” của vợ, đôi mắt mà hiện nay không còn được ví như làn nước hồ thu trong trẻo... đôi mắt mà giữa thời xuân rục rỡ..., nàng không được biết một tia ánh sáng của ngày xuân!

**(In trong Một đêm vui. Nxb Tân Dân, H., 1937).**

## Một Chuyện Quái Đản

Chiều hôm ấy, tôi lại vào vườn táo, trèo lên một cây, vừa bứt quả chín ăn, vừa nhìn ra đường, mong đợi lão già cô độc. Trời đã nhá nhem tối. Bọn lái buôn ở chợ Ráy bên sông Lục đã quảy gánh trở về, lũ lượt đi qua ngoài rào tre, trò chuyện ồn ào, vui vẻ mà tôi vẫn chưa thấy ông già thân yêu đó tới gõ cửa, âu yếm gọi tên tôi.

Lòng tôi bồn chồn, khắc khoải, tay tôi uể oải không muốn vin những cành mềm dẻo, đầy những chùm táo ngon lành. Ô hay, tôi nhớ ông cụ già khốn khổ mà bấy lâu nay tôi không biết tên tuổi, không biết cửa nhà, tông tích ra sao! Chỉ biết ông ta cứ cách một ngày lại tới thăm cha tôi vào lúc trời sẫm tối. Mỗi lần đến, không bao giờ ông ta quên giắt trong mình một hộp thuốc phiện và mang làm quà cho tôi vài thứ quả rất ngon. Nhưng mong ông ta đến chẳng phải tôi thích những thứ quà kia vì trong vườn nhà tôi suốt bốn mùa hoa thơm, quả lạ khá nhiều. Mong ông, bởi tôi được gặp gỡ người bạn quý của tôi mà bất cứ đi đâu, ông cũng dắt kèm. Người bạn ấy là con khỉ nhỏ, hình như hiểu biết tiếng người. Tôi đùa nghịch với nó trong khi ông cụ và cha tôi nằm bên khay đèn tiêm thuốc, luận bàn về thời thế, thi văn. Khi ấy tôi còn nhỏ tuổi, tôi không hiểu ông nói những gì, mãi đến lúc lớn lên, hay mãi đến bây giờ, tôi mới rõ nghĩa những câu ông ngâm ngùi than thở với cha tôi.

Buổi chiều hôm ấy, ngồi trên cành táo, mõi mắt trông mà tôi không thấy ông già rảo bước trên con đường lồi lõm ven sông. Buồn rầu, tôi tụt xuống đất, vào nhà hỏi cha tôi tại sao ông già chẳng tới. Song cha tôi lắc đầu

không đáp và bảo tôi đem sách ra ôn lại các bài. Tôi cúi đầu, mở sách học, nước mắt chạy quanh.

Ngoài vườn gió đông vi vút, thỉnh thoảng những cành lá úa, những trái cây chín nẫu rơi xuống ao kêu lồm bồm.

Cha tôi nằm trên nệm ấm, kéo những hơi thuốc thật dài, đều đặn, mùi khói thơm tỏa khắp gian phòng. Một luồng gió lùa vào khe cửa, tôi rùng mình, vội kéo chăn quấn quanh mình, thò đầu ra học. Chợt tôi nghĩ đến ông già... ông già ở chốn nào bên kia sông xa lắc xa lơ.

Rồi tôi tưởng tượng thấy ông ta đang ốm nặng, áo quần không đủ ấm, túp lều chẳng đủ che mưa. Tôi đoán ông nằm dán xương trên chiếc phản, chẳng có ai hầu hạ vì một lần, ông xoa đầu tôi, cười bảo: “Ước gì ta có một cậu bé khôi ngô ngoan ngoãn như cậu bên mình thì cuộc đời cũng đỡ tẻ buồn. Nhưng ác thay, ta cô đơn, không con, không cháu, không thân thích, họ hàng, đến cả một đứa tâm phúc cũng không có nữa!”.

Hôm sau, tôi lại ngồi trên cây táo, ngóng đợi ông già bên sông. Song bảy tám ngày rông rã mong chờ, tôi thất vọng. Tôi lạt lẽo với lũ trẻ bên hàng xóm, như mọi ngày, kéo tôi ra bãi chợ chạy đùa, đá bóng. Tôi không nhìn đến cái lồng tre đặt tại gốc cau mà tôi đã nhờ anh bếp Lào làm hộ để bẫy chim. Suốt ngày tôi thần thờ, nhắc việc học hành. Nếu hồi ấy tôi đã lớn khôn thì hẳn có người chế tôi là tương tư gái, nhưng mới mười một tuổi tôi đã biết yêu đương là gì!

Cha tôi từ khi không gặp ông già hình như cũng tần ngần, buồn bã. Những lúc nằm bên khay đèn nha phiến, tay dờ dọc tẩu, đôi mắt lim dim dưới cặp kính, nhả tia khói mảnh vờn ngọn lửa liu riu rồi hăm ngậm nước chè tàu hoặc miếng lê, miếng táo là những lúc cha tôi băng khuâng nhớ đến ông già tri kỷ. Lão già đi mất tức là chúng tôi thiệt một khách đồng hương tử tế giữa lúc sống ở nơi nước non người. Vì khi chúng tôi mới đặt chân trên đất Ai Lao chừng hai ba tháng thì do sự ngẫu nhiên mà cha tôi và ông già vô danh đó biết rồi quen. Quen, ông già trở nên khách quý của nhà tôi. Luôn luôn cha tôi hẹn ông già đến chơi uống rượu, đáp lại tâm tình tri ngộ ấy, ông già thường cũng làm quà cho cha tôi những con chim lạ mà ông bẫy

được trong rừng. Vợ con ông, cách sinh hoạt, nơi trú ngụ của ông, cha tôi hỏi, ông chỉ cười không muốn nói. Đến cả tên ông, quê quán ông, cha tôi chỉ biết mập mờ: Lão Xương, tuổi độ 55, 56 (ở tuổi ấy, nhưng ông đã già yếu lắm) và quê quán: tỉnh Cao Bằng ngoài xứ Bắc. Thế thôi. Tất cả những nét đau khổ in trên khuôn mặt dày dặn phong trần, tất cả những lời mĩa mai cay đắng trộn trong câu thơ, bài phú, diễn trong tiếng nói, giọng cười, chỉ bày cho người ta biết một lai lịch gợn gàng, thế thôi!

Bởi vậy, từ ngày vắng mặt ông già, chúng tôi chẳng thể tìm ông tại xóm rừng nào bên sông.

Tôi, một ngày một lớn, đã bước qua thời kì thơ dại. Cách bảy năm không thấy ông già, tôi quên mùi vị những trái cây thơm ngọt mà xưa kia ông già vẫn nhét đầy túi áo tôi mỗi lần tôi niềm nở đón ông ngoài ngõ; tôi quên những tiếng cười trong trẻo, vô tư lự mỗi khi tôi đùa nghịch với con khỉ trên cây táo trong vườn; rồi ông già cô độc, tôi cũng quên... tôi cũng yên trí lão đã ôm con vật có nghĩa kia, nằm chết rấp dưới một gian điếm cỏ, hay trong một góc rừng sương gió.

Bỗng một ngày kia, ở trường học về tới cửa, tôi thấy ông già đang ngồi một mình bên cửa sổ, không ai tiếp, vì cha tôi đi vắng từ tuần lễ trước. Mừng cuống quýt, tôi vội quẳng sách ra bàn, nắm chặt hai tay lão. Cảm động, lão ngấm tôi bằng cặp mắt khô và nhếch mép cười, lão cũng mừng tôi chóng lớn. Tôi gọi người nhà pha nước và bảo dọn cơm mời lão cùng ăn. Tôi hỏi lão về mấy năm chia biệt, lão đáp tôi một cách ngại ngùng, kín đáo. Tóm lại, tôi chỉ biết trong mấy năm đó, lão không ở xứ Lào. Ăn cơm xong, lão định ra về, tôi xin lão cho theo thăm cái ố mà lão giữ bí mật từ xưa.

Chúng tôi thuê dò qua sông. Đến bờ bên kia, lão dẫn tôi đi trên một cánh đồng ngô dưới chân dãy núi đá, cheo leo, hóc hiểm. Tới gần khu rừng rậm, tôi tưởng lão rẽ sang con đường tắt để vào trong đó, nhưng không, lão đưa tôi ngoặt về đằng chân núi, lẻ loi một túp lều tranh lẫn trong cây cối um tùm. Lão mở khóa dắt tôi vào. Tôi ngấm cảnh bài trí sơ sài, giản dị: một chiếc hòm cũ, một chiếc phản hẹp phủ manh chiếu tồi tàn. Phía đầu giường,



kê chiếc đôn gỗ, trên đặt một pho tượng trắng hình một thiếu nữ Lào. Tôi ngẩn người ngăm kỹ, trời ơi, một người... có lẽ hơn bảy năm ở cái đất Lào này tôi chưa từng thấy thiếu nữ nào có nhan sắc đẹp như pho tượng đó.

Lão Xương mỉm nụ cười tinh quái, vỗ vai tôi:

- Cậu cũng ngây ngất vì sắc đẹp của pho tượng này ư?

Tôi đỏ mặt chưa kịp đáp thì lão lại nói một cách thương yêu:

- Mà cậu không thể vô tình là phải. Bởi vì, với tuổi mười chín, đôi mươi, cậu đã biết chút ít việc đời.

Lão Xương vừa nói vừa mở hòm lấy ra một khay đèn thuốc phiện bày lên mặt phản. Rồi lão bảo tôi ngồi cạnh trong khi lão trân trọng lắp chiếc diệp tẩu vào dọc và bật que diêm gí lên ngọn bắc đèn dầu lạc. Tôi đang nhìn lão lăn tiêm thuốc thì một con khỉ đu mình trên một cành cây nhảy xuống, bám chiếc chần song gỗ, chui vào. Nó nhìn tôi, rồi như nhận thấy người quen cũ, nó chạy đến nắm áo tôi kêu mấy tiếng vui mừng. Lúc ấy, lão Xương vừa tiêm xong liều thuốc, bảo tôi:

- Đây, người bạn cậu hồi còn nhỏ tuổi. Ngày nay cậu đã lớn, mà nó cũng già rồi.

Con khỉ khẽ vuốt má tôi, đoạn ép mình vào áo tôi, ủ cho đỡ lạnh.

Lão Xương, chống khuỷu tay xuống gối, từ từ ngồi dậy, phun một tia khói trắng, khéo làm cho nó bay lên pho tượng, tỏa lan như một đám mây mờ bao phủ mặt hoa của vị bạch thần.

Ngạc nhiên, tôi nhìn kỹ lão Xương. Hai mắt lão, trong phút đó, in một nét buồn vô hạn: cặp môi đã thâm xám sẫm, lúc ấy lại như nhuộm thâm sắc chàm. Hai bàn tay run lẩy bẩy đưa về pho tượng đẹp nồn nà như một người bị đuổi chơi với cỗ vịn chiếc phao trên mặt nước, hay một người mê ngủ đang theo đuổi cái bóng mơ hồ của giấc mộng tàn...

Lão lại nằm xuống, tiêm liều thuốc khác và thổi khói lên pho tượng, làm cái việc kỳ quặc ấy lão tưởng chừng cạnh lão không có một người đang lạ lùng hết sức. Con khỉ bỏ tôi, bò đến, hếch mũi lên hít khói. Thì ra - tôi nghĩ bụng - lão già, con khỉ, và... cả pho tượng mỹ nhân đều nghiện nặng.

Mười phút sau, lão Xương mới sực nhớ đến tôi vì từ nãy lão còn mãi hút. Lão ngồi dậy, chiêu ngụm nước, ôm ngực ho mấy tiếng, đoạn tháo diện ra, cạo xái vụn đổ vào chiếc chén con, vừa nghiền cho quánh, vừa mời tôi uống bát nước chè đã nguội.

- Cậu Hoa! Bữa nay không những cậu được rõ túp nhà gianh bí mật, cậu lại còn được nghe một chuyện lý thú tôi sắp kể đây. Không còn trẻ thơ, ngây dại, cậu đã lớn lắm rồi, cậu đã đến thời kỳ phải biên chép vào khối óc những sự dở, hay...

Lão Xương rỏ thêm một giọt nước vào chén xái, cầm kéo cắt cái hoa lửa bám trên đầu bấc, xoay lại chiếc chụp pha lê vỡ rạn, có một vệt cánh kiến khoan ngang.

Hồi tôi ngoài hai mươi tuổi, tôi sang xứ Lào này làm việc. Khi xưa, người mình xuất ngoại không có mấy, nên ở đây tìm một người cùng xứ sở để kết thân không phải dễ dàng. Ngày đi làm hai buổi, tối lại thui thui một mình với bóng, hoặc đọc sách đỡ buồn. Nhất là một trai chưa vợ đang cường tráng, hoạt động, nông cuồng, khao khát tình yêu, lại sống lạt lẽo thì chịu làm sao! Nhưng tôi buồn chán không lâu, vì cái thú thiêng liêng mà tuổi trẻ ước ao được nếm đã tràn ngập linh hồn tôi vào một buổi tối mùa đông mưa gió...

Tối ấy, tôi toan tắt đèn lên giường ngủ thì có tiếng người gọi cửa, tiếng gọi rất mau. Tôi vừa rút chiếc then thì người bên ngoài đã vội vàng đẩy mạnh, hai cánh cửa mở toang, khiến tôi suýt ngã. Dưới ánh đèn, tôi định thần nhìn kỹ: một thiếu nữ, trời ơi! Khách lạ có vẻ sợ sệt, cuống cuồng, hình như một tội nhân trốn ngục, hình như có kẻ thù theo dõi sau lưng để hại... Nàng đứng nép vào khe tủ, thân hình co quắp, lẩy bẩy run tựa chiếc lá khô sắp rụng. Màu da tái lợt, nàng hoảng hốt nhìn ra bóng tối chập chờn. Biết nàng lo sợ, tôi vội khép cửa, gài then, và chặn thêm một chiếc bàn to để nàng yên dạ. Rồi tôi mời nàng ngồi xuống ghế, hỏi duyên cớ vì đâu mà nàng phải hải hùng... Nàng chỉ ngó tôi, không hé miệng. Tôi đoán nàng ngờ tôi không thực lòng che chở cho nàng. Sau biết nàng mệt và đói, tôi gọi tên lão bộc Lào, bảo thổi cơm, đốt củi... Trông thấy lão bộc của tôi nàng rú

lên một tiếng, níu lấy áo tôi, hai hàm răng đánh vào nhau cầm cập. Tôi ngờ: có lẽ nàng đang bị một người chồng đồng chủng định hại nàng, nên sợ lây đến cả tên đầy tớ của tôi!

Nghĩ vậy, tôi nắm chặt tay nàng giới thiệu tên đầy tớ nọ là một kẻ trung thành, thân tín, quyết không xâm phạm đến nàng. Lúc đó, nàng mới yên tâm, ngồi cầm khăn tay lau mặt, sửa lại mái tóc, thấm những hạt nước mưa đọng trên xiêm áo.

Một lát sau, mâm cơm đã đặt trên bàn. Không chờ tôi mời hai tiếng, nàng cầm đũa ăn một cách tự nhiên. Trong nửa giờ, các món ăn và nồi cơm đã hết, nàng ngồi bên lò than nóng sưởi tay, ngẩng mặt nhìn tôi như thăm cảm tạ. Tôi cũng kéo ghế ngồi bên; bấy giờ, nàng mới cho tôi biết rõ tên nàng là Sánh Mải, một người trong Hoàng phái đức vua Lào, song mẹ cha mất sớm, nên phải sống như một kẻ thường dân. Nàng ở về phía bắc giáp khu rừng Lao Bản, làm nghề dệt vải nuôi thân. Đang sống những tháng năm yên tĩnh thì bữa kia, một gã thanh niên bên hàng xóm, vì nhiều phen xin nàng ban cho tình yêu nhưng thất vọng, gã sinh dạ oán hờn. Rồi nhân một hôm nàng ra chợ bán hàng, gã châm lửa đốt nhà nàng.

Bơ vợ, nàng ra tỉnh thuê gian nhà nhỏ, cố công tần tảo kiếm tiền. Mừng thầm không ai phiền nhiễu nữa, thì chợt một buổi tối trời, đang theo tên phu quấy gánh hàng từ chợ về tới cửa, không ngờ, nàng nghe rõ mấy lời đe dọa sau lưng. Ngoảnh lại, nàng nhận thấy cái mặt xấu xí thô bỉ của kẻ thù xưa. Nàng vội chạy vào nhà, đóng cửa, gã kia vụt nhanh như chiếc bóng, cười gằn mấy tiếng, đoạn biến vào ngõ hẻm. Từ hôm đó nàng ít ăn ít ngủ, sớm tối lo buồn.

Một buổi, nàng mang vải sang một nhà phú hộ bên sông bán. Bán xong, theo đường cũ ra bến nước đáp đò về thì bỗng nàng trông thấy kẻ thù đã đứng chờ dưới một gốc cây. Sợ hãi, nàng quay mình lại, rảo cân lẫn vào cánh đồng ngô rậm rạp, chạy đến nhà tôi, liều đập cửa...

Rồi đêm ấy...

Ánh lửa trong lò than le lói hắt lên khuôn mặt trái xoan, trắng mịn, hắt lên cặp mắt đen tựa màu huyền trong sáng, chiếc mũi dọc dừa, với hai làn

môi đỏ san hô vẽ một nét thanh thanh tuyệt mỹ... mấy vòng kiềng bạc khoanh dưới cái cổ trắng tròn, đôi vai đều đặn, bộ ngực nở nang và cả tấm hình tha thướt ấy. Ái tình ôi! Cho phép tôi yêu!

Đê mê, tôi thềm cái quyền sở hữu người đẹp nọ, rồi đánh bạo, tôi kề sát nàng mà âu yếm. Nàng không cưỡng, mỉm cười.

Rồi đêm ấy...

Tôi bơi lội trong nguồn ân ái. Tôi biết hương vị của bông hoa bạt gió rơi xuống tay tôi do sự tình cờ...

Nói đến đây, lão Xương tiêm xong liều thuốc kéo một hơi. Lão lôi con khi đến gần, thở khói vào mũi nó. Con vật nhìn tôi nhảy nhót, làm như khoan khoái lắm.

Từ đấy, nàng không rời tôi ra nữa. Sống cuộc đời tốt đẹp, chúng tôi vui sướng vô cùng. Mê tôi quá, yêu tôi quá, lúc nào cũng muốn gần tôi, nên nàng bảo tôi xin nghỉ việc ngồi nhà để nói chuyện với nàng và một điều cốt yếu là để che chở nàng, nếu chẳng may kẻ thù kia quấy nhiễu... Trước tôi lưỡng lự, e rằng không làm việc, tất chẳng có tiền tiêu. Nhưng nàng giơ cho tôi xem một cuốn giấy bạc lớn mà nàng giặt tận túi áo trong, tôi mới bằng lòng. Thế là suốt ngày đêm chúng tôi chỉ ăn, ngủ và hút. Ở nơi sơn dã rất buồn, không có một cách gì giải trí, nếu chẳng kết bạn cùng thiếu nữ Phù dung. Bộ bàn đèn, bởi vậy không một phút nào xa cách chúng tôi. Nàng tiêm rất khéo, ép tôi hút thực nhiều. Đầu tiên, tôi còn bị say, khiếp sợ, sau mùi khói thơm tho, những phút linh hồn bay đến cõi mộng lung, huyền ảo, trong ít bữa, đã xui tôi ca tụng thú ả phiến. Chúng tôi thi nhau hút, hút thâu đêm suốt sáng, Phù dung trộn với ái tình, say sưa... Thế rồi tôi mắc nghiện. Tinh thần tôi nặng nề, u tối; thể chất tôi yếu ớt, gày, xanh. Trái lại, người yêu tôi một ngày một đẹp, đẹp hơn lúc tôi mới biết nàng.

Cứ thế, chúng tôi quên non sông, vũ trụ, mà nỗi lo về kẻ thù theo dõi bấy nay cũng dần tiêu tan hết...

Chẳng ngờ, một buổi tối hè trăng gió, chúng tôi hút xong, mở toang cửa sổ cho khói nóng thì bỗng một cái mặt người dữ tợn hiện ngoài song gỗ, rồi biến mất...

Nàng thét lên một tiếng ôm chập lấy tôi, run lấy bấy, nước mắt chạy quanh.

Chúng tôi, từ đêm ấy, buồn bã vô cùng. Ngày, chúng tôi không ra khỏi ngõ. Đêm chúng tôi lo có kẻ rình mò, nghe ngóng, tuy các cửa đã khóa kỹ càng.

... Một buổi chiều, nàng đờ đẫn nhìn ra rừng cây, cánh đồng ngô bát ngát... Trầm ngâm hồi lâu không nhúc nhích, vẻ mặt nàng thê thảm như vừa nghĩ đến những điều đau thương trong ký ức hãi. Ái ngại, tôi khẽ rí tai nàng:

- Em...

Ngoài câu đó, tôi không biết nói gì hơn nữa. Nàng ngoảnh lại nhìn tôi, khiếp hoảng:

- Trời ơi, em tưởng...

Ấp tay lên ngực để trấn định trái tim đập mạnh vì sợ hãi, nàng bảo tôi ngồi sát bên mình, ngả đầu sang vai tôi ủ rũ.

Anh Hoa! Anh tha lỗi cho em... Em dối anh, em lừa anh tội nghiệp! Anh yêu em, em biết... Đôi lúc, em muốn đền ơn... nhưng không ngờ, em đền ơn bằng cái lụy. Em hối hận lắm, vì vậy, bữa nay, em thú với anh đời thực của em... Nghe em nói, anh đừng giận, xin anh chỉ chút tình thương.

Câu chuyện em nói với anh buổi đầu không phải chuyện thực. Em bịa ra để cầu sự thương xót của anh. Em chẳng là một trinh nữ, - khốn nạn! Em là con yêu quái hại người. Em không là một người của Hoàng phái xứ này... Em, sự thật cùng với anh giống nòi: một thiếu nữ mười năm về trước sống ở Hà Nội. Vâng ở Hà Nội, hồi ấy em mới có mười lăm. Nhưng sớm bị dạn dày với tình yêu, rồi lẩn lóc với người đời. Em yêu hết người này, khi chán, lại đến người kia... rồi trong cuốn sổ tay ghi tên tuổi các gã nhân tình, em thấy tên một chàng lính lê dương đáng để em âu yếm nhất. Sau, chàng lính đó hết hạn tòng cơ, em theo chàng sang đất Lào lập nghiệp. Ở đây chẳng được bao lâu, chàng mắc bệnh thương hàn mà chết. Đang lúc bơ vơ, một gã trai trẻ người Lào cầu em gắn bó. Em ưng thuận, vì sau cuộc dò la kỹ lưỡng, em biết gã có thể làm cho em sung sướng, giàu sang. Quả vậy, gã

không phụ lòng sở nguyện của em. Gã hện cùng em làm một nghề tuy nguy hiểm nhưng mau giàu: nghề buôn thuốc phiện không chịu thuế. Có tiền, em tha hồ phung phá, đánh bạc. Trong cuộc đỏ đen, nhiều lần em mất tới hàng ngàn.

Hồi vận đang may, bỗng một chuyến buôn chúng em gặp lính đoan rình sẵn trong rừng. Gã bạn của em trốn thoát, riêng em bị bắt và “gánh” nửa năm tù! Năm đề lao hai tháng, không chịu nổi, sau nhờ một dịp may, em vượt ngục vào một đêm giông tố...

Ra ngoài, gã bạn em muốn nối lại tình xưa, rủ em làm nghề nọ... Em liền đi chuyến nữa, kết quả được phát tài. Nhưng sở tuần phòng truy nã riết, em sợ hãi phải bỏ y phục An Nam, đeo lốt người Lào. Sau vì một sự bất bình riêng, em bỏ gã kia; oán thù, gã định tố cáo tội em... Rồi đêm ấy, đang đứng bên bờ sông vắng, em gặp gã theo rình, em chạy đến gõ cửa nhà anh... núp mình dưới bàn tay che chở của anh... anh yêu em, tuy vậy, em ngờ sẽ có ngày anh hững hờ chán ghét, đuổi em đi... nên em nhẫn tâm, cố ép anh hút thuốc... bây giờ than ôi, anh nghiện nặng... anh tha thứ cho em...

Nghẹn lời, nàng bưng mặt khóc rưng rức. Lòng tôi tê tái, nổi giận điên cuồng. Thế ra, tôi bị lừa. Tôi đã ôm ấp một con rắn độc? Tôi đã yêu, tôi đã nghiện vì một kẻ nữ tù vượt ngục đó sao?

Tôi muốn bóp cổ con tinh ấy..., tôi muốn, nhưng một khuôn mặt đẹp như hoa, một tấm mình thanh như liễu... ai nữ lòng nào!

... Tối sau, chúng tôi hút xong, vừa đi nghỉ thì cánh cửa lung lay, tựa có người đẩy mạnh. Như linh tính báo trước, nàng can đảm vùng ngồi lên, lật gối lấy chiếc dao nhọn, nắm chắc trong tay, rón rén đến nép mình trong khe cửa, hai mắt giương to... Tôi cũng đi nhẹ chân, cầm một vật thủ thân, tiến đến cạnh nàng... Dần dần, cánh cửa hé to, một cái đầu rử tóc đen trĩu thò vào... Quả quyết, nàng giơ thẳng mũi dao, hạ xuống... Một tiếng kêu, tiếp đến một người ngã lăn xuống đất.

Nàng đánh diêm soi, nhận thấy rõ xác kẻ thù, nàng hả hê, cười lạt. Tôi choáng váng, nhìn mấy dòng máu đỏ chảy loang.

Khấp tỉnh ồn ào về vụ giết người mà thủ phạm là một thiếu nữ tuyệt xinh, người ta tưởng hai bàn tay trắng nõn không đủ sức trói con gà nhỏ. Ra tòa, nàng bị án khổ sai biệt xứ. Thế là tơ duyên đứt đoạn, nhìn nàng đeo áo số ra đi, tôi đau đớn biết nhường nào...

... Ba mươi năm năm qua mất, đến bây giờ là cõi già nua! Nàng đi, tôi vẫn sống trong gian nhà cũ và muốn lưu lại chút kỷ niệm tình xưa, tôi vẽ hình nàng rồi thuê một nhà điêu khắc tạc thành pho tượng mà tối nay cậu trông thấy. Mỗi lần tiêm thuốc, tôi nhả khói lên pho tượng, làm thế, tôi muốn nàng trọn kiếp say sưa... Bảy năm qua, cậu không thấy mặt tôi vì (hắn cậu không ngờ) tôi sang xứ khác để theo nghề buôn thuốc của nàng. Nhưng rủi ro, năm phen thất bại, năm phen tôi phải ngồi tù. Hết hạn tù lần chót, tôi chán nản không còn chí làm giàu nữa.

Hiện giờ, tiền hết, lực suy, tôi an phận nghèo mà vui sống nốt quãng tháng ngày tẻ lạnh...

Đó, cái dĩ vãng của tôi, - tôi, một lão già khốn nạn bỏ quê hương mà lăn lóc nơi xứ lạ, đất người bấy nay.

Đêm càng khuya, gió càng thổi rít từng hồi ngoài rừng. Lão Xương đốt đuốc đưa tôi ra bến dặt tay tôi tiến xuống thuyền. Chờ tới lúc tôi đã đặt chân trên bến bên kia, lão mới quay về nơi xóm vắng... Trong khoảng tối tăm mờ mịt, bó đuốc trên bàn tay run rẩy của lão già cô độc bốc cao ngọn lửa, rồi khoảnh khắc, chỉ còn chút than hồng bay tan tác trong sương...

\*\*\*

Nửa tháng sau, một buổi sáng, lúc đẩy tấm cửa gỗ đồ xiêu mục ải, bước vào gian nhà ẩm thấp, tôi rợn mình, trông thấy lão Xương... lão Xương, hai chân quặp vào đồng chăn cũ rách, nửa người buông nghẹo xuống gần mặt đất tanh hôi đọng vài giọt máu đã bầm tím. Bên sườn lão, bộ khay đèn bẹp vỡ, năm hộp thuốc phiện mở nắp sạch như chùi. Con khi cơ quặp nằm cạnh cái xác người, còn pho tượng khóa thân như bị ai đập nát, tan thành nhiều mảnh, rải rác ngổn ngang...

Trong cảnh tàn khốc ghê gớm ấy, tôi thấy thần trí rối loạn, và thờ dài, tôi lẳng lẳng quay ra. Tôi phân vân, không thể đoán chắc rằng lão già và con

vật khốn nạn kia chết vì no thuốc hay vì đói thuốc, hay vì quá điên cuồng, hay vì không chịu nổi những ngày trơ trọi.

**(In trong Một đêm vui, NXB Tân Dân, H., 1937)**



## Một Đêm Vui

*...Những biết đâu rồi một buổi mai,  
Thân tàn, tan tác giữa đêm vui  
Âm thầm ai biết, ai thương tới,  
Giữa lúc đàn ca với tiếng cười...*

**(Thơ J.Leiba)**

**Hải Phòng, 1935**

Chị viết cho em bức thư này sau một đêm vui, tiệc tàn, người mới, cõi lòng khô héo, lạnh lùng... Chắc em ngạc nhiên vì thấy một người xa lạ không hề quen biết mà bỗng dưng đường đột nhận làm chị em trong bức thư này. Nhưng chị xin em hãy nên yên tâm đọc kỹ, rồi em sẽ hiểu nỗi ngậm ngùi, u ẫn của một người đàn bà xa lạ đã vì em mà hi sinh cả cuộc đời.

Em Thanh có còn nhớ - hồi tám năm xưa - em đưa chị về nhà chồng tại tỉnh Lạng Sơn vào một buổi sáng mùa xuân ấm áp?... Lúc tất cả mọi người sắp sửa ra ô tô về Hà Nội, chị nhớ rõ rằng em buồn bã, thơ ngây cầm áo chị, tỏ tình quyến luyến, vì từ đấy em không được luôn luôn gần bên chị, em không được chị trông nom, dạy dỗ như hồi mẹ chưa bị bệnh qua đời.

Bốn năm, cố giữ tròn phận sự dâu hiền, vợ thảo, chị không phạm một điều tội lỗi để nhà chồng trách mắng. Lê Văn yêu thương chị vô cùng, anh tươi tỉnh, khôi hài mỗi khi thấy chị buồn rầu, an ủi chị mỗi lần thấy chị thẫn thờ vì nhớ nhà. Sáng chủ nhật nào anh cũng nhắc chị viết thư gửi về Hà Nội hỏi thăm sức khỏe của thầy và khuyên răn em học hành chăm chỉ,

đừng nên đua bạn chơi bởi hư thân. Anh ngồi sát bên đọc cho chị viết từng lời, từng chữ, rồi cuối thư, anh cầm tay chị ký hai chữ tên vợ, tên chồng liền một nét, vì anh muốn tỏ cho thầy và em biết vợ chồng chị bao giờ cũng thuận hòa.

Những ngày nhàn rỗi, anh thường dắt chị đi chơi trên những con đường có hoa tươi, bóng mát, hoặc đôi khi, mắt đã chán nhìn những phong cảnh tầm thường quanh phố, anh lại bảo người tài xế đánh xe đưa chị lên miền rừng.

Cuộc đời, cứ thế, êm đềm trôi.

Nhưng, em Thanh ơi, cuộc đời nào có phải một dòng nước trong, êm đềm chảy mãi.

Một buổi tối gió mưa giá rét, Lê Văn theo lệnh phụ thân, vào ấp có một việc rất cần. Anh trước còn ngần ngại không muốn đi ngay song chị khuyên anh nên nghe lời cha bảo, vì cụ Tham, bố chồng chị, là một người nghiêm khắc, không muốn con được cưỡng một điều gì.

Thế rồi đêm ấy, chị đốt đèn cố thức đợi chồng. Chị trần trọc râu canh, không thể nào nhắm mắt ngủ yên một phút, vì chị chợt nhớ đến lời vài đứa làm công thường mách chị: ở trong ấp, Lê Văn hay nói chuyện với người thiếu nữ con lão Quản Hưu mà đã mấy tháng nay cụ Tham cho đến ngụ để làm màu.

Người thiếu nữ ấy, chị đã được trông thấy một lần: cô ấy xinh đẹp, vui tươi và chững như lại có tính lẳng lơ, dĩ thỏa. Hình ảnh con người đáng ghét đó hiển hiện ra trong chiếc đèn đêm le lói ngoài màn, giữa lúc mắt chị đang quáng mờ. Chị muốn vùng ngồi dậy tắt ngọn đèn ấy đi nhưng chị lại trông thấy một con bướm nhỏ theo gió ngoài vườn bay vào phòng, lả lơi đậu lên bó hồng cắm trong lọ sứ. Cảnh ấy đột nhiên nhóm trong lòng chị một mớ lửa ghen không tắt được. Chị chờ mãi, nhưng Lê Văn chẳng thấy trở về. Cầm tức, chị tìm kế để báo thù anh cho hả cơn ghen. Và chị nghĩ ra... Chị nhất định thi hành, không nghi ngại nữa.

Sáng hôm sau, Lê Văn trở về, chị không thềm hỏi một câu, nhân lúc anh sang bên hàng xóm, chị vào phòng ngủ cầm cúi viết một bức thư... Trong

khi đưa ngòi bút trên mặt giấy, thân thể chị nóng bừng, chị quả quyết, không cho một lẽ phải nào trấn áp được cơn ghen. Viết xong, chị liền gửi bức thư ấy ra Hà Nội.

Ngày, đêm chị nóng ruột chờ mong... Mắt chị luôn luôn nhìn ra ngoài cổng lớn xem người chạy giấy có đem đến phong thư nào ở xa gửi tới hay không.

Một buổi sáng, Lê Văn nhận được một chiếc phong bì màu tím nhạt. Chị đứng nấp trong cửa sổ, cố dò xét xem nét mặt anh có biến đổi chút nào... Quả nhiên, chị thấy tay anh hơi rung động, lật đi, lật lại phong thư... Anh hiểu rồi ư? Anh ngờ vực chị đó ư? Trời ơi, chị chỉ cần có hai điều ấy... chị sung sướng vô cùng! Chị cảm tạ người đã giúp chị được thành mưu kế mà chị cho là thần diệu, cao kỳ.

Lê Văn, mặt càng tái nhợt, dút hai tay vào túi quần, lững thững bước vào phòng giấy. Anh gieo mình xuống chiếc ghế xích đu, hai mắt lơ lơ nhìn ra ngoài cửa như có ý cần gặp chị mà không muốn gọi.

Vẫn đứng nấp một xó tường bên tủ áo, chị mong anh xé phong thư ấy rồi đọc ngay cho chị hả lòng. Nhưng anh cứ nằm yên trên ghế, tay nắm chặt phong thư, hình như anh tự bảo mình không có quyền bóc một bức thư đề tên người khác, dù người ấy là vợ anh, dù bức thư ấy, anh đã đoán chắc chỉ là... một bức thư tình.

Sau chị đẩy cửa phòng đi diều trước mặt anh, rồi chị lại điềm nhiên sang buồng bên cạnh; chị cố ý trêu cho anh căm tức và cố ý tỏ ra mình thẳng được người chồng đã nỡ tâm lừa dối chị.

Lúc đó, anh uể oải giơ tay đưa chị phong thư, nhưng giả vờ không trông thấy, chị quay ra, đóng sầm cửa lại. Lòng chị hả hê, thỏa mãn. Chị cố cười, cố vui trước một người chồng tốt đang cố nén lòng đau khổ, cố giấu cơn thốn thức, ghen ngào.

Đứng ở phòng bên, chị ghé mắt vào khóa dòm sang. Chị thấy anh quả quyết xé phong bì, lấy thư ra đọc. Trái tim chị, lúc ấy, trong giây phút, không hiểu sao chẳng lạnh lùng như lúc trước, bấy giờ nó rộn ràng, sôi nổi và trí não vụt đổi ra mê hoảng, điên cuồng. Bao nhiêu sự can đảm, bao

nhiều tính tình độc ác tiêu tán hết, chị run lấy bấy muốn nhảy xổ vào giăng lấy phong thư đó mà xé đi cho mất tích. Song chị bỗng nghe thấy một tiếng đập mạnh trên bàn. Chị cuống quýt chạy vào. Lê Văn, chồng chị, đang gục đầu xuống mấy mảnh thủy tinh vỡ, vì đọc xong thư, anh uất máu, nghiêng rãng dần mạnh cốc nước anh đang uống dở. Anh ngất lịm đi. Chị nâng anh dậy: một bên mắt anh bị một mảnh thủy tinh nhọn chạm vào lòng trắng, máu chảy đầm đìa.

Hoảng hốt, chị vội tìm phong thư ấy để giấu đi, nhưng không thấy. Chị rút khăn tay lau mấy dòng máu chảy xuống má Lê Văn, đoạn cố sức ẵm anh sang phòng ngủ đặt lên giường. May gặp dịp bố chồng chị đi chơi tỉnh khác, nên trong nhà không một ai biết cảnh nào nùng vừa mới xảy ra.

Mấy giờ sau, mắt anh bị sưng to không trông thấy rõ. Thầy thuốc bảo không hy vọng chữa được lành. Chị đau đớn, hối hận. Trời ơi, tại sao chị nữ trả thù chồng một cách đê hèn đến thế? Mà chị trả thù bằng cách nào? Hẳn em đã đoán được một vài duyên cớ, nhưng chị cũng kể rõ em nghe, vì viết bức thư này, mục đích của chị là phải thú hết cùng em những điều xấu xa, lầm lỗi, như thế nỗi buồn họa chẳng vơi được ít nhiều.

Một chàng học sinh trước cửa nhà ta - hồi chị chưa xuất giá - thường rủ em đi xem chiếu bóng rồi nhờ em đem về đưa chị một phong thư, em còn nhớ chứ?

Chàng học sinh đó ước ao, cầu khẩn một câu ân ái, song không hiểu vì đâu chị ghét anh chàng ấy quá chừng! Thư này thư khác chàng gửi luôn luôn, song chúng chỉ được chị cho vào lửa.

Một buổi sáng mùa xuân ấm áp, chị bước lên xe hoa, không bận lòng nghĩ đến chàng thanh niên đã dày công theo đuổi mối thất tình.

Về nhà chồng, chị sung sướng, yêu chồng... Rồi hờn ghen, chị lại ghét chồng...

Ghét chồng, cho nên chị phải trả thù cho bõ tức. Muốn thế, chẳng còn một kế nào hơn là viết thư cho chàng trẻ tuổi năm xưa, tỏ tình thương nhớ..., chị than tiếc không được trăm năm ân ái cùng chàng... chị oán trách

Lê Văn giả dối, không chung tình với chị... cuối thư chị yêu cầu chàng phúc đáp, và hẹn chàng đúng chiều chủ nhật sau sẽ đón chị tại ga.

Đó, em coi, chị báo thù chồng!

Em có từng thấy một người đàn bà nào điêu ác như chị không em? Em có từng thấy một thiếu phụ xinh đẹp nào lại gian ngoan, nỡ bần như chị không?

Bức thư gửi đi, cách hai ngày sau, một thư tình đáp lại. Bức thư của chàng kia, không cần đọc cũng thừa biết nó chỉ toàn chứa những lời yêu đương nồng mặn, hẹn hò... Nó đã giết chết tình yêu của Lê Văn, chồng chị. Nó đã phá hoại hạnh phúc tốt đẹp mà chị không còn mong cứu vãn.

Từ hôm xảy ra tấn kịch thâm độc tới ngót một tuần lễ sau bố chồng chị vẫn chưa về.

Chị sống tẻ buồn, trơ trẽn, không được chồng đoái hỏi một câu. Anh lãnh đạm, thờ ơ, nhưng không tỏ ý giận thù, ruồng bỏ. Anh âm thầm, ủ rũ, song vẫn thản nhiên, bình tĩnh mỗi lúc anh ngồi ôm mắt, đau xót một mình...

Một hôm, anh đóng chặt cửa phòng, ngồi viết trong hơn một tiếng đồng hồ. Lo lắng, chị không biết anh đang viết những gì. Chị không dám hỏi vì giữa Lê Văn với chị tưởng như đã sẵn có một bức tường phân cách, tuy hai người chưa quyết định lìa nhau.

Rồi cách ít ngày, bỗng nhiên chị nhận được thư của thầy gọi về Hà Nội, Lê Văn sai đầy tớ sửa soạn va li cho chị, anh bảo người tài xế đánh xe chờ, rồi anh cùng lên xe, tiễn chị ra ga. Tàu đến, anh đưa chị lên toa, tìm ghế để chị ngồi. Chờ tới lúc đoàn xe chuyển bánh, anh mới hơi đổi nét mặt lạnh lùng ra cảm động, hững hờ vẫy chiếc khăn tay.

\*\*\*

Đoàn xe đi... từ đấy, chị không về xứ Lạng. Tô Thị đợi chồng, nhưng chồng chị, anh có động lòng nghĩ đến vợ xưa!

Về Hà Nội, thầy cho chị xem ngay phong thư của Lê Văn đã gửi cho thầy bữa nọ. Trong thư ấy anh kể hết mọi sự lầm lỗi của chị, và muốn cho có chứng, anh lại đính theo cả lá thư của anh chàng mà chị đã mượn nó để

trả thù chồng. Rồi thầy nhất quyết đuổi chị đi, bởi không bao giờ thầy muốn có một người con gái quá hư như chị.

Hôm ấy, chị ôm lòng đau ra khỏi cửa. Họ hàng, chú bác đều khinh ghét, duy chỉ có một mình em khóc sịt sịt chạy theo giúi cho chị một đồng hào ván<sup>[1]</sup> mà em mới xin được của thầy để mua giấy bút.

Em Thanh, viết đến đây, chị cảm động biết chừng nào.

Một hào ván ấy, em ơi, vì nó mà bây giờ chị còn ham sống để trả nghĩa cho em, để cố sức gầy dựng cho em được nên người; vì nó mà hôm nay, giữa những ngày hoan lạc, giữa những đêm vui sướng, em phải tạm sống mấy phút buồn để đọc bức thư của người đàn bà mà em đã nhận được là ai.

\*\*\*

... Tới bây giờ, thắm thoát, bảy năm.

Bảy năm, chị trôi nổi, bênh bồng như chiếc bè khô không biết tìm về nơi bờ bến.

Bốn năm tại đất kinh đô, chị không được sống phong lưu, đầy đủ với cái nghề mà chị vẫn tui, biết nó chẳng lấy gì làm trong sạch.

Ở Huế, chị nghe tin thầy đã từ trần, để lại một mình em.

Chị vội vã từ biệt kinh thành ra Bắc. Dò hỏi mãi mới được biết mộ thầy ở dưới Phúc Trang, chị mua hoa xuống viếng, rồi chị lên phố đi lảng vảng qua nhà, mong gặp mặt em, song không thấy em đâu. Mãi về sau, chị mới hay em đã được chú Ký thương đem về nuôi, và may hơn nữa, em vẫn được cấp sách đến trường.

... Đời trụ lạc, dù muốn giữ thanh cao đôi chút nhưng sự lầm lỗi xưa đã khiến thân chị ngày thêm nhơ bẩn. Ngày nay chị hoàn toàn là gái giang hồ, hay nói đúng hơn, một thứ đồ chơi không có giá trị gì!

Chị chắc em đang đỏ mặt đọc đến đoạn này. Em không ngờ chị em - một người hiền hậu, sống trong một gia đình giáo dục - nay đã trở nên một vũ nữ lừng tên trong mọi “đăng xinh”, làm mê mọt bao trai dưới Cảng.

Một hôm, chị được tin buồn: em phải xin thôi học, vì chú Ký buôn bán lỗ, bị tòa tịch biên. Thế là việc học của em đành bỏ lỡ, chị đau đớn vô cùng.

Nhiều khi, chị định viết thư gọi em xuống Cảng để chị trông nom, nuôi nấng, nhưng chị biết em khảng khái, không thềm nhận người chị khốn nạn này!

Sau đó vài hôm, tình cờ chị gặp một người ở Hà Nội xuống thăm chị. “Người ấy” trong bọn dân chơi, có vẻ rất tử tế. Chị kể cho “người ấy” nghe về em và chị. “Người ấy” động lòng thương, hứa khi lên Hà Nội sẽ đem em về nhà cấp dưỡng cho đến lúc thành tài. Thế là em đã có chốn an thân, chị mừng quá đỗi.

Bây giờ không cần nói, em cũng biết “người ấy” là ông giáo Nghĩa, một ân nhân mà chị em ta phải kính trọng trọn đời.

Chị không muốn ông Giáo chịu phí tổn quá nhiều, nên ở dưới này, hàng tháng chị vẫn gửi “măng đa” lên nhờ ông lĩnh hộ, rồi ông lấy tiền đó để trả tiền học và may vá cho em. Cách năm, sáu hôm, chị lại viết thư lên nhờ ông khuyên bảo em. Chị nhịn sắm áo quần, son, phấn, cuốc bộ sái chân trong các phố, ở nhờ trong một gian nhà hội hám với người bạn gái tại một ngõ tối. Chị nhắm mắt đi qua mọi nhà chớp bóng; chị tránh mọi chỗ vui để lấy tiền gửi lên cho em ăn học bằng người. Nhưng từ bấy đến nay, nào em có biết cái hi vọng lớn lao của một người đàn bà xa lạ không dám gặp mặt em.

\*\*\*

... Bây giờ, chị thỏa mãn lắm rồi. Vì vừa nhận được thư của ông Giáo báo tin em đã đỗ Tú tài và đã thi được vào làm trong một sở công. Cõi đời đang u ám nay trở nên sáng sủa, vui tươi... Và một cái tin khiến chị mừng rơi nước mắt là em kết duyên với một người bạn gái đức hạnh hoàn toàn đã yêu em bằng mối tình trong sạch. Ông Giáo cho chị biết ông vui lòng đứng chủ hôn, gây dựng cho em thành gia thất. Chị sung sướng biết dường nào! Ngay lúc được tin, chị vội vàng đi cầu khẩn, van lơn bà chủ tiệm vay hai trăm bạc. Bà bắt chị ký tờ giao ước phải lăn lộn trong làng vũ nữ đúng hai năm nữa thì nợ mới trừ xong!

Nhận được tiền, chị vội ra nhà Dây thép gửi lên nhờ ông Giáo sắm sửa cho em và nhân tiện để mừng em.

Rồi buổi chiều hôm ấy, chị vét túi, làm một bữa tiệc, một bữa tiệc mà chị... xin phép em cho chị gọi là bữa tiệc mừng cuộc nhân duyên tốt đẹp của em... Khách đến ăn, toàn là những bạn đồng nghề với chị, hay có thể nói toàn là những cánh hoa trôi... nay giạt vào một bến, cùng thuyền. Chị hò hét, cười đùa, đập chai, ném cốc... chị vốc những bông hoa sặc sỡ (em nên nhớ rằng trên bàn tiệc ấy, chị không dám rải một bông hoa trắng còn phong nhụy!) ném lên đầu, lên tóc các cô vũ nữ..., chị... trời đất ơi! Còn gì nữa... chị còn làm gì nữa để cho “quý khách” của chị biết rằng trong đêm vui ấy, trên bữa tiệc linh đình ấy, chị là người sung sướng nhất, điên cuồng nhất... và đau khổ nhất...! Chị còn làm gì nữa để người ta biết chị không hẳn là một gái phong trần hoàn toàn trụy lạc, mất lương tri, bỏ bổn phận làm con, làm chị và than ôi, làm một người vợ vì đã quá yêu chồng nên mới ghen tuông...!

Cuộc vui tàn, những đóa hoa tàn lại theo mưa gió cuốn vào nơi mưa gió...! Một mình chị say mềm, nằm gục xuống bàn ăn, ngủ thiếp, đầy đầu bê bết những thịt, xương, tàn thuốc, cốc vỡ, rượu thừa...

Hôm sau, ngủ mãi đến quá trưa, chị mới tỉnh cơn mê mệt. Ngồi trước gương, ngắm lại má răn, mắt hờm, chị chán chường sau một đêm vui...

Mặc xong quần áo, chị ra ngoài phố đi thơ thẩn, không nghĩ ngợi, không vui sướng, không buồn rầu. Người ta thường khi đã thỏa thích quá thì hay có những cảm giác dại ngây, lạ lùng như thế... Bỗng thấy chiếc ô tô ca về Hà Nội, nhớ đến em, chị vẫy xe, trèo lên ngòi vào một xó, ngần ngợ như kẻ mất hồn.

... Xe đến Hà Nội, chị lại đi lang thang trong các phố, như một người xa lạ lần đầu đến thăm nơi đô hội, ồn ào... Tới chiều, đèn điện đã soi ánh sáng cho thành phố, giấu hết mọi bản nhợ để phô cho khách lạ vẻ thần tiên, choáng đẹp của Kinh thành thì chị cúi đầu giấu mặt, bước vào hiệu phở Hàng Đồng gọi làm bát phở “tái nạm”. Ăn cầm lòng cho đỡ đói, xong, chị lại ra đi... Trời lấm tẩm mưa, gió rung cây xào xạc... Chị đến cửa Gò Đa mua một bó hoa, rồi lững thững qua nhà ông Giáo, chị... đứng ngấp nghé ngoài bờ rào sắt, nhìn vào. Chị trông rõ lắm, vì tất cả các cửa kính đều mở



rộng. Trời ơi, một cảnh vui của một bữa tiệc vui giữa một đêm vui! Ngẩn người, chị ngắm mọi người dự tiệc, hết thấy là những chàng trẻ tuổi đang vỗ tay, chạm cốc vang nhà.

Chợt chị trông thấy em... ờ, em Thanh cao lớn, khỏe mạnh, tươi cười đỡ cốc rượu của ông Giáo đang chúc cuộc trăm năm, chị lại trông rõ những bó hoa tươi rải rác khắp các nơi, cắm đầy trong các lọ. Mãi tới lúc ấy, chị mới sực nhớ tới bó hoa của chị mua hồi tối định mừng em. Chị toan gỡ cửa... Nhưng... em Thanh ơi, chị cảm thấy thân mình ô uế mà cả bó hoa trong tay chị cũng thành ô uế, không đáng để lẫn với những bó hoa của các bạn đã tặng em... Biết đâu khi thấy một người đàn bà bờ ngõ, đột nhiên bước vào, hàng trăm con mắt sẽ đổ dồn vào chị, hàng trăm cái miệng nồng men sẽ thoảng nụ cười chế giễu, vì trong số thanh niên chắc có nhiều người đã cùng chị ôm lưng trong tiệm nhảy, hoặc những kẻ điên rồ, sung sướng ấy sẽ yên trí chị là một “gái tình” của em! Và, biết đâu, em cũng không thèm nhận chị, thẹn thùng với các bạn sang mà sai người đẩy chị ra ngoài!

Ồ! Có thể thế được ư?... có thể thế được ư? Em Thanh của chị!

Nghĩ thế, chị cực lòng vô cùng. Rồi dần cơn thốn thức chị ném bó hoa xuống đất, bước qua. Chị không dám ngoảnh lại nhìn cảnh vui say nọ, chị không dám nhìn bó hoa như bản ấy, - bó hoa bị đầy đọa hắt hủi như thân chị, bó hoa mà chị đành ăn đói để lấy tiền mua nó tặng em, bởi sau khi đã nhăm tính kỹ càng, chị chỉ còn có đủ số tiền lấy vé ô tô về Cảng.

Chị vừa bước chân đi, thì ở trong nhà đưa ra một điệu tango. Điệu hát đưa khách vào cõi mộng hoa, đưa khách vào cõi đời đắm đuối, tình say.

Nhưng với chị, nó là những tiếng gọi xa xôi của cuộc đời phóng lãng, nó dặt chị về những phút vui không thỏa mãn trong lúc ngồi lau phấn, nhìn làn khói thuốc, nhìn cốc bia cạn dần.

Điệu hát ấy còn réo rắt bên tai chị trong hai năm trời đặng đặng, trả cho xong món nợ mừng em, và trả cho xong kiếp người vũ nữ.

\*\*\*

Đêm nay, chị đứng trên bến Sáu kho dưới Cảng, nhìn trời mây, sông nước... cánh buồm nâu vờ vẫn xa xa...

Chị vừa tránh thoát cái không khí nặng nề của nhà khiêu vũ, một mình đi thơ thẩn...

Đêm nay, một đêm vui của em trên Hà Nội, một đêm em cùng ai hát khúc Phượng hoàng trong một gian phòng xinh đẹp, có đủ đệm là, gối gấm, màn the...

Đêm nay, một đêm trống trải, lạnh lùng, ô uế của một người thiếu phụ không chồng, nã nùng ca khúc hận trường... Đêm nay, một đêm của người vũ nữ không nhà, không cửa, đi lang thang trên đường phố vắng, vì đã hai tháng nay không trả được tiền nhà...

Lơ đãng, chị nhìn trời mây, sông nước vật vờ vài cánh buồn nâu... Chị đánh diêm châm điếu thuốc lá cuối cùng trong bao giấy nát, giữa mặt thờ lờn khói trắng giữa khoảng trời đen, rồi mỉm cười, chị tự hỏi lòng:

- Gió, mưa... ta biết ngủ nơi nào,... đêm nay -

Chị yêu em. Thanh Đạm

**(Một đêm vui, Nxb Tân Dân, H., 1937)**

### **Chú Thích**

**[1]** Áo khoác ngoài (tiếng Pháp)

Đồng hai hào, dùng dưới thời thuộc Pháp.

## Một Đêm Mưa Móc

Người đàn bà ấy ngày nay thực là một “cổ nhân”, sống tiêu tụy như một người khốn khổ trong một căn nhà cũ nhất Hà thành.

Ở tỉnh này, ít người không nhớ mặt người đàn bà ấy, nhưng chẳng ai biết tuổi, biết tên. Ấu là ta cứ mệnh danh bà là Yvonne, vì bà là một người Pháp ở đất Việt Nam từ bốn mươi năm nay có lẽ.

Cho nên có thể nói Yvonne là một cuốn lịch sử về thời đại, nhất là về nghề làm đĩ, nhưng nghề làm đĩ của Yvonne chẳng được như vài mụ An Nam có tàn, có tán, - Yvonne đã một đêm được đức vua ban ơn mưa móc, hiến thân ấp ủ “mình rồng”.

Vậy thì, người đàn bà tốt phúc nhất trong giới đàn bà ấy, ngày nay dù là một “cổ nhân”, dù là một xác thịt bán rẻ tiền đến nỗi lính lê dương say rượu cũng không thèm mua nữa, nhưng ta hãy kính cẩn cảm ơn bà đã hiến ta vài trang tình sử đáng gọi là “oanh liệt”, nó làm cho bà, mãi tận đến bây giờ, vẫn phải rùng mình.

\*\*\*

Từ ngã bờ sông, chiếc xe song mã rẽ vào một ngõ hẻm, lớp nhớp bùn, hai bánh sắt cố len lỏi giữa hai bức tường sứt lở gần sụp đổ. Tối quá, đôi ngọn đèn dầu thì chẳng đủ sáng để chiếu đường vì vậy hai con ngựa đi không vững, xô chúi vào nhau.

Đến cuối ngõ, xe dừng lại, người xà ích nhảy xuống gõ cửa một căn nhà lụp xụp, tối tăm. Chờ lâu không thấy ai thưa, mà trong xe có tiếng một

người Huế thúc giục, gắt gỏng hoài, người xà ích cuống cuống nắm tay đâm luôn mấy cái vào cánh cửa. Vẫn yên lặng như tờ.

Hai con ngựa chồm chân, nện móng xuống bùn, thổi ra hơi khói. Gió ngoài sông hút vào lạnh thấu tới thịt xương. Mưa càng mau hột. Cả Hà thành đang say giấc.

Nhưng trong cái ngõ bẩn thỉu của dân lao động ấy, người nói giọng Huế nọ đang làm một “sứ mệnh”, một việc cho quốc gia, mà nếu chẳng thành, ắt là phạm tội bất trung, không tận tâm thờ chúa. Ngài sẽ quở, và chẳng may cơn điên nổi lên như giông tố thì khi vô Kinh, đầu vị “sứ thần” có thể rơi rụng như một trái cây chín nẫu.

“Sứ thần” nóng ruột, rít răng lại mà la:

- Mi chỉ nói tầm bậy tầm bạ... nó có ở đây đâu.

- Dạ bẩm cụ lớn, quả thiệt nó ở đây ạ. Mà không biết sao chẳng có đưa nào lên tiếng. Bẩm cụ lớn, con đã có cách này...

Tức thì, tên xà ích nhảy lên xe, ném hòn đá vào trong sân, vẫn không thấy động tĩnh gì; anh ta liền vúi mặt tường nhún mình trèo lên, rồi tiện cây táo mọc sát tường, anh ta tụt xuống đất một cách thật dễ dàng, nhanh nhẹn như tên đại bọm.

Gần khuya, mà tên xà ích lại mất tăm nốt, “sứ thần” ngồi không yên, ngài mở cửa xe bước xuống. Ngài dặng hắng, ngài ho, ngài lại dặng hắng, nhưng cái tên bồi xe khốn nạn và cả nó nữa, vẫn chưa ra, khiến ngài phải chờ hoài. Rét, ngài run lập cập, có lẽ rét tự đáy ruột rét ra, vì ngài giận lắm. Đứng một chỗ cũng không yên, ngài tay chấp sau lưng, đi đi, lại lại. Đôi giầy da láng, giảm bừa lên các vũng nước mưa, bùn bắn cả lên chiếc quần lụa và chiếc áo huyền hoa chữ thọ. Ngài không đeo huy chương, song vẻ mặt uy nghi, dáng đi đường bộ, thì dù đêm ấy, ngài đang mò mẫm trong cái xó xỉnh bùn lầy, nếu có kẻ nào bạo gan nhìn trộm, tất cũng nhận ngay ra đấy là một vị quan lớn ở Kinh đi phò giá đức vua ngự du Bắc Hà. Và kẻ ấy tất phải kinh ngạc mà tự hỏi tại sao quan lớn kia lại đỗ xe song mã trước một căn nhà tăm tối, đứng mong chờ, ngấp nghé như một chàng công tử si tình, đón đợi tình nhân?

Rét quá, ngài ho sù sụ. Mưa lại rơi mau. Ngài trèo lên xe ngồi ôm ngực chờ cho qua cơn suyễn. Ngài nhăn nhó nguyên rửa thậm tệ tên xà ích và ở thâm tâm, ngài nghĩ cái thằng lão lếu ấy có lẽ đang kéo cò mặc cả tiền với nó để hòng ăn bớt, hoặc là có lẽ đang mê man chui rúc vào một ả nào.

Nghĩ vậy, ngài chợt thấy lòng già rung động, ngài sức nhớ đến những cơn hành lạc của ngài với các mẹ trẻ ở dinh ngài trong Kinh. Ngài ngả đầu ra sau nệm, lim dim mắt...

Hai cánh cửa đột nhiên rên lên một tiếng rồi mở rộng. Tên xà ích vừa thò đầu ra đã bị “sứ thần” la:

- Mi mần chi trong nớ mà lâu dừ vậy? Nó đâu?

- Dạ, con phải chờ cô ấy đun nước trầm tắm rửa, rồi trang điểm nên lâu...  
Dạ, bẩm cụ lớn, cô ấy kia ạ.

- Bảo nó ra xe, còn thập thò gì nữa.

Thì nó đã ra đây: Một cái đầu tóc màu bạch kim óng như tơ lụa, từng gợn nhịp nhàng tựa sóng... một khuôn mặt, tuy bên ngọn đèn xe song mã lơ mờ, cũng đủ phơi hết vẻ nồn nà diễm lệ của nhan sắc phương Tây... rồi đến một thân hình cao và thanh tú vận y phục đàn bà Pháp quốc, vẻ đẹp ấy là một sự ngạc nhiên làm giật mình vị “sứ thần” tận trung báo Chúa, đeo vào mình cả cái uy quyền chức tước của triều đình ban cho để đêm ấy đi “chinh phục” một kẻ đàn bà.

“Sứ thần” giụi mắt, khe khẽ hỏi tên xà ích:

- Ai đấy, mi?

- Bẩm, nó đấy!

- Chỉ nói bậy thôi nào! Mi tránh xa ra...

“Sứ thần” vội bước xuống xe, khom lưng xá một xá dài, kính cẩn chào “hoàng hậu một đêm”.

Nàng nghiêng mình đáp lễ. “Sứ thần” lùi lại giơ tay mời thiếu nữ lên ngồi né một bên. Ngài thấy gan ruột bồi hồi cạnh một người đàn bà mẫu quốc, đẹp lộng lẫy như tiên nữ, nhất là ở cái thân ngà ngọc đó lại tỏa ra như tiên nữ, nhất là ở cái thân ngà ngọc đó lại tỏa ra mùi nước hoa, phấn sáp

ngạt ngào. Ngài ngồi yên lặng vui thỏa vì đã xong sứ mệnh và đoán chắc rằng Đức vua sẽ đẹp lòng.

Xe ra khỏi ngõ, hai con ngựa sợ tiếng roi da vọt không khí kêu đen đét, vội lồng lên mà phi nước đại theo nẻo phố bờ sông trong màn mưa lạnh lờ mờ...

Nó là người đàn bà đẹp, là Yvonne.

Vị “sứ thần” kia là một quan hầu được đức vua tin cẩn nhất triều, thường được Ngài truyền mật chỉ sai đi kiểm tìm nhan sắc dâng Ngài.

Yvonne ngồi trong căn phòng mà cách trần thiết vô cùng lịch sự, trang nghiêm khiến nàng sợ. Đây là cái giường tây gối chăn toàn bằng gấm lụa, kia là khung gương triện vàng rực rỡ, chiếc bàn bày phấn sáp, nước hoa, hình như phòng này xưa nay là của đàn bà.

Nàng phân vân lo nghĩ, sợ cái phút gặp Ngài, sợ cái đau đớn nàng sắp chịu - cái đau đớn mà tất cả các cô trinh nữ, sớm hay muộn, đều không tránh thoát, - chỉ vì một món tiền to. Bây giờ nàng là con gái, chốc nữa nàng sẽ không là con gái nữa.

Tê tái cả tấm lòng, Yvonne ôm mặt khóc, nhớ lúc người mẹ, trong khi nàng trang điểm ra xe, đã vuốt ve nàng mà căn dặn phải hầu theo ý Ngài, tất Ngài sẽ thương tình ban thêm.

Nàng oán mẹ nỡ ép bán trinh để kiếm tiền ngay giữa khi còn ít tuổi, nhưng mẹ nàng cho đó là một vinh hạnh, vì nàng được hiến thân trong trắng cho người có chiếc ngai vàng.

Yvonne thấy các cửa đều khóa kĩ, nàng không hiểu ra sao. Mỗi một quá, nàng ngả mình xuống tấm ghế nệm dài. Vừa chợp ngủ đi vài phút, bỗng nghe thấy tiếng gì động quanh đâu đó, hoặc tiếng giầy ai gõ ngoài thềm, nàng lại hồi hộp ngồi nhòm dậy, dụi mắt nhìn ra cửa, lắng tai nghe...

Cứ thế, nằm xuống lại ngồi lên mãi, Yvonne tủi cực, sùi sụt khóc; nàng không ngờ tuổi xanh nàng sớm bị đọa đày. Nàng tự hỏi nàng để người ta dẫn đến đây, giam cầm nàng ở gian phòng lịch sự này để làm gì, than ôi, nếu chẳng vì một cuộc mại dâm thâm, nếu chẳng vì một món tiền to lớn, nếu chẳng vì một cơn dục vọng.

Nàng ngồi lên, đến trước gương soi, tóc nàng rối sợi, phấn son đã bị nước mắt làm phai. Tiện có phấn sáp trên bàn, nàng trang điểm lại: dưới ánh đèn hồng dịu trong căn phòng lộng lẫy, nàng như đẹp hơn lên.

Đồng hồ điểm ba giờ. Chợt có tiếng xe hơi hãm máy ngoài vườn hoa, Yvonne vội chạy ra cửa sổ, kéo tấm màn ren che kính, nhìn ra.

Yvonne thấy lão quan hầu ban nãy đi đón nàng, đang tiến về phía cửa. Rồi Yvonne trở mắt nhìn một người ở xe hơi bước xuống, đầu đội khăn chữ nhật, vận áo xuyên đen, mặc quần lụa, chân dẫm hài kinh, đang chênh choáng bước lên thềm, thanh gươm cầm trong tay, bị kéo lê, đập xoang xoảng trên bậc gạch.

- Hoàng thượng đã về!

Nghe vị quan hầu nói dứt câu, Yvonne không thể trấn áp được cơn kinh hoảng, nàng chui tọt xuống gậm giường, cầm hơi không dám thở.

Cánh cửa mở to, Ngài lão đảo tiến vào, ra lệnh cho vị quan hầu khép cửa.

Ngài đứng sững nhìn quanh, rồi cặp mắt sáng như tia chớp tưởng chừng nhìn suốt non sông, đưa về phía giường nằm. Ngài cất tiếng cười sảng sặc, đoạn cúi xuống kéo tay Yvonne lôi tuột ra ngoài.

Yvonne run như chiếc lá, phủ phục dưới chân ngài. Dịu dàng, Ngài đỡ Yvonne đứng dậy và đưa ngón tay nhắc cằm nàng lên ngắm... Không chịu được cái nhìn ghê gớm của cặp mắt ngài hào quang ấy, nàng cảm thấy linh hồn nàng giá lạnh, toàn thân nàng tê liệt như bị một phép lạ gì ám thị, thôi miên.

Bỗng Ngài cười rộ lên một tiếng, quăng thanh gươm vào một góc tường, rồi bế xốc nàng ném lên trên nệm. Nàng tựa như con búp bê bị lò xo tung lên mấy cái, rồi nhắm mắt nằm chờ...

\*\*\*

Cái đêm mưa móc ấy tạnh từ lâu, từ mấy chục năm nay..., mà đóa hoa chớm nở được cơn mưa móc đó, bây giờ, than ôi, đã úa rồi.

Người thiếu nữ Pháp được quân vương vời đến, hiện còn sống ở Hà thành, sống những ngày kham khổ tẻ buồn.

Người đàn bà ấy, tóc đã hầu trắng như tuyết; mặt đã dần deo, nhưng nét nhan sắc thời xưa vẫn còn ghi lại; lưng đã còng gập xuống mang nặng mớ tuổi già.

Giờ đây bà ở với một người đàn bà Pháp nữa, tuổi nhiều hơn, và trong thâm tâm người bạn giang hồ già nua đó cũng giấu một cuốn sử về thời đại, về nghề làm đĩ như bà.

Từ mười mấy năm trước, hai người chung lưng mở một cửa hàng bán rượu, cà phê, mà khách thì, cách sáu bảy ngày chủ hàng ngồi khòm lưng đợi mới có vài người lính Pháp xô nhau vào gọi mấy thứ uống rẻ tiền, đánh nhau, phá phách ầm ầm. Nhiều khi sáu bảy tối liền hai người vừa cố mở đôi mắt đã hơn nửa đời mờ vì sắc dục, xô kim vá áo, hoặc xem tờ báo cũ gói hàng, vừa ngóng ra ngoài phố vắng chờ mấy người khách uống chịu đến trả tiền để ngày mai mua bánh ăn cầm hơi.

Cứ thế, đôi bạn già theo đuổi mãi nghề cũ, giờ mái cặp má deo, đôi môi héo nhạt, và cái ngực lép, lưng còng cho bọn lính Pháp say rượu thỉnh thoảng kéo nhau đến bỏ vài hào uống nước để giày vò. Đời đã mòn mỏi rồi, xác thịt đã dơ như con vật chết, vậy mà hai người đàn bà khổ nạn vẫn còn phải sống, sống với ngôi hàng trơ trọi, cái tủ gỗ nát với chiếc bàn, vài ba cái ghế mây sơn. Đèn, chỉ một cây đèn dầu ánh sáng đỏ loe, bốc khói; tường, một màu vôi vàng nồng hơi ướt ẩm, mờ hóng ám đen. Đó là một quán rượu ta thấy tả trong truyện Ba người ngự lâm pháo thủ, và ta phải tưởng tượng rằng, nếu chẳng ở thời hiện tại, tất quán rượu kia phải là nơi tụ họp của các kị sĩ, các tay phong lưu mã thượng giang hồ, và ở đấy, phải luôn luôn có những cuộc ngáng gươm, đổ máu.

Nhưng đây chỉ là quán rượu của hai ả điếm hết thời, bán xuân già kiếm miếng nuôi thân; đây chỉ là một ngôi nhà cổ nhất Hà thành dựng trong một phố “đặc biệt An Nam” suốt ngày có tàu điện chạy ầm ầm, suốt ngày - cả đêm khuya nữa - vang tiếng búa của thợ rèn gần đó.

Bây giờ, quán rượu ấy đóng cửa rồi.



Hai mảnh hồng nhan, già như cây cổ thụ nghìn xưa, không còn gợi cho khách làng say tình. Không một ai lai vãng nữa, rượu để lâu chua, mồi, bàn ghế mặc cho bụi phủ, trần nhà tơ nhện chằng đầy.

Bỏ nghề, đôi bạn già cố níu chuỗi ngày thừa, âm thầm như hai chiếc bóng canh khuya. Những buổi tối hè, hai người bắc hai cái ghế mây sơn cũ nát, ngồi hai xó cửa, không ai nói với ai, không cựa cạy, mắt nhìn lên trời xanh ngắt, nhắm đếm từng điểm sao thưa như đếm lại những tình nhân trong đời họ..., và suy nghĩ... Có lẽ bà này nhớ lại những đoạn tình sử hãi hùng hoặc êm dịu, có lẽ bà kia ôn lại cái đêm mưa móc hồi hơn hai mươi năm cũ.

**(Phấn hương, tập truyện ngắn, Nxb Tân Dân, H., 1939)**

## Một Tâm Hồn Trong Đêm Tối

Kỳ bước chậm, lơ đãng nghe tiếng lá rì rào bên Hồ Gươm. Gió lạnh, mưa chìm chìm thấm vào bóng tối. Người thanh niên ngẩng nhìn cánh lá vàng bay chập chờn như cánh bướm dưới ánh sáng ngọn đèn yếu ớt rụng xuống mặt đường loáng ướn. Kỳ cho tay vào túi quần. Trong túi còn sót hạt lạc rang, anh đưa lên miệng. Hạt lạc thối, Kỳ nhổ xuống cỏ, nhả mặt. Anh móc túi lôi cái đồng hồ Omega cổ lỗ rồi dừng chân bên một cột đèn. Chín giờ mười lăm rồi. Anh lại rảo bước. Đường phố vắng tanh. Có tiếng xe đạp lăn xào xạo sau lưng Kỳ. Mấy chiếc xe đạp vượt lên. Người cưỡi xe sau lưng đeo súng, ngoảnh nhìn vào mặt Kỳ, nhưng vẫn đạp. Anh thấy khó chịu trước những con mắt nhìn anh một cách quái gở kia. Và Kỳ càng thấy khó chịu vì đôi giày săng đá của mình. Đôi giày chạy loạn đã phủ bao nhiêu bụi đỏ đất rừng, giờ phút này đôi giày giang hồ mưa gió của anh lại gõ bên Hồ Gươm mà các thi sĩ bảo mặt nước lúc nào cũng nghiêm như giân.

Kỳ đi hẩn ở giữa đường. “Cứ đi ở giữa đường thì đội xếp nhà binh họ không hỏi, chứ đi nép ở rìa đường là gian phi, đạo tặc, là bào bớp”. Chàng thanh niên nghĩ vậy. Anh cố bước nhẹ chân cho tiếng giày săng đá khỏi gõ lên như ban nãy. Anh thấy mấy con chuột chạy ra gốc cây để rồi sợ sệt chui biến vào bóng tối. Bao nhiêu chuột, chúng ở lỗ cống, ở vỉa đường, ở những miếng đất bỏ hoang cỏ mọc, ở những đồng gạch đổ có những chiếc xe hơi rỉ nát nằm tiếc thời oanh liệt, có những chiếc két sắt vỡ bụng, vỡ đầu nằm tênh hênh ăn vạ với nắng mưa.

Kỳ tần mẩn đứng sau một khe tường đổ, nhìn những con chuột mập béo nhờn nhờn chơi bóng tối. Có con đuổi theo chiếc lá một cách rất đa tình. Có

con trèo lên cái bánh ô tô để rúc lên như một nhà phú hộ cười nghiêng ngả với người yêu một buổi chiều hè lái xe mát quanh Hồ Hoàn Kiếm. Có con chui vào két sắt cắn nhau chi chí, như là những mù chợ đen thấy cần phải chửi nhau lúc chia tiền bóp cổ.

- Ê, đứng làm gì đấy, hả?

Kỳ giật nảy mình, ngoảnh lại. Hai gã cảnh sát đã đứng sau anh. Ánh sáng đèn pin rọi vào mặt Kỳ, tựa ngọn đèn nhà thiện xạ chiếu vào con thú rừng. Như cái máy, Kỳ giơ hai tay lên. Hai bàn tay nhanh nhẹn và quả quyết sờ nắn khắp túi quần, túi áo Kỳ. Trong người anh không có gì lạ cả, chỉ có một hột lạc thối anh ta đã nhổ xuống đường từ lúc nãy. Anh đưa họ xem giấy thông hành. Người kia nhìn anh một lượt nữa, từ mái tóc bù xuống đến đôi giày săng đá cũ rồi trèo xe đạp, lầu nhầu:

- Thế, đứng đây làm gì, hả?

Kỳ đáp ngây ngô:

- Tôi xem chuột!

- Xem chuột! Để bố này điên!

Họ đạp xe đi, và cười với nhau trong mưa gió.

Kỳ lại rảo bước giữa đường và chỉ tránh lên hè mỗi khi có xe ô tô nhà binh vút tới. Đường càng vắng. Mưa xuống mau hơn. Ánh đèn từ những khe cửa hở, hoặc ở những cánh cửa sổ các căn gác rụt rè chiếu ra ngoài trời tối. Thành phố về khuya có cái vẻ một bệnh nhân thức ngủ chập chờn, sợ hãi.

Kỳ cảm đầu đi. Anh hoa mắt vì mệt, vì đói.

Đã đến phố Bờ Sông. Kỳ đứng trước căn nhà gác ở đầu một ngõ cụt. Căn nhà hẹp dựng đứng như chiếc quan tài sơn đỏ. Anh thuê trên gác. Vợ chồng chú khách bán lạc phá sa thuê nhà dưới. Chú khách nghiện thuốc phiện, nhờ vậy, Kỳ mới gõ một tiếng, vợ chú đã mở cửa ngay. Nhà không có điện. Ngọn đèn dầu lạc bị giữ kín sau tấm phên ngăn buồng hút, không để lọt một tí ánh sáng ra bên ngoài. Kỳ dò dẫm bước cho khỏi va chạm vào giường màn, nôi niêu, nhất là chậu đá, ống nhổ bày ngổn ngang trong gian nhà rộng không hơn lá chiếu. Kỳ lại dò dẫm leo chiếc thang tre mà ngày

đầu tiên thuê anh đã phải xuống bãi sông mua để thay thang gỗ bị người ta đốt. Chiếc thang cốt kết trĩu dưới đế giày săng đá. Anh leo trèo đã quen, như một người rừng leo thang nhà chòi.

Mấy tháng trước vợ anh đã từ lưng chừng thang trượt chân ngã ngời xuống đất, khi chị có mang ba tháng! Kỳ hết cả hồn vía. Chị bị sẩy, ốm đủ ba tháng. Anh đến chủ nhà xin họ làm thang gỗ. Người ta bảo cho anh biết chỉ có thể thôi, không ở thì đi chỗ khác. Từ đấy, mỗi lần nhìn vợ leo thang, Kỳ lại buồn đứt ruột. Chị bò khó nhọc như con cóc leo tường. Thành ra, Kỳ phải làm thay vợ. Anh xách nước lên gác, tắm giặt cho con, và ngày hai buổi xách vài thúng rau dưa hay trứng vịt, cá khô của vợ anh buôn đem ra chợ bán. Nhưng độ này, Kỳ không phải đem hàng của vợ lên gác hay xuống gác nữa. Bao nhiêu dấn vốn đã chui vào ô kéo các thầy lang hết, sau ba tháng liền chị vợ ốm vì sẩy; rồi đó, thằng con anh lại mắc đậu mùa. Bệnh khỏi thì thằng bé chột một mắt, và mặt nó trông như chiếc kẹo vừng.

Kỳ lên khỏi cầu thang, vẫn phải rón rén như ban nãy anh đi ngoài đường. Anh đi rón rén ngoài đường vì không muốn mấy gã cảnh sát nhìn vào tận mặt. Về đến nhà rồi anh cũng phải nhẹ nhàng bước kéo chú khách ở dưới nhà góc đầu lên mà chửi vài câu bằng thứ tiếng anh không hiểu nổi.

Nhà Kỳ không có lửa, cái đó không làm anh bức bối. Anh đã quen bóng tối của gian gác chật chội này. Nhưng thực thì nhà anh có tối đâu. Chỉ cần đẩy cánh cửa sổ ra là ánh đèn điện của tòa gác lộng lẩy bên kia hàng xóm chiếu sang ngay. Nhờ vậy, đã mười tháng nay Kỳ chưa phải phàn nàn về đèn lửa nhà mình ngoài nỗi chán đời vì túng thiếu, vợ đau, con ốm.

- Sao, cơm phần tôi đâu?

Người vợ góc đầu lên:

- Tôi ngờ nhà đến chơi bác Phán, thế nào chả ăn cơm thết.

Kỳ sầm mặt lại. Nhưng anh không mắng vợ, anh không nỡ làm khổ người đàn bà đau ốm lúc này. Kỳ sức nhớ đến cái mặt người anh vợ ban chiều anh đến thăm. “Nhà chịu khó đến chơi bác ấy, rồi liệu nhờ bác ấy xin việc làm cho. Nhân tiện hôm nay cuối tháng, vay bác vài trăm bạc đóng gạo cho con ăn. Bữa cơm bữa cháo, con nó chịu sao được mãi!”. Kỳ đã

thương con, thương vợ mà đến chơi “bác Phán”. Nhưng cái mặt choắt chéo của ông anh vợ đã làm Kỳ ghê tởm. Anh đứng dậy đi ngay, đi thật nhanh để khỏi nghe vợ chồng “bác Phán” kêu túng quần với số lương bảy nghìn đồng mỗi tháng đem về thả lãi và đầu cơ vải, sợi.

- Thế, bác Phán bảo sao?

Kỳ không trả lời, đứng tựa đầu vào cửa sổ. Anh thấy cơn đói ngấm nghĩa khắp thịt xương, rã rời và yếu đuối như lên cơn sốt.

Ở cửa sổ nhà bên kia, ánh sáng ngọn đèn trăm nến rải chan hòa trong căn gác tường quét xanh, kẻ hoa và vẽ chim nhạn, chim én bay quanh những chiếc thuyền tình. Sập gụ, tủ chè, hoành phi câu đối, và cái giá lộ bộ trên đó có đủ cả ngọn bút sà mâu của ông Trương Phi, có cả cây nguyệt đao của đức Quan Vân Trường mà quan Đốc chủ nhân đã treo ảnh ngài lên trên ảnh ông cụ thân sinh quan Đốc.

Tiếng nói cười lẫn tiếng dương cầm và tiếng ca cải cách của ba tiểu thư, hai công tử con quan Đốc ran ran lên, đưa sang tai Kỳ.

- Khá! Con Oanh Oanh ca bài này khá lắm. Để rồi tao bảo anh ấy - chàng của tao ấy mà - giới thiệu mày hát radio, cho thiên hạ khiếp.

- O! Nếu chàng của chị cừ thế thì còn chờ gì không đem nốt thẳng Xuân vào ban nhạc cho nó trở tài ba.

Cứ thế câu chuyện của ba tiểu thư, hai công tử, ngày này qua ngày khác, tối này đến tối kia, theo ánh sáng đèn bay sang cái lỗ chuột nhắt này để xoáy vào tai Kỳ, làm Kỳ khổ sở nhưng rồi anh cũng quen đi như là anh đã quen với tất cả cuộc đời bộn bề, gai góc hiện giờ.

- Cháo gà ngon lắm, các cô, các cậu ra chén rồi hãy đàn hãy hát.

Ông Đốc bệ vệ, vui vẻ ngồi vào bàn ăn trái khế trắng nõn. Trước mặt ông là hai con gà vàng mỡ và hai liễn cháo bốc khói ngun ngút.

Các cô chiêu cậu ấm lũ lượt chạy ra bá cổ ôm đầu bố, rồi đứng xé gà, húp cháo, ném xương vào mặt nhau. Ông Đốc chỉ cười, bởi vì ông chỉ cầu cho con ông khôn lớn như thế này để rồi mai kia ông có con rể con dâu, trong khi ông vẫn còn nguyên hai chực nóc nhà, và vàng bạc kim cương chôn trong vườn hoa có thần tài giữ, không mất đi đâu một tí.

Mắt Kỳ mờ đi, miệng anh hé ra khô bỏng. Đầu anh vẫn tựa vào khung cửa sổ. Cơn đói cào cấu ruột gan, Kỳ mệt nhọc, nhắm nghiền mắt lại.

Kỳ mang máng nhớ đến những ngày nào lưu lạc vì chiến sự, vợ chồng dắt nhau lên mãi tận rừng xanh. Kỳ đã nón tươi áo lá, quần manh áo mảnh hàng ngày đeo bị đi hàng mấy chục cây số chợ xa để kiếm ăn. Chị vợ thì dọn quán bán hàng, yên phận với nồi riêu cua, rổ bún, công nước chè tươi, chào đón khách.

Đầu Kỳ gục xuống.

Gió mạnh thổi rơi mảnh giấy cứng che lỗ tường ai đục trông ra đường.

Ngoài kia, ngọn đèn điện chao đi, chao lại theo chiều gió. Cầu sông Cái mịt mờ trong mưa đêm. Kỳ nao nao nghĩ đến nơi xa kia, bên dòng con sông lạnh, những cánh đồng xanh bát ngát, bóng núi Ba Vì vươn dài ra hùng mạnh như cánh đại bàng sắp vút lên trời cao. Chao ôi, đã có biết bao nhiêu sáng, bao nhiêu chiều, Kỳ buồn nào co ro đứng trong căn gác chật hẹp, tối tăm này để nhìn màu xanh xanh của cánh đồng xa rộng, màu tím tím của rặng núi phất phơ mây trắng, đẹp như những chí lớn hải hồ.

Đầu Kỳ gục xuống, gục mãi xuống. Nước mắt từng giọt rơi xuống má. Con muỗi đói vo ve bên tai, người thanh niên ốm yếu không buồn xua đuổi muỗi.

Tiếng cười và tiếng đàn ca ở gác bên kia lại vắng sang, Kỳ cố đưa tay khép mạnh hai cánh cửa. Tiếng thở nặng nề. Kỳ chìm ngợp trong đêm tối, một mình.

*(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 3/1949.)*

**(In lại trong Cô gái làng Sơn Hạ, NXB Văn học, H., 1989)**

## Hần Học

Cô dầm lai, bằng một ngón tay, vẩy Thông đến bàn giấy để đưa chàng tập thư.

Thông về chỗ cho giấy vào máy chữ sao lại những bản thư ấy. Tiếng máy kêu lách tách một chập như mưa rào. Đọc lại rất kỹ, Thông đứng lên sang phòng ông sếp. Ông còn bận tiếp khách, Thông phải đợi một lúc mới được vào. Như mọi khi, Thông cầm sẵn chiếc bàn thấm lăm le chờ ông hạ xong một chữ kí, chàng lại thấm cho khô.

Ông sếp, dáng mỗi mệt, bỏ bút xuống bàn, ngả ra lưng ghế thở khói xì gà, Thông chẳng có việc gì làm, đứng thừ người nhìn ra ngoài công viên: một cặp nhân tình đang ôm chặt lấy lưng nhau. Thông chột nghĩ đến một người đàn bà ngày trước cũng thường đi như thế với bất cứ một kẻ đàn ông nào và bất cứ ở đâu... để kiếm cho chàng cơm áo và giấy bút đến trường.

Chàng nhắm mắt lại để nhìn thấy người đàn bà ngoài công viên. Nhưng người đàn ông, kẻ đã bao lần ôm chặt người đàn bà - người chị thân yêu nhất đời chàng lúc này đang ngồi kia!

Chàng nhìn vào tấm gương lớn treo trên lò sưởi, bên cạnh cái két bạc. Mặt gương vẫn khói xì gà, in lờ mờ một cặp kính cười trên cái sống mũi gỗ và bộ râu quai nón. Nhờ người ấy mà Thông được vào làm ở sở này và đã hai lần chàng kí sổ lương.

Đó chỉ là một cuộc đánh đổi mà thôi. Vì người chị thân yêu của chàng trước kia đã không dám ngửa tay nhận tiền của gã đàn ông này sau những đêm hành lạc, thì bây giờ gã trả cho chàng. Chàng phải ngửa tay nhận lấy.

Cảm thấy tất cả sự bẩn thỉu của loài người và tất cả sự hèn hạ, khốn nạn của mình, Thông nghiêng rặng, muốn ném thật mạnh chiếc bàn thấm vào tấm gương.

- Anh mơ gì thế?

Giật mình đánh thót, người thanh niên đau khổ ấy vội vàng khom người xuống thấm, thấm, thấm những chữ ướt trên những trang giấy. Chàng ra khỏi phòng sếp, tắt tả về chỗ mình và tắt tả làm cái việc lẽ ra là của người loong toong: đóng dấu bên cạnh chữ ký của gã ta, rồi bỏ thư vào phong bì, dán tem.

Xong việc, Thông ngồi cầm miếng giẻ lau cái máy chữ cho bóng và cho có việc kéo sợi cô đầm lai thấy chàng rồi lại sai làm việc khác.

Chàng xếp các giấy tờ bỏ ngăn kéo, sau cùng không biết làm gì hơn, chàng với tay bóc một tờ lịch.

- Tháng này 31!

Đang nói bâng quơ như thế thì ông phán già thò đầu vào cửa phòng gọi chàng sang phòng bên cạnh lãnh lương.

\*\*\*

Thành phố vừa lên đèn, Thông ở sở ra, không về thẳng ngay nhà như mọi buổi chiều. Chàng lang thang trong các phố Tây vắng, hai tay đút túi quần, mặt cúi gằm nhìn những chiếc lá sấu trải trên mặt hè lát gạch xám.

Gió thổi không đủ làm dịu tiết hè oi ả. Trên bầu trời lác đác một vài ngôi sao.

Thông lúi lũi bước. Chàng đi giày đế cao su êm quá, giá có đôi giày đế da mà nện rõ mạnh xuống nền gạch cho có tiếng kêu có lẽ là cái thú, và biết đâu chẳng làm tan được ít nhiều nỗi hằn học đè trĩu trong lòng.

Thông đến Hồ Gươm, đi qua một khách sạn lớn của người Pháp. Nhìn vào, chàng nhận ngay ra người mang cặp kính gọng vàng trên sống mũi gồ và bộ râu quai nón. Gã đang ưỡn bụng thở khói xì gà, uống rượu và đọc báo như những người nước ngoài khác ngồi ở đây.

Mặt Thông bỗng sầm lại.



Chàng rảo chân, mặt cúi gằm hơn trước. Mồ hôi toát ra ướt cả chiếc sơ mi mới thay buổi sáng. Chàng nhăn mặt, cời áo vắt cánh tay.

Hồ Gươm lặng gió. Mặt nước phẳng lì như tờ giấy lam trải rộng. Dưới hồ, một con thuyền nhỏ không người, thường ngày dùng chở đi nhặt lá rụng trên mặt nước, cột chặt vào rễ cây si.

Nhưng Thông nào có ngấm cảnh, chàng cũng không buồn tránh những người chen lấn quanh chàng, hoặc là vì công việc, hoặc là hưởng thú thừa lương. Qua một tiệm cao lầu, chàng bước chầm chậm vì một mùi thơm vừa thoang thoang đưa vào mũi.

Cơn đói thức ngay dậy, và ý nghĩ thèm một bữa ăn ngon giục Thông quay lại quả quyết nhảy vào trong tiệm. Thông tìm một chỗ ngồi vừa ý rồi gọi một cốc nước cam. Ngậm cái cuống rơm, hút một hơi dài, lòng khoan khoái đón lấy những giọt nước mát lạnh ngọt ngào, mắt khoan khoái nhìn khối nước màu vàng bị rút xuống dần dần trong cốc, Thông cảm thấy tâm hồn nhẹ hẳn đi. Nhìn lên tấm bảng kê các món ăn, chàng chọn một món rẻ tiền mà ngon để gọi. Chờ mấy phút, một món ăn nóng hổi đã đặt ngay trước mặt. Thông cầm đũa, mắt sáng lên.

Chàng ăn đang ngon miệng thì thằng bé con ngồi ở quầy hàng có lẽ đang giờ làm bài, cầm chiếc bàn thấm đập xuống trang giấy luôn một đập. Những tiếng “thình thịch” ấy khiến Thông rầu mặt lại.

Hình ảnh kẻ đã ôm ấp người đàn bà thân yêu nhất trong đời chàng hiện ra trong một phòng giấy, còn chàng lom khom đứng cầm chiếc bàn thấm thấm những chữ ký trên các công văn.

Người đàn bà đó là Sâm, chị ruột chàng.

Ngày ấy..., Thông còn đang đi học, Sâm mở ngôi hàng sách. Sách không ai mua, bụi phủ dần lên các cuốn tiểu thuyết thảm tình.

Bố mẹ chết cả, mình nàng nuôi em. Tiền tiêu không có, tiền học của Thông cũng chịu nhà trường. Thông khóc, không dám đi học nữa. Một hôm, thương em quá, Sâm dắt em đến trường, nàng xin ông Đốc cho khất nợ. Ông Đốc tiếp Sâm lần đầu ấy trong phòng giấy. Lần sau, ông tiếp Sâm ở nhà riêng. Ông xin Sâm một chút tình, được vậy, ông cam đoan không

bao giờ nhận tiền học của Thông và còn giúp đỡ Sâm là khác. Nghĩ đến việc học và tương lai của đời em, nàng đã yếu lòng. Cuộc yêu đương ấy được ít lâu rồi tan vỡ. Sâm đã là người con gái nhuốc nhơ. Nhưng việc học của em, nàng không nỡ cho dang dở vì Thông đã thi được vào trường Bảo hộ. Nàng phải tìm cách kiếm tiền nuôi em.

Có một buổi tối, một người đàn ông vận âu phục vào cửa hàng tối tăm của nàng hỏi mua cuốn Tuyết hồng lệ sử.

Có một buổi tối, một người đàn ông vận quần áo ta vào hỏi mua quyển Giọt lệ sông Hương.

Có một buổi tối, một người đàn ông có ba chiếc răng vàng, mặc quần áo cánh lụa, không hỏi mua gì cả, hẩn liếc vào trong nhà không thấy ai, rồi ghé tai nàng nói nhỏ...

Ba tối ấy, ba lần Sâm vội vàng xoa lại phấn, nắn lại khăn, mặc chiếc áo nào đẹp nhất để len lén ra lối cổng sau, nhảy lên một chiếc xe tay chờ sẵn đầu đường, trong khi người em trai hiền lành đang cắm cúi đọc sách, làm bài trên gác, tin rằng người chị đã ngủ yên ở dưới nhà.

Nhưng rồi một hôm, người em ngây thơ ấy ở trường ra, đã vào vườn Bách Thú, trèo lên ngọn núi đất, vớt sách trên bãi cỏ, ôm mặt khóc. Thì ra Thông đã nghe thấy những lời chế giễu xỏ xiên của các bạn trong trường ám chỉ chị mình. Thông ngờ đâu lại có thể xảy ra như thế! Hôm ấy Thông giận chị, bỏ cơm nằm lì trên gác.

Buổi tối đóng cửa hàng xong, Sâm rón rén bước lên cầu thang. Nàng vén màn ngồi xuống cạnh giường khẽ đặt tay lên trán em. Trán Thông nóng hổi vì cơn sốt. Nàng gọi, Thông không đáp. Cúi xuống sát mặt em, nàng thấy má Thông nước mắt chảy ròng ròng. Nàng cũng khóc:

- Làm sao thế hả em? - Thông vẫn nằm yên.

Bỗng có tiếng gõ cửa dưới nhà, Thông vùng ngồi dậy, nắm chặt hai tay chị, mắt quắc lên:

- Tôi cấm chị không được xuống mở cửa cho chúng nó... Chị không được làm nhục vong hồn thầy mẹ... chị không được làm nhục tôi, làm nhục chị...

Thông nhảy xuống giường, với con dao trên bàn học chạy ra cầu thang gác, định xuống dưới nhà mở cửa. Sâm chạy theo, nắm tay Thông kéo lại. Thông ngã xuống giường, khóc rưng rức. Một lát, Thông đau đớn bảo Sâm:

- Sao chị lại có thể làm việc đê hèn, nhơ nhuốc ấy?... Tại làm sao... Tôi không còn có gan trơ trên vác mặt đến trường học nữa, người ta làm nhục tôi hàng ngày...

Cổ họng Thông tắc nghẽn, Thông nấc lên, úp mặt xuống chăn. Sâm vuốt tóc Thông, thốn thức:

- Chỉ tại chị thương yêu em quá... Đời chị đành lẽ bỏ đi rồi. Nhưng chị còn trông cậy vào em. Hãy xét cho lòng chị, em ơi!...

Nàng cũng ghen lời. Hai chị em cùng khóc. Một hồi lâu, Thông cầm tay chị, khe thở dài rồi nằm xuống. Sâm lấy lọ bạc hà xoa trán Thông, kéo chăn đắp kín người Thông.

Nàng thối tắt ngọn đèn dầu...

Thông vẫn đến trường, cắn răng chịu những lời chế giễu. Người chị vẫn ngày ngày ngồi trong cái cửa hàng nhỏ hẹp, tắm tối ấy để chờ những người đàn ông tối tối vào hỏi mua những cuốn tiểu thuyết Tố Tâm, Thuyền tình bể ái..., - những khách không cần lấy sách, khách chỉ cần cười một nụ cười rất đĩ, và nói một vài câu rất nhỏ bên tai cô hàng.

Có người giới thiệu cho Sâm một người Pháp. Hấn đã mời nàng vào một khách sạn rộng rãi nhất Hà thành. Nàng hiến thân như một cô gái điếm thượng lưu, nghĩa là không lần nào nhận tiền ở tay người đó. Như thế để chờ một đêm, nàng kể lẽ rằng vì việc nhà nên phải bán mình. Bây giờ, nàng chỉ cầu cho em trai nàng một việc làm. Hấn nhận lời. Tuần lễ sau, Sâm vui vẻ báo cho em tin mừng đó. Thông tủi nhục, không muốn hèn hạ thế. Sâm khóc. Thông không nỡ nhìn người chị thân yêu khóc mãi vì mình.

Thế là Thông đã đi làm, đã ba lần ký sổ lương, đã bao nhiêu lần khom lưng đứng cầm bàn thấm, thấm chữ ký của Sếp như ta đã thấy ở trên.

\*\*\*

Thằng bé con ngồi ngoài quầy vẫn còn làm bài. Mỗi lần chiếc bàn thấm gieo thành thịch xuống trang sách mỗi lần làm rầu rĩ thêm gương mặt con

người đi làm công ấy.

Bóng người chủ béo tròn và bóng người chị trong một căn phòng, trên một chiếc giường phẳng phất ngay trước mắt, ám ảnh Thông như một đoạn phim khả ố. Thông buông đũa xuống, xĩa tiền ra mặt bàn, bước nhanh ra cửa.

Thông lại lang thang trong các phố, hai mắt mờ đi. Khi đường đã vắng người, Thông mới về nhà.

Đoán chị ngủ rồi, Thông ngần ngại không muốn gọi cửa, chàng định đi vợ vẫn suốt đêm nay, - ồ, từ thuở nhỏ đến giờ chưa một lần nào chàng dám đi như thế để biết Hà Nội lúc về đêm, trừ vài lần chàng bị các bạn cùng sở rủ góp tiền đi hát, nhưng đúng mười hai giờ chàng đã lên về.

Chàng bước đi vài bước, lại quay trở lại, do dự một lát, rồi giơ tay gõ.

Cái sen mở cửa. Thông mặt nhọc vừa tháo ca vát vừa bước lên thang gác.

Chàng đứng dừng ở cầu thang vì chàng thấy trên bàn thờ có đèn hương còn Sâm đang ngồi thái đồ nấu cỗ.

Sâm ngẩng nhìn em, niềm nở:

- Sao về muộn thế? Em đi tắm cho mát rồi ăn cơm. Hôm nay giỗ mẹ đấy, nhưng mới là tiên thường. Ban trưa chị quên không bảo em biết trước.

Thông nhìn lên ảnh mẹ. Mùi hương và mùi hoa làm cho tâm hồn rời rã của Thông tỉnh táo. Thông đứng lặng yên, hồi hận sao chiều hôm nay không về đúng giờ như mọi khi. Thông lo sợ về một tội lỗi may mà chưa phạm phải vì ban nãy, Thông định quay đi để sa ngã vào một căn phòng cho thuê nào đấy, và biết đâu ở chỗ bán thịt này, thế nào chẳng có một cô gái giang hồ nằm cạnh mình.

Thông nhìn chị, thăm thì:

- Chị giận em lắm phải không?

Thấy vẻ mặt băn khoăn của Thông, Sâm động lòng thương. Nhưng vụt nghĩ đến phận mình, Sâm bỗng đỏ bừng hai má, nước mắt dần dần trào ra. Nàng cúi đầu xuống, nghĩ thầm: “Em tôi còn trong sạch quá! Mà trong sạch

như thế để làm gì khi người ta đã được làm một người con trai hai mươi tuổi đầu”.

Nàng chợt nghĩ đến một ngày, sẽ có người đàn bà rủ Thông đến một nơi nào xa lạ..., rồi Thông sẽ bỏ quên nàng. Sâm yêu thương em lắm, nàng chưa thể nào để mất người em ngoan ngoãn ấy lúc này. Nỗi lo sợ xa xôi khiến lòng Sâm se lại, nàng lẩm bẩm tựa hồ đang mơ: “Thà Thông cứ trong sạch như thế mãi, còn hơn...”.

Thông đã rửa mặt xong. Chàng đến trước bàn thờ lễ mẹ. Sâm cũng đứng lên thu dọn, rồi ra sân gác rửa tay. Lúc Sâm vào đã thấy Thông bưng mâm cơm trên bàn thờ xuống, bày sẵn cả ra mặt bàn ăn. Sâm vừa lau tay vừa cười:

- Em đói lắm phải không?

Thông gật đầu, xới cơm cho chị, sau xới cho mình.

Chàng đang ăn, thốt nhiên lại nghe thấy tiếng “thình thịch” ở đâu, hình như ở nhà bên cạnh có một ông kí già hay làm sổ ban đêm thì phải.

Cái ám ảnh tức thì lại quấy rối chàng, - chàng nghĩ ngay đến căn phòng làm việc của gã sếp - kẻ đã ôm ấp người đàn bà thân yêu nhất đời chàng! - trong đó, chàng đang lom khom đứng cầm chiếc bàn thấm áp xuống những chữ ký ướt của gã.

Thông thờ người, bỏ rơi đĩa xuống bàn. Sâm ngạc nhiên, gõ vào bát em và hỏi:

- Thông nghĩ gì?

Chàng cau mày, nhìn thẳng vào chị, hai môi mím chặt, mặt chàng gân guốc hẳn lên. Nhưng thấy chị sợ hãi nhìn mình, chàng hối hận dụi ngay mặt lại.

- Không, chẳng nghĩ gì. Cho em chút rượu, không biết tại sao em thèm giấc ngủ của người say.

- Để quên phải không?

Thông đỡ cốc rượu trên tay chị cười phá lên:

- Có gì đâu mà quên. Em chỉ muốn nếm cái thú say xem nó thế nào.

Chàng uống một hơi cạn cả chén, rồi bỏ cơm, đứng dậy ra giường nằm. Sâu lắng đầu, nhìn em buồn bã. Nàng cởi giày, cởi áo cho Thông, đoạn buông màn xuống. Nàng thu dọn bàn ăn. Tiếng bát đĩa chạm vào nhau làm Thông cựa mình, vén màn ngó ra ngoài bảo chị:

- Sáng mai, chị nhớ đánh thức em sớm hơn mọi khi. Mai sở nhiều việc.

Sâu xuống dưới nhà. Khi tiếng giày của người chị đã tắt, Thông mở mắt cho lệ tràn ra. Lòng chàng vẫn không thể nhờ men rượu làm cho bình thản được, làm cho quên được.

Chàng nhìn trừng trừng vào đêm tối, quần quai trong đêm tối...

*(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 235/1938.)*

**(In lại trong Cô gái làng Sơn Hạ, Nxb Văn học, H., 1989.)**

## Đề Lòng

Người thanh niên ích kỷ ấy không còn ngờ gì nữa. Chàng đã đành lòng phạm cái tội lỗi đó rồi. Chàng thấy mình càng ngày càng đi xa tình ruột thịt, xa quá, để mà nhắm mắt ngã vào cái hố của tình yêu. Chàng muốn gào lên, muốn hét lên: “Thượng đế cứu lấy tôi! Chúa rửa tội lỗi cho tôi!”. Tiếng gọi cứu cấp bách chưa có hiệu lực gì thì chàng vẫn cứ rảo chân đi mãi về miêng hố.

Trên bàn giấy lúc đó, một con kiến đang bò lên lọ mực. Nó đã đứng trên miệng lọ, sắp đưa đầu xuống. Cái lọ mực sâu thăm thẳm, chao ôi! Nó mà nhào vô đó thì biết bao giờ ngoi được mình lên. Chàng vội vơ cây bút gạt con kiến ấy rớt xuống mặt bàn; chàng thở một cái thật dài, tựa hồ vừa cứu được ai, hay tự cứu được mình ra khỏi một tai nạn gì nguy hiểm.

\*\*\*

- Em bịt mắt anh và đổ anh đoán xem em mặc áo màu gì đấy. Nói đi, không cần nghĩ mới tài!

- Áo màu rêu.

- Ai bảo! Màu hoàng yến. Thế đổ anh, em đi đâu về nào?

- Đến nhà chị Thông thu họ cho me chứ gì.

- Ai bảo! Em đến nhà con Yến học đàn. Nhưng em lại tức mình về ngay, vì cái thằng anh con Yến ấy, nó cứ lăm lét nhìn em.

Mỹ, người thanh niên vừa chơi trò “hú tim” cùng cô em gái, lúc này, thốt nhiên ngồi thẳng mình lên, gỡ ra khỏi mắt hai bàn tay trắng nõn có những

chiếc móng nhuộm màu hoa lựu, rồi chàng cười nhạt, đấm mạnh xuống miếng kính đặt trên bàn.

- Anh làm trò gì thế? Có lẽ em đến phải bảo me tổng anh vào nhà thương điên cho em khỏi sợ. Anh chỉ được cái dọa trẻ con thôi.

- Mai!

Nhưng Mai đã như con chim khuyên, nhảy tót ra khỏi cửa phòng.

Mỹ đưa hai tay lên ôm lấy cái đầu tóc rối. Chàng nhìn trừng trừng vào tấm ảnh có hình chàng với Mai: Mai nghiêng dù che nắng, ngồi trên một cành si, tay ôm bó nhãn. Ảnh đó chụp trong một cuộc đi chơi ở vùng ngoại ô, khá xa Hà Nội. Cuộc đi chơi phiếm ấy thường như các cuộc đi chơi phiếm khác, song còn có một kỷ niệm mà cả hai anh em chàng bây giờ mỗi lần nhắc đến lại cười rộ lên. Bữa ấy, bà cụ già bán nước mời anh em chàng bằng câu: “Cậu vợ vào xơi nhãn, nhãn Hưng Yên ngọt lắm”.

- Mỹ ơi, chè sen em nấu ngon ngon là. Ông tướng lười như quý, me phải bảo em bưng vào hầu đấy.

Mai đặt chén chè xuống mặt bàn. Mỹ vẫn ôm lấy đầu, không nhúc nhích. Mai nhắc cầm anh lên và cười:

- Cứ làm trò mãi. Giá bây giờ người ta cho tiền đi xem ciné thì đã nỏ như khướu. Ăn đi nào!

Mai cầm thìa múc chè đổ vào mồm Mỹ. Cử chỉ vui vui, niềm nở của Mai khiến người anh không thể nghiêm nghị ôm cái hờn giận trong lòng được nữa, chàng phải bật cười.

- A! Cười rồi đấy nhé. Thế bây giờ đọc dictée [1] cho em bé viết đi thôi.

Mai mở sách ra, và dúng ngòi bút vào mực, đợi...

Mỹ vừa ăn vừa đọc một câu dài và khó quá, Mai ngẩn ra không viết được chữ nào. Tức mình, Mai dấn bàn thấm xuống bàn. Mỹ làm như không biết, đọc tiếp luôn câu khác dài hơn, mà lại đọc bằng một giọng khó nghe. Mai giận quá, gấp sách lại vất vào ngăn kéo, rồi đứng lên phụng phịu:

- Em xuống mách mẹ cho mà xem. Em mà thi trượt thì bắt đền anh đấy.



Mai vùng vằng ra cửa, chạy sầm sầm xuống cầu thang. Mỹ chạy theo lôi tay Mai trở lại.

Chàng mở sách của Mai để lên bàn, đưa bút vào tay Mai, và bảo:

- Bây giờ đọc bài khác dễ hơn, có thể mà cũng khó, không biết xấu!

Bàn tay Mỹ để lên tóc Mai khẽ vuốt. Mai đang chăm chỉ viết, bảo anh:

- Cặp lại tóc giúp em đi! Tóc em dài lắm rồi anh nhỉ. Ước gì tóc em đừng dài nữa, để em làm con bé con mãi mãi. Như thế thích hơn. Đến ngày vấn tóc mẹ lại bắt lấy chồng như chị Cả thì nguy. Em không được làm nũng cùng anh nữa, em không được anh kèm học nữa...

Nghe Mai nói như con sơn ca, Mỹ thấy lạnh cả lòng, chàng buông sách xuống, lơ đãng nhìn ra cửa sổ.

Mai đặt tay mình lên bàn tay Mỹ:

- Anh buồn gì thế?

- Có buồn gì đâu?

- Anh nói dối!

- À, anh đang nghĩ một ngày kia em sẽ lấy chồng... Ngày ấy, em sẽ vui lắm mà anh cũng thế... Anh sẽ uống rượu rồ say, như hôm tiệc cưới chị Cả... Rồi đêm ấy, trong khi em ở nhà chồng, anh sẽ vào tiệm nhậu, uống rượu thật nhiều, cười đùa cho mỗi mệt, rồi đi lang thang suốt sáng ngoài đường.

Mai lay mạnh cánh tay anh:

- Anh này đến điên thật mất thôi! Anh rủ rỉ cả ngày như con gái, còn biết gì là chơi bời. Đọc đi, nói nhảm mãi mất thì giờ.

\*\*\*

Ở thư viện về, không thấy Mai, Mỹ buồn bã hỏi vú già:

- Cô Mai lại đi chơi rồi phải không?

Chàng chán nản bước lên thang gác, không hát như mọi khi, hễ chàng đi đâu về Mai đã léo xéo gọi chàng lên buồng học. Chàng biết Mai lại đến nhà Yến, cô bạn gái thân nhất, để học đàn. Như thế có gì lạ, nhưng nghĩ đến câu

Mai nói với chàng hôm qua: "... cái thằng anh con Yến nó cứ lăm lét nhìn em" thì chàng lại tức tối, không chịu được.

Chàng nghĩ mình xuống nệm giường, thấy khổ tâm và lo lắng. Càng nghĩ, chàng càng nhận thấy mình đã quá đùa, bằng một cách táo bạo với tình yêu. Mà tình yêu - theo nghĩa chính của nó - thì đối với chàng ở trường hợp này là tội lỗi. "Không thể như thế được!" Mỹ úp mặt xuống gối mà nói vậy.

Chàng xấu hổ vì ý nghĩ và hành động bất chính của mình. Đã nhiều khi chàng lo rằng chàng sẽ thành thật yêu người ấy, yêu như người ta vẫn yêu nhau, thì thật là tai hại. Còn luân lí chặn ở đầu đường. Có lẽ nào nhảy qua nó để làm một thằng liều không cần hối. "Chỉ vì Mai đẹp!" Thật vậy, chỉ vì Mai đẹp, cho nên người anh ấy mới khổ sở thế này.

Mai với Mỹ là con cùng cha khác mẹ, nhưng mẹ Mai thương yêu Mỹ lắm, vì vậy chàng vẫn gọi bà bằng mẹ.

Mai rất hợp tính Mỹ, vì Mỹ hiền lành, biết chiều chuộng Mai từng tí. Đi chơi đâu Mai cũng rủ Mỹ đi cùng; đi xem chớp bóng, Mai cũng cần có người anh ấy ngồi bên cạnh để hỏi tên tài tử. Sự thân mật, gần gũi đó lâu dần khiến Mỹ đâm ra hoang mang rằng chàng không còn là người anh trang nghiêm nữa.

Chẳng đã có lần, bà lão già bán nước mời anh em Mỹ: "Cậu mợ vào hàng xôi nhân Hưng Yên?". Và một lần sau nữa, anh xe ở ngoại ô cũng lém lỉnh mời: "Cậu mợ lên xe!".

Mỹ đã thẹn đỏ mặt khi đi chơi về nhìn thấy bà Hàn. Nhưng Mai thì ngây thơ và vô tình cho đó là những chuyện vui vẻ, chả thế mà vừa về tới cửa Mai đã láu táu kể lại cho bà Hàn nghe, rồi Mai và bà Hàn cùng cười vui vẻ.

Đôi lần Mai ốm, Mỹ hết sức chăm nom thang thuốc. Có khi chàng ngồi bên giường Mai bóp đầu cho Mai và nói chuyện chớp bóng Mai nghe, vì Mai chỉ thích chớp bóng và đàn.

Ngày nghỉ các cô bạn cùng trường Mai đến rủ Mai đi chơi thì Mỹ chẳng vui lòng, hình như suốt ngày hôm ấy, vắng Mai, chàng thiếu thốn một cái gì... Chàng muốn ích kỷ để được con chim xinh đẹp ấy luôn luôn bên mình. Lúc nào chàng cũng sợ nó bay đi... sợ nó gặp phải một con chim

khác nào có giọng hát hay, sắc lông đẹp sẽ rủ nó bay theo... Với các bạn gái của Mai, Mỹ còn ghen tị, tức tối vì bị họ tranh cướp mất người em gái xinh đẹp, huống chi ngày hôm qua thằng anh con Yến cứ lăm lét nhìn em thì chàng không lo sợ sao được.

Từ này, Mỹ vẫn úp mặt xuống gối không phải để khóc mà để lo một ngày sắp đến.

\*\*\*

Ngày ấy đến nhanh chóng quá! Đó là tự nhiên, ai mà giữ được.

Từ ấy đến bây giờ mới cách nhau có bốn mùa. Song bốn mùa đó cũng đã đủ cho một cái cây nhiều nhựa, lại được hút nhiều màu đất tốt, chóng lên cao. Mai là cái cây nhiều nhựa ấy. Nàng mau lớn quá, đến nỗi đã nhiều lần ông bà Hàn bàn đến chuyện gả chồng cho Mai - Mỹ thường nghe thấy những lời bàn ấy, và chàng đã buồn rầu như khi được tin tình nhân sắp bỏ mình đi lấy chồng.

Càng ngày, Mỹ càng nghiệm thấy Mai giữ gìn ý tứ đối với chàng hơn trước. Mai không lên gác nhờ chàng kèm học nữa. Những cuộc đi chơi ngoại thành, đi xem chớp bóng, đi chơi rong các phố đông, Mai cũng không rủ Mỹ, vì bạn gái của Mai bây giờ nhiều lắm, họ đã công nhiên cướp mất người em gái của chàng rồi.

Nhưng cái làm cho Mỹ buồn hơn hết là bây giờ Mai đẹp hơn năm ngoái, năm xưa nhiều. Mai đã biết đua các bạn, điểm trang lộng lẫy như các cô đào chớp bóng. Chàng hẳn học nghĩ rằng Mai càng trang điểm khéo bao nhiêu, thì ở đẳng đầu phố càng nhiều thằng trai trẻ đứng chờ. Bởi thế chàng nổi ghen lên, và đã một lần, như đứa trẻ con, chàng xúi bà Hàn cấm Mai đua đòi các bạn, cấm Mai đi học đàn, đi rong phố. Nhưng bà Hàn không cấm nổi Mai, vì hễ ai nói nặng thì Mai khóc.

Một ngày chủ nhật, Mỹ tần mẩn mở ngăn kéo bàn học của Mai. Bỗng chàng nhìn thấy một cái hộp đựng mấy lá thư màu xanh, màu tím người ta gửi cho em chàng. Mồ hôi toát ra, chàng xé nát một bức thư, rồi cả ngày hôm ấy, chàng tránh Mai như người ta tránh mặt một người đàn bà phản bội, thề quyết không nhìn nhận nữa.

Nhưng Mai không hề biết đến cơn giông tố ở lòng người anh Mai vẫn kính yêu.

Một sáng, nàng đẩy cửa phòng Mỹ rón rén bước vào... Mỹ không thèm ngoảnh cổ lại, vẫn cúi đầu vào sách. Nàng bịt mắt Mỹ, chơi hú tim như độ năm nào còn thơ:

- Em đố anh biết em mặc áo gì nào? Nói đúng, em thưởng cái này.

Mỹ lặng im, bởi chàng còn đương ngạc nhiên vì nổi tại sao bữa nay Mai lại tinh nghịch với chàng như thế. Mai cười vang lên:

- Chịu à? Thế đố anh em đi đâu về đấy? Và trên tay có cái gì?

Mỹ khó chịu gỡ tay Mai ra, vẫn cúi nhìn vào sách. Không để ý đến nét mặt bất bình của người anh, Mai cười to hơn, đoạn với chiếc lọ sứ trên bàn, nàng cắm vào đó những bông hoa hồng bạch tươi mơn mớn. Nàng vỗ vai Mỹ:

- Em vừa đi thuyền trên Hồ Tây cùng anh Lạc. Anh ấy đậu thuyền để đưa em lên vườn nhà anh ấy. Anh ấy hái cho em bó hoa này. Em tặng lại anh, vì em biết anh thích hoa hồng lắm.

Mai quay ra, chạy sầm sầm xuống cầu thang, nhí nhảnh như con chim trong nắng mới.

Mỹ đứng dậy ra giường gieo mình xuống, lại úp mặt vào gối.

Nằm như thế một lúc, chàng vùng ngồi lên, lấy va li, bỏ sơ mi, bít tất vào, để lát nữa ra ga đáp tàu vô Huế.

*(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 277/1938;)*

*(In lại trong Phấn hương, tập truyện ngắn, Nxb Tân Dân, H., 1939)*

### **Chú thích**

[1] Dictée: chính tả (tiếng Pháp).

## Anh Gắng Nuôi Con

Cuộc đời Phương đều đặn như một cái đồng hồ tốt. Sáng anh dậy sớm đánh thức thằng nhỏ, giục nó quét nhà, đun nước. Còn anh ra cửa đứng đợi mẹ hàng xôi quen.

Mua xôi xong, thằng Hoa, đứa con trai lên năm tuổi cũng ở trên giường bò xuống đất. Phương bế nó lên nựng một lúc, rửa mặt cho nó và cho con ăn uống xong xuôi anh mới ăn sau. Rồi rất vội, anh trèo lên giường với lấy cái khăn lượt chụp lên đầu, mặc chiếc áo trắng dài hồ cứng cổ, xỏ chân vào đôi giày vải trắng đế cao su.

Trong khi ấy, thằng đây tó tóc đỏ như râu ngô, mặt búng như thị rưng, mà tai hại thay nó có sức ăn khỏe tựa hổ, đã ủ rũ đứng bên cạnh để nhắc anh chi tiền mua đậu phụ và rau muống.

Hôn con một chập nữa, căn dặn thằng nhỏ trông nom con kỹ càng, Phương dắt chiếc xe đạp tời ra ngoài ngõ. Đến đường nhựa, anh vén áo gài vào thắt lưng cho khỏi nát, nhảy lên yên, gò lưng đạp.

Tới sở, Phương cất xe đạp vào một xó, khóa cẩn thận. Anh cúi chào người chủ Tây đen rồi tiến đến dãy tủ kính, đứng nguyên một chỗ, nhìn ra ngoài cửa đợi khách vào hàng để tiếp.

Suốt buổi, Phương cố sức làm hết bốn phận một người làm công cho được lòng chủ. Hết giờ, anh lại dắt cái xe đạp tời ấy ra đường, vén áo gài vào thắt lưng cho khỏi nát, nhảy lên yên, gò lưng đạp... và lại theo những con đường cũ về nhà. Cứ đến cửa, thấy con là anh đã vui sướng ôm ngay lấy nó bế lên hôn, đặt nó lên vai, cù cho nó cười để anh cũng cười với nó.

Hoa nghịch bần, anh tức khắc tắm rửa cho con; quần áo lấm của nó anh giặt lấy. Bữa cơm, anh sẵn sóc cho nó ăn no rồi anh mới ăn sau. Cả buổi trưa, Phương ru cho con ngủ. Và trong khi nó ngủ, anh lại vội chụp cái khăn xếp lên đầu, lồng chiếc áo trắng dài vào cái mình còm cõi, rón rén bước để nó khỏi thức dậy, xuống bếp dắt xe đạp ra đường, cầm đầu đạp nhanh đến sở.

Buổi tối Phương nằm kể chuyện cổ tích cho con nghe, để nó mau buồn ngủ.

Và sáng hôm sau thức dậy, anh lại bắt đầu sống lại cái ngày hôm qua, hôm kia... Anh lại lo đầy đủ phận sự một người làm công, phận sự một người cha góa nuôi con dại, phận sự một người đàn ông sống lương thiện, hiền lành.

Bởi vậy, cuộc đời Phương đều đặn như một cái đồng hồ tốt.

Phương đạp từ từ cho xe chạy chậm trên con đường vắng. Nắng hè chiếu rất lừng, anh khát, ghéch chiếc xe đạp vào rìa hè, uống cốc nước đá hai xu rồi lại đạp. Anh đi phơi nắng như thế từ lúc một giờ trưa. Sự diên rồ ấy anh vẫn có mỗi lần bị những nỗi đau đớn thấm vào tâm hồn, mỗi lần bị những ý nghĩ chán đời thúc giục và xô đẩy đến gần một sợi dây thừng, một chén thuốc độc, một lưỡi dao.

Nỗi sầu khổ vì vợ cũng nguôi dần: người đàn bà ấy đã nằm yên dưới mộ rồi. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, nàng còn cầm tay anh dặn dò: “Anh gắng... nuôi... con”, và không lúc nào tâm trí anh không vang vọng lời dặn dò khắc khoải ấy. Bây giờ, anh chỉ biết có yêu con. Nó là lẽ sống của anh, cho nên, những khi con ốm, anh ôm chặt nó vào lòng và run sợ: Nếu nó làm sao... thì anh tự sát, vì không nó anh còn biết yêu thương ai trên cái cõi đời gớm ghiếc này!

Hôm nay, điều khiến anh buồn vẫn một duyên cớ này thôi: sự nghèo nàn, cùng túng quá đỗi. Nghĩ đến thằng bé vừa mếu máo vừa dặn anh ban nãy: “Ba nhớ mua cho Hoa quả bóng cao su đỏ nhé”, anh lại thở dài. Anh biết lúc này không thể mua cho con quả bóng cao su đỏ ấy. Có đắt lắm đâu! Nhưng than ôi, chẳng đã bao lần anh ăn cháo đấy sao? Hình ảnh con anh lại

hiện lên. Ban nãy thằng Hoa chạy sang nhà hàng xóm. Một lũ trẻ nhà giàu xúm nhau đá quả bóng cao su đỏ trên sân. Nó đứng nhìn một cách thèm thuồng. Quả bóng lăn tới chân nó. Nó vội nhặt lên xem thì bị một đứa trẻ hung ác đánh đuổi ra cửa. Chạy về, nó vất quả bóng mà anh quần bằng giẻ rách đi, khóc nức nở bá lấy cổ anh, đòi mua bóng cao su chứ không chơi bóng làm bằng giẻ nữa. Đau ruột, thương con, anh hẹn nó chiều mai sẽ mua một quả bóng cao su. Nhưng giết ai cho ra tiền được. Ở cái đất Hà Nội giữa lúc này, anh làm sao có thể liều cầm súng giả tổng tiền.

Phương đạp đến một phố Tây. Anh vẫn cúi đầu nhìn vòng bánh cao su từ từ quay, nghĩ ngợi xót xa.

Bỗng Phương giật nảy mình vì cánh tay anh vừa bị cái gì đập phải. Đó là quả bóng cao su lớn. Quả bóng bắn xuống rãnh nước, lăn mãi trước mặt anh, rồi lăn tọt vào miệng cống. Đạp nhanh qua miệng cống, anh để ý nhìn: quả bóng bị mấy chiếc lá bàng che kín.

Mừng rỡ, anh đạp đến đầu phố, dừng xe sau một cột đèn. Anh vờ đánh diêm châm mẩu thuốc lá để dành trong túi tự hôm qua, và liếc mắt nhìn trở lại. Anh thấy mấy đứa trẻ con Pháp đang ngơ ngác tìm quả bóng. Nhưng chúng chỉ tìm qua loa, không thấy, chúng chạy cả vào nhà.

Phương sướng quá, mỉm cười rồi đạp xe đi. Suốt buổi làm ở hiệu, anh bồn chồn nghĩ mãi đến quả bóng cao su nằm trong miệng cống. Anh băn khoăn lo rằng lũ trẻ con Pháp sẽ tìm thấy nó, hoặc anh phu quét đường, anh phu rác vô tình đưa nhát chổi vào...

Mong mãi mãi mới tới lúc thành phố lên đèn. Phương dắt xe đạp ra đường, chẳng kịp gài vạt áo vào thắt lưng cho khỏi nát, anh phóng đi vun vút.

Cái miệng cống đây rồi!

Nhưng anh không dám dừng xe lại. Anh đạp thẳng, mặt tái đi bởi anh thấy tính lương thiện của mình không thể dễ dàng biến ra cái liều lĩnh của một thằng ăn cắp. Đi hết phố, Phương quay trở lại. Tim anh đập mạnh hơn. Song anh hẹn cho mình lần này phải liều. Đến gần miệng cống, anh tạt xe

tới vỉa hè, toan xuống. Bỗng một tiếng còi xe hơi hét sau lưng. Phương giật nảy mình, đạp thẳng.

Anh hãm xe lại sau cột đèn, bực tức... Anh phải gọi lòng dũng cảm bằng cách nghĩ tới những vị đường quan ăn cắp tiền dân để làm giàu; những sự tàn nhẫn của các bậc đại thần... bóc lột cả tiền tài, trinh tiết của đàn bà, con gái để cung cho đục vọng chốc lát... còn anh, anh chỉ nhặt quả bóng cao su trong lỗ cống bẩn mà thôi! Đó không phải là tội lỗi mà là quyền của một người đi ngoài phố - không ai cấm nhặt vật gì nằm dưới gót giày.

Thế rồi, người đàn ông đã triết lý để có đủ năng lực ăn cắp, chặc lưỡi một cái ung dung đạp xe đến gần miệng cống; anh nhìn trước sau, nhìn xung quanh, sau cùng vờ hí mũi, cố ý đánh rơi chiếc khăn tay. Và tức thì, anh nháy xuống nhặt chiếc khăn, đồng thời bàn tay run bần bật thò vào miệng cống gạt mấy cái lá bàng sang bên, lôi quả bóng ra. Đoạn anh luống cuống trèo lên yên, ra sức đạp. Mắt anh hoa lên, mặt tái mét, mồ hôi chảy ròng ròng. Qua được vài phố, ngoắt ra đường bờ sông, nhờ luồng gió mát quạt vào người anh mới tỉnh. Quả bóng bám đầy nước cống bốc lên một mùi hôi hám, anh vẫn ôm chặt vào sát ngực.

Ngày chủ nhật, Phương xoay trần, chuyền bóng với con ở ngoài sân.

Quả bóng qua lại trước mắt anh, anh lại nhớ đến buổi chiều hôm ấy... Mặc dầu cách nay đã một tháng, và lý luận cách nào đi nữa, Phương vẫn đỏ mặt, đau đớn mỗi lần thấy con tươi cười ắp quả bóng cao su lên cái má trắng hồng phình phính, chạy tới nũng nịu: “Ba mua bóng ở đâu thế hả ba?” Bị con hỏi ngây thơ như thế, anh rầu mặt, cúi đầu nhìn bàn tay buổi chiều nọ bám đầy nước cống mà tới giờ lúc nào anh cũng còn ngửi thấy mùi hôi.

Phương bảo con cất bóng, rồi anh mặc áo, dắt nó lên vườn Bách thú.

Ở công viên này, vào ngày chủ nhật trẻ con Pháp chơi đông lắm.

Đi qua chỗ trẻ chơi đu, nó đứng lại nhìn một cách thèm thuồng con búp bê của một đứa con Tây đang ẵm.

Phương kéo nó, nó không chịu đi cứ ngây mặt ngắm con búp bê ấy mãi. “Ba mua cho con con búp bê đẹp như thế kia nhé! Ba mua nhé!...”



Phương nín lặng. Nó nhìn cha rồi mếu máo. Anh đưa con về, và từ đấy anh lại nảo lòng vì con búp bê mà anh biết rằng không bao giờ mua được.

Trưa hôm sau, Phương lại cùng chiếc xe đạp lang thang trên các con đường vắng dưới nắng hè. Mỗi mệ, anh ngồi xuống chiếc ghế xi măng bên hồ Hoàn Kiếm, rút khăn thấm mồ hôi. Anh nghĩ đến con lúc này đang ngoan ngoãn ngủ để mơ thấy con búp bê xinh đẹp anh hẹn chiều nay sẽ mua về. Phải đánh lừa con, anh khổ tâm lắm. Anh muốn khóc, khóc to lên. Anh hẳn học với tất cả mọi người, bởi vì mọi người, giữa lúc lòng anh khổ não thế lại nhớn như kiêu hãnh vì được sống, khiến anh ghen tị và tức tối. Xe hơi bóng nhoáng chạy vun vút trên đường, những tà áo lụa thấp thoáng sau những khóm liễu rủ tơ màn... Hoa gạo đỏ, hoa soan tây trắng nở rục trời bên kia bờ in bóng xuống mặt hồ xanh lặng sóng. Đời đẹp lắm, vậy mà anh cảm thấy mình không được sống giữa cuộc đời!

Mắt anh bỗng đỏ hoe. Một thiếu nữ đi qua nghiêng dù liếc trông anh, cười khúc khích với bạn tình. Xấu hổ, Phương vội đứng lên, nhìn đồng hồ nóc nhà Gò đa. Đến giờ rồi, Phương dắt xe đạp lên đường, tới hiệu.

Người chủ Tây đen tươi cười với anh và giơ tay cho anh bắt. Anh ngạc nhiên, trở mắt nhìn vẻ mặt hoan hỉ của chủ nhân và không hiểu tại sao cái bộ mặt tối như đêm ba mươi Tết lại có thể lòi ra cái cười hân hỷ ấy khen anh ít lâu nay làm việc tốt nên bán được nhiều hàng. Vậy mà, anh vẫn không có tiền mua cho con một thứ đồ chơi!

Sự bức tức, cái kính lại trỗi dậy trong lòng, Phương sầm mặt. Anh cảm thấy người ta lợi dụng anh, vắt mồ hôi sức lực của anh, để rồi thỉnh thoảng ban cho anh một nụ cười, một cái vỗ vai, làm như anh là một đứa trẻ con. Thực là vô lý.

Cơn phẫn uất tự nhiên phát sinh một cách mạnh mẽ, khiến Phương run lên. Anh muốn bóp cổ kẻ đã bóc lột anh, nếu không, ít nhất anh cũng phải làm một cái gì... Anh đứng thừ ra nghĩ... hai tay bám chặt vào thành ghế. Nhưng mắt anh nhìn thấy những viên cảnh sát qua lại ngoài đường, tưởng tượng một tay mật thám trong túi sẵn sàng sợi xích đang ung dung bách bộ

trên hè phố kia thì sự phẫn uất đó không dám đưa anh đến một hành động quyết liệt nào cả. Anh buông thõng hai tay xuống.

Một chiếc xe hơi vút đến sịch đỗ ngay trước cửa. Trên xe, một cô đầm xinh xắn, thò đầu ra nhìn vào trong hiệu. Tức thì, ông chủ anh ôm một bó hoa ra bước lên xe. Phương biết chủ đi Tam Đảo, ở cửa hàng chỉ còn anh và hai người làm công nữa. Nhưng họ đứng cách xa anh.

Anh đưa mắt nhìn cái tủ đựng đồ chơi của trẻ con.

Thốt nhiên, hình ảnh Hoa lại hiện ra, và một giọng ngây thơ nũng nịu văng đến tai: “Ba mua cho con con búp bê đẹp nhé!...”.

Vậy lúc này anh có thể mua cho nó con búp bê không phải mất tiền, chỉ cần mất đi một chút lương tâm, hủy đi một chút danh dự làm người. Không khó khăn gì, chỉ mất một giây để rình xem có ai để ý đến không - y như bữa nọ trước khi thò tay vào miệng cống moi quả bóng - thế rồi anh cứ việc nhắc ra con búp bê đẹp nhất. Phương quyết thi hành. Lần này tim anh không đập rộn bằng lần ăn cắp quả bóng cao su, và mặt anh cũng không tái lăm, tay chân anh cũng không run lăm. Người đàn ông lương thiện ấy đã đủ can đảm làm một thằng ăn cắp có nghệ thuật. Một phút sau, con búp bê đẹp nhất trong tủ kính đã nằm trong một xó kín, và năm phút sau nữa, Phương đã đem thoát nó ra đường, nhảy tót lên xe đạp.

Hoa chán quả bóng cao su và bỏ quên nó dưới gầm giường. Bây giờ, nó chỉ chơi với búp bê: “Ba mua búp bê ở đâu thế hả ba?” Mỗi lần con thơ hỏi thế, Phương lại rầu mặt. Anh khổ tâm lắm. Nhìn hai bàn tay mình, anh muốn khóc lên, muốn chặt nó đi: “Bàn tay này đã khoắm vào nước cống; bàn tay này đã thò vào tủ kính ngát mùi thơm, để ăn cắp những hai lần!”.

Hai lần ăn cắp trong một tháng, chỉ vì chiều một đứa con. Đã nhiều lần anh muốn bắt chước những người hàng ngày làm điều như bản tội lỗi mà không cần tự vấn, nhưng không được; anh vẫn bị sự hối hận đêm ngày day dứt, sự hổ thẹn làm cho đỏ mặt. Đã biết bao đêm không ngủ, buồn bã nằm ngấm đứa con thơ, bên tai anh lại văng vẳng lời người vợ dặn dò lúc lâm chung: “Anh gắng... nuôi... con”, nhưng anh muốn được nuôi con một

cách đàng hoàng trong sạch chứ không phải như thế này. Anh đấm ngực kêu lên.

Phương sống quằn quại như thế tự bốn hôm nay. Một buổi trưa, anh đang mặc áo đội khăn và ngấm con ngoan ngoãn ngủ, tay nó còn ôm chặt con búp bê và quả bóng cao su thì có tiếng giầy gõ lộp cộp ngoài cổng. Nhìn ra, Phương thấy lão Tây đen ở hiệu anh làm cùng một người nữa dựng xe đạp ngoài cửa, xồng xộc bước vào nhà.

Lão Tây đen giật lấy con búp bê và quả bóng ở tay Hoa, ngửa mặt cười một cách khoái trá, rồi bảo người kia khóa hai tay Phương lại, lôi đi. Phương không chống cự, ngánh cổ nhìn con, nước mắt trào ra.

Trong khi ấy, Hoa vẫn ngoan ngoãn ngủ say, hai cánh tay bị bấm vòng trước ngực như để giữ chặt lấy con búp bê yêu quý, mà nó tưởng không ai có quyền cướp được của nó.

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 222/1938)**

## Đất

Ông già Bút đắm mình trong ruộng nước với con trâu. Người và vật làm việc quần quật từ buổi ngọ. Nước trắng trải rộng đến chân trời. Những cột dây thép xi măng đứng chôn chân dưới nước, chạy một hàng xa tắp. Đôi chỗ, có một vài lùm cây nhô lên, như nổi bông bênh. Những bụi cỏ và những bụi liễng xanh phơ phất. Một hai chiếc cò bay đến đậu, không kêu một tiếng, mất bóng đi trên cánh đồng ngập nước vút hơi may.

- Vắt!... Hẹ!

Con trâu bước hụt vào chỗ trũng. Nước bùn bắn tóe lên. Con vật lắc sừng, phì, hực hặc. Nó đi mấy bước rồi đứng lại bướng bình. Tiếng con ghé kêu trên mặt đê cao xanh rờn cỏ non. Con mẹ ghéch mõm, vênh tai, mắt đỏ ngầu, lơ lảo.

- Vắt... vắt...

Con vật bị thúc giục lại nặng nề cất bước. Nước vẫn đục chầm ngang bụng nó. Chiếc cày chìm hẳn, cán chỉ thò lên một tí khỏi mặt nước. Ông Bút lừ lừ theo con vật như người đánh dặm theo lưới. Nửa mình ông nhô lên, hạ xuống, lắc lư tựa cái phao trên dòng sông có sóng.

- Vắt!...

Đầu con vật chúi xuống. Tiếng phì thêm mạnh, mũi cày vướng, nặng, có lúc không nhúc nhích.

- Khố! Mệt rồi, vừa đẻ ít ngày đã phải cày non.

Người thương vật, ông già Bút cũng thở phì phì, lấy sức lay cày, vướ nước bùn bám lên đầy râu tóc. Hai chân ông lặn mò, đờ đẫn tìm bờ ruộng,

tìm gò hổ, cho trâu lên chân đê. Mây mù. Cả ngày hôm ấy không có mặt trời, bóng tối xuống nhanh tưởng chừng trông thấy.

Ông Bút còn cách bờ đê một quãng. Con nghé đang gặm cỏ trên mặt đê, vừa kêu vừa chạy xuống đón mẹ. Một chiếc xe tay đi tới. Người phu lật đặt tránh con nghé, cúi kính, chửi mấy câu. Anh ta chửi con vật, chửi cả kẻ nào đi chặn mà không trông. Ông Bút ngẩng lên. Ông mở to đôi mắt lèm nhèm nhìn người ngồi trong xe, lẩm bẫm:

- Quái, ai như cậu tú nhà!

Ông bì bõm khê hất cái cày cho trâu đi nhanh. Xe trên đê cũng vừa vắn đến gần. Ông Bút không ngờ gì nữa, gọi rối rít:

- Cậu cả, cậu tú! Cậu mới về.

Thái bảo đỗ xe. Nhìn thấy người lão bộc già nua của gia đình anh làm lụng khó nhọc, anh thấy lòng nao nao buồn và thương xót. Nước ruộng bắn lên mặt ông Bút khô đi thành những mảng bùn lờ lờ đỏ chát loang lổ trên mở tóc hoa râu búi củ hành và bộ mặt đen bóng có cái trán hói, vết nhăn chẳng chịt, bộ râu cằm ngắn cụt.

- Khốn khổ, suốt tháng quanh năm nhem nhuốc vì ruộng đất.

Con trâu đã tới bờ. Khi nó cất được hai chân sau lên thì bùn và nước cũng bắn theo. Con nghé vừa xuống tới, chạy quanh mình mẹ, rúc ào bụng mẹ như lúc bú. Con mẹ phì phì hít hơi con, rồi ra sườn đê gặm cỏ nhai ràn rạt.

Ông già Bút mình trần đóng mảnh khố, đặt cày xuống đất, tươi cười:

- Lâu lắm cậu mới về.

Thái đáp:

- Về, buồn chết đi được. Vả có việc gì mà về.

Mặt ông Bút hơi tối lại. Thái biết ông đau đớn vì câu nói, tuy anh thực tình, nhưng ông, một người suốt cả một kiếp chỉ bám chặt lấy làng, lấy xóm ắt phải cho là tàn nhẫn. Nên anh nói lảng đi:

- Nước đã lên, lại mưa mãi...

Câu nói bỏ lửng không đâu. Anh trèo lên đê. Ông Bút gạt mấy con đĩa bám ở đùi mình và ở bụng con trâu, chắp tay đáp:

- Vâng, xin rước cậu về trước. Cháu ra sông tắm qua cho trâu rồi cháu về thổi cơm cậu xơi.

Thái hơi khó chịu về dáng điệu quá lễ phép của người đầy tớ già.

Ngồi lên xe, anh nghĩ đến ngày nào, mỗi lần anh theo ông cụ thân sinh về làng là họ hàng, gia nhân ra tận đây đón rước ra làm quan trọng lắm. Ai nhìn cậu con cụ lớn cũng tỏ vẻ kính cẩn, mặc dầu anh mới là cậu bé mười bốn tuổi, học ở tỉnh còn ăn quýt tiền quà và đánh nhau như giặc.

Thái đưa mắt nhìn chung quanh. Ruộng nước, cỏ cây, con đê chạy dài, cột dây thép sừng sững trên bến đò Tân Đệ. Cảnh vẫn như xưa. Thái mỉm cười, ngửa mặt hứng những hạt mưa bụi lúc bấy giờ bắt đầu bay trắng như sương chiều.

- Ờ, cảnh thì vẫn như xưa. May mà mình có thay đổi, nghĩa là mình đã ba mươi tuổi và bây giờ thì đưa con hoang trở về làng thui thui một mình với chiếc va li nát và đôi giày rách.

Nhìn xuống đôi giày, anh muốn cười to một tiếng. Nhưng ý nghĩ hoan lạc mà chua chát đó bị gạt đi vì tiếng động cơ của chiếc ô tô hàng chạy dưới con đường thuộc địa. Thái nhìn xuống. Cái ô tô sơn đỏ, bên sườn xe vẽ rồng vẽ phượng, chật ních người âm ỉ chạy đến. Trong xe sau lưng tài xế, có một thiếu nữ mặc áo tím, đeo kiềng vàng. Nhìn cái búi tóc trẻ tràng rơi xuống cái cổ trắng tròn thon thon, tuy xe chạy nhanh, Thái cũng nhận ra cô gái ngồi trên xe là con ông Bang tá Trịnh.

“Chờ ngày chúng nó lớn lên là ta cho chúng thành vợ thành chồng. Chỗ anh em mình, có con ta gả cho nhau...”.

Lời đính ước của ông thân sinh Thái với ông Bang, vụt trở lại tâm tưởng Thái. Anh mỉm cười:

- Thế mà chẳng nên duyên số gì.

Anh chắc lười:

- Càng hay! Và cũng may!

Nhưng bóng dáng một bàn tay nhỏ trắng muốt vịn ra ngoài thành xe còn mơ hồ hiện ra như con bướm trắng đang bay trước đôi mắt lim dim của Thái.

Khuôn mặt một người có bệnh lao bỗng làm rợn tối tâm hồn anh. Người bạn thân nhất, chơ vợ như anh ở cõi đời. Sáng hôm nay, anh vừa cầm tay chào bạn ở nhà thương Cống Vọng. Anh hẹn bạn về thăm quê ít ngày.

- Thưa cậu, cầu Ngải kia rồi.

Thái xuống xe. Anh có ý nhìn người phu. Thấy hai hố mắt sâu tím của anh ta giống hệt mắt bạn mình, Thái ngoảnh vội đi. Một cảm giác ghê lạnh chạy khắp da thịt Thái. Anh cho anh ta thêm tiền và xách va li vào trại.

\*\*\*

Không khí rộng rãi đượm mùi hoa lá, mùi đất ẩm, khiến Thái ngây ngất. Anh lắng nghe tiếng gió thềm thì xô động trong khu vườn tối. Tiếng sàng gạo ở gian nhà bếp nghe rào rào như mưa khuya.

Một ánh lửa le lói sáng, qua lại sau các gốc chanh, gốc bưởi.

Thái ngồi ở thềm nhà trên. Anh biết cô con gái ông Bút đang vừa làm gạo, vừa sửa soạn một bữa cháo khoai đái mình. Cô ta mới đâu chừng mười lăm, mười sáu tuổi. Da đen giòn, được cái đôi mắt sáng và khuôn mặt trái xoan, càng nhìn càng thấy duyên. Con bé mới ngày nào bé tí, thấy mình về là xin xu, thế mà bây giờ đã biết thẹn, biết trốn lẩn rồi.

- Cậu tú xơi cháo nhà quê nhé. Để cháu nấu một thứ cháo ngon lạ lắm.

Cô ta đánh bạo cười nói với anh như vậy và lúc này ngồi bên bể nước gọt vỏ khoai lang, cô ta đã làm đứt tay và cố để cho Thái trong nhà nhìn thấy ngón tay mình chảy máu.

Lúc này bàn tay đen đũi của cô gái quê mùa lại nhắc anh nhớ tới bàn tay cô gái con ông Bang. Con bướm trắng chập chờn trong bóng tối. Con bướm ấy giờ này đậu vào đâu, trên mớ tóc nào? Anh hình dung một cái mặt béo tròn, đôi lông mày rậm, cặp môi dày trong đêm tối đặt lên bàn tay ai, - như lúc này, đôi mắt anh, đôi mắt buồn thờ ơ tìm cái bóng xa mờ của con bướm trắng.

Thái bước ra vườn. Ánh lửa điều thuốc lá chấm một vệt đỏ lửng lơ và di động theo mỗi bước chân.

Bóng một đứa trẻ chập chững chạy reo, ngã vào cánh tay người mẹ đưa ra đón...

Vết chân đứa trẻ, rêu xanh năm tháng đã phủ kín đi rồi. Dư âm của ngày xưa cũ thềm thì trong tâm tưởng anh, xa lạ như luồng gió may.

Hai cánh tay ấm áp kia không bao giờ còn có nữa. Chỉ có những bàn tay hững hờ.

- Mời cậu tú vào xơi cháo cho nóng.

Que diêm lóe sáng lên châm điều thuốc khác. Cô con gái ông Bút tiến đến gần. Ánh lửa khiến cô nghiêng đầu và đôi mắt đen khẽ chớp. Thái quên châm thuốc. Anh nhìn cô gái dậy thì e thẹn. Bụi cám bám trắng tấm khăn vuông vải chéo go, dưới nếp khăn mấy sợi tóc rũ bơ phờ xuống khuôn mặt thơ ngây, trong sáng.

Ăn cháo xong, ông Bút cầm đèn đưa Thái vào buồng ngủ. Mùi ẩm hôi hám của căn buồng xông lên khó chịu. Anh ngồi xuống cái giường nan tre, hoang mang nhớ xưa kia bà mẹ đã sinh ra anh ở gian buồng này và ngày bị bệnh đã nằm chết ở đây. Kỉ niệm đến với anh, như vệt nắng tàn trong đám bụi mong manh xa vắng.

\*\*\*

Ông Bút hôm nay nghỉ cày, ở nhà cuốc đất vườn.

Thái dậy muộn. Suốt đêm qua rệp, muỗi đốt, anh chỉ chợp mắt hồi gần sáng.

Anh ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ. Ánh nắng nhạt yếu lọt qua lá cây hắt xuống cái mình đen trũi của ông Bút. Những nhát cuốc gieo mạnh, cánh tay ông Bút tuy già rồi mà vẫn nổi hằn bắp thịt. Ý định của anh, anh thấy sáng hôm nay cần phải ngỏ qua cho ông Bút biết. Anh chỉ còn ít ngày giờ, việc ấy xong rồi, anh sẽ lên Hà Nội ngay.

Anh ra bể rửa mặt rồi đến chỗ ông Bút đang cuốc, xới. Sự quả quyết trước người lão bộc trung thành đang đổ mồ hôi vì mảnh đất cha mẹ anh để



lại tự nhiên bị giảm đi. Anh thấy cái ý định ấy, với anh thì là thường, nhưng với ông già, tất ông cho là tàn nhẫn. Cha con ông Bút sẽ bơ vơ như chim mất tổ. Còn anh sẽ là một thân cây bật rễ, không bao giờ về đây nữa. Nhưng, dù sao, anh cũng thử dò xét ý ông Bút:

- Tôi về, là vì có chút việc...

Ông Bút vẫn cuốc, chỉ khẽ đáp:

- Dạ.

Thái nhìn thẳng vào mặt người đầy tớ già, giọng anh không khỏi run run vì cảm động:

- Tôi cần tiền làm việc ở tỉnh. Ý tôi muốn bán cả ruộng, cả nhà, đất này đi.

Lưỡi thép mòn ngập sâu dưới đất, ông Bút không lồi lên được nữa. Hai tay ông mềm nhũn đi, mắt ông mở to nhìn Thái:

- Cậu!

Thái làm ra thản nhiên:

- Lão quản Bính muốn mua lắm đấy. Ông đến nhà lão hỏi xem. Tôi cần xong ngay để tôi đi sớm.

Từ nãy, đôi mắt ông Bút vẫn nhìn vào một chỗ trống không. Con phần uất làm cho nét mặt ông quẫn quại. Những ngọn cau sai buồng, những cây bưởi, cây cam trĩu quả, cả một khu trại lá xanh reo sự sống. Chính ông đã gây sự sống cho cây cỏ, chính ông đã gây màu mỡ cho đất cát. Chính ông, từ hai mươi năm năm xưa, đã trần lực ra khai nhát cuốc đầu tiên để biến một khu đất cỏ mọc hoang thành một cái trại phì nhiêu, cây cối tươi tốt như bây giờ. Cái nhà gạch này, cũng chính ông đã cùng thợ đào móng đóng cọc, đã cùng thợ đặt gạch trát vôi xây lên nó. Gió táp, mưa sa mấy chục năm dư đã làm cho tòa nhà đổ nát ít nhiều. “Hai cụ lớn thì quy tiên rồi, cậu thì lang bạt kì hồ quanh năm suốt tháng. Thôi thì còn tôi, hai cụ phù hộ cho sống được ngày nào, tôi còn xin trông giữ lấy nơi tổ đường này cho trọn vẹn để đền ơn cụ thương tôi từ ngày nhỏ...” Ông Bút đã một lần khóc với Thái như vậy. Lần ấy, Thái đương theo học thi tú tài. Ông Bút nhớ hôm ấy, trời mưa bão, Thái ở tỉnh về bảo ông Bút đưa tiền. Ông đã vội vàng vét thóc

đem bán hết và phải bán cả mấy sào ruộng lẻ mới đủ số tiền Thái hỏi. Sau đó, mấy lần nữa, Thái lại về bảo cần tiền. Ông Bút lại bán thóc, bán ruộng đi. Ruộng thóc bán gấp vội, kẻ giàu ở làng được dịp bắt chẹt mua giá rẻ. Ông Bút mỗi lần đứng nhìn Thái kí văn tự lại nghẹn ngào, rưng rưng nước mắt. Ruộng thóc bán dần bán mòn, ông thấy như là bán tất cả mồ hôi, sức lực của ông đi. Từ một bông lúa lúc còn đòng đòng cho đến ngày gặt hái, từ một nụ hoa cho đến ngày thành quả, tất cả đều là mồ hôi ông, tất cả, tất cả! Của, bây giờ là phần Thái thừa hưởng hết, nhưng cái công lao cấy cày, trồng trọt, gìn giữ, ông không thể nào cứ để Thái coi là thường, bán lúc nào cũng được, bán đi cả, bán không còn gì nữa. Đất cát của Thái? Không, chính là của ông. Mồ hôi, đã đành rồi, nhưng cả linh hồn ông, từ mấy mươi năm nay, sống cùng với đất. Mồ hôi rỏ xuống theo từng nhát cuốc, luống cày. Linh hồn ông đã trộn lẫn vào lòng đất trong những ngày lo mưa, sợ nắng. Cho đến bây giờ, giữ đất cát cho cố chủ, tóc ông đã bạc đi rồi.

- Không. Không thể nào thế được! Cậu bán hết, bán hết, bán cả tổ đường đi, rồi thì biết thờ cúng ở đâu? Không, không, không. Tôi xin cậu, tôi lạy cậu, tôi lạy cậu!

Hai tay rời cán cuốc, người đầy tớ già ôm mặt khóc.

Thái thấy lòng đau thắt lại. Anh hiểu, anh đọc được hết ý nghĩ trong đôi mắt đỏ ngầu của ông Bút. Bản năng anh sáng suốt và tế nhị. Bản năng ấy, hơn nữa, lại đã chứa bao nhiêu giông bão, lửa và gai.

Thái nắm chặt cánh tay ông Bút. Môi anh run trong hơi thở mạnh:

- Ông Bút! Ông Bút!

Anh không thể nói gì thêm nữa. Cả khu trại yên tĩnh lạ thường, chỉ có tiếng động nhỏ của bầy gà con tha thân kêu ở các khóm cây, bóng lá ướt ẩm vì trận mưa đêm qua.

Bỗng ông Bút từ từ ngẩng lên. Mặt ông đỏ dần. Sự nhẫn nhục, sự khổ cực quen chịu của một tâm hồn quê mùa tăm tối lại khiến ông hối hận đã hỗn xược với chủ mình. Ông nắm lấy cán cuốc, nhìn chăm chăm vào luống đất đang cuốc dở.

Đất sét quánh, vẫn đỏ như tia máu. Máu! Mồ hôi! Mồ hôi!

Mắt ông càng đỏ thêm, trợn ngược. Răng ông nghiến chặt. Hai cánh tay giơ cao lên, thật cao lên. Lưỡi thép loáng nhanh trong ánh nắng. Lòng đất xé vỡ ra. Một tiếng “cạch” rất mạnh. Thái đang khoanh tay nhìn ra mặt ao, ngoảnh lại. Ông Bút ngồi thụp xuống, thò tay bới đất. Ông rít lên thảm hại:

- Cậu tú! Cậu tú!

Thái vội bước đến, ngơ ngác nhìn những mảnh nồi đất trong bàn tay người bố già.

- Nồi nhau của cậu! Cái đêm bà ở cũ cậu, bà đã sai cháu chôn nhau cậu ở đây. Thế mà... - Ông ngậm ngùi định nói: “Thế mà chả mấy chốc, bây giờ cậu đã ba mươi tuổi”.

Người thanh niên trở về làng, đứng trên mảnh đất của tổ tiên, cha mẹ, thấy lòng đau nhói như vừa bị chính lưỡi thép kia khơi xuống. Anh tưởng ông Bút định trách mắng anh: “Thế mà cậu nỡ bán cả mảnh đất cắt rốn chôn nhau của cậu. Cậu tàn nhẫn quá!”.

Ý nghĩ ấy khiến Thái bùi ngùi, khổ sở. Anh cúi nhặt những mảnh nồi đất vụn nát cầm lên mân mê và ngửi. Mùi đất. Mùi đất thơm, tưởng như lẫn cả mầm rễ một thứ cỏ gì quý hiếm. Thái hít một hơi sâu vào phổi. Một cảm giác mát rượi chạy lan trong mạch máu, rung động cả tâm hồn. Đầu anh cúi xuống, cúi xuống, đón mùi hương của đất. Giọng anh thầm thì, nóng hổi như giọng đứa trẻ thơ trong lòng người mẹ!

- Thôi, ông Bút ạ!

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 440/1942.)**

**(In lại trong *Cô gái làng Sơn Hạ*, Nxb Văn học, H., 1989)**

## Ai Giết Lão Phong Lô

Châu Yên Thạch nhận lên như đạo nọ vì đột nhiên từ đâu đưa đến những tin tức rợn người.

Nguyên do, lão già Phong Lô đêm qua bị giết, xác còn nằm trong buồng lão. Kẻ sát nhân dùng dao nhọn đâm thủng một bên phổi, máu ra rất ít. Lão già chết trong giấc ngủ, vì xác lão vẫn nằm thẳng cẳng, tỏ ra không chống cự gì với kẻ thù.

Viên tri châu, xét theo sự nghi ngờ của riêng ông, đã hạ lệnh xích người cháu lão Phong Lô, giam trong dinh, lấy cung rồi giải tỉnh.

Hung phạm là một gã trẻ tuổi, tên: Hoàng Chí Tuệ

Phố chính của châu Yên Thạch buôn bán sầm uất. Mười nóc nhà mới lần lượt ganh nhau được dựng lên do bọn khách trú khởi nghiệp bằng nghề tìm đất cát, chạy mả để mồ, còn thì do mấy ông chủ ruộng người Việt xuất thân bằng nghề phu phen đã bỏ nửa đời phó thác cho muối rừng, suối độc.

Ngày mà phố chính châu Yên Thạch xảy ra án mạng làm ngửa ngáy những cái miệng ốm yếu và nhợt nhạt vì ngã nước thì ve sầu kêu rộn rã, hoa núc nác đỏ như phun máu lên trời, ở những nương bát ngát bao chân núi thì lúa chín trĩu bông. Câu chuyện đổ máu ở miệng bọn này thực là sôi nổi.

- Đáng tiếc thằng cha Tuệ. Chẳng chịu làm ăn gì cả, chỉ nhờn như đàn sáo, đánh bạc, hát hồng, bê tha...

- Đã thế lại có máu hay ve gái. Cu cậu khỏe mạnh, đẹp trai mà lại!

- Cứ dài lưng ra mà ăn bám vào lão chú ruột. Có lẽ cu cậu nóng lòng thừa hưởng cái số ruộng ngon lành của lão nên giết lão đi cho sớm chứ gì. Đồ đại, ông lão Phong Lôì cô độc, có con cái gì đâu. Chú cháu sống nương vào cửa hàng áo quan ấy, lão chết đi, chẳng để cho hẵn thì còn để cho ai nữa.

Đó là dư luận của những cái miệng vốn xưa nay ghét Tuệ. Trong khi đó, những kẻ bênh vực Tuệ cũng cất tiếng cãi chính ồn ồn:

- Các bác nhầm. Sao không nhớ rằng từ khi anh ấy đến thì trẻ trong châu này đều được anh tận tâm dạy bảo, đứa nào cũng đã biết đọc nhật trình lau lấu. Các bác ghét anh ta, vì các bác không có con gởi học, vậy thôi! Còn như việc ve vãn trai gái thì có gì lạ khi một người con trai ba mươi tuổi chưa vợ con. Lại như đánh bạc, buồn như cái châu này những ngày mưa dầm gió bắc, không giờ trò tổ tôm, chẵn cạ với nhau thì còn biết làm gì. Các bác nhiech người ta lười nhác. Tôi không thấy anh ấy lười. Cứ hỏi cụ ký giấy thép mà xem, các bác sẽ biết anh ấy ngày nào cũng ra gửi về Hà Nội từng bó giấy. Cụ ký bảo anh ấy viết báo và được lĩnh mǎng đa luôn. Như tôi thấy, thì việc giết ông lão Phong Lôì rất đáng nghi ngờ. Này, này, các bác có còn nhớ vụ lúa ba giǎng năm ngoái, gã khách nghiện hàng xóm lão đã đánh nhau với lão vì công nợ, có đe trước mặt lão rằng: “Sang năm mǎy không nộp nốt ba mươi thúng nữa, mǎy sẽ biết tay ông...”. Tôi còn nhớ lắm, cho nên lúc nhìn xác lão, tôi vụt nghĩ ra ngay cuộc chửi nhau năm ngoái.

- Thôi, thôi, việc đời mǎc kệ việc đời. Im đi kéo mà vạ miệng!

Câu chuyện đến đó thì dứt quǎng. Người này lǎng lǎng bó lúa, kẻ kia vừa hát vừa đưa những nhát liềm soàn soạt.

Trong khi ấy, ở ngôi hàng sũ lão Phong Lôì, xác lão nằm cứng đờ, máu lão rỉ rĩ ra đất bò vào các khe cửa, ngấm xuống các đồng vỏ bào, mặt cửa. Ngoài cửa, những bộ mặt ngớ ngẩn, xanh xao vì sốt rét nhiều hơn vì sợ hãi, châu vào nhau mà bàn tán:

- Làm sao lại xảy ra thế được! Ông giáo lành như vậy, yêu trẻ như con, quý người rách rưới như ruột thịt. Ông giáo hết sức bênh vực kẻ ngu vì thất

học mà bị ức hiếp. Xem như việc bác cu Sơ bị mụ khách A Sén và con đi me Tây già cậy thế người trên mà bóp cổ bác, ép ký văn tự nợ rồi lại đánh xé bác. Anh giáo thấy thế đã ra tay che chở bác tại toà bên tỉnh.

- Nhưng, này bà Quán ơi, thế thì ai đã hành hung đánh chông tôi đến vỡ đầu hồi năm trước? Chẳng thằng giết người kia thì còn ai hở?

- Bác nhầm, bác Cử ạ, anh giáo bắt đắ dĩ đánh bác trai là vì bác trai đã mượn hơi men mà chửi anh giáo trước. Người ta là người học thức, nói bóng gió người ta đã biết rồi, huống chi mình là cái thằng gì ở đây mà dám cất miệng chửi bới người ta thậm tệ.

Giọng bà Quán gay gắt quá đến nỗi vợ bác cai Cử nổi hung to tiếng:

- À, bà bênh thằng giết người đó phỏng? Phải, chồng bà đổi đi thiên sơn vạn thủy, bà ở nhà buồn thì bà rồi miệng, bà bênh vực người ta. Chỉ sợ không bênh được mãi. Gái này biết hết...

Bà Quán mặt đỏ gay gắt, nháy chồm lên toan níu tóc mụ cai Cử, nhưng có người quát lớn:

- Quan đến, dẹp cả ra!

Quan tri châu là một người gày cao lênh khênh, dáng điệu ốm yếu. Tuổi chưa nhiều nhưng ông đã để râu cằm. Trời nóng thế mà ông cũng mặc áo the đủ cạp. Viên thư ký thì mặt dơi mồm chuột, mắt nhìn lăm lét. Cả hai cùng tiến thẳng đến nơi có án mạng, mặt uy nghiêm. Quan khám xét tử thi rồi sai điệu hung phạm vào dinh.

Sau đó, bọn đàn bà rời rã ai về nhà nấy. Bọn đàn ông ban nãy chưa xuống ruộng thì bây giờ vác liềm đi làm việc. Họ tản mát dần để rồi ngập cả mình vào những lớp sóng biển lúa vàng bát ngát.

Quan Châu Nguyễn lên đến dinh - một tòa nhà xây trên sườn núi - bắt đầu xử việc. Tên lính đồng, chính là người tóm được thủ phạm, đệ trình một con dao dính máu. Y khai rằng mờ sáng hôm đó, y qua nhà lão Phong Lô, thấy hung phạm có vẻ cuống quýt, toan rảo bước. Y hỏi hung phạm đi đâu và đêm qua ngủ ở đâu mà ra đường sớm thế. Hung phạm trả lời ắp úng.

- Bẩm quan, thoát tiên hãn khai là đêm qua uống rượu đánh cờ ở hiệu cao lâu chú Tổng Koóng. Con vắn rằng đánh cờ với ai, hãn không đáp

được, viện lễ say rượu quá không nhớ rõ. Con lại hỏi chú Tổng Koóng. Chú này nói hôm qua hẳn không đến hiệu. Bẩm, chiếu theo lễ đó, quyết hẳn đã giết lão Phong Lôi.

Ông Châu gật gù, tay mân mê con dao dính máu.

Cai Cừu, kẻ làm chứng, do mụ vợ đã dạy khai để báo thù giáo Tuệ, gãi tai khai: chính hẳn đã nghi khi thầy giáo Tuệ nói với nhiều người là rất mong lão ta chết để hưởng số ruộng kia.

Tay ông Châu vẫn không rời con dao. Tự nhiên ông thấy đầu nhức buốt. Tạng ông vốn yếu, nhức đầu sốt rét là thường lắm. Mọi khi ông vẫn làm việc được, nhưng hôm nay đầu ông nhức một cách quái lạ. Ông truyền dẫn Tuệ vào nhà giam. Ông bỏ con dao cùng tập hồ sơ vào tủ, tự tay khóa kỹ, rồi đứng dậy.

Bây giờ, một mình ông trong phòng riêng. Ông tiến về cửa sổ, mở rộng hai cánh ra cho sáng. Chung quanh là núi rừng, mây bay bát ngát. Nương lúa chín vàng rực một màu dưới nắng. Bọn thợ gặt đang thoăn thoắt đưa những lưỡi liềm bóng sáng, hát véo von.

Cảnh kia đối với ông đã bao nhiêu năm quen thuộc. Ông yêu đất cát, yêu mùa lúa chín và “thương” dân cần lao. Ngày còn là cậu học trò trường Bảo hộ, ông đã ngón nhiều sách. Ngày bắt đầu đi làm thừa phái, ông đã biết suy nghĩ nhiều về lớp người cần lao. Cho đến ngày thoát một cái, nhanh đến nỗi ông cũng giật mình, ông được trọng nhậm ở nơi rừng thiêng nước độc này, hàng ngày trông thấy những cái bụng ỏng mặt xanh vì thủy thổ, ông lại càng thấm thía những trang sách ông đã đọc và ông càng nghĩ cách làm thế nào cho dân đỡ khổ, đỡ đói, đỡ chết. Ông cho tu sửa lại phòng phát thuốc bổ thí, khuyên dân nên giữ vệ sinh. Việc đó có kết quả rõ ràng. Ruộng đất bỏ hoang, người Kinh lên đây thì ít, lại không đủ lực làm, người Thổ thì lười nhác. Ông khuyến khích người Kinh khai khẩn. Ngay năm đầu đã được mùa lúa tốt. Người Kinh càng kéo nhau lên làm ruộng, khai phá đất hoang. Người Thổ thấy vậy cũng ganh đua cày cấy. Thành ra mới năm sáu năm nay, nghề nông ở vùng này đã trở nên nghề chính. Ruộng tốt màu, phố xá phong quang, bán buôn sầm uất. Ông Sứ, ông Đồn đều khen ngợi ông

Châu có tài dạy dân, và dân cũng trọng ông như phụ mẫu. Thế đấy! Cái tiếng quan Châu hẳn cán nổi như cồn!

Vô tình, mắt ông nhìn về phía nhà giam. Hoàng Chí Tuệ nằm trong đó. Hung phạm đã bị ông sai xích. Người ngoài không một ai ngờ chính hung đồ là bạn học với ông từ ngày để chỏm.

Mẫn (tên ông tri châu) với Tuệ, ngày đi học xung khắc nhau, đánh chửi nhau không ngớt. Đôi trẻ không thể nào chơi với nhau được nửa ngày. Mẫn hồi ấy cũng khá khỏe. Nhưng Tuệ khỏe hơn. Đọc truyện Tàu, thấy Lý Nguyên Bá mang sư tử đá, Mẫn và Tuệ một hôm thách nhau nâng một tảng đá ở sân trường. Mẫn loay hoay, bị tảng đá đè dập bàn chân, phải nghỉ nhà nửa tháng. Tuệ nhắc bổng tảng đá lên đi ba vòng mà không mệt. Tiếng vỗ tay vang sân trường khiến Mẫn xấu hổ và Tuệ vinh vang hơn trước. Rồi đó, đá bóng hay chạy thi, Mẫn đều bị Tuệ chèn cho kỳ ngã. Mẫn đem lòng thù Tuệ. Nhưng câu chuyện sau này đã khiến Mẫn chuyển bại thành thắng. Mẫn thắng vẻ vang. Nguyên hồi đó, trước cửa trường có một cô gái bán bút giấy sách vở cho học trò. Tên cô là Kiều Mai, nhưng bọn học trò vẫn gọi là ả Kiều. Kiều đẹp lắm. Mẫn viết ba bức thư liền cho Kiều. Một sớm Kiều Mai cười với Mẫn và biếu không Mẫn một chiếc bút chì. Tuệ biết sự đó giận lắm, vì anh cũng yêu cô hàng sách. Nhưng Tuệ chưa kịp tỏ cái giận của mình thì sau một kỳ thi hai người chia hai lối. Tuệ đi ở tỉnh khác. Mẫn theo học trường Bảo hộ. Đôi bạn từ đấy không còn gặp mặt nhau.

\*\*\*

Ngày đôi bạn còn trở tài vác đá và chiếm đoạt một cặp mắt đong đưa cho đến ngày Tuệ vác va ly lên cái châu này, cách nay đã bảy năm trời. Tuệ vô tình chưa biết ông tri châu đây là bạn cũ. Đột nhiên anh đã thốt reo lên trước đôi mắt ngạc nhiên của một người mệnh phụ trong một canh chẵn cạ. Người mệnh phụ đó chính là nàng Kiều Mai năm nao.

- Bà tri châu đấy! Ô hay. Thế ra ông giáo Tuệ chưa biết à?

Tuệ lặng người, không đáp. Bà Quán Thụ vừa phát quân “nhất văn” vừa đưa con mắt sắc: “Dâng ông cô gái đẹp, ông ăn ngon nhé!”.



Tuệ bỏ quân “nhất văn” đáng lẽ vẫn vào chẵn, để nhìn cố nhân. Kiều Mai rầu mặt lại.

Đêm ấy trời đổ mưa. Mưa rừng nuôi sâu cho người lính thú và Tuệ bắt đầu mang tâm sự của người lính thú. Một người bạn giang hồ đã tặng anh gióng trúc dẫn tận đỉnh núi Côi Sơn nơi miền Trung để anh làm ống địch. Tuệ có tài thổi địch khiến cho ai cũng khâm phục, rung động tự đáy lòng huống hồ tấm lòng nhạy cảm của Kiều Mai đang rời rã trong canh mưa, lại gặp tiếng địch của người trẻ tuổi réo rắt đâu đó. Nàng khẽ nhấc đầu bên cánh tay chông, lén ra cửa sổ nhìn xuống con đường dốc núi. Lửa đèn trong các căn nhà lụp xụp dưới phố đã tắt, duy cái ánh lửa quen thuộc trong nhà hàng sũ còn le lói. Đêm nào, Kiều Mai cũng để ý đến ánh lửa kia. Người dưới núi vô tình không ngửa mặt trông lên sườn núi, chứ người trên núi vẫn hàng ngày trông xuống bóng một người tha thần trong các rặng cây, đồng ruộng, và bóng một cái đầu bù gục trên trang giấy cạnh những cỗ quan tài.

“Anh chàng hay nhỉ! Không hiểu đêm đêm viết lách gì bên những chiếc áo quan góm ghiếc kia?” - Nàng thắc mắc hỏi thăm.

Chiều hôm nay, nàng nhất định phải gặp Tuệ. Ngày mưa mà họp mặt nhau đánh bạc là một việc dễ dàng. Người ta đã họp ở nhà bà Quán Thụ, người đàn bà có chồng đi xa và có ý tình xa xôi với Tuệ. Nhưng Tuệ vốn dĩ thờ ơ với con người trắng gió đó.

Không hiểu do tình cờ hay định mệnh sắp đặt, vừa bước chân vào căn phòng đây hơi người và hơi bạc Kiều Mai đã trông thấy anh, nhưng anh không nom thấy nàng. Anh đang dựa tựa cửa sổ, nhìn về phía chân núi. Ánh chiều tà viền quanh mái tóc bông và tấm thân tao nhã cân đối của anh nom vừa thân quen, vừa xa lạ. Nàng chỉ nhìn rõ một bên mặt anh, bởi vì nửa kia quay ra ngoài ánh sáng. Trong nhà bà Quán Thụ lúc này người ta đang vui đầu vào chẵn cạ, tổ tôm nên chẳng ai để ý đến nàng. Nàng bồi hồi tiến tới chỗ Tuệ đứng. Nghe bước chân ai, Tuệ ngoảnh lại. Anh sững sờ, mắt mở to kinh ngạc, và anh bất giác đưa cả hai bàn tay mạnh mẽ ấm áp ra nắm lấy đôi bàn tay thon thả của nàng, mắt nhìn mắt. Anh đọc được trong đó nỗi xót thương dịu dàng, tình yêu, tấm lòng và tâm hồn của Kiều Mai.

Anh bỗng thấy mình như một gã học trò nghèo thuở xưa, bởi cái nhìn kia là cái nhìn của Kiều Mai khi nàng ngồi trong quán sách tuềnh toàng trước cửa trường, kín đáo nhìn theo anh. Bao nỗi lo âu, nghèo túng và chờ đợi nhọc nhằn lúc này đều như tiêu tan hết. Anh cảm thấy như có tiếng gọi của lòng nàng, và anh thềm được ngả đầu bên vai nàng để quên hết. Nàng bỗng xiết chặt tay anh, khẽ nói chỉ đủ anh nghe:

- Chiều mai, vào giờ này, tôi đợi anh bên rừng trúc ở cuối phố chính.

Rừng trúc là một trong những cảnh trí đẹp nhất của châu Yên Thành. Trong các loại rừng thì rừng thông và rừng trúc quả có cái cốt cách riêng của nó. Sau khi đi qua một quãng đường mọc toàn những cây núc nác hoa đỏ rực trời, vào đây thấy tôi tối, mát lạnh và dễ chịu. Tịch tịch vô cùng, tiếng lá rì rào, các thân trúc cọ vào nhau cọt kẹt và tiếng con chim chào mào rúc từng hồi dài đầu đây càng làm tăng vẻ đẹp cô liêu của núi rừng. Nàng đã đứng đó đợi tự bao giờ, khuôn mặt nàng nhợt nhạt, thẳng thốt.

- Từ hôm gặp lại, không lúc nào tôi không nghĩ đến anh.

Hai người ngồi xuống lớp lá trúc dày êm, màu vàng ươm, xung quanh là cả một rừng trúc vô tình tạo thành những bức rèm che chở cho họ. Bóng chiều bàng lảng buông mau. Họ đã nói với nhau những gì chính họ cũng không nhớ, nhưng chúng giúp họ chóng hiểu nhau. Mùi hương từ mái tóc và thân thể nàng khiến anh bối hồi bồi hồi. Anh xót xa cảm thương nàng và thương mình. Bỗng anh ghì chặt nàng vào lòng, áp đôi môi anh lên môi nàng, thì thào trước khuôn mặt thương yêu đó:

- Tôi cũng không lúc nào không nghĩ đến mình. Vĩnh biệt! Vĩnh biệt!

Anh đứng dậy. Rồi lặng lẽ quay đi. Kiều Mai đưa tay bưng lấy mặt. Nàng nghe thấy tiếng chân bước chậm chạp xa dần của anh, trong nhịp điệu của chúng có cái gì khiến nàng phải phát khóc.

Từ đó đêm đêm anh thường thối dịch trong những canh dài. Anh đứng tựa lưng vào một gốc cây, lấy lá làm ô, đem cả cái hơi bệnh tương tư ra thổi một khúc đoạn trường để gửi cho người bạn lòng. Quả vậy, Kiều Mai đã ngẩn ngơ, lòng rạo rực khi đêm đêm nàng rời khỏi cánh tay gầy của ông chồng ốm yếu. Đã nhiều đêm, tỉnh giấc không thấy vợ nằm bên, ông mò

mắm đi tìm. Và nhiều lần, ông đã bắt gặp nàng đứng ngoài thềm vọng nhìn xuống con đường dốc núi kia.

Tiếng địch tắt khi có mấy tiếng gà rừng vắng vắng. Nàng khép cửa sổ, tiến vào giường rồi ngả mình bên ông chồng đang vờ say giấc.

\*\*\*

- Không thể như thế được. Ta phải cương quyết trong vụ án này.

Ông tri châu quay đi, đập tay lên vầng trán cho tan hỏa. Ông rời khỏi khung cửa sổ, vào giường. Chân tay ông rời rã. Ông cố ngủ để đến chiều lấy cung thẳng bần sát nhân, với một mối thâm thù mà ông đang cố kìm nén.

Chiều, ông thét giải hung phạm đến. Ông đập tay chan chát xuống mặt bàn.

- Thế nào, đêm xảy ra án mạng mà ngủ ở nhà hay ở đâu?

Tuệ nhận ra bạn cũ, nhưng ở trường hợp này, anh thản nhiên vụt nhớ lại những cuộc xung đột với nhau ngày xưa, và anh cũng biết rằng không nên gây thơ nhắc người bạn giàu sang nhớ lại ngày y còn mang áo vải.

- Kia, tao hỏi đêm hôm ấy mà ngủ ở đâu? Mà có giết chú mà không?

Tuệ mím chặt môi. Anh yên lặng đến thành tê dại cả người.

- Đêm ấy mà ngủ đâu?

Tuệ bật lên như gào thét:

- Điều đó tôi không thể nào nói rõ được. Tôi chỉ có thể đáp rằng tôi đã ngủ ở một chỗ có giường màn, trên là trời dưới là đất. Còn giết người thì tuyệt không!

- Tại sao mà không thể nói rõ nơi mà ngủ?

- Tôi không thể. Thế thôi!

- Vậy thì mà sẽ bị đi đày, nếu không bị lên máy chém.

Thốt nhiên, Tuệ thấy rung mình. Anh nhớ đến những trang giấy anh đang viết dở dang, nhớ đến ánh mắt, những nụ hôn nồng nàn và vòng tay xiết chặt của Kiều Mai mới đêm nào, anh nhớ cả đến những đám mây, tiếng

chim, tiếng địch... cuộc đời. Cuộc đời đẹp lắm. Có lẽ nào anh vẫy tay rũ cả cuộc đời cao quý ấy trong giây phút ngậm miệng này.

Ông tri châu nhìn thẳng vào mặt Tuệ. Sự nhận xét thông minh cho ông biết ngay rằng kẻ tội nhân đang có một cơn chiến đấu cùng thiên năng, lý trí.

- Mày thú nhận đi. Con dao này chính của mày?

- Không phải. Con dao của tôi có khắc ở chuôi một chữ T.

Vừa nói, Tuệ vừa lặn tay vào túi tìm.

- Đâu, đưa xem con dao ấy?

Nhưng Tuệ không tìm thấy con dao trong túi áo. Bàn tay sững sờ buông thông xuống, anh thất vọng đến nhột cả mặt mày.

- Con dao đâu?

- Tôi đánh mất rồi.

- Vậy thì nó là con dao dính máu lão Phong Lôì mà ta cầm đây chứ gì. Mày khôn ngoan nhỉ!

Ông cười khanh khách. Tuệ thét to:

- Không phải con dao của tôi! Không đời nào tôi giết chú tôi! Vu khống! Tất cả các người đã cùng hùa nhau vu khống hãm hại ta!

Mắt Tuệ đỏ lên. Hai tay anh nhoài ra như muốn vò xé một vật gì. Anh càng gào thét và giẫm chân xuống đất. Ông tri châu truyền giam tội nhân.

Tội nhân đi rồi, ông lên gác. Đến đầu cầu thang, nghe thấy tiếng khóc sục sục, ông dừng chân lại. Người vợ biết là tiếng giầy chồng, vội nín. Ông lưỡng lự ở cầu thang, không biết nên lên hay lùi xuống. Chợt nhớ lại những đêm tình giấc không thấy vợ nằm bên, rồi bắt gặp nàng đang thẫn thờ nhìn về con đường mòn nơi dốc núi, rồi đêm hôm trước, tình giấc không thấy vợ hồi lâu, ông càng ngờ vợ tợn. Người đàn bà này xưa nay có khóc bao giờ. Nàng cười nói cả ngày, và dễ tính lắm nữa. Ở đâu thiếu chân bài, bên dinh triệu, nàng vui vẻ khoác áo đi ngay. Ông tri châu chiều vợ, không nói năng gì. Nhưng bà còn dễ tính đến mức ra ngoài đồng ruộng tát nước hộ dân cày hay tranh lấy liềm mà gặt lúa cho họ, nói cười với họ như bạn hữu thì ông

giận lắm. “Mình là người trên phải giữ giá người trên. Tôi không bằng lòng cho mình gần gũi chúng như thế”. Biết bao lần ông trách mắng nhưng bà vẫn tìm cách thân mật, gần gũi bọn áo rách như thường.

“Tại làm sao vợ mình khóc? Thôi thôi, còn nghi ngờ chi nữa!” - Viên tri châu bất giác như bừng tỉnh và hiểu ra tất cả. Một nỗi căm giận âm ỉ từ nhiều năm cũ nay bỗng thối bùng lên trong lòng ông. Ông dận mạnh giày, bước lên. Người vợ đã lau nước mắt và ra vẻ tươi vui:

- Chờ mình lâu quá, đói chết người. Thôi, ta đi ăn.

Ngồi vào bàn ăn, người chồng lầm lì. Bỗng ông bật lên nói:

- Thế nào, nó có vô tội không theo ý mình?

Người vợ làm bộ ngạc nhiên:

- Ai vô tội?

- Ai nữa, nếu không là thằng cha Tuệ, thằng giết chú đêm qua.

Nàng lẳng lặng cúi xuống, gẩy từng hạt cơm trong bát. Mái tóc nghiêng nghiêng, hai diềm mi vẽ thành đôi nét sắc đậm trên khuôn mặt thanh dịu như đóa nhài nở trong sương càng làm tăng vẻ đẹp của người đàn bà lòng đang nổi bão. Ông chồng ngấm vợ, nhưng vội quay đi ngay và nói vu vơ:

- Thằng gớm thế, giết cả chú ruột để mong chiếm của.

Bàn tay trắng muốt của người đàn bà gẩy mạnh một hạt thóc ra khăn bàn, nàng ngẩng phắt mặt lên, mắt sáng đến thành dữ tợn:

- Tôi bảo hãn oan. Sát nhân tất là kẻ khác mà mình mê muội không dò xét.

Người chồng bỏ đũa đứng lên cười nhạt:

- Tôi mà mê muội! Đời có kẻ mê muội mà không tự biết đó thôi.

Nói rồi ông sang buồng ngủ, bước rầm rầm. Người đàn bà lẳng lẽ trông theo, rồi đưa hai bàn tay nòn nà lên bưng mặt. Ngay chiều hôm đó, ông tri châu sai hai gã thuộc hạ thân tín và hung tợn nhất trong dinh tra tấn Tuệ đêm ngày, ông còn dặn chúng tìm mọi cách không cho anh ngủ suốt một tuần liền. Sau mỗi trận đòn thù, anh như chết đi sống lại. Ông cũng không quên cho người theo dõi vợ từng bước.

Trăng soi chéch vào cửa sổ. Ông tri châu mệt mỏi, nằm vật vã. Bỗng đầu ông nhức buốt. Bệnh nhức đầu lại hành hạ mỗi khi ông bị dẫn vật bởi một ý nghĩ gì nóng bỏng.

Ông mệt quá, đầu lênh sang bên gối, thiếp ngủ lúc nào không biết.

Trong lúc đó, Tuệ đau đớn quằn quại nơi nhà giam sau những trận đòn thù thừa sống thiếu chết. Anh mở to mắt nhìn bóng trăng soi quạnh quẽ ngoài song sắt. Tiếng thác đổ rừng xa lẫn tiếng cú kêu như tiếng ma hờn quỷ oán. Ông tri châu bỗng bừng thức dậy. Một ý định nảy ra. Ông vùng ngồi lên, xuống phòng làm việc, sai lính điệu cỗ Tuệ lên lập tức. Tuệ đứng trước ông Châu, hoang mang trong cơn mệt nhọc và đau đớn cùng cực.

Giọng ông rõ ràng:

- Anh nghĩ lại chưa? Anh thú thật đi, sẽ nhẹ tội.

Tuệ cúi xuống không đáp.

Ông tri châu mân mê con dao dính máu trên bàn. Giọng ông cất to hơn:

- Thực như thế đó. Anh đã đánh mất con dao của anh. Tôi đoán rằng anh đánh mất con dao ấy khi anh hẹn hò, gặp gỡ một người đàn bà nào. Nếu đúng thế thì người đàn bà mà anh đang hy sinh cho họ, sao không mang con dao ấy đến đây, con dao vô tội, con dao không dính máu, lại có khắc tên anh?... Ờ, nếu có con dao ấy thì anh thoát tội. Vậy, người ta đã phản bội anh, nếu quả có người đàn bà ấy thật.

Ông đặt mạnh con dao dính máu mà tên lính đồng đã đệ trình ông xuống bàn. Ánh thép dưới đèn lóe sáng.

Trong tâm trí rối loạn của Tuệ, vụt lóe lên ý nghĩ: “Bây giờ tất cả mọi người đều coi mình là kẻ sát nhân rồi. Ta phải nghĩ đến Kiều Mai, đừng để nàng bị liên lụy, bởi có lẽ nào nàng lại phản bội ta. Ta phải hy sinh mạng sống bé nhỏ của ta, không cần chối cãi”.

Không nhìn mặt người đang đổ dành mình nếu buộc tội mình, anh gào thét vô cùng liều lĩnh:

- Phải, ta giết! Chính ta giết!... chính ta...

Ông Châu mỉm cười bảo Tuệ ký vào tờ cung khai - bản án nặng sẽ là tử hình, nhẹ cũng tù đày biệt xứ, đang nằm dưới cặp mắt đầy độc ác, đầy tham vọng của người bạn cũ.

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy số 486/1943)**

## Lucie

Tôi mừng rỡ khi thấy Lucie trong vườn. Tôi vừa dựng xe đạp ngoài bờ rào chưa kịp gọi thì Nana, đứa con gái lên sáu tuổi của Lucie, thấy tôi vội reo lên. Tôi nhấc bổng Nana hôn vào má và vào tóc. Như mọi khi, Nana thọc tay vào túi áo tôi tìm kẹo. Nhưng lần này không có kẹo, mặt đứa bé xinh đẹp ngộ nghĩnh ấy xịu ngay đi.

Lucie đứng dậy mừng yêu con, rồi giơ tay cho tôi bắt.

Nhìn bàn tay người đàn bà thân yêu, tôi rầu mặt lại. Lucie chưa rút tay về, nhìn vào mắt tôi:

- Sao Hoài có vẻ buồn?

Tôi không dám hỏi. Tôi ngạc nhiên vì nhẫn cưới của chồng Lucie tặng Lucie năm xưa sao bữa nay không còn ở ngón tay Lucie nữa?

Không cần hỏi, tôi cũng đoán có lẽ Lucie đã bán mất rồi.

- Hoài, sao cứ buồn thế để tôi phải buồn lây...

- Không, có gì buồn đâu! Chỉ vì thấy tay Lucie nóng, tôi tưởng Lucie lại ốm.

Nàng cười phá lên:

- Ô, Hoài làm như mình là thầy thuốc ấy. - Và giọng nàng hạ thấp:

- Hoài ơi, sự thực thì lúc nào tôi chả ốm. Ốm cả tinh thần nữa kia.

Nàng và tôi cùng lặng im. Nana chạy tung tung đùa với cái bóng in dài trên mặt cỏ dưới nắng thu, đến đưa tôi giữ hộ con bướm, rồi lại chạy đi.

Lucie sững sốt vỗ vai tôi bảo:



- Chết chưa! Đứng mãi đây à! Mà Hoài cũng chưa vào xem nhà mới của tôi. Hãy thăm vườn đã.

Chúng tôi đi bên những luống hoa huệ, hoa yên chi, những cây huyết dụ, những khóm phù dung...

Tôi buồn tay ngắt một bông, rồi ngắt bông nữa, xé cánh vứt đi. Lucie trách:

- Đừng phí phạm thế. Đây là hoa của người nghèo. Họ thuê đất chủ nhà để trồng hoa đem ra chợ bán. Lucie bây giờ cũng là một người nghèo, nghèo hơn họ, cho nên Lucie phải thương người cùng cảnh. Đây này, vào mà coi, trong nhà lọ hoa vẫn bỏ không, tuy trước nhà có một vườn hoa tươi tốt.

Đây là một căn nhà gỗ hình như dựng đã khá lâu năm. Những đồ đạc sang trọng của Lucie, bây giờ chỉ còn sót lại cái giường, bộ bàn ăn, cái tủ áo nhỏ với một cây đàn guitare.

Cây đàn này, Lucie trân trọng giữ gìn, nó là vật kỉ niệm của người chồng hiện giờ ở Pháp, không bao giờ trở lại Đông Dương nữa. Nhưng có thể chẳng, một ngày kia, Lucie sẽ phải bán nốt cho người, vì sinh kế? Tôi đau đớn nhìn cây đàn treo dưới bức ảnh René. Người đàn ông ấy ở xa Lucie quá. “Xa” nghĩa là “chết” hẳn rồi. Còn mong gì người ấy trở về đây. Một lá thư cũng chẳng hòng nhận được nữa là!

Ngày René ra đi là một ngày thu. René hẹn trở lại Đông Dương ba năm sau, vậy mà năm hẹn quá bao nhiêu tháng ngày rồi! - Lucie đã mỗi tay bóc lịch và mỗi ngày, nàng bỏ một tờ lịch vào chiếc hộp sơn để thỉnh thoảng đem ra ngồi đếm rồi ôm Nana mà khóc.

Lucie đẩy tách cà phê đến trước mặt tôi, lơ đãng hỏi:

- Thế nào, Hoài?...

Lần nào gặp, Lucie cũng hỏi câu ấy bằng một giọng chán chường tuyệt vọng, vì nàng biết trước rằng để trả lời câu ấy, tôi đành chỉ lắc đầu. Lucie nhờ tôi đến nhà mấy người Pháp bạn René, hỏi thăm tin tức chồng nàng. Sở dĩ nàng không dám giao du với những người bạn chồng sang trọng ấy như

xưa là vì hiện giờ Lucie đã vận y phục An Nam và ở một cái nhà tồi; Lucie tránh mặt, sợ người ta khinh bỉ.

“Thế nào, Hoài?...” Lucie không bao giờ dám nói: “René hẳn đã có một người vợ ở Paris đẹp lắm, giàu lắm, có phải người ta đã nói với Hoài như thế rồi phải không? Hoài giấu tôi làm gì nữa!”

Ờ, sao Lucie chẳng hỏi tôi như thế, vì đó là tin có thực hoặc có thể đúng cơ mà! Tôi nghiệp, chỉ vì Lucie còn nhớ, còn yêu chồng quá, nàng sợ “sự thực” làm tan mất sự chờ mong mà nàng cần bám vào nó để sống, để tin rằng mình vẫn còn chồng.

- Tôi cho Hoài xem cái này nhé, có thể đoán trước là cái gì không?

Tôi chịu. Lucie đặt trước mặt tôi quyển Album.

Nàng ngồi cạnh tôi, giờ từng tờ. Đây là mấy tấm ảnh Lucie chụp với René trong những cuộc đi du lịch hầu khắp Đông Dương. Hồi ấy Lucie đẹp hơn bây giờ nhiều, ăn mặc như tất cả những người đàn bà Pháp giàu sang.

Tôi buồn rầu ngược mắt nhìn Lucie. Nàng đặt tay lên vai tôi, và má nàng áp má tôi nói khẽ:

- Hoài thương tôi lắm à? Cảm ơn. Nhưng tôi cũng không cần tiếc thời sung sướng ấy. Tôi chỉ tiếc có René. À, quyển nhật kí của tôi Hoài đọc xong rồi chứ, và nghĩ thế nào?

- Tôi thấy Lucie yêu René lắm.

Lucie thở dài:

- Có lẽ tôi không thể yêu ai hơn người ấy được đâu, Hoài ạ.

Lòng tôi bỗng bị một cái gì bóp chặt, như là một sự hờn ghen. Tôi cúi xuống để Lucie khỏi đọc thấy cảm giác của tôi.

Tôi gấp quyển Album lại, kính cẩn đặt lên tay nàng.

Lucie vô tình không biết lòng tôi, nàng đỡ lấy bỏ vào tủ, rồi quay lại mỉm cười:

- Còn việc học đàn nữa chứ? Trong tuần lễ này, Hoài tấn tới khá nhiều.

Tôi đỡ cây đàn xuống, gảy một bản mà Lucie dạy buổi đầu.

Bản đàn buồn quá. Tôi trút cả lòng đau, tình đau vào mấy đường tơ. Lucie nhìn tôi, mắt hoe hoe đỏ.

Lucie! Em khóc thương tôi, hay là khóc thương kẻ phượng trời nào?

Nhưng dù sao lòng tôi cũng hả hê vì tôi đã làm cho người đàn bà xinh đẹp tuyệt vời kia phải khóc.

\*\*\*

Ra đường, tôi hối hận ngay. Sao Lucie đang sầu khổ lại nở khiến nàng sầu khổ nữa, để làm gì?

Tôi đạp xe thẳng lên phía Hồ Tây. Gió chiều hơi lạnh. Một mảnh buồm trắng đứng yên trên mặt nước, xa hơn nữa, trên đường Cổ Ngư, những chòm cây quỳên hơi sương mờ như những nét mực nhòa, thấp thoáng bóng vài con ngựa trắng.

Tôi ngồi xuống mặt cỏ, nghĩ về Lucie. Tôi ước ao lúc này Lucie đi bách bộ qua đây như mọi buổi chiều để tôi được ngó lòng, tôi khóc như một đứa trẻ còn thơ. Lucie sẽ vỗ về tôi, làm như lúc Nana khóc.

Trời tối dần. Tôi nhảy lên xe đạp, lại qua nhà Lucie. Dừng xe ở ngoài giậu, nhìn vào thấy Lucie đang dạy con học trên thềm. Dưới ánh sáng cây đèn dầu nhỏ, trong cái khung cảnh quá nghèo nàn, Lucie đẹp nào nùng như một thiếu phụ ở nhà tu kín. Những ý nghĩ đại đột bị chìm ngay, nhường chỗ cho sự kính trọng, sự thân yêu như buổi đầu tôi sẵn có đối với người đàn bà hơn tuổi ấy, - tôi vội vàng lên xe, đạp miết vào bóng tối.

Một tuần lễ, tôi chưa dám đến nhà Lucie. Bởi tôi hổ thẹn vì những cuồng vọng ở trong lòng. Nhất định tôi phải chờ cho nó mất hẳn đi, tôi phải chờ cho lòng tôi bình tĩnh, tâm tôi trong sáng. Ngày nào cũng dậy sớm, tôi cầm quyển kinh đến nhà thờ.

Các bạn học cùng trọ tưởng tôi sẽ thành một kẻ tử vì đạo, vì trong những ngày ấy, tôi sốt dữ lắm.

Một hôm, đi học về, một bạn đưa tôi một phong thư.

Thư của Lucie! Nàng bảo tôi năng đến, kéo bỏ dở việc học đàn; kéo Nana nhớ, nhắc luôn.

Chỉ có vài dòng. Tôi thèm đọc nhiều kia, nhất là chữ của Lucie. Nhưng thế cũng đủ rồi, hơn không. Nana nhớ tôi ư? Sao không là Lucie, cho tôi nhảy lên vì mừng.

Hôm sau, tôi mới vào đến vườn, Nana đã reo lên, chạy ra hỏi kẹo. Lucie thì ngồi dưới gốc lựu sưởi nắng hanh đọc sách, quay lưng ra, không nhúc nhích.

Tôi tê tái muốn trở về, nhưng không hiểu sao chân tôi vẫn tiến lên. Khi cái bóng tôi in trên mặt cỏ trước mặt Lucie, nàng mới bỏ sách xuống đưa tay cho tôi bắt. Tôi nhận thấy những ngón tay nàng bóp chặt lấy tay tôi, chặt hơn mọi bận. Tôi còn nhận thấy mắt nàng sáng hơn thường, nhìn tôi ngụ bao lời trách móc.

- Hoài chăm học quá, quên cả đàn, quên cả em bé Nana.

Nana cũng bắt chước mẹ nũng nịu nhắc theo câu ấy, rồi chạy ra vườn.

Tôi muốn thú ngay với Lucie rằng trong tuần lễ đó, tôi không học được một chữ nào chỉ vì tôi khổ về Lucie, rằng tôi sợ hãi mỗi tình ở lòng tôi đối với Lucie, và tôi đã kêu cầu đấng Chúa Trời như một người trọng tội. Vậy mà Lucie có biết cho đâu!

Nhưng khốn nạn! Tôi không có can đảm ấy. Tôi chỉ trân trân nhìn Lucie, rồi cúi đầu lặng im.

Lucie bày mấy quả cam ra bàn, ngồi cạnh tôi, cầm dao cắt. Vô ý, lưỡi dao sắc chạm phải ngón tay. Lucie rú lên, nhăn mặt lại. Tôi vội cầm ngón tay nàng, đưa vào miệng hút cho sạch máu. Lucie ngạc nhiên. Tôi xé một miếng mùi soa lụa trên túi áo tôi buộc vào chỗ đau của Lucie và nói:

- Làm như thế thì máu mới cầm lại được. Nếu không nó còn chảy mãi.

Lucie rầu mặt nhìn ngón tay đau, rồi nhìn tôi bảo:

- Hoài nhổ máu ra, ngậm mãi trong miệng thế à?

Tôi lấy thuốc lá hút, trả lời:

- Tôi đã nuốt máu của Lucie vào bụng rồi. Những giọt máu ấy sẽ vào tim tôi, trộn với máu tôi. Bây giờ Lucie có bắt tôi nhổ ra cũng không được đâu Lucie ạ!

Nàng kéo tôi đến sát ngực nàng, rồi gục vào vai tôi mà khóc.

Tôi sung sướng lặng yên nghe những tiếng nước nở từ một trái tim đã bắt đầu đập vì mối tình tôi; tôi lặng yên nghe những giọt lệ trong cặp mắt đen kia đã bắt đầu cho bóng tôi in vào đấy, nằm ở đấy.

Tôi vuốt tóc Lucie, vỗ về:

- Đừng khóc nữa... Đừng khóc nữa...

Và tôi đặt môi lên tóc nàng, nói rất khẽ, rất dịu như tiếng nhũ thằm say sưa:

- Hoài cảm ơn Lucie đã thấu lòng Hoài...

Lucie ngẩng đầu lên:

- Hoài ạ, Hoài đã khiến Lucie sức nhớ đến René yêu quý của Lucie..., vì cũng đã có một lần, chồng Lucie cũng hút máu ở tay Lucie như Hoài vừa làm lúc nãy..., và cũng nói như Hoài rằng: “Máu ấy sẽ trộn vào tim René mãi mãi”, - vậy mà tình của chúng tôi, Hoài biết đấy, nay còn có nghĩa lí gì đâu!

Người tôi chết lặng đi. Tôi bị bẽ bàng. Tôi hờn giận Lucie hơn là thương hại.

Nana ở ngoài vườn chạy vào trèo lên ghế, gài lên ve áo tôi bông hồng. Tôi cúi hôn trán Nana rồi cáo từ Lucie.

\*\*\*

Hôm nay tiết trời lạnh quá, lạnh thế này mà mẹ con Lucie ở một căn nhà trống trải ngay hồ thì chịu làm sao!

Tôi tung chăn ngồi dậy nhìn ra vườn, rồi mặc áo quần định đến với Lucie.

Vừa xuống hết cầu thang thì người phu trạm đến đưa tôi một phong thư. Tôi mừng cuống quýt vì biết ngay đó là thư của bà nội tôi ở Huế. Trong đó có một tấm mandat và một bức thư đầy những lời khuyên răn tôi về việc học. Không có một lời trách móc của người. Tôi cứ yên trí thế nào cũng bị người thống mạ, vì người phí tổn về tôi nhiều quá: tôi gửi thư luôn luôn để tống tiền, mà kì thi Tú tài vừa rồi, tôi lại rớt, rớt những hai lần.

Tôi chạy thẳng ra nhà bưu điện, rồi vào Gô Đa mua làm quà tặng Lucie vài đồ mỹ phẩm, mua cho Nana chục cuốn len, mấy thứ đồ chơi. Lần này, mới tới cửa, tôi đã lớn tiếng gọi:

- Nana!

Cô bé xinh xắn chạy đến tôi, nhẹ như con bướm. Nana đỡ gói nặng trên tay tôi, hí hửng vào nhà, gọi mẹ. Lucie nằm trên giường. Tôi đứng sững ngoài thềm. Nàng vẫy tôi. Tay tôi bị cóng lạnh, không dám bắt tay Lucie, nhưng nàng cầm tay tôi kéo ngồi bên gối. Mắt Lucie thâm quầng và không còn sáng nữa. Môi khô và hơi thở phào phào. Nàng ồm từ tối qua.

Tôi đứng lên chạy ra vườn xách xe đạp phóng nhanh đi tìm một bác sĩ. Một giờ sau, bác sĩ đến xem bệnh, tiêm cho nàng. Tôi trả tiền bác sĩ, rồi mang đơn đến nhà bào chế. Đem thuốc về, dọc đường bị mưa ướt hết, người tôi run như chiếc lá. Lucie cảm động, khóc và vuốt tay tôi:

- Hoài thương tôi lắm, không bao giờ tôi quên được lòng tốt của Hoài... nhưng số tiền ấy có lẽ cần cho việc học của Hoài...

Không muốn Lucie áy náy về việc tiền, tôi gạt đi, kê cốc thuốc vào miệng Lucie.

Suốt ba ngày tôi nghỉ học, ở liền ngay nhà Lucie để trông nom Nana trong khi người mẹ ốm. Tối, tôi bắc chiếc ghế vải ra ngoài thềm nằm ngủ, đắp bằng chiếc pardessus.

Lucie đau đớn thấy tôi bị lạnh, nhưng cả nhà chỉ có một chiếc chăn..., mà đắp chung thì không tiện, cho nên suốt đêm tôi co quắp không sao nhắm mắt, - thỉnh thoảng Lucie gọi tôi xem đã ngủ chưa. Tôi nén lòng vờ ngáy, thực ra khi ấy tôi đang hoang mang nghĩ đến Lucie, và lắng nghe tiếng gió lạnh reo vun vút cùng tiếng sóng đêm vỗ mạnh ngoài hồ.

\*\*\*

Bệnh Lucie đã đỡ. Nàng gượng ngồi đan áo cho Nana kéo trời mỗi ngày mỗi rét mà Nana không còn áo gì mặc thêm cho ấm. Nàng đối với tôi ân cần hơn trước, và giục tôi về đi học. Nhưng món tiền bà tôi gửi, tôi đã tiêu hết vào việc mua đồ tặng và thuốc thang cho Lucie, lấy đâu để trả tiền trọ và học phí. Tôi đành cáo ốm xin nghỉ học hết tháng ấy. Không có một trinh

trong túi, một hôm, tôi liều gói chiếc pardessus, một bộ đồ nỉ đến nhà Vạn Bảo cầm.

Không nhằm ngày nghỉ, tôi không dám đến Lucie, sợ nàng biết tôi nghỉ học. Hàng ngày, tôi vào thư viện đọc sách, ngồi cho hết giờ lại về gác trọ. Có hôm, buồn quá, tôi vào vườn Bách Thảo, ngồi tần mẩn nhổ râu bằng hai đồng trinh. Những ngày ấy, ở công viên này không có ai, trừ người gác. Mỗi lần nghe tiếng vợ kêu, tôi buồn có thể khóc lên. Trời rét quá, áo pardessus cầm cố mất rồi, vận bộ đồ mỏng mảnh nên mặt tôi xanh xám. Thế rồi một buổi tối về quán trọ, tôi thấy ngực đau rức và ho. Lucie ơi, em có biết rằng tôi khổ vì em lắm đó không? Không! Không bao giờ em biết được tôi lang thang vất vưởng hàng ngày như thế trong khi em ngồi đan áo ấm cho con, lòng mong mỗi một người đàn ông khác ở dưới trời sương tuyết, xa cách em muôn ngàn dặm trùng dương, - xa xôi quá, vậy mà em vẫn nhớ, vẫn mong - còn tôi, ở gần em, em có nghĩ đến bao giờ!

Chờ mãi mới tới ngày chủ nhật. Tôi mượn tạm bạn một bộ đồ rét, hăm hở đến Lucie. Hôm nay trời hửng nắng. Khu vườn hoa trước nhà Lucie như rắc phấn vàng. Hình như đã đoán thế nào tôi cũng đến, Lucie đứng đợi sẵn ngoài thềm.

Thấy tôi, Lucie vui vẻ ra cửa đón. Mới vào nhà, tôi đã thấy trên bàn ăn bày sẵn vài món điểm tâm. Nana rồi rít khoe áo len mới, rồi ngoan ngoãn ngồi cạnh tôi.

Sau bữa lót lòng vui vẻ, Lucie mở tủ lấy ra chiếc foulard quàng vào cổ tôi:

- Len Hoài mua, đan áo cho Nana không hết, vậy tôi đan cái này tặng lại Hoài.

Cái khăn len ấm quá! Có lẽ suốt mùa đông, tôi không cần chuộc lại những áo quần ở nhà Vạn Bảo. Chỉ một chiếc khăn len này, chiếc khăn len do bàn tay ngọc ngà của Lucie đan cũng đủ sưởi ấm trái tim tôi.

Hôm nay, Lucie dạy tôi một bản đàn mới nữa. Lucie bảo rằng: “Bản đàn này, ngày xưa René đã gảy tôi nghe trên một boong tàu chạy giữa trùng

dương trong thời trăng mật. Đêm ấy, trời đầy ánh sao, biển đầy ánh trăng...”

Lucie nức nở, cây đàn rơi xuống mặt thềm. Tôi vội cầm lên: hai đường gỗ nứt chạy ngang cung. Lucie bưng mặt khóc. Tôi đau đớn hơn Lucie nhiều, nhưng than ôi, tôi chỉ đành khóc ở lòng tôi thôi.

Túng tiền quá, tôi đã xoay xỏa như một người nghiện ngập đê hèn. Thật vậy, tối hôm nay vét va li không còn gì để sáng mai đem lên nhà Vạn Bảo, tôi phải lục tủ sách lấy mấy quyển đem đến một hiệu mua sách cũ ở Bồ Hồ bán. Bán xong, tôi đi lang thang qua các phố, vừa ồm xác thịt vừa đau cả linh hồn. Qua một tiệm khiêu vũ, tiếng âm nhạc đưa ra khiến lòng tôi rạo rức và tôi nghĩ ngay đến một chỗ ngồi ấm cúng ở góc phòng, trước mặt một cốc rượu mạnh sẽ làm cho da thịt cóng lạnh của tôi được nóng lên.

Phòng khiêu vũ nhuộm màu hồng, một vũ nữ quen nhìn tôi nháy mắt. Tôi đứng dậy, ả giơ tay để tôi ôm. ả nhai kẹo luôn mồm, cười rú như yêu tinh. Tôi khó chịu mong cho hết bài nhạc ấy.

Chợt có một bóng người in ngoài gương kính. Cánh cửa mở ra, người ấy hiện rõ ràng.

- Lucie!

Tôi bỏ vũ nữ bước ra quên xin lỗi.

Lucie nhìn tôi với vẻ căm hờn, rồi xăm xăm tiến ra ngoài cửa. Tôi vội gọi bồi trả tiền rượu, đoạn chạy theo sau:

- Lucie! Tại sao lại đến chỗ này đang khi trời mưa gió?

Nàng tưởng tôi ngờ vực nàng đi chơi, nên nàng đứng lại quắc mắt nhìn tôi:

- Tôi đi tìm Hoài! Tôi không bằng lòng cho Hoài trác táng! Hoài sẽ ốm, tôi sẽ đau khổ vì Hoài... Hoài có biết tôi bỏ con ở nhà để đến nhà trọ tìm Hoài, rồi lại dầm mưa đi gần khắp tỉnh, ướt cả áo thế này đây!

Tôi nắm chặt tay Lucie, mắt sáng lên. A! Tôi đã được Lucie yêu, bởi nàng đã ghen. Bảo rằng không, thì công đâu Lucie đi tìm tôi như thế. Mới



có ba ngày, sợ phải trông thấy hai vết nứt của cây đàn, tôi không tới Lucie. Mới có ba ngày, Lucie đã nhớ tôi đến thế kia ư?

Tôi van lơn xin lỗi Lucie, thiết tha an ủi Lucie. Chúng tôi khoác tay nhau đi dưới trời mưa lạnh. Giọt mưa trên cành cây rơi xuống, tôi ngửa mặt mà đón lấy. Tôi bước nhẹ nhẹ, không dám nói to, sợ nỗi vui ở lòng tôi sẽ vì một tiếng động nhỏ mà bay mất.

Men rượu lúc này đã đủ làm người tôi nóng rực, lại thêm hơi ấm ở mình Lucie.

Đến cửa, Lucie bảo tôi trở về nhà trọ. Tôi muốn nài Lucie cho tôi được phép vào nằm co quắp trên chiếc ghế vải ngoài thềm lạnh như hôm nàng ốm, nhưng nàng buồn bã ôm lấy tôi, ngửa môi cho tôi hôn, rồi đẩy tôi ra, vội gài cửa lại.

\*\*\*

Noel.

Ngày hôm ấy, tôi đi bán mấy quyển sách nữa, lấy tiền mua đồ chơi, bánh kẹo và một chai rượu, rồi đến với Lucie.

Nana vui thích, bá cổ tôi hôn từ ngoài cửa.

Muốn Nana mừng, tôi chặt một cây nhỏ, trồng vào cái chậu đất đặt giữa nhà. Tôi lấy giấy trang kim dán vào các cành, các lá, làm đèn xếp treo tứ phía, và buộc kẹo bánh và những con búp bê vào nữa. Đó là cây Noel.

Nana hí hờn chạy nhảy chung quanh cây, reo hát. Tôi mang đàn ra đánh một bài vui, cùng hát với Nana. Lucie thắp nến trước tượng Đức Bà. Rồi nàng mở rượu, kê cốc tận môi tôi. Đến đêm, chờ Nana ngủ say, chúng tôi ra đường, đi bộ đến nhà thờ Cửa Bắc. Tôi chìa cánh tay cho nàng khoác. Hai chiếc bóng âm thầm đi dưới trời sương. Buổi lễ tan, tôi đưa Lucie trở lại nhà. Đứng sau cánh cửa, Lucie giơ tay cho tôi bắt.

Tại sao thế nhỉ!

Tôi không thể hiểu lòng Lucie.

Tôi quay đi, nhưng đứng nấp vào xó tối. Chờ khi đèn trong nhà nàng đã tắt, tôi trở lại, nhảy qua bức rào găng thép, vào vườn.

Tôi trốn sau một bụi cây. Tim tôi đập thình thình, nhưng vẫn lắng tai nghe ngóng. Tiến lên, tôi không có can đảm, mà lui ra thì hình như chân tôi bị chôn xuống đất rồi.

Bỗng có tiếng người, rất khẽ:

- Hoài!

Tiếng của Lucie. Tôi đứng phắt ngay lên. Nàng đứng đầu thềm, vẫy tôi tiến lại gần:

- Biết trước mà! Thế nào lần này Hoài cũng nấp ở đây. Khổ chưa! Tôi muốn nén lòng tôi, tôi muốn cố lãnh đạm với Hoài mà không được! Hoài cứ nhất định ép tôi phạm lỗi với chồng, với con. Lạy Chúa, Chúa rửa tội cho con! Lại đây, Hoài! Lại đây, Hoài!

\*\*\*

Hoài thân ái của tôi,

Thế là hết rồi, Hoài ạ. Sao Hoài cứ đòi hỏi ở người đàn bà đau khổ này nhiều quá thế. Sao chúng ta không cầm lòng để làm đôi bạn trọn đời thương nhau?

Tôi cũng không dám trách Hoài, vì Hoài đang độ có một trái tim đầy yêu thương, ham muốn, Hoài có đủ ngông cuồng để làm hại bất cứ một người đàn bà yếu đuối nào mà Hoài bắt gặp ở chợ đời...

Tôi cũng không hối hận vì đã để Hoài chinh phục. Xin Thượng Đế tha thứ cho tôi và người đàn ông ở cõi trời xa kia tha thứ cho tôi, bởi vì bao giờ tôi cũng chỉ là một kẻ đàn bà!

Xin vĩnh biệt Hoài sau khi viết bức thư này. Tôi đã vào nhà tu, Nana thì đã được bà Sơ nuôi dưỡng. Hoài đừng nghĩ gì về tôi nữa, Hoài nên gắng công mà học, như thế tức là Hoài vẫn yêu tôi. Tôi tin rằng sau này Nana và Hoài sẽ còn gặp nhau. Ngày ấy, tôi tin chắc Hoài sẽ chữa già.

Hôn Hoài và vĩnh quyết

LUCIE

**(In trong *Phấn hương*, Nxb Tân Dân, H., 1939.)**

**(In lại trong *Truyện ngắn và Ký*, Nxb Hội nhà văn, H., 2001)**

## Những Hình Bóng Cũ

T ruyện viết một ngày trừ tịch

Năm đang tàn. Chợ Đồng Xuân đã có bao nhiêu hoa tươi bày bán. Bấy nhiêu hương sắc theo muôn màu áo, theo muôn bàn tay ngà ngọc mang đi khắp Hà thành.

Tôi bỗng chạnh lòng nghĩ tới cái chợ ở quê tôi. Chợ dựng giữa cánh đồng, bên một con sông đào nhỏ hẹp, có cái cầu bằng đá, người ta gọi là chợ Cầu Nôm. Hai ngày chợ có một phiên, và lệ thường mặt trời gần xế đỉnh đầu mới họp.

Ngày nay, đã đến hơn mười năm tôi không có dịp nào tới chợ Cầu Nôm nữa. Nhưng hình ảnh những túp lều xám mốc nối liền nhau, những cây đề cổ thụ bóng rợp trải rộng trên mặt cỏ xanh, những tiếng nói ồn ào huyền ảo, vang rộn lên như sóng bể hiện giờ vẫn khiến tôi nghĩ đến, nhớ đến mỗi lần tôi đi qua một cái chợ nào nơi thành thị, hoặc ở một chốn thôn quê xa lạ.

Tôi nhớ nhất phiên chợ ngày 23 tháng Chạp. Hồi ấy tôi độ mười hai, mười ba tuổi. Mẹ tôi bảo tôi xuống ao rửa mặt, rồi lúc lên tôi đã thấy bà mở cái hòm da cũ kỹ - cái hòm da của người con gái đem theo về nhà chồng tự ngày xưa ngày xưa - bà bày ra giường chiếc khăn xếp, cái quần lụa xanh, chiếc khánh bạc, đôi giày lạng lột da trâu, chiếc áo vóc màu huyền, thêu nhắng nhịt những bông hoa to bằng cái bát. Chiếc áo ấy của ông ngoại tôi, mẹ tôi mang nó ở Huế ra rồi làm nhỏ lại cho tôi mặc.

Hôm nay, lần đầu, tôi được xỏ tay vào chiếc áo quý này. Vì từ hôm mẹ hóa phép cho tấm áo vóc thu bé lại vừa với cái mình bé gày lẳng khăng của tôi, bà cắt vào hòm ngay, thỉnh thoảng mới bỏ ra phơi nắng. Bữa nào phơi áo tôi lại có cái sung sướng được bà cắt ngồi dưới bóng cây canh giữ cho cẩn thận, kéo sợ những thằng ăn mày, những thằng câu gà, bả chó lén vào lấy mất. Bao nhiêu lần, tôi chỉ được ngắm nghía chiếc áo đẹp của mình một cách khát thèm như thế mà thôi. Vậy mà sao buổi sáng hôm nay bà lại bỏ nó ra, và giục tôi mặc vội. Tôi hồi hộp cho đến lúc mẹ tôi đội khăn xong, dắt tôi ra cửa, ở đấy người u già đã đứng chờ với đôi quang thúng. Thì ra chỉ có xuống chợ Nôm mà tôi được mặc sang trọng như cậu Ấm thế này ư!

Mẹ tôi, không như mọi lần đi chợ chỉ mặc xềnh xoàng, bữa nay lại đội khăn nhiễu tam giang, mặc áo bông the, và đội nón lá dứa thêu chỉ ngũ sắc – chiếc nón Huế, chiếc nón của người con gái đem theo về nhà chồng tự ngày xưa ngày xưa.

Từ làng tôi xuống chợ, phải đi chừng ba cây số, theo dọc con sông. Thực là cực nhọc! đôi tất vải màu hoa đào ở chân tôi cứ trơn tuồn tuột trong cặp giầy mới, mỗi bước, giầy lại bắn đi rơi cả xuống ruộng, mà nếu bước mạnh nó sẽ rơi tùm xuống sông là khác nữa. Mẹ tôi phải dừng lại tháo tất cho tôi. Thế này đi dễ dàng hơn, nhưng lại khổ hơn, vì da giầy cứng quá, khía vào chân tôi như cắt. Tôi nhăn nhó, song cũng cố đi, chẳng lẽ bắt u già phải cõng, người ta cười chết. Tôi nhận thấy mọi người đang ngắm nghía tôi: cái thằng bé con sang trọng như cậu Ấm.

Đến chợ, việc cần hơn việc mua bán là mẹ tôi bảo u già ngồi dưới một gốc đề coi quang thúng, rồi dắt tôi tới chỗ các cô đồng dí hạp.

Chỗ này đông nhất chợ. Trai gái xúm xít gheo nhau, và trêu các cô dí trẻ. Họ đặt trầu cau, đặt tiền để lờm cô đồng: họ đọc tên, đọc tuổi một người có mặt ở đấy cho cô dí khẩn. Thế rồi, một phút thôi, cô dí suýt xoa, vong hồn cái người... đó đã tự cõi âm về nhập vào cô. Cô rên rĩ hát:

Hồn rắng hồn thác ban ngày...

Hễ nghe thấy tiếng sào tỏ ra không chịu, cô liền chữa:

... Thương cha nhớ mẹ, hồn rày thác đêm.

Tiếng cười phá lên. Bọn trai gái tinh nghịch cúi xuống nhặt đòi lại món tiền chinh trên đĩa của cô đồng dí, rồi kéo nhau đi trêu cô khác.

Nhưng mẹ tôi thấy vậy rồi bà vẫn tin cô dí, tin quả có hồn về dưới mặt trời chói lọi đang đứng giữa đỉnh đầu! Bà triệu hồn ông ngoại tôi về. Một phút lâm râm khấn vái xong, cô đồng đã khá già này cất tiếng hát, giọng nỉ non, buồn rứt xương, rứt thịt. Tôi khẽ hỏi mẹ tôi: “Mả ông ở mãi tận Huế, sao ông bay ra mau thế? Mà ông nói tiếng Huế cơ mà?” Bà vội bịt ngay mồm tôi, vì bà đang kính cẩn nghe vong hồn ông tôi nói về những việc âm dương, cứ như chính ông tôi đã sống lại, ngồi ngay đấy.

- Ông dặn con sau này cố học mà làm quan. Nhà ta có ngôi mộ bà nội đang kết, sẽ phát về con...

Mẹ tôi nói câu ấy bằng một giọng vui mừng và tin tưởng trong lúc trở về, chúng tôi đi theo dọc bờ sông.

Từ hôm đó, tôi càng được mẹ tôi yêu quý bội phần. Những chiếc quần áo đùi ruộm hoa hiên, vỏ sò mẹ tôi đem phát cả cho trẻ con hàng xóm, rồi nhờ người ra tỉnh mua vải trúc bầu cát bá về may cho tôi mặc. Bà sốt sắng mua giấy bút, dắt tôi lên trường huyện học vỡ lòng.

Tôi không bao giờ quên được những buổi tinh sương, mẹ tôi dậy thổi cơm cho tôi để đến trường. Nhất là những buổi sáng mùa đông, nằm trùm chăn, tôi lắng nghe tiếng guốc của bà sẽ động trên nền sân đất rắn, tôi lắng nghe tiếng gạo sát vào lòng rá bên vại nước cạnh gốc cau.

Dậy ăn cơm, tôi thấy sách vở bút mực của tôi đã xếp sẵn cả rồi. Bà đưa tôi đến tận cửa trường, và đón tôi về ngày bốn lượt, không ngày nào thiếu. Những buổi tối đèn hết cả dầu, mẹ sợ tôi không học được phải xách chai sang tận làng bên mua, đi qua mấy cánh đồng, qua một cái miếu cây cỏ mọc um tùm gọi là miếu “Hai Cô”, người ta bảo thiêng lắm. Lần nào mẹ tôi cũng đứng lại khấn vái một lúc lâu, tôi chắc bà kêu cầu cho tôi học mau tấn tới... để sau này làm quan, như lời vong hồn ông ngoại tôi báo trước!

Học để làm quan! than ôi! cái hi vọng quá to tát ấy của mẹ tôi có viên mãn được bao giờ.

Mẹ tôi từ trần năm tôi mười bốn tuổi, mang theo cả cái hi vọng đứa con mình sẽ làm quan.

Ngày nay, giá mẹ tôi còn sống thì thật là đau đớn biết bao nhiêu. Cái đứa con bà hằng mong ước sẽ làm quan ấy vẫn chưa làm gì cả, nếu bà không muốn nhận rằng chính thật ra nó cũng có một nghề, cái nghề viết văn nhọc mệt và bạc bẽo, cái nghề hời ơi, không biết sống bây giờ rồi chết bao giờ.

... Khi ngọn đèn đã sáng, đôi mắt hiền dịu của mẹ tôi cũng sáng lên nhìn vào bàn tay tôi vụng dại tô những nét chì trên trang sách.

Muốn tôi không buồn ngủ để học nhiều, bà thường hay kiếm cho tôi một thức gì ăn. Thức tôi hay ăn nhất là khoai lang nướng. Những củ khoai lang vàng ngọt nóng bỏng tay, mẹ tôi bóc sẵn bày trên đĩa. Những hạt ngô rang khéo quá, nở trắng như những đóa hoa nhài đổ đầy chiếc rổ mây. Mẹ tôi ngồi hàng giờ dưới bếp rang từng mẻ một, mang lên bảo tôi ăn cho ròn, nóng. Tôi quên sao được tiếng đôi đũa tre quẹt quẹt vào mảnh nồi đất vỡ lót một lần cát mỏng..., cái tiếng đều đặn khô khan lẫn với tiếng củi nổ lách tách, tựa hồ xé vỡ cả cái im lặng đang đông đặc lại trong trời khuya vắng.

Ngày nay, những buổi tối mùa đông, có biết bao chiếc bóng lúi húi đi dưới vòm cây, dưới hàng hiên, trong ngõ tối... những chiếc bóng ấy rao bán ngô rang. Tôi nhớ ngay đến đứa trẻ ngồi khoác chăn lên mình bên chiếc đèn con, tập đọc, và tập viết... Tôi nhớ ngay đến người đàn bà ngồi trong xó bếp tối tăm, cái bóng to rộng in lên tấm vách ám tro khói, đang cầm đôi đũa quẹt đi quẹt lại trong chiếc mảnh nồi...

Người đàn bà đó đã chết từ lâu. Đứa trẻ ấy giờ đây “đã mang lấy nghiệp vào thân”, ấy là cái nghiệp viết hết truyện này sang truyện khác, viết không còn có thì giờ mà tính số để xem hôm nay năm sắp tàn mình đã viết được bao nhiêu truyện rồi.

Những hạt ngô, rang khéo quá, nở trắng như những đóa hoa nhài! Than ôi, tôi có còn nếm lại cái vị thơm bùi của những hạt ngô rang khéo quá ấy nữa đâu, như ngày xưa ngồi tập đọc và tập viết. Bây giờ, những đêm ngồi bên cây đèn điện trong gian phòng ấm áp, tập giấy trắng đặt trên bàn, tôi viết từng trang... Nhưng đâu còn có những hạt ngô nở trắng như những

bông hoa nhài, nó đã thay bằng chiếc đĩa sắt chất cao tàn thuốc lá, vỏ hạt dứa. Đó là thói quen khi tôi thức đêm viết truyện, cũng như ngày xưa cái thói quen tối nào muốn học, mẹ tôi phải cung cho khoai nướng, ngô rang.

Tôi nhớ mẹ tôi cứ ngồi chọn từng hạt ngon đưa tận miệng tôi. Tôi lại nhớ, một đêm gần đây, một cô gái Huế nằm trên một chiếc bông ở sông Hương, cắn từng hạt dứa đưa vào tận miệng tôi giữa lúc tôi lơ mơ say thuốc phiện.

Biết đến bao giờ quên đi!

Năng đầy cả sân, vườn. Ấy là lúc mẹ tôi yêu năng và tiếc năng, nếu bỏ phí không phơi dứa, củ cải, phơi quần áo hay gội tóc. Nhất là gội tóc. Cách ba ngày bà lại phải gội một lần, sự sạch sẽ ấy đã bị đàn bà hàng xóm cho là dờm. Bởi người ta thấy mẹ tôi gội được mớ tóc thật là vất vả. Làn tóc dày và dài chấm gót, thả đầy một chậu thau đồng lớn; lúc chải bà phải đứng lên giường, thả tóc xuống mới không bị vướng.

Ít ra cũng dùng năm sáu quả chanh, và bao giờ mẹ tôi cũng gội bằng thứ nước trà. Thì ra cái thói vương giả, đòi các của mẹ tôi, đến ngày sa cơ mà cũng vẫn còn.

Tôi chỉ sẵn đón lúc bà chải tóc để lượm những sợi bị đứt. Ngày ngày, tôi ham lượm tóc như con gà ham lượm thóc rớt trên thửa ruộng vừa mới gặt xong. Tóc mẹ tôi rụng nhiều, lòng tôi mừng lắm!

Những buổi trưa, tôi đem sách ra ngồi ở ngoài thềm. Đó chính là lúc tôi dỏng cả hai tai để ngóng cái tiếng dép lẹp kẹp đi qua ngõ, tiếng rao lanh lảnh của mụ đồng nát: “Ai tóc rối đổi kẹo ra?” Cái tiếng ấy mà cất lên thì dù đang học, đang ăn cơm, tôi cũng chạy đến các lỗ vách, các khe phen, kê liếp moi móc ra những mớ tóc tôi nhặt được của mẹ tôi. Dem tóc ấy ra đổi lấy que kẹo mạch nha hồng hồng dẻo quánh, ăn ngon lịm người, đến nỗi tôi thành nghiện, hôm nào mưa gió hàng kẹo không tới thì tôi thèm rỏ rãi. Một dạo, mẹ tôi ốm, tóc rụng rất nhiều tôi tha hồ nhặt, tha hồ ăn kẹo. Khi khỏi ốm, mớ tóc dày, dài và óng chuốt của mẹ tôi đã mỏng đi, ngắn đi và khô xác. Nhưng cũng từ đấy, tóc mẹ tôi không rụng nữa. Tôi phải đi nhặt của những người đàn bà, con gái trong làng. Rình để nhặt, khổn nạn như con

mèo rình ăn vụng. Vậy mà quá yêu tôi, quá chiều tôi, bà không hề đánh mắng. Một lần mẹ tôi ngồi sưởi nắng và chải đầu dưới gốc cây na. Tôi ngồi cạnh thầm mong sao cho tóc mẹ tôi đứt rõ nhiều, song chẳng có sợi nào bị đứt. Tôi mếu máo. Thấy thế, mẹ tôi lại phải chải thêm. Mỗi bận những chiếc răng lược nhọn sắc cào sát da đầu, mẹ tôi nhăn mặt suýt soa, hai mắt lấp lánh ngược nhìn tôi. Hí hửng được nhiều tóc rụng, tôi có để ý gì đến đôi mắt ướt ấy đâu!

Một lần, không bao giờ tôi quên. Một buổi trưa, mẹ tôi đang khâu vá thì kêu nhức đầu, nằm xuống nghỉ. Tôi đang ngồi vẽ nhảm, bỗng ngoài ngõ tiếng mụ đàn bà đổi kẹo cất lên. Tôi sục tìm các lỗ, các khe vẫn giấu tóc, chẳng còn một sợi nào, mà cơn thèm kẹo đã đưa nước bọt lên đầy cả miệng.

Tôi đứng sững nhìn mớ tóc dài của mẹ tôi sổ ra buông lòa xòa xuống đất.

Một ý táo bạo nảy ra, tôi nhìn chiếc kéo may trong cái thúng ở đầu giường. Tôi cúi xuống nghe mẹ tôi đã ngủ. Nhè nhẹ tay, tôi rón cầm chiếc kéo. Ô, chiếc kéo mới mua ở chợ Nôm phiên trước, hẳn là sắc lắm đây! Tôi run sợ toan để nó vào trong thúng, nhưng mụ hàng kẹo đã đến ngoài cổng nhà tôi, nước bọt vẫn tràn đầy trong miệng, ý táo bạo nọ lại nảy ra. Tôi liều. Một nạm tóc rơi xuống đất. Mẹ tôi khẽ cựa. Tôi vội lúi lại nấp sau cái cột, tim nhảy rục lên. Mẹ tôi lại ngủ, tôi vợ nhanh nắm tóc chạy vụt ra ngoài ngõ.

Đổi xong rồi, tôi cầm que kẹo vào nhà. Mẹ tôi đã dậy, tay cầm chiếc lược, nước mắt lặng lẽ rơi xuống má.

Tôi đứng sững ngoài thềm, que kẹo rơi khỏi tay. Tôi gục mặt vào lòng bà thốn thức.

Cây mùa thu lá trút đầy trời. Lòng tôi yếu, thầm mong gió heo đùng về mạnh, đùng lật trần tất cả những thân cây. Tôi mong không gió, tôi cầu cây xanh hoa nở cả bốn mùa. Vậy mà ngày xưa... Tôi đã mong cho làn tóc mượt dài của mẹ tôi trút xuống nhiều như lá mùa thu. Tôi đã mong lượm nhặt những sợi tơ óng đẹp ấy như con gà đồng nhặt thóc, như đứa trẻ nhà nghèo nhặt lá rụng giữa cơn giông.



“Thiếu nữ ơi, giữ sao cho tóc khỏi rụng nhiều”. Tôi cầu như thế cho những giai nhân không quen biết gặp ở đường đời có làn da xanh, có quầng mắt tối, có nụ cười nhạt héo. Tôi không muốn mắt họ mờ đi vì lệ, tóc họ mỏng đi như ngành tơ liễu úa...

Vậy mà ngày xưa tôi đã cầm chiếc kéo sắc để cắt đứt cả một nạm tóc dài của người đàn bà thân yêu nhất đời tôi!

Nhưng trước hay sau sự tiêu diệt cũng đến đối với con người, dù là một nàng công chúa, một nàng tiên nữ. Mớ tóc đẹp của mẹ tôi, dầu tôi chẳng xén bớt đi, nó cũng tan thắm vào lòng đất. Những mẫu xương của mẹ tôi đã được moi lên để đặt vào cái tiểu sành. Tôi nâng niu cái đầu lâu đập vỡ nhẵn nhụi trên tay, kính cẩn nhúng vào chiếc chậu thau đựng nước trầm thơm ngát, thứ nước ngày xưa mẹ tôi vẫn dùng gội mớ tóc dài. Vậy mà tôi vẫn ngờ là một giấc chiêm bao.

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 298/1940)**

## Những Ngày Thơ Ấu

Kính tặng hương hồn Mẹ hiền

Tôi vẫn đợi chờ một dịp trở lại thăm cái tỉnh lỵ nhỏ bé ngày xưa tôi đã sống những ngày thơ ấu. Cũng đã có nhiều lần xuống Hải Phòng, đứng ở bến Sáu kho nhìn về một góc trời xa xôi kia, lòng bỗng thấy buồn nao nao. Tôi có thể xuống ngay chiếc tàu dưới bến để rồi sau đó vài giờ sẽ được đặt chân lên cái đất ngày xưa thân yêu của mình nhưng chẳng có lần nào tôi quyết định, vì lần nào tôi cũng ngại ngùng tự hẹn thầm rằng hãy để dành tới một dịp sau.

Thế mà bao nhiêu dịp sau đã tới, tôi vẫn chưa trở về cảnh cũ, xem sự đổi thay đã đến thế nào rồi.

\*\*\*

Ấy là tỉnh lỵ Quảng Yên. Hồi xưa, Quảng Yên chỉ mới có ba bốn phố lũng cùng những căn nhà gạch một tầng xây lối cổ của người Nam. Một bức thành dài bao quanh trái núi chiếm gần hết tỉnh, trên đó dựng trại lính và bệnh viện cho người Pháp. Ngay đầu tỉnh, hàng mấy chục cây thông cổ thụ mọc rải rác đó đây, thân xù xì mang những chiếc vẩy dày cộp, lá xanh thẫm, về mùa xuân cả tán cây như lên hàng ngàn vạn chồi non màu lửa hun nom tựa những ngọn nến đang reo cháy, nhìn chúng khiến lòng ta nao nức lạ thường.

Nhà tôi ở ngay bên chân núi ngoài thành. Một lớp nhà tranh, một khu vườn dâu, dăm ba con dê trắng, đó là cả sản nghiệp của thầy mẹ tôi.

Ngày ấy đã có một “trường nhà nước”, tôi xin vào học lớp tư. Tôi nhớ tôi có một người bạn ở liền bên cạnh, và tôi nhớ mang máng tên anh là Dị. Dị cũng gầy, bé như tôi, nhưng có cái khác tôi nhiều quá: anh là con nhà giàu. Cái tòa nhà gạch rộng rãi, mái ngói còn nguyên màu đỏ chói đột khởi bên lớp nhà tranh làm cho tôi sợ sệt và làm xa cách cái tình bè bạn của tôi đối với Dị. Không bao giờ tôi dám bước vào nhà anh. Những lúc sang rủ anh đến trường, tôi chỉ đứng thập thò ngoài cửa. Bà mẹ anh nhiều khi vẫy gọi tôi vào ép ăn quà sáng với anh. Nhưng tôi ngượng nghịu lùi ra xa đứng nấp sau một gốc cây, đợi cho đến lúc Dị ăn xong. Cốc sữa trắng nõn, chiếc bánh tây vàng nóng, những quả chuối trứng cuốc mà tôi vừa liếc thấy trên bàn ăn của Dị khiến tôi thèm lắm, tôi đứng sau gốc cây để nuốt nước bọt và để nghĩ rằng tại sao mẹ tôi lại không mua cho tôi những thứ quà sang trọng ấy. Tôi định bụng đi học về sẽ hỏi mẹ tôi như thế, song lúc thấy mẹ tôi ra thềm giơ tay đón chiếc cặp sách của tôi, tôi lại quên mất câu hỏi đó. Vội vàng, tôi chạy xuống dãy nhà ngang trèo lên giá tre nhòm xem những nia tầm phủ kín lá dâu. Những nắm lá dâu mẹ tôi hái ngoài vườn mới bỏ vào, những con tầm trắng mập xinh xắn bò ngổn ngang trên những chiếc lá non xanh mướt, mùi thơm như một thứ mùi cỏ quý. Tôi mãi xem tầm ăn, quên cả rằng mình chưa ăn. Mẹ tôi xuống đứng sau tôi. Tôi ngảnh lại thấy vẻ mặt mẹ tôi không vui, tôi khẽ hỏi:

- Lứa này có khá không hả mẹ?

Mẹ tôi nhặt một con tầm đã chết vất ra sân lặng đi một lúc rồi mới đáp:

- Hồng nhiều con ạ.

Bà cúi xuống thờ dài. Có tiếng động ở ngoài vườn. Bà gọi:

- Ông Bồng ơi!

Ông Bồng là một ông già, mặt đen bóng như đồng hun, tóc đã lâm râm trắng. Ông ta lom khom bưng một thúng sắn mới đào đặt dưới chân chúng tôi, kéo vạt áo lau mồ hôi trán. Ông ta kiễng chân nhìn khắp lượt các nia tầm rồi lắc đầu không nói. Mẹ tôi thấy ông Bồng đã phải thất vọng thì tin ngay rằng lứa này hồng thật, bà rơm rớm nước mắt nhìn ông ta:

- Có cách gì chữa được không ông?

Ông Bồng nhìn mẹ tôi như ái ngại, rồi cúi bưng thúng sắn ra ngoài giếng:

- Chữa sao được ạ. Còn nhờ trời, hãy chờ vài hôm nữa xem sao.

Đó là câu an ủi mẹ tôi. Mẹ tôi lại khẩn trời mong cho lửa tằm khỏi hỏng, y như khi thày tôi hay tôi ốm, bà cũng khẩn trời như thế.

Tất cả tình thương yêu, trù mến, bà đã san sẻ hết cho chồng, cho con, cho đàn tằm, quên hẳn mình.

Ông Bồng cùng ở với chúng tôi chung khu đất. Chính ông đã giúp thày mẹ tôi sửa sang lớp nhà tranh đó sau khi mua lại được của một người nghèo; ông đã hì hục bao đêm ngày đào cái giếng ở góc sân để lấy nước ăn; ông đã gây thành một vườn dâu và đã truyền nghề nuôi tằm cho mẹ tôi. Trước kia, ông Bồng cũng nuôi tằm, nhưng từ khi vợ ông chết, ông bỏ nghề, chỉ sống bằng mảnh vườn trồng sắn và bột hồng tinh. Ông có một thằng con trai. Nó gày loắt choắt, đen đũi và nhanh như con vượn. Sáng nào nó cũng dậy từ mờ đất, xách thúng đi buôn bánh giò rồi ra ngoài bến đón tàu ở Hải Phòng sang để bán. Nó kể mẹ tôi nghe nó làm quen với tất cả các người buôn bán trong các tàu nên không bao giờ phải lấy vé; hễ chuyển nào thấy chủ thì nó chui vào các đồng hàng hóa của hành khách hoặc lẫn xuống hầm than. Nó tinh nghịch như quỷ sống nhưng rất có hiếu với bố, vì vậy mẹ tôi yêu nó vô cùng. Tôi nhớ những buổi sáng trời còn chưa tỏ, thằng bé con ấy không bao giờ quên gõ vào vách đánh thức tôi dậy học lại bài, và nhét qua những gióng song tre một cái bánh giò nóng. Tôi vui sướng nắm chặt bàn tay nó; nó vội vàng rút tay lại, đội thúng bánh lên đầu chạy vụt ra ngoài ngõ. Sáng nào tôi cũng được ăn điểm tâm từ tinh sương như thế. Một lần mẹ tôi thấy lá bánh ngoài cửa sổ, hỏi tôi. Tôi nói thực, tuy nó đã dặn mãi rằng đừng nói với ai. Mẹ tôi chờ nó ở bến về, gọi lên nhà đưa tiền trả. Nó nhất định không lấy, thưa rằng:

- Con biểu cậu, con không dám nhận tiền đâu.

Tôi nhớ nhất cái trò nó làm cho tôi phải cười những lúc tôi bị mắng hay là lo đến trường không thuộc bài thi. Hễ ở bến về, nó chạy ngay lên với tôi.

Nó co một chân lại, nhảy lò cò quanh các cột nhà, miệng dẫu ra huyết sáo, hai bàn tay đập vào nhau theo nhịp cái câu nó hát đi hát lại:

Con cò bay lả, lả bay la, bay ra... bay ra Phố Cát, bay về... bay về Đồng Đăng.

Cô mình... có lấy... có lấy... ta chẳng! ới cô mình ới!

(Câu hát này, ngày nay đôi khi nhớ đến, hoặc nghe đứa trẻ nào hát đến, tôi lại thấy thằng bé con đen đũi, gày loắt choắt và nhanh như con vượn ấy hiện ra. Chẳng biết bây giờ nó đã làm gì. Lần nào đi qua các bến tàu, - bất cứ ở đâu, ở Sài Gòn, ở Cao Miên, ở các con sông xa lạ tôi đã từng đặt vết giày, - tôi vẫn có ý tìm cái khuôn mặt quen quen đó, vì không hiểu tại sao, tôi cứ muốn tin rằng trời sinh ra nó là chỉ để cho nó sống mãi trên các bến tàu mà thôi... Thực vậy, tôi tin rằng nó đã là một kẻ giang hồ và có một điều tin chắc hơn nữa là không bao giờ nó đói).

Mãi với thằng bé con này, tôi bỏ xa Dị quá. Vậy tôi trở lại cùng người bạn học con nhà giàu ấy. Tình bè bạn của chúng tôi, về sau này, thân thiết hơn một chút, tại từ cái buổi sáng tôi đứng chờ anh ở gốc cây, anh thường sang nhà tôi để rủ tôi đi chơi, đi học, chứ không được tôi sang nhà anh trước. Sự thay đổi ấy có lẽ do cái thông minh của Dị đã có sẵn ngay trong tuổi còn măng sữa đó chẳng!

Tôi dong mấy con dê trắng lên chân thành cho ăn cỏ. Dị theo tôi và nhận phần hai con để trông đờ hộ. Chúng tôi hay ngồi bên cái giếng to đào dưới thành, lúc nào cũng đông người kéo nước. Có lẽ đến gần khắp tỉnh ăn nước giếng này, vì ít nhà có giếng riêng. May mà nhà tôi có ông Bồng đào cái giếng nhỏ rồi, chứ mẹ tôi tiết kiệm không nuôi đầy tớ biết nhờ ai gánh nước cho! Hồi ấy chưa có máy nước và đèn điện. Tôi còn nhớ những buổi chiều mùa hạ, trước nhà tôi hoa xoan tây rụng trắng cả con đường lát đá, tôi đứng chờ một lão già câm. Chiều nào lão cũng móc ở cái túi áo tây vàng ra cho tôi một con cánh cam, rồi lão mới leo cái cột đèn sắt sơn hắc ín để đánh diêm châm ngọn đèn dầu đặt trong cái hòm kính bảm đầy cát bụi. Mỗi phố cách một quãng khá xa mới có một cột đèn, tất cả tỉnh chỉ có chừng hai chục ngọn, cho nên sở Lục lộ của tỉnh nuôi có một mình lão để làm cái việc

rất quan hệ cho một dúm dân, khi mặt trời đã tắt. Những tối có trăng, các phố lại thiếu cái ánh lửa vàng đục ấy, không hiểu sở Lục lộ muốn hà tiện bậc đầu, hay muốn cho người ta thưởng thức cái đẹp của đêm trăng. Riêng tôi, tôi mong cho mau hết tuần trăng để lại được gặp lão già câm, để đón con cánh cam xanh biếc và ngửa mặt lên chờ bàn tay lão khẽ vuốt tóc tôi, rồi lão lại quàng chiếc thang tre vào cái vai gày yếu, lẳng lẳng đi đến cây đèn khác. Một buổi tối trời trở rét, tôi cũng ra chờ lão. Hôm ấy, hết mùa thu cánh cam không còn nữa, lão chưa tìm được con gì cho tôi. Tôi hiểu thế, bởi lão ta chỉ tay lên cây, lên trời u ơ nói. Lão trèo lên thang. Tôi thấy cái thang run theo hai bàn chân lão. Khi ngọn đèn dầu ở trên đầu tôi đã sáng, lão từ từ xuống, cái thang run hơn lúc này nhiều. Nhìn lên mặt lão, tôi thấy đôi mắt lão đỏ ngầu lên, và nước rãi ở cái miệng móm mém ứa rớt xuống cằm.

Lão xoa đầu tôi; lần này, không hiểu sao, lão cúi thấp người nhìn vào mặt tôi một lúc rồi mới kéo lê cái thang đi...

Tối hôm sau, tôi lại ra cột đèn chờ. Nhưng một sự ngạc nhiên là tôi thấy một người trẻ tuổi vác thang sẫm sẫm tối. Khi người ấy xuống, tôi hỏi thăm lão già thì y cho tôi biết tối qua trong khi ốm, lão cố thắp đến cột đèn cuối cùng ở ngoài bến thì đuối sức bị ngã từ trên đầu thang xuống đất, chết ngay.

Cái chết của lão già câm khiến tôi ngơ ngẩn mất mấy ngày. Và tôi cứ rùng mình nghĩ đến đôi mắt đỏ ngầu của lão nhìn tôi lần sau chót đó.

Mẹ tôi thường cho tôi theo đến chợ. Không phải là chợ ở trong tỉnh mà cách xa một quãng đường dài. Chợ họp trong một rừng thông, một bên có núi đồi, xa xa là biển cả mênh mông, đứng ở chợ nghe rõ tiếng sóng vang dội lại.

Mẹ tôi hay mua những con “bông thùa”, giống như con đĩa, - cái giống này tôi sợ lắm, cũng như bây giờ tôi sợ đĩa, sợ giun. Lần nào đi chợ về, tôi cũng được bưng một rổ sim đây, tôi cùng Dị ăn đến hai ngày mới hết. Lần nào đi chợ về, tôi cũng được mấy cái mai con mực, Dị và tôi hì hục dùng mấy cái mai mực làm thuyền chiến, trên có lính cắt bằng giấy cứng, đủ cả đao cung. Chúng tôi đem ra ngoài bến, thả bên những hòn đá dưới gậm cầu

tàu. Sông Bạch Đằng thường có gió to sóng lớn. Hai cái thuyền trắng nổi lên trên mặt nước đục ngầu, luôn luôn nhô lên, chúi xuống và chạm vào nhau. Hồi ấy đã được học lịch sử, chúng tôi có cảm tưởng rằng đây là một trận huyết chiến của Trần Hưng Đạo với Ô Mã Nhi của nhà Nguyên, - “Xưa kia, tại con sông này, biết đâu chẳng chính ngay chỗ chúng ta đang đứng, đã vùi bao nhiêu xương máu”, - nghĩ thế, chúng tôi la hét ầm lên, trợ oai cho mấy anh lính giấy đang va đập vào nhau.

Một buổi sớm, độ hồi canh tư, tôi đang chập chờn đợi thẳng con ông Bồng đến gõ vào vách đánh thức tôi dậy học bài thì tôi nghe thấy tiếng kêu văng vẳng ở bến tàu, thầy mẹ tôi cũng vùng cả dậy, ai nấy ngơ ngác lắng tai nghe.

Tôi loáng thấy bóng ông Bồng chạy vút qua cửa sổ. Mẹ tôi gọi giật ông lại hỏi, giọng bà run lên:

- Cái gì đó hử ông?

Ông Bồng đáp vội vàng, giọng ông run run:

- Ngoài bến có tàu bị đắm, không biết thẳng Bồng nhà tôi có làm sao không.

Nói rồi, ông chạy biến ra ngoài bờ rào dâm bụt. Tôi ngồi trùm chần run bần bật, thấy hiện ra biết bao xác chết. Mẹ tôi cũng run bắn cả người, và bà lẩm bẩm khẩn Trời, cầu cho không ai chết, nhất là thẳng Bồng, bà cầu cho nó đừng đáp thuyền ra bán hàng ở chiếc tàu bị nạn kia. Tôi cũng lo cho nó lắm. Cái chết của nó, nếu xảy ra, sẽ khiến tôi đau buồn hơn cái chết của lão già câm kia nhiều. Cả nhà tôi im lặng, lắng nghe tiếng kêu ngoài sông lúc này càng vang rộ thêm lên. Bỗng có tiếng chân người chạy huỳnh huỵch ngoài ngõ, rồi thẳng Bồng đẩy cửa chui vào. Tôi mừng quá nhảy xuống giường ôm lấy nó. Nó hỗn hển thuật cho thầy mẹ tôi nghe cái tai nạn vừa xảy ra: đó là chiếc tàu “Thông Vôì” ở Hải Phòng về.

Tàu đang lượn dần vào cặp bến thì hành khách tranh nhau lên trước đổ xô về một mạn, nhân lúc sóng gió to, tàu chòng chành, nước ủa vào, rồi nghiêng chìm xuống. May nó đi lấy bánh, chạm ra một chút thành ra thoát

chết. Mọi khi tàu sắp đến nơi mới rúc còi, nó đã đáp thuyền ra bán bánh cho những hành khách đi suốt không lên bến.

Đến giờ đi học, Dị và tôi ra đường, thấy người ta vác trên vai những kẻ bị nạn đắm tàu, hoặc chưa chết, hoặc chết rồi, tóc rũ ra, mặt nhợt như tờ giấy. Trời âm giá và mù sa trắng xóa, những người sống và những người chết ấy chạy vùn vụt trên đường để đến Nhà thương, nhà xác.

Chúng tôi sợ quá, đi lẩn sau các gốc cây. Qua Nhà thương, tôi ù té chạy. Từ hôm ấy, cái Nhà thương kia đối với tôi là một thứ ghê rợn nhất. Muốn trốn tránh nó, tôi phải tìm con đường khác xa gấp hai lần.

Một đêm, trời đen như mực, mẹ tôi thấy đau quặn bụng, bà đánh thức thầy tôi dậy đưa bà đến nhà thương đẻ. Lúc qua nhà ngang, chỗ buồng tắm, mẹ tôi còn soi đèn xem các nia tắm còn lá dâu không rồi mới ra đi. Đêm khuya xe không có, thầy tôi xóc cánh tay mẹ tôi qua mấy con đường mới đến Nhà thương.

Than ôi, lần ra đi là lần mẹ tôi vĩnh biệt cuộc đời, cuộc đời chỉ có một người chồng, một đứa con và mấy nia tắm.

Mẹ tôi đã kiệt sức chết trên bàn đẻ, đứa con còn nằm trong bụng chưa ra. Mẹ tôi không được gặp con khi tắt thở, cũng không được thấy chồng, vì lúc ấy thầy tôi chạy lên núi, vào Nhà thương Tây gọi viên đốc tờ người Pháp. Ông ta không xuống, còn mắc ngủ và ngại rét. Tôi nhớ tôi đang trùm kín chăn bởi sợ ma - cái đất này, ông Bồng bảo có nhiều cốt lẫm, đó là bãi chiến trường ngày xưa - thì thầy tôi về khẽ kéo chăn ra và run giọng bảo: “Mẹ con đi rồi”! Giá lúc khác thì tôi không hiểu chữ “đi” là gì, nhưng ở lúc này tôi hiểu rõ ràng ngay cái nghĩa gớm ghê của nó. Tôi chui vào chăn mà khóc. Thầy tôi lại mở cửa bước ra.

Ngày hôm sau, ở Nhà xác về, tôi thấy ông Bồng đang ngồi sơn chiếc quan tài. Mâu sơn đỏ như sắc máu! Bàn tay run rẩy của ông chậm chạp đưa chiếc bút sơn cùn trên tấm ván gỗ vàng tâm còn ướt, tiết ra một mùi hôi hám. Cỗ quan tài đóng vội, cá không liền khớp, gỗ xấu nứt vỡ ra, ông Bồng phải lấy đất sét trộn vôi nhét vào. Cái quan tài của mẹ tôi! của người đàn bà suốt đời vất vả, thờ chồng, quý con, hy sinh đến nỗi quên cả thân mình.



(Ông Bồng! ông đã chết từ lâu rồi, nhưng từ ngày nào, tháng nào, năm nào, tôi không biết, vì kẻ bạc bẽo này có trở lại thăm cái vườn dâu nương sẵn nữa đâu! Tôi chưa được tạ ơn ông. Thú thực rằng, - vong hồn ông hãy tin cho tôi - ngày ấy, và cả ngày nay nữa, tôi thầm ước được ngồi sơn một chiếc quan tài cũng bằng thứ sơn đỏ tươi ấy để liệm ông, để tạ ơn ông).

Hôm đưa đám mẹ tôi, sương mù tan đi, trời bớt lạnh và nắng hừng lên từ sáng sớm. Bốn người phu gày ốm do thằng Bống chạy đi mượn được, vác cỗ đòn gỗ mộc đến, đặt chiếc áo quan lên. Trống kèn không có. Theo sau chỉ có dăm ba người bạn làm việc cùng thầy tôi. Dị đi kèm tôi một quãng rồi trở về lúc nào tôi không biết. Thằng Bống đi trước, một tay cầm cành tre buộc một tờ giấy hồng điều, một tay rắc những thoi vàng xuống mặt đường.

Qua khỏi tỉnh, đám tang đi vào một cánh rừng thông. Bắt đầu từ đây là đường đất núi thẳm như son; dưới những bước chân cất nặng nề, bụi đỏ vẫn lên bay tản mát. Tiếng gió reo nhẹ trên cành thông, và tiếng sóng vỗ ngoài bờ biển xa, buồn hiu hắt. Chiếc quan tài đỏ chói dưới mặt trời nghiêng nghiêng trên vai những kẻ ốm gày nhọc mệt leo lên dốc núi. Màu đỏ bị nắng rọi vào càng nổi gắt lên trong cái màu xanh dịu của lá cây. Cái màu đỏ ghê gớm ấy thấm nhập vào đôi đồng tử tôi, vào đáy linh hồn tôi ngày thơ ấu, đến mãi bây giờ vẫn còn khiến tôi rùng rợn khi trông thấy nó ở đâu... ở cái áo trên mình người con gái, ở chiếc ca vát trên cổ một chàng trai. Cái màu đỏ không bao giờ tôi quên được, bởi vì nó là cái màu của máu, của chiếc quan tài mẹ tôi.

Bốn người phu dừng lại dưới một đồi thông. Tôi ngẩng lên, đã thấy ông Bồng đứng bên miệng huyết từ bao giờ, tay cầm cái cuốc. Thì ra, một mình, ông đã mò ra đấy từ canh ba, hì hục đào mãi đến lúc này mới xong. Mấy sợi thừng ròng xuống, mẹ tôi cũng từ từ xuống theo. Ông Bồng đứng xoạc chân sang hai bên thành huyết, cúi đỡ áo quan cho được thăng bằng, rồi ông là người trước tiên lấp đất. Hòn đất rã rơi đánh thạch vào mặt ván thiên, lòng tôi đứt ra từng khúc, tôi tưởng mẹ tôi dưới đó đã bị thương, đã kêu lên, đã nhồm lên. Nhưng không, tôi không thấy gì hết, mắt tôi chỉ hoa

lên vì những xéng đất tới tấp rơi mãi xuống người mẹ tôi, - cái màu sơn đỏ chói mất dần, huyết cứ đầy dần.

Rồi thì, một nắm đất cao! Mấy nén hương tỏa vài tia khói trắng.

Ông Bồng rắc trên mộ những hạt vừng. Ông cắt nghĩa rằng: làm thế, bảy ngày bảy đêm hạt vừng mọc thành cây, đưa bé trong bụng mẹ mới thoát ra đi đầu thai ngay cửa khác. Nếu không, thai còn vướng trong bụng cho đến vài năm thịt người mẹ nát lữa ra, nó mới được thoát đi. Tuần lễ sau viếng mộ, tôi thấy hạt vừng đã lên cây. Tôi tin rằng vừa đêm qua đã có một vong hồn ở dưới ấy bay lên, và hiện lúc này đã làm người, đang nằm trong một cái nôi ấm áp.

Ông Bồng, thằng Bống theo tiễn thày tôi và tôi ra bến tàu một buổi chiều. Tôi bỏ học, thày tôi thôi việc, trở về Hà Nội để xa lánh cái nơi đồng chua nước mặn đã cướp đi mất của chúng tôi một người thân yêu. Dị cũng theo ra, chúng tôi đã thành thực khóc hết cả nước mắt của đôi bạn nhỏ.

Tàu rời bến, tiếng còi vang trên sóng nước. Ông Bồng chấp tay hứa với thày tôi sẽ luôn luôn đắp điểm mộ phần mẹ tôi. Tôi với trông theo Dị và trông theo cái thuyền mai mực còn nổi bồng bênh giữa những hòn đá xám để buồn tiếc cái vui sáng của ngày thơ, mà từ lúc này có lẽ tôi không còn có nữa.

\*\*\*

Thực vậy, mỗi ngày được sống, tôi càng gặp bao nhiêu thất vọng, nếm bao nhiêu cay đắng. Bây giờ gặp Dị, chắc chúng tôi phải lạ nhau. Cái cậu bé con nhà giàu ấy sướng từ thuở lọt lòng, ngày nay đã làm gì rồi đây? - Làm quan, làm ông phán, hay là... Nhưng quyết là không làm cái nghề này như tôi.

Bởi ngày xưa, những lúc chúng tôi ngồi trên núi coi dê, Dị chỉ thích nói chuyện khai mỏ, làm nhà, đóng tàu thủy chạy ganh với tàu “Thông Vô”, “Phi hồ”, - còn tôi, tôi chỉ mê đọc “Tùy Đường”, “Tam quốc”, và học thuộc lòng thơ ngụ ngôn, - tôi thuộc nhất bài thơ cô ả đi buôn sữa. Tôi thường đọc bài ấy giễu anh. Đến bây giờ, tôi nhận ra rằng ngày nhỏ tôi đã tự giễu tôi, tôi đã tiên tri cuộc đời tôi mà tôi không biết. Tôi đã âm thầm ôm bao

nhiều mộng, nuôi bao nhiêu chí hướng, để rồi thì không làm gì khác hơn cái nghề bán hồn, bán óc này năm sáu năm nay. “Như thế chẳng đủ lắm rồi ư!”.

Tôi trích câu này trong bức thư của một người bạn ở Rạch Giá viết cho tôi khi được tin tôi già nghề viết để đi làm nghề buôn. Người bạn xa của tôi ơi, vậy ra như thế cũng đủ lắm rồi à? Nhưng mà ở cái đất nước mình, bạn chẳng thấy ư, biết bao nhiêu nghệ sĩ vẫn nằm co đấy...

...

Tôi say lời, lạc bút mất rồi. Đáng lẽ tôi nói đến việc bốc mộ mẹ tôi từ này.

Thầy tôi, chừng mười năm sau, lại xuống Quảng Yên xin giấy phép ông Sứ để mang xương mẹ tôi về quê hương. Đêm nằm nhà trọ, thầy tôi đã chiêm bao thấy mẹ tôi đứng đầu giường, tóc xõa ra, mình mặc cái áo mà thầy tôi đã mặc cho lúc chết. Mẹ tôi khóc nức lên mấy tiếng rồi biến đi ngay. Ấy là lần đầu, thầy tôi thấy mộng. Vốn không mê tín mà lúc kể chuyện tôi nghe, thầy tôi cũng phải nhận rằng khi đó lòng rất tỉnh, mới nằm chưa ngủ, rõ ràng thấy cái bóng đứng trên đầu, rõ ràng nghe tiếng khóc.

Chiều hôm sau, thầy tôi xách chiếc va li, tôi nhớ là một chiếc va li bằng mây đan, xuống một chiếc tàu thủy sang Hải Phòng. Hôm ấy sông sóng nhỏ, tàu chạy được nhanh. Nhưng bỗng nhiên một mạn tàu cứ dần dần nghiêng lệch, có mấy người kêu lên. Tức thì mại bản đi xem máy móc, rồi đi lục lợi khám xét các đồ hành lý.

Thầy tôi lo lắng. Nếu họ mở đến chiếc va li, lẽ tất nhiên họ vứt xuống nước liền, và họ còn làm lôi thôi nữa. Ấy là do cái dị đoan của các tàu bè trên sông họ cho rằng hễ tàu nào mang cốt người thì bị đắm. Thầy tôi lo quá, họ vẫn lục soát kỹ càng, sau không biết làm sao thầy tôi phải khẩn đến vong hồn mẹ tôi. Chẳng rõ vong hồn mẹ tôi có xui khiến gì chẳng mà bọn mại bản sắp đến chỗ thầy tôi bỗng không khám nữa, vì tàu đã thôi nghiêng và đã gần đến Cảng. Thế là được thoát. Gặp xe lửa, thầy tôi đáp về quê ngay.

Xuống một ga nhỏ, thày tôi một mình với cái va li đựng mớ xương khô, đi giữa những cánh đồng không, giữa những bãi tha ma mù mịt tối.

Về tới đầu làng, bởi kiêng không nên đem cốt vào nhà, thày tôi giấu chiếc va li trong một bụi tre gai, bẻ cành lá phủ lên trên.

Một ông thày địa lý đã được mời về đợi trước và những người anh em họ tôi, được tin thày tôi tới nhà rồi liền thắp đuốc, dong đèn, vác đuốc cuốc kéo ra nghĩa địa. Tôi cũng được người ta đánh thức dậy, thấy thày tôi thì mừng rỡ quá, rồi tôi đi theo bọn người kia đi. Gió đêm thổi lộng lên rét lắm. Trời tối đen, giơ bàn tay không trông rõ. Mới có canh hai. Phải làm ngay, vì ông thày địa lý bảo nếu để quá giờ thì hỏng hết. Ông chú họ tôi lấy lá chiếu căng trên đầu huyết che hướng gió. Mọi người im lặng vì gió rét bạt hơi, và có lẽ cũng vì bị bao bọc trong cái khí âm ghê rợn nên không ai muốn nói.

Chị họ tôi vừa gánh ra một nồi nước trầm hương. Tôi trải tấm vóc hồng vào trong lòng chiếc tiểu sành. Trong khi ông thày ngắm lại huyết xem đào có đúng theo những đường dây ông căng không thì các anh họ tôi mở va li ra, nhặt từng mẩu xương nhúng vào chậu nước trầm cọ rửa. Trước tôi còn sợ, sau nhìn mãi thấy dần đi. Tôi tranh phần rửa cái đầu lâu. Cái đầu lâu bây giờ ở trên tay tôi, đập nát, nên tôi nhẹ tay kéo vỡ! Cái đầu lâu ngày xưa kia, có mớ tóc dài óng chuốt như tơ, có đôi mày liễu, cặp mắt bồ câu, hai lúm đồng tiền, hai hàm răng hạt na đen nhánh - hàm răng đen của người đàn bà Huế. Tôi gỡ những sợi rễ thông bám vào trong đôi hố mắt, trên cái xương hàm, rồi hai tay bưng đặt vào trong tiểu sành. Đã đến giờ, ông thày bảo mọi người hạ tiểu.

Rồi thì lại một nắm đất cao! Lại mấy nén hương tỏa lên vài tia khói trắng.

Sự xê dịch của mẹ tôi trong cõi chết thế là xong. Cả kiếp tài hoa của người thiếu nữ sông Hương chỉ còn gửi lại một nắm xương khô ở quê chồng nơi xứ Bắc.

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 300-301/1940)**

## Buồn Vương Mây Khói

Khi mới mười hai tuổi tôi đã phải sống lang bạt, nay đây mai đó. Tôi thèm khát cái thú sống ở gia đình nhưng không có lấy một ngày nào được biết tới gia đình. Tan tác như mây bèo, những người thân của tôi đều bị cảnh đời hất đi mỗi kẻ một đường, còn tôi, năm này năm khác, tôi chỉ là cái vật mọn ký thác ở khắp các nhà họ mạc.

Thôi thì hết tỉnh rồi quê. Cũng may mắn cho tôi là lại được trở về quê, chứ cái tuổi thơ ngây dại của tôi mà cứ bị đẩy đọa mãi ở các thị thành, bỡ ngỡ không được ai gìn giữ, không được ai dạy bảo thì không biết tôi sẽ phạm những tội lỗi gì.

Quê hương là nơi tâm hồn tôi được bình tĩnh lại sau bao nhiêu năm lạc lõng, với một thân hình ốm yếu gầy còm.

Màu xanh hiền hậu của khóm tre, cây đề reo hát bên con sông chảy quanh làng khiến tôi thấy lòng yên ấm lại. Màu gạch đỏ chói của căn nhà ai mới dựng giữa làng dưới những bóng cau bóng chuối khiến lòng tôi vui sáng, gần gũi với bao nhiêu con người, bao nhiêu sự vật lành hiền ở quanh mình.

Bây giờ tạm yên ổn, tôi được thư của thầy tôi ở tận xứ Lào gửi về bảo phải đi học chữ Tây, hoặc chữ Nho. Tôi lựa chọn mãi, sau cùng tôi quyết định học chữ Tây mà tôi đang học dở. Thế là, một ngày nắng mới tôi xuống chợ mua giấy bút và hôm sau tôi lên trường huyện học.

Băng đi hai năm mới được trở lại với sách đèn, tôi vui sướng như con chim non lần đầu được bay ra khỏi tổ.

Những buổi chiều, tiếng học của tôi làm vui động một chút cái không khí quá yên tĩnh của xóm làng.

Tôi được mọi người để ý đến. Tôi thấy mình đang là một đứa trẻ lưu đãng, gần như vô thừa nhận ở các thị thành, bây giờ trở nên quan trọng giữa đám trẻ chăn trâu cắt cỏ, và đám người còn bỡ ngỡ với cái thứ chữ Tây ngộ nghĩnh.

Người ta muốn có một tờ yết thị dán cổng làng, chép một cuốn sổ hương dịch, cải lương, cũng gọi tôi. Tôi nằm giữa đình làng, trên cái chiếu cạp điều của ông tiên chỉ mà viết những thứ đó. Người ta xúm quanh tôi, khen chữ tôi tốt quá, như tôi vẫn kính phục những ông đồ viết câu đối ở hè phố hàng Bồ, Hà Nội những ngày gần Tết vậy.

Thấy người anh họ tôi bảo bao giờ tôi đỗ được mảnh bằng “sép-phi-ca”, tất làng sẽ nhường cho tôi cái chân thư ký làng. Tôi cũng hy vọng và lấy làm sung sướng mỗi khi nghĩ cái ông thư ký làng trẻ tuổi ấy là mình đây sẽ có một góc chiếu ở đình, có quyền ngồi đánh trống chầu ở ngoài đình, và có quyền ăn nói, bàn cãi với mọi người, từ ông Tiên chỉ trở xuống. Thế mà hồi đó cái ông ký danh giá ấy còn đang đánh khăng đánh đáo, còn đang trần truồng tắm ở ao, sông.

Anh Lũy, anh Quỳnh, hai người anh họ có vai vế trong dân, yêu tôi lắm, và khuyên tôi thế này: “Chú ạ, phải tập cho đứng đắn, mai kia còn ra làm việc dân làng, vua quan chứ lì!”.

Tôi nghe lời hai anh tôi. Từ hôm ấy, tôi không chơi đùa với trẻ con. Tôi đi tắm sông cũng mặc quần. Đi ra đình hay đến đám khao, đám tang nào, tôi chít cái khăn lượt dây mấy mươi vòng to bằng cái rế của anh tôi thái cho; tôi mặc áo dài, đi bít tất, tôi tập ăn trà, uống rượu, hút thuốc lá, đi ngồi đều lấy dáng điệu như người lớn, bởi vì tôi sắp làm ông thư ký quan trọng của dân chứ có đùa đâu.

- Ở chú Hải này khá lắm, làm đàn anh phải có dáng, làm lính tráng phải có oai.

Tôi kiêu hãnh vì lời khen của mấy ông anh họ tôi.

\*\*\*

Tháng Mười, một năm được mùa. Vùng quê phong túc lắm, nhiều nơi hội hè vui chơi. Tôi có dịp theo hai anh họ tôi ra khỏi làng, đến một nơi có phong cảnh đẹp và con gái đẹp.

Hai anh làm thợ đúc chuông, đúc tượng giỏi nhất làng và có tiếng khắp vùng tỉnh Bắc. Đã có tài, lại giỏi trai, có duyên, nên làm đám ở đâu là được đàn anh ở đấy yêu mến, nhất là những cô con gái.

Cố nhiên là tôi được theo đi, vì hai anh tôi cho rằng tôi nhanh nhẹn và khi cần đến giấy tờ gì bằng quốc ngữ thì đã có cậu thư ký nhỏ.

Ba anh em tôi rời khỏi làng một buổi sáng tinh sương, rét mướt. Đường xa mà không tiện xe, tiện thuyền, chúng tôi đi bộ mất một đêm một ngày. Cảnh còm nả dọc đường, tôi không thấy gì là cực khổ, tôi vui sướng đi lẫn trong đám người trẩy hội tấp nập trên con đường nhỏ giữa cánh đồng bao la.

Đến chùa, chúng tôi được người ta biệt đãi, dọn cho một gian riêng.

Hai anh tôi bắt đầu làm, và trong khi làm thì các cô gái đẹp lắng lơ đến xúm quanh hai anh mà hát gheo. Tôi nhớ mãi cái giọng hát ví véo von của họ, giọng hát ví của gái vùng Bắc Ninh. Hai anh đã khiến họ say mê. Họ tranh nhau yêu “ông phó Cả, ông phó Hai” - không những cả hai đều đẹp trai, mà tổ tôm điếm cũng tài, cờ người cũng giỏi.

Tôi nhớ mãi hôm đánh cờ người. Cô gái nhỏ có cặp má lúm đồng tiền cầm quân tốt bị bỏ quên mãi không dùng đến, cô đã ghen với cô xe, cô pháo, rồi cô khóc vùng vằng lủi ra về.

Lúc tan cờ, cô gái ấy đón anh cả tôi ở chân núi, đánh bạo nắm lấy tay anh tôi, mời nhau ăn một miếng trầu.

Từ hôm ăn miếng trầu của cô gái xinh đẹp ấy, anh cả sinh ra ngờ ngẩn, anh hai chỉ lo ngày chính hội đổ đồng tượng và chuông mà bị hỏng thì tai vạ lớn. Tiên đâu mà đền, còn bị làng đòi vạ nữa.

Những đêm sáng trăng lạnh lẽo trên ngọn núi chùa, tôi tưởng không bao giờ quên được cái đẹp kỳ lạ, cái đẹp thần tiên còn phảng phất trong tâm hồn thơ bé đến ngày nay.



Ngày nay nhớ đến đêm trăng ấy, tôi lại buồn rầu vì cô gái có đôi má lúm đồng tiền thưở nọ đã theo anh cả tôi về, bây giờ có một đàn con, già nhiều, đau ốm mù cả hai con mắt.

Chao ơi, xuân sắc người đàn bà!

Tôi thì ba mươi tuổi đầu rồi. Đi đây đi đó đã nhiều, giang sơn thu cả vào đôi mắt sáng. Duy chỉ có chị dâu họ tôi, người con gái ngày xưa sống trong một gian nhà lá dưới chân núi Hàm Long đã bao nhiêu năm bỏ cha mẹ đi theo một người đàn ông, để bị mù lòa không còn biết ngọn núi kia ở phương nào, ở hướng nào.

Một lần, đứng cạnh chị dâu họ tôi ở thềm nhà, tôi che tay ngang mắt nhìn vọng ra cái vạch xanh xanh, mờ mờ ở tít chân trời mà lơ đãng nói:

- Chị cả ơi, rặng núi Hàm Long chiều nay không có sương che, trông rõ quá.

Chị tôi lặng đi một lát rồi khẽ hỏi:

- Thế chú có nhận rõ cái nóc lều gianh ở đấy không hả chú? Nói rồi chị tôi khóc trên đầu đàn con nhỏ. Than ôi, tôi thật không ngờ người đàn bà quê mùa ấy lại có thể ngỏ bao nhiêu nỗi niềm đau khổ trong câu hỏi chua xót ấy.

Tôi không trả lời chị. Tôi khóc ở trong lòng, và oán giận anh tôi, từ khi chị mù lòa đã hắt hủi chị mà ra ngoài tỉnh ở với một cô gái khác rồi.

Buồn vương mây khói trời xa...

Tiếng chị tôi ru đứa con trứng nước tắt vội theo tiếng khóc nghẹn ngào.

Cái chân trời mây khói ấy, tôi thấy lạnh lẽo ở trong tâm hồn mãi mãi, mỗi khi ngồi lặng một mình nghĩ đến người chị mù lòa dờ dẫm ra đứng ngoài thềm để trông vời về nẻo cổ hương...

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 387/1941)**



## Người Đưa Thư

Kính tặng lớp bạn già Hà Nội cũ

Đường Hà Nội sáng choang lửa điện.

Quanh Hồ Gươm xe điện cao su...

Tản Đà đã nhập đề bài thơ Vợ chồng người bán than bất hủ bằng hai câu quá nôm đến mức phải dùng cái danh từ “cục gạch” mà phê phán. Nhưng tôi hiểu rằng đó là thâm ý của nhà thơ ngang ngành ném vào cỏi lắm than cát bụi, ồn ào này câu thơ mộc mạc nôm na ấy chính là để ngạo nghễ cười thể sự và để dồn cả thi tứ vào cuộc sống an nhàn, ăn dật của đôi vợ chồng người bán than chốn lâm tuyền:

Rừng đêm sương khói mịt mù

Gió đêm lạnh lẽo cây lù dù đen.

Đã từ lâu lắm rồi, tôi vẫn thường ngâm ngợi bài thơ đó. Mỗi lần bắt đầu câu “Đường Hà Nội...”, lòng tôi lại băng khuâng nhớ đến một cái bóng gù gập như một lưỡi liềm, một cái bóng già nua ốm yếu đã hiện ra và đã khuất rồi trong băm sáu ngả đường Hà Nội thời xưa cũ.

Đó là người đưa thư. Chao ôi, vẫn cái con người cần cù, nhẩn nhục, lặng lẽ như cánh lá run trong bóng tối.

Tôi nhớ đến ông ta, như là nhớ đến một kinh thành cổ kính. Thuở đó cứ chiều chiều, tôi lại đứng ngây mặt nhìn con la cao lớn kéo chiếc xe phun nước tưới những đường lát đá gồ ghề, lồi lõm. Con la không có tuổi, tai vênh cao như hai chiếc mo nang, lông loãn xoắn đỏ, bốn chân điểm trắng, uế oải gõ móng sắt xuống nền đá bụi. Người phu đi kèm con vật, tay cầm

đoạn roi mây, mỗi khi đến ngã tư đường, lại vụt vào đầu la mấy cái ra hiệu cho nó rẽ. Nhưng cái xe phun nước ấy chưa thấm gì với cái xe chở gỗ cây. Chúng ta hãy nhớ lại để hình dung một đôi cày xe to dài như hai cây tre bương đầu nhọn hoắt lừ đừ đưa về phía trước dữ dội như cặp ngựa voi để dẹp đường. Dưới lòng xe hai ba cây gỗ lớn được buộc ghì vào thân xe bởi những sợi xích sắt to, mà đầu xích thừa buông thõng xiết xoang xoảng xuống mặt đường đá dăm lờm chớm, ăn nhịp với tiếng nghiêng rào rào của đôi vành bánh xe vĩ đại, đường kính chừng hai thước rưỡi. Xe gỗ đi nghênh ngang trên đường phố hẹp nồng mùi cống rãnh và bụi cát, nếu gặp phải xe tưới nước khổng lồ kia hay chạm mũi vào chiếc xe ô tô lọc cọc từ xa tới thì thật là không biết tránh thế nào.

Chiều Hà Nội xưa còn có tiếng chuông gõ nhịp nhàng ở những cỗ xe bán dầu tây. Cỗ xe nho nhỏ, đôi bánh xinh xinh với cái thùng sắt sơn vàng hình thùng rượu, có rôbinê tháo đầu xuống cái thùng con treo lưng lẳng mà khách hàng đã hứng sẵn chai và phễu.

Ngày ấy tôi trọ học ở nhà cô tôi. Cái thằng nhỏ tóc gọng mành gài hai bên tai, suốt ngày ra máy nước đầu phố chen thùng trở tài ba của đệ tử Tư - Dậu, Hàn - Bái, và để chim các chị vú chị sen - cứ cách vài ba ngày nó lại bắt tôi vác chai ra đầu phố đón mua dầu. Phải nhận làm việc đó bởi vì tôi sợ nó. Nó luôn luôn tự khoe giỏi võ, nó hứa truyền cho tôi vài miếng để chơi nhau với những thằng bạn gà tô vẫn quen bắt nạt tôi ở nhà trường và tôi cũng thích làm việc đó, bởi vì tôi thích ngửi mùi dầu tây.

Hà Nội xưa lại có những chiếc xe ngựa của hãng bánh mì Thano chạy lóc cóc khắp ngã đường chật chội. Những chiếc xe bọc kẽm cao lênh khênh sơn vàng chói, chỉ có việc giao bánh thúng cho các nhà phong lưu, khá giả. Thời ấy mà ăn chơi đến thế là sang lắm. Mỗi sáng rất đúng giờ, anh xà ích áo cánh, quần chức bầu trắng nõn gò cương hăm ngựa cạnh vỉa hè, thổi một tiếng còi, bọc bánh bằng mảnh giấy bóng trao cho kẻ gia nhân của khách hàng. Anh nhỏ, chị sen nhận bánh và nhận số đem vào cho chủ kí rồi lại mang số ra trả anh xà ích. Anh xà ích giật cương con ngựa gày gò có hai miếng da che nửa mắt lại gõ móng lọc cọc trên đường đá mấp mô.

Ngày ấy, bà cô tôi dọn hàng đồng. Tiền trinh Khải Định kể hàng bao nhiêu thúng xếp đầy các gậm giường. Cô tôi đau mắt, và trong khi đau mắt cô tôi đã hết lòng làm việc thiện, bắc cầu, tạc tượng, đúc chuông, ấy thế mà cô tôi vẫn bị mù. Mang mục tật, cô vẫn chăm buôn bán và cô càng giàu có bao nhiêu, tôi càng phải bỏ cả sách đèn để suốt ngày ngồi đếm tiền Khải Định. Cứ mỗi cọc nhỏ là một hào: hai mươi đồng trinh vàng chóc. Mỗi chuỗi dài là đủ một đồng: 200 đồng trinh lóng lánh nằm trong thùng, như từng khúc rắn quấn vào nhau.

Đếm tiền hoa cả mắt, tôi vẫn không dám bỏ đi chơi. Bởi vì cô tôi mắt không nhìn thấy tiền, nhưng tai cô thính lắm, có thể nghe mà ước lượng được những chuỗi trinh Khải Định, xu đồng reo lách cách trên tay tôi. Chờ lúc nào cô tôi nghe tiền mỗi mẹt chợ ngủ đi một lát, tôi mới dám rón vội hai đồng Khải Định, chạy vèo ra đón đầu chiếc xe ngựa sơn vàng cao lênh khênh kia để năn nỉ anh xà ích áo quần trắng lớp mua cho được cái bánh tây có bọc giấy bóng vàng. Tôi vội trở vào nhà. Cái thân hình xanh xao gầy oắt của tôi lại lọt thỏm giữa những thúng tiền đầy ắp, tôi vừa nhai bánh vừa gieo mạnh những đồng trinh vàng chóc, những đồng xu đỏ ối, cốt cho tiếng kim khí xô xát làm át tiếng bánh tây kêu ròn trong hàm răng tôi, bên đôi tai rất thính của bà cô mù tần tiện.

Thế rồi cô tôi đã chết, chỉ vì một lá thư, chỉ vì cái người đưa thư ấy. Tôi nhớ một sáng mùa đông ông ta đã ho lộ khụ, bước xuống cái xe nhà cũ kĩ sơn đen kẻ chỉ đỏ cao ngất ngưỡng, đôi bánh vành sắt vệt mòn vì bao tháng năm lăn mãi trên bầm sáu ngã đường đá sặc.

Người phu trạm ấy đã vừa ho vừa lau nước mũi, mở cái hộp da trâu to tướng nhuộm nhiều cát bụi, mồ hôi, có sợi dây da đeo lên cổ, lấy ra một phong thư xanh, lặng lẽ ném vào thúng tiền Khải Định trước mặt tôi, rồi quay ra. Chiếc xe nhà đen cao ngất ngưỡng lại lăn trên đôi vành sắt vệt mòn, tiếng sắt cọ nghiêng đá đường lồi lõm kêu ghê rợn trong mưa lạnh.

Lặng nghe tiếng động ở đầu càn xe bọc đồng chạm ngoài hè, và nghe tiếng ho quen thuộc của người đưa thư bà cô mù vội hỏi:

- Có thơ đấy à? Thơ anh cả mày phải không?

Tôi quen lệ như mọi khi đọc thư người anh cả, con cô tôi ở ngoài mỏ Ông Bí gửi mắng đa về, nên từ từ bóc phong bì. Nhưng đây là bức thư chữ đàn bà dưới kí tên chị tôi tức là cô con gái quý của cô tôi. Tôi đọc. Hỡi ơi đó là bức thư tuyệt mệnh, viết bằng máu và hoen nhòe nước mắt. Thì ra cô con gái quý của cô tôi đã trẫm mình ở Hồ Tây chỉ vì chị ấy đã thất trinh, đã có mang và gã sở vốn là một ông đốc học một trường tư thực đã ra roi giục truy phong phi nước đại.

Thời ấy gái thâm nghiêm chỉ còn cách gỡ danh dự bằng thuốc độc, nước hồ, mỗi khi bị phụ tình, bị cưỡng hôn hay chán đời bởi chẳng được cùng ai tròn duyên kiếp.

Cô tôi nghe xong thư chết ngất đi, rồi ốm, rồi chết thật. Rồi sau đó, tôi được giải phóng khỏi cái ngục tù tiền Khải Định vàng chóa, tiền xu đồng đỏ ối xếp cao như núi bấy lâu đè trĩu mái đầu xanh tội nghiệp của tôi.

Tôi ôm bọc áo, mớ sách, đi ở nhờ nơi khác. Nhưng ngày ngày dù ở đâu, dù đi đâu, quanh cái thành phố băm sáu phố phường chật hẹp này, tôi vẫn gặp người đưa thư ấy. Ông ta vẫn âm thầm lặng lẽ làm cái công việc của con chim câu sứ giả. Ông ta vẫn nhẫn nhục cần cù, câm nín, cùng chiếc xe nhà đen cũ kĩ cao ngất ngưỡng, hàng ngày đi khắp hang cùng ngõ hẻm, phân phát những chuyện buồn vui, sầu não của muôn vạn mối tình duyên thiên hạ, những chuyện lọc lừa xảo trá, tóc tang bi ối của muôn vàn con thú dữ đã nhờ mảnh giấy con tem, chiếc dấu bưu điện để, dấu cách xa nhau nghìn dặm, cũng có thể cắt hầu cắt họng nhau vì một mưu thần chước quỷ, vì một mảnh khước sâu độc gian hùng.

Tôi đã nhớn lên dần, tôi đã bị guồng máy thời gian nhào lộn theo luật phù trầm góm ghiếc và tôi đã già đi trước tuổi. Vậy mà ông ta, người đưa thư ấy, người sứ giả vô cùng nhẫn nại ấy, vẫn thảng ngày ngồi dựng đứng trên chiếc xe nhà sơn đen cũ kĩ mòn bánh và long trục, lọc cọc lăn hoai trên các ngã đường.

Ông ta vẫn đội chiếc mũ thuộc địa bọc vải vàng, vẫn mặc bộ tây vải ka ki, áo cổ cứng ôm lên gáy, một dây khuy đồng có mỏ neo và đôi chân chữ bát vẫn lê đôi giày săng đá. Mỗi khi đeo cái hòm da ketch sù trước ngực,

bước từ hè bên này sang hè bên kia, đế giầy sằng đá lại gõ rào rào trên đường đá khiến trẻ con hai dãy phố xúm xít chạy theo, như là chạy theo lão Hai Tây làm quý thuật, đóng đinh hai mươi phân vào lỗ mũi trước bãi chợ Hàng Da.

Lũ trẻ xúm lấy ông ta, ông ta chẳng gạt chúng ra, cũng chẳng lộ một chút cảm tình chi hết, bộ mặt xương xẩu, đen bóng lúc nào cũng lạnh lẽo khác thường. Cái lưng khom gập xuống, phía ngực lưng lảng cái hòm da, hai cánh tay dài có khi buông lỏng thông có khi ôm đỡ chiếc hòm thư, ông ta gục đầu mà bước trông thảm hại như con đười ươi già cô độc.

- Cám ơn ông ạ. Mời ông hãy vào xơi chén nước.

- Đa tạ ơn ông. Mời ông hãy vào nhà ăn miếng trầu cau tươi cho ấm áp. Trời rét quá, rét buốt xương buốt tủy thế này! Đi đâu mà vội thế.

Nhưng lời dịu ngọt của cụ già đạo mạo và bà quả phụ tình duyên còn lóe sáng trong đuôi mắt bồ câu kia cũng chẳng đủ sức đậm đà để mời được người đưa thư âm thầm, cầm nín đó uống chén nước trà, ăn miếng trầu cau.

- Ái chà, một bức thư màu hi vọng. Thư ân thư ái của cô vợ chưa cưới của tôi đây mà! Cám ơn ông nhé! Ông xơi điếu thuốc đã nào!

Đó là một gã con trai đang tựa cửa đỏ mắt chờ cái xe nhà sơn đen kẻ chỉ đỏ, cao ngất ngưỡng đúng chín giờ sáng và bốn giờ chiều từ xa lại, để nhận một lá thư tình, và để cảm ơn ông ta. Nhưng người đưa thư cầm nín và lạnh lẽo kia chỉ mỉm cười, khẽ lắc đầu.

Và đây là cô gái đào tơ e lệ nép mình sau bức màn viền vải tây điều hồi hộp giơ mấy ngón tay trắng nõn ra đón chiếc phong bì tím, chưa kịp cảm ơn đã giấu phong thư vào túi, chạy vội vào trong bếp, má còn ửng hồng.

Người đưa thư lúc nào cũng thân nhiên làm phận sự, đã mấy chục năm trời. Trong quãng thời gian dằng dặc ấy, người đưa thư đã phân phát gửi gắm biết bao nhiêu tóc tang sầu muộn, hờn tủi, sướng vui vào cõi thế gian hỗn độn này mà tự chung con người nhỏ bé, cầm nín ấy, chẳng nghĩ gì, chẳng biết gì đến việc mình làm.

Thời thế như tấn tuồng đời, đã bao phen thay trò, đổi lớp, ngổn ngang như lá thu vàng rụng và cũng nhẹ nhàng như ức triệu phong thư do đôi bàn

tay đười ươi già nua ấy rải rắc vào thiên hạ.

Tôi đã qua thời thơ ấu và niên thiếu và cũng đã qua rồi những buổi sáng buổi chiều tựa cửa phòng quán trọ, hồi hộp mong chờ những lá thư tình, thư bạn ở gần ở xa, do người sứ giả kia đưa đến tận tay tôi.

Bây giờ tuổi đã xế chiều, ấy thế mà tôi vẫn còn thấy ông lão đưa thư của cái “Hà Nội xưa cũ” ấy một chiều kia, lang thang trong “Hà Nội mới” chói lòe đèn nê ông, nhộn nhịp người năm châu bốn biển và hằn sâu vết xe chinh chiến...

Thời thế đã đổi thay nhiều. Cho nên cái xe nhà đen cao ngất ngưỡng của người sứ giả kia, theo định luật phế hưng, đã bị tiêu diệt tự bao giờ. Ông ta vẫn mang nghiệp cũ, nhưng mà cái hòm da trong đó đã đựng bao nhiêu nước mắt, bao nhiêu tiếng cười của con người, giờ đây cái hòm da lịch sử đó tôi không còn được thấy trên cái lưng gù gập kia nữa.

Rồi trong những ngày tiếp theo, ông già khốn khổ đã còng lưng đạp chiếc xe đạp gỉ nát, bánh cao su đặc, xích rảo kêu ken két như là xương xẩu ông trên các nẻo đường rải nhựa.

Ông già cô độc ấy, gần đây, đã biến đi đâu mất hút. Tôi thương tôi nhớ hình bóng Hà Nội cũ bao nhiêu, lại càng thương nhớ bấy nhiêu con người khổ não cam nín ấy. Đã có lúc, tôi chợt nghĩ rằng con người ấy đã âm thầm len lỏi vào muôn vàn định mệnh của thế gian, chia sẻ buồn, vui cho nhân thế...

Ngày nay, tôi không còn trông thấy ông lão đưa thư đó. Hà Nội đã thay hình thoát xác, ai còn lưu giữ cái lão lưng còng mắt toét, lom khom như con khỉ già vô dụng ấy làm chi nữa cho thêm chật chội phố phường thanh lịch.

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, 1951)**

## Một Chuyện Của Lòng

Kính tặng vong hồn từ mẫu

Bây giờ, cái dinh thự ấy vắng chủ nhân lại càng thêm rộng rãi, càng thêm u tịch.

Tôi một mình đi dạo quanh khu vườn thoảng mùi hương của những thứ hoa kỳ lạ, dưới bóng mát của những cây đại hoa trắng nở đầy cành.

Những khu vườn đẹp ấy đã quen thuộc với tôi từ một tháng nay, không cho tôi thêm một cảm giác gì mới nữa. Đã bao nhiêu chiều, nắng hè vừa nhạt, tôi cùng ông ngoại tôi đi lững thững trên những con đường sỏi rải đầy xác hoa. Tôi tò mò hỏi ông tôi tên từng thứ hoa, thứ cỏ, và lúc mỗi chân, chúng tôi ngồi nghỉ bên hòn núi giả, ông tôi chậm rãi kể cho tôi nghe những trang lịch sử về Tây Sơn đánh đuổi Gia Long..., về việc vua Thành Thái, Duy Tân bị đi đày...

Giọng ông tôi yếu dần vì xúc động, run run như chứa chất bao nhiêu niềm thống cảm, bi hoài. Những lúc này, ông tôi cau mày, người ngược mắt nhìn về phía đông nam, ở đấy, một làn mây xám lơ lơ trôi trên đỉnh Ngự Bình Sơn.

Vị lão thần nửa đời phò triều Nguyễn, một kẻ bầy tôi trung thực đã được nhìn cuộc suy vi của nước nhà, trước mặt tôi lúc này là hiện hình một dĩ vãng đau thương.

Bây giờ, người đã về trí sĩ, một mình ở một tòa dinh thự kiến trúc theo lối cổ, chỉ có một bố già sớm tối chực hầu.

Bà ngoại tôi tạ thế từ hồi mẹ tôi ngoài hai mươi tuổi theo chồng ra Bắc.

Ở Bắc Hà, tôi vừa lên bảy tuổi thì mẹ tôi từ già cõi trần. Tôi nhớ hình như mẹ tôi chết trong khi lâm sản, chết một cách rất nhanh chóng, thảm thương. Tôi nói là “hình như” vì tôi không muốn hỏi cha tôi về những câu chuyện cũ. Thuở còn thơ ấu, cha tôi quanh năm mắc sang Lào, sang Miên theo đuổi về doanh nghiệp, phải gửi tôi ở các quán trọ, hàng cơm. Thuở lớn lên, tôi ham việc học hành, không mấy khi ngồi đối diện cha tôi. Và tuy cha tôi đã tổ chức một gia đình, song than ôi, trong gia đình ấy, tôi thấy tôi là người sống gửi, vì di ghẻ tôi đối với tôi quá thờ ơ, lãnh đạm, mà cha tôi cũng chẳng quan tâm, săn sóc gì tôi.

Tuy mẹ tôi chết rồi mà ở trong Kinh ông ngoại tôi vẫn thường gửi thư ra Bắc, và cha tôi cũng năng gửi thư vào vấn an người. Nhưng về sau, cha tôi thưa gửi, vì vậy sự liên lạc của cha tôi cùng người cũng nhạt dần.

Tới khi khôn lớn, thỉnh thoảng tôi có viết thư hỏi thăm ông tôi, nhưng tôi chỉ lén viết không cho cha tôi biết. Tôi dời đất Huế từ ngày thơ nhỏ đến ngày nay đã ngót hai mươi năm. Hai mươi năm để hình ảnh nơi quê hương yêu quý, nơi chôn rau cắt rốn của mình chết trong ký ức, bây giờ tôi mới có dịp, lần thứ nhất, trở lại kinh đô Huế, trở lại tìm người đã sinh ra người mẹ hiền bạc mệnh của tôi.

Huế! Ta đã khóc những tiếng khóc đầu tiên ở cái đất vương giả này đây!

Huế! Ta đã được người mẹ trẻ của ta trong những buổi mai gió sông Hương thổi tạt vào khu vườn hoa rộng rãi này dắt ta đi chập chững từng bước một, những bước đầu tiên của đôi chân đang bụ sữa... Ta đã được mẹ ta, ãm ta ngồi dưới gốc cây đại đầy hoa trắng, vui vẻ ca những bài ca êm ái nhất ở khu vườn ngào ngạt hương thơm mà ta đang đứng bây giờ.

Chiều nay, ông ngoại tôi đi dự tiệc trong dinh cụ Tham Trí. Đứng ngoài vườn chán, tôi lững thững lên nhà. Tôi vào gian phòng mà ông tôi đã sai bề tôi dọn dẹp, lau chùi bàn ghế sẵn sau khi nhận được điện tín của tôi, và nay người dành cho tôi chiếm một mình.

Gian phòng rất xinh, tường quét vôi xanh nhạt. Những đồ lối cổ bày đơn giản và gọn ghẽ. Tôi thích nhất cái giường, cái giường cổ đường triện thiếp



vàng chạy xung quanh, trên trái chiếu trúc, nằm mát rượi. Và tôi ưa cả cái gương Tàu hình bầu dục từ bao nhiêu năm mà vẫn không mờ.

Tôi nhớ người bõ già, hôm tôi mới đến, đặt chiếc va li của tôi xuống, rồi điệu bộ lễ phép, lão nói với tôi: Đây là căn phòng bí mật, cửa quanh năm khóa kĩ. Tôi hầu cụ lớn đã mười năm. Nay mới được cụ giao cho chiếc chìa khóa gỉ này.

Câu nói của bõ già làm rộn trí tôi, gọi cho tôi biết bao nghi ngờ, thắc mắc.

Nhiều đêm, trần trọc không ngủ được, tôi bâng khuâng tự hỏi rằng: cái giường này xưa đã có ai nằm? Cái gương này xưa đã có ai soi?

Cả cái phòng này nữa, sao lại bỏ hoang đến nỗi dù đã lau chùi, quét rửa kĩ rồi mà vẫn còn mùi rêu mốc tanh hôi, ẩm ướt? Hay là, ở đây, đã có người nào tự tử, hoặc đã xảy ra một vụ ám sát ghê gớm... hoặc là có ma quỷ thường tác quái?

Nhưng những dấu hỏi hoài nghi ấy không đủ làm tôi sợ, vì chưa có một chứng cứ nào cho tôi tin là có ma quỷ ở trần gian. Tôi chỉ vẫn vợ nghĩ về cái giường cổ và cái gương Tàu, vì không hiểu sao, hình như tôi có sẵn một linh cảm kỳ quặc đối với hai thứ đó.

Một tối, nhân lúc ông tôi ngồi uống nước ngoài vườn, tôi ở trên giường vùng ngồi dậy. Tôi nhảy xuống đất, rón rén đến cái tủ kê ở góc tường, chăm chú nhìn từng ngăn kéo. Tôi rút mấy ngăn trên, chẳng có vật gì, còn một ngăn cuối, tôi mở nốt, nhưng ngăn này có khóa. Tôi lại giường nằm. Song cái ngăn kéo khóa kĩ kia khiến tôi nghi ngờ dữ quá, rồi bộ óc quen bày đặt chuyện của tôi tạo ngay thành một vụ giết người mà ông tôi là... thủ phạm, và trong ngăn tủ kín đáo kia hẳn giấu giếm một lá thư, một con dao máu lâu ngày đã đen sì lại. Vụ án mạng đó có lẽ vì chính trị, vì tình, hay là vì việc chiếm đoạt gia tài...

Sao lại không thể như thế được, khi mà người ta có một quyền hành lớn trong tay, có một địa vị oai nghi, lẫm liệt ở trong triều.

Rồi tự nhiên tôi tưởng tượng thấy hiện lên một oan hồn đang đập cửa đòi vào... tôi mơ hồ nghe thấy tiếng khóc than ri rỉ trong cái ngăn kéo bí mật

kia... Người tôi rờn rợn. Tôi lại nhảy đến trước tủ, và lần này thì quyết định, tôi nhặt một đoạn sắt ở góc tường, dùng hết sức nạy khóa ra. Khi đã thành công, tôi run tay từ từ lôi ngăn kéo. Trong đó, có vài lá thư giấy đã vàng và chữ rất nhòa không đọc được. Dưới những lá thư, có một cái hộp mây đựng tấm gương con, chiếc lược ngà, chiếc rẽ đường ngói bằng lông dím, mấy hộp phấn sáp, lọ dầu thơm bôi tóc và kim chỉ.

Bên trong cùng, có một cái hộp sơn đen. Mở ra, tôi thấy những cánh hoa khô phủ lên một tấm ảnh người gái Huế. Ngay phút đầu, tâm thần tôi đã rung động vì nhan sắc người trong ảnh. Thiếu nữ đẹp vô ngần. Vẻ đẹp cao quý ấy, ta chỉ có thể thấy ở những nàng công chúa, ở những công nương khuê các giá ngàn vàng.

Càng ngắm bức ảnh, lòng tôi càng như vương vấn một thứ tình say sưa kỳ lạ, một thứ hoài cảm mênh mang...

Tôi không biết người đẹp ấy là ai đối với ông tôi... Có thể là một người con? Một người cháu? Hay một người hầu thiếp? Ồ, nếu nàng là người hầu thiếp, nếu cái mặt hoa ấy, cái mình ngà ngọc ấy, cả cái nhan sắc thần tiên ấy là vật sở hữu của một ông già tóc bạc lưng còng, lần từng bước gậy, sống thoi thóp cạnh cửa mờ, thì than ôi, thật là đau đớn cho nàng, đau đớn cả... cho tôi! Hình như tôi ghen với ông tôi, tôi muốn thấy người đẹp ấy ngay tức khắc. Tôi đoán ông tôi tạm giấu người ấy đi một chỗ trong khi có tôi ở trong dinh, vì người e có điều bất tiện, rồi chờ tôi ra Bắc, nàng mới được về để giữ việc đấm bóp cho người.

Nhưng sau, tôi lại vợ vẫn nghĩ rằng nàng đã chết rồi, vì những cánh hoa khô ai rải lên tấm ảnh có lẽ ngụ một ý nghĩa là: lấy hoa liệm xác người khi sống vốn yêu hoa.

Tôi đang tần ngần nhìn tấm ảnh thì chợt có tiếng ho của ông tôi ngoài hành lang. Sợ người bắt gặp tôi đang phạm một tội tò mò, cái tội tôi tự biết là rất xấu mà lần đầu tiên tôi phạm, nên tôi vội vàng bỏ tấm ảnh vào ô kéo, xếp giấy má lên trên như cũ.

Sau đấy, tôi băng khuâng hoài về tấm ảnh người con gái đẹp, cái tình băng khuâng ấy gần như thứ tình yêu. Một lần, tôi lấy tấm ảnh đó ra xem

lại, lần này không nhớ là lần thứ mấy, rồi tần mẫn bóc một miếng giấy mỏng dán phía sau, tôi đọc thấy hai chữ Bạch Vân, nét rất mờ.

Đó là tên người trong ảnh, chắc hẳn rồi. Cái tên ấy bắt đầu in sâu vào trí não tôi, và khiến tôi thầm nhắc nhủ đến luôn.

Một buổi chiều nắng tắt đã lâu, tôi theo ông tôi ra vườn sửa cây cảnh. Như mọi lần, chúng tôi lại ngồi trên tấm ghế đá bên hòn non bộ. Tôi ngoảnh về phía đông nam, ngắm một dải mây trắng trôi lững thững trên đỉnh núi Ngự Bình, và tôi nói với ông tôi như một đứa trẻ hiền lành, ngoan ngoãn:

- Ông ơi, mây trắng bay trên núi Ngự Bình đẹp quá!

- Ừ, sao cháu?

- Bẩm ông, ở Hà Nội, cháu có một người bạn gái nhờ cháu đặt cho một cái biệt hiệu, giá lấy cảnh kia mà nghĩ ra một cái tên thì có lẽ cũng hay hay... Tỷ dụ như Bạch Vân chẳng hạn... có được không ông?

- Sao không được... À, xưa kia...

Nhưng ông tôi ngừng ngay lại, đôi mắt lơ lơ tựa hồ vừa thoáng qua một cái bóng dĩ vãng thăm sâu. Người đặt bàn tay run rẩy lên vai tôi, nhìn chăm chập vào mắt tôi, ngắm nghía tôi một cách lạ lùng, tỉ mỉ như ông thầy coi tướng số. Rồi khi không, tôi nhận thấy mấy giọt lệ bám long lanh trong cặp kính, người bảo tôi:

- Cháu ôi, khi xưa..., cũng vào một buổi chiều, nhân buồn lòng về triều chính, ông ngồi ở cái ghế này uống rượu giải sầu, chợt thấy một đám mây trắng bay trên núi, và chính giữa lúc ấy thì ở trong phòng bà ngoại cháu vừa sinh hạ ra mẹ cháu, nên ông mượn cảnh nọ mà đặt tên cho mẹ cháu là Bạch Vân. Bây giờ, mẹ cháu chết rồi, mà đám mây trắng kia lại kéo qua đỉnh núi Ngự Bình để cháu vô tình nhắc đến khiến ông đau đớn biết bao nhiêu!

Cả tâm hồn tôi tê tái, trái tim tôi như tan vỡ!

Thế ra bức ảnh người thiếu nữ đẹp như nàng công chúa ấy lại chính là mẹ tôi?

Tôi, thằng con khốn nạn này, đã thềm yêu mẹ, đã bày ra trong tưởng tượng biết bao ngờ vực, đã ghen ngấm ngấm với người ông ngoại từ ngót một tháng nay?

Thực là một huyền mộng bất ngờ tan ra như bọt nước. Một tiếng sét, một làn chớp xé mây mù để cho tôi thoáng nhìn thấy mảnh trời trong xanh.

Hỡi người mẹ hiền bạc mệnh của tôi, người đã bỏ lâu hoa chốn Đô thành để đi chôn cả nhan sắc trong gian truân đau khổ với chồng, với con, người đã chôn cả tấm hình hài ngàn vàng trong kiếp giang hồ, chết âm thầm ở nơi đất lạ, quê người!

Tôi ngả đầu vào vai ông tôi mà khóc tựa như đứa trẻ thơ. Rồi ông tôi khẽ nói bên tai tôi, giọng hiền từ như một ông Tiên, ông Bụt ở trên trời xuống đỡ dành một kẻ đau thương, mà tôi thường được nghe trong những truyện cổ tích.

- Cháu ạ, khi xưa có lẽ vì mối lương duyên trời định mà ông gả con gái cho cha cháu. Khi ấy cha cháu ở ngoài Bắc đổi vào đây làm “xếp” ga. Ông thương cha cháu về đức tốt, nét hiền, con gái ông cũng ưng cha cháu vì nói năng hoạt bát, tài hoa. Thấy hai trẻ yêu nhau, ông cho phép cha cháu ra vào dinh tự nhiên. Rồi ít lâu, ông cho cha cháu vào hẳn trong dinh gửi rể, thiệt tình ông quý như con đẻ đứt lòng.

Được vài năm, nhà nước đổi cha cháu ra làm ngoài Bắc, mẹ cháu phải dời ông để theo chồng. Tin mẹ cháu bỏ mệnh nơi đất Bắc chẳng mấy chốc đến tai ông. Bà ngoại cháu thụ bệnh và chết cũng vì tin thê thảm đó.

Căn phòng kia từ khi mẹ cháu chết đi, ông truyền khóa kín và đến mãi bây giờ ông mới cho mở để dành chỗ cháu nằm; khi trước chính đấy là chỗ cha mẹ cháu động phòng hợp cẩn. Cái giường cháu đang nằm, cái gương cháu đang soi đều là những đồ vật có in bóng của cha mẹ cháu tự ngày xưa.

Ông tôi trầm ngâm một lúc rồi tiếp lời:

- À, trong một ngăn kéo tủ góc phòng, ông còn cất tấm ảnh mẹ cháu chụp một ngày trước hôm làm lễ cưới. Tấm ảnh ấy ông chắc đã mờ rồi, vì đã mười mấy năm nay ông không muốn mở cửa gian phòng đó để nhìn

những kỉ niệm thương tâm. Đây, chìa khóa ngăn kéo tủ ấy đây, ông cho phép cháu vào mà hôn mẹ.

Tôi chạy vụt vào phòng như một thằng điên. Tôi trịnh trọng lấy tấm ảnh ra ôm chầm vào ngực mà ôm ấp; đưa lên mặt mà hôn hít, mà ngấm ngấm. Tôi nhìn ảnh, rồi nhìn bóng tôi ở trong gương xem có nét gì giống mẹ không. Tôi ôm lấy tấm gương hôn chùn chụt, tưởng tượng rằng trong đó vẫn còn ghi lại cái bóng mẹ tôi những lúc xưa đứng xoa tóc chải đầu. Tôi nhảy lên giường, vuốt ve từng chiếc gọng màn, hôn đôi gối, hôn cái nệm - tưởng tượng rằng chăn màn ấy, gối nệm ấy còn ấp ủ mùi hương của da thịt người mẹ đẹp của tôi.

Mê man và vui sướng như được thấy mẹ hiền sống lại, tôi nâng niu tấm ảnh trên tay, ngấm mãi không rời mắt. Bây giờ tôi mới được trông mặt mẹ, vì tự thừa lấy chồng, mẹ tôi không hề chụp một tấm ảnh nào.

Đêm ấy, tôi ấp ảnh mẹ tôi vào ngực, ngủ ngon lành trên nệm như đứa trẻ nhỏ ngủ ngon lành trong một cái nôi.

Tôi mơ màng thấy tôi bé lại, có một bàn tay trắng muốt vỗ về tôi... Bên tai tôi, văng vẳng tiếng ai ca khúc Nam bình ru cho tôi ngủ, giọng ca lẫn với giọng đàn mê li...

Nhưng ác làm sao gà bên tường hoa bỗng đâu lên tiếng gáy, tôi bừng mở mắt, nhìn qua cửa sổ: một chiếc bông đang kẽo kẹt lướt ngoài sông Hương. Tiếng ca với cả tiếng đàn của người kĩ nữ vô danh vọng đưa đến tai tôi càng mê li, càng nã nuốt..., than ôi, ta tiếc sao đó chẳng là một giấc mơ vĩnh viễn để ta được ngủ hoài dưới bàn tay mẹ ta ve vuốt, để ta được tưởng rằng tiếng hát kia là tiếng mẹ hiền ta ru...

**(Phấn hương, Nxb Tân Dân, H., 1939)**

## Lỗi Tình

Những chiều vừa nhạt, Trinh mang chiếc võng ra vườn buộc vào thân cây nhãn, nằm đập chân đưa cho võng lên cao, đoạn cô trịnh trọng áp quyển truyện Kim Vân Kiều lên ngực... Đôi mắt đẹp lim dim nhìn ánh sáng loang loáng trên lá cây thưa, làn môi tươi chúm chím khấn thầm những câu khấn thuộc lòng, cô bói xin một quẻ ứng nghiệm mỗi tình của cô. Rồi quả quyết, cô mở đôi quyển sách, đọc trang bên tay phải. Gặp chữ khó, cô phải đánh vần vì cô mới nhờ cậu em nhỏ dạy được hơn tháng nay. Đọc hết trang, cô ngẫm nghĩ..., đoán ý nghĩa từng câu, nhưng cô không sao hiểu nổi, bực mình, cô bóp quyển sách, dẫn mạnh xuống đùi.

Một lát, Trinh lại mở sách tìm trang mà cô đã đánh dấu bằng chiếc lá khô, đọc lại:

*Sâm, Thương chẳng vẹn chữ tòng,*

*Tại ai há dám phụ lòng cố nhân.*

Khe khẽ ngâm câu ấy đến ba lần, Trinh thấy dạ nao nao, buồn buồn...

Đọc lời dẫn giải cuối trang, Trinh hiểu rằng sao Sâm, sao Thương là hai ngôi sao không ở gần nhau, không bao giờ gặp được nhau, mỗi ngôi ở một phương trời! Vậy thì cô với chàng trai trẻ ấy sẽ chẳng thể chung sống một cuộc đời để yêu nhau?

Trinh chán ngán chớp mắt cho lệ tràn ướt má, và trong bóng tối, cô thờ dài, ngửa mặt nhìn bầu trời đêm thăm thẳm, đếm từng vì sao thưa thớt mọc... Giữa nền trời mênh mông không gợn mây, một dải sông Ngân Hà bắc ngang như dải lụa, chỉ trong khoảnh khắc trời đã đầy sao lấp lánh,

Trinh hoa mắt không đếm xuể. Trinh sực nhớ đến những buổi tối hè trăng sáng thuở còn bé dại, cô thường cùng mẹ bắc chõng ra sân, mẹ bảo cô ngắm sông Ngân Hà, rồi chỉ cho cô nhìn những ngôi sao chắp thành hình con vịt, hình cái mũ Thượng Đế, hình nàng tiên ngồi giặt lụa bên sông...

Nhưng nay mẹ đã qua đời, cô không còn được ngậy thơ gối đầu lên đùi mẹ, ngắm mẹ ngồi vá áo dưới đèn trăng. Cô không còn được nghe mẹ kể đi kể lại bằng một giọng rất đỗi hiền từ, những chuyện anh chàng Cóc lấy vợ tiên, chuyện Lưu Bình, Dương Lễ, truyện Tấm - Cám, Tống - Trân.

Cô mồ côi, cùng em thơ sống cực nhọc dưới quyền dì ghẻ; rồi từ khi khôn lớn cô đã yêu một chàng, nhưng than ôi, chàng ấy chỉ là cái bóng hững hờ đi qua giẫm lên những ước vọng thầm kín ở lòng cô!

Trăng hạ tuần đang mọc đằng đông; một nỗi buồn rười rượi xâm chiếm tâm hồn u uất của cô.

Nhìn những ngôi sao to nhỏ, gần xa, cô tự hỏi lòng: “Sao Sâm, sao Thương ở đâu? Anh Minh?”

Song Minh nào có trả lời cô, nào có nghe thấy câu nói ấy, mà nếu như nghe thấy, hẳn anh sẽ hết sức ngạc nhiên nhìn cô: “Sao cô hỏi tôi câu kỳ khôi ấy?”

Ừ, sao lại không có tình yêu đó, sao Trinh lại không dám hỏi anh câu đó, vào một ngày mai sau.

Trăng tròn và đỏ tựa mặt trời nấp sau cây gạo đầy hoa đỏ như mớ đuốc cháy trong bóng tối, đom đóm lượn lập lòe trên những bức rào găng mọc rất đều, bao quanh cái sân đất rộng của một nhà ga nhỏ; dưới ánh trăng, lớp mái ngói thấp lè tè đen sạm và bức tường mới quét lại màu vàng đỏ bóng lên nhau.

Trinh đưa mắt nhìn sang phòng giấy nhà ga, thấy Minh, người cô vẫn thầm yêu, đang ngồi làm việc. Anh quay lưng ra phía vườn khiến Trinh không trông rõ mặt, anh chẳng hề lưu ý đến Trinh tuy Trinh đã cố đưa võng kéo kệt và dặng hăng mấy lần. Trinh lại khe khẽ hát, giọng buồn buồn một câu ở truyện Kiều mà cô cho là rất gở trong giấc mơ tình vô vọng của cô.

Tiếng hát và tiếng võng đưa trong đêm tối buồn đến não lòng, vậy mà anh vẫn ngồi đọc sách điềm nhiên.

Trinh bực tức muốn đứng dậy chạy vào mà trách con người vô tình ấy nữ yêu sách hơn yêu mỗi tình cô. Vừa lúc ấy, Minh nghe thấy còi xe lửa đằng xa, anh đẩy ghế đứng lên, như cái máy, anh vợ vội lá cờ vải đỏ cuốn tròn và cây đèn dầu lồng kính đỏ, rảo bước ra ngoài sân ga vắng ngắt không có một hành khách đợi tàu. Trinh cũng chạy ra, nhưng e thẹn, cô nấp sau một gốc cây.

Minh lững thững đi bên đường sắt, tay khẽ lắc cây đèn kính đỏ, vừa nhìn đoàn xe lửa tí tắp xa đang phun khói trắng lên khoảng không mờ ánh sáng trắng, vừa huýt sáo miệng, cất tiếng hát khe khẽ.

Minh làm xong cái công việc của một thày xếp ga quanh năm suốt tháng là phát lá cờ vải đỏ, thổi mấy tiếng còi ra hiệu cho đoàn xe lửa chạy, rồi lại vào căn phòng giấy nhỏ hẹp để nằm lăn trên chiếc giường vừa một người dùng, nghĩ vẩn vơ những chuyện đâu đâu, hoặc ngồi lục lại những cuốn nhật ký hỏa xa cũ nát của các bạn đồng nghiệp, hoặc ngồi dán mắt vào cái máy vô tuyến điện, chờ tiếng chuông reo rầm rĩ một hồi rồi, như người máy anh vợ lấy mảnh giấy chép vội vàng những dòng chữ trên sợi băng giấy trắng, xanh từ trong cái máy đồng xinh xắn nhả ra.

Ga nhỏ, lại ở một vùng quê hẻo lánh, nên nhiều khi ba bốn ngày liền Minh không thấy ai mua vé, mà các chuyến tàu đỗ ở ga cũng thường không có một hành khách nào xuống cả. Bởi vậy, bọn phu xe không kiếm được ăn, dần dần giải nghệ, và những hàng quán cũng dọn đi nơi khác, cạnh ga chỉ còn một nhà dây thép tẻ buồn và mấy gian nhà lá của người “phu kíp” già nua.

Trinh ở mấy gian nhà lá ấy, và Trinh là con gái lão phu-kíp ấy.

Không có vợ con như các thày xếp ga khác nên Minh bảo lão Năm - tên bố Trinh - thổi cơm tháng anh ăn. Trinh gửi người ra tỉnh mua riêng cho anh đĩa son, bát sứ, mâm đồng để dọn cơm hầu anh cho lịch sự. Cô còn thường bảo người nhà lên nhà ga hỏi anh xem có quần áo cần thay để cô



giặt giúp hoặc hỏi anh muốn ăn đổi bữa những gì để cô chiều, song Minh dễ tính, và muốn đáp công cô, anh thường nhắn lời khen ngợi, cảm ơn.

Tối tối, Trinh mượn cơ đưa thẳng em lên ga nhờ anh dạy học; những dịp ấy, cô chăm chú nhìn vẻ mặt khô ngô, dáng người lịch sự của anh mà lòng hồi hộp, ước ao, chờ đợi một câu nói gợi tình, một cái vuốt má mơn man, nếu được thế, cô sẽ say sưa hiến anh... nhưng chưa bao giờ cô được nghe một câu nói tình tứ, được biết một cái vuốt má, buồn thay!

Có khi Trinh lần thân mong Minh ốm để cô tiện cơ gần anh trong việc cơm cháo, thuốc thang, và, nếu có thể, cô sẽ không ngần ngại mà xoa bóp cho anh, đánh cảm cho anh, như một người vợ hiền nâng giấc cho chồng. Song Minh chưa hề đau ốm. Sáng tinh sương cô đã thấy anh cởi trần; trời rét mặc lòng, anh ra đứng cạnh đường sắt hô hấp khí trời, tập thể dục cho tới lúc mặt trời lên cao, chạy ra khu hồ gần đấy nhảy xuống bơi rồi lững thững về phòng giấy nhìn ra ngoài trời. Lúc nào Minh cũng tươi vui, nếu không thối còi miệng thì hát khiến Trinh nhiều khi đứng ngoài vườn nhìn qua cửa sổ không hiểu Minh hát những bài gì mà những bài hát ấy có phải là những bài hát về tình yêu không - vì anh hát tiếng Pháp - không hiểu Minh cười một mình như thế là tại làm sao, vì ai, ừ, ít ra cũng vì một người nào đó, một mối tình xa xôi nào đó... than ôi, giá như người đó là cô, tình cảm đó chỉ dành cho riêng cô!

Ước mơ ấy mang đến cho Trinh một hy vọng, một cảm giác mênh mang làm ấm áp cõi lòng mà cô muốn ấp ủ, gìn giữ như ấp ủ, gìn giữ một đóa hoa lần đầu nở trong tấm lòng của một cô gái thơ ngây.

Trinh giữ gìn, nâng niu đóa hoa ấy.

Gió hắt hiu. Ánh trăng vắng vặc giải trên thềm nhà ga vắng, ở đó một cây đèn kính đỏ hắt ra một thứ ánh sáng tù mù.

Trinh ôm chiếc chiếu trải trên thềm gạch, bày sẵn bàn cờ, khay chén, ấm nước nóng, và một đĩa mía cô tiện sẵn.

Một lát sau, Trinh ngồi xem cha cùng Minh đánh cờ. Lăm lăm Trinh thấy Minh đi nhiều nước hớ hênh, cô không nhịn được cười khẽ nói:

- Thày sắp buồn ngủ mất rồi!

Và nhân dịp ấy, cô mách hoặc gỡ hộ cho Minh nhiều nước rất cao. Anh đưa mắt nhìn cô... Trinh thấy lòng sung sướng quá, cô đang muốn hiểu cái nhìn kia có ngụ ý gì thì anh đã đứng lên, kêu mệt, rồi vào phòng nghỉ.

Nhưng đêm ấy, Minh lại không ngủ, anh chắp tay sau lưng, đi dọc theo đường sắt cách nhà ga một quãng xa rồi lại quay về. Đầu cúi xuống, Minh nhìn bóng mình rút ngắn lại, in mờ mờ trên mặt cỏ, và nghe tiếng guốc nghiêng than đen vụn trải trên mặt đất. Anh buồn bã nhớ tới một người đàn bà, thực vậy, một người đàn bà đẹp đi lướt qua anh, trên một chuyến tàu đêm, đã không nở quên mối tình xưa mà đặt hai đầu ngón tay lên miệng làm dấu hôn môi tặng anh, và đã giơ tay vẫy, hẹn anh gặp lại trên một chuyến tàu đêm khác... Đã hai tháng nay, bao nhiêu chuyến tàu đêm anh hăm hở xách cây đèn kính đỏ và lá cờ vải đỏ ra sân ga mong đón một cái hôn nữa của người đẹp đêm xưa gửi tặng... song... đã hai tháng nay rồi, bao nhiêu chuyến tàu đêm đã lạnh lùng vùn vụt chạy qua cũng như trong những cuộc ăn chơi phóng đảng thuở xưa, biết bao nhiêu khuôn mặt đẹp đã tiếp nhau lạnh lùng, vùn vụt lướt qua đời anh.

Chán ngán, và ghê tởm, Minh nhắm nghiền mắt lại. Anh không muốn nhớ đến những mối tình bạc bẽo, nhớ đến cái ngày anh bị cha từ bỏ đuổi đi, và anh cũng không muốn nghĩ đến cuộc sống hiện tại của mình. Nhưng có sao, anh vẫn không quên nổi người đàn bà đẹp năm xưa anh đã say mê ấy, tại làm sao?

Đến cửa ga, Minh bỗng giật mình vì một tiếng nói run run:

- Thày sắp!... thày không đi nghỉ?... tàu đêm sắp về rồi...

Minh vén tay áo xem giờ, đoạn như điên lên vì một nỗi vui mừng kín đáo, anh sẽ vở vai Trinh:

- Cảm ơn cô... Nếu cô không nhắc thì tôi suýt quên mất chuyến tàu đêm, ờ, chuyến tàu đêm!

Anh cười khanh khách và liêu lĩnh giơ tay vuốt má Trinh, đoạn chạy vào phòng giấy, đóng sầm hai cánh cửa.

Dưới ánh trăng, má Trinh bỗng đỏ hây hây, tim hồi hộp đập... Cô có cảm giác như thấy ở trong lòng một đóa hoa tình, - không! Cả một vườn hoa

tình, hoa mộng đang đua nhau nở từng bùng, rực rỡ...



Trinh dậy từ sáng sớm, cho lợn ăn xong, cô vội vã lên sân ga để báo cho Minh biết cái tin cha và dì ghê đã nhận gả cô cho một người làm ruộng ở làng bên.

Nhưng sáng ấy, Minh không tập thể dục. Nhòm vào cửa kính, thấy anh còn ngủ, cô lại quay về. Trinh uất ức, chỉ mong được kể lể với anh nỗi đau đớn của cô, bởi cái xoa má của anh đêm nọ khiến cô tin thành thực rằng anh đã yêu cô.

Trinh buồn bã dựa lưng vào thân cây nhãn trong vườn, ngửa mặt nhìn mặt trời đang mọc đằng đông. Năng sớm lấp loáng giọt vào cặp mắt đen ướt lệ; và ý nghĩ được Minh yêu khiến cô chớp mắt nhoèn miệng cười. Năng giọt vào hàm răng đen nhanh nhánh mới triết tối qua mà cô đang tiếc chưa có dịp cười để khoe anh.

Cô ra phía chuồng gà mở cửa cho chúng.

Bỗng tiếng hai con ngỗng sêu kêu trong nhà bếp, Trinh càng buồn thấm thía; cô kinh hãi nhận thấy cô đã hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của kẻ kia, một anh chồng thô bỉ mà cô mỗi khi gặp thường lánh mặt.

Hôm sau là ngày tết đoan ngọ. Sáng sớm Trinh đã sai em mang thức ăn “giết sâu bọ” lên ga mời Minh ăn, và tinh nghịch, cô giấu dưới lòng đĩa hoa quả chiếc “bùa tui bùa tui”. Một lúc sau, khi đang mổ ngỗng làm cỗ cúng, cô nhìn lên ga thấy Minh ngồi vắt vẻo trong khung cửa sổ, vui vẻ hát, trên ve áo vết cũ kỹ đeo hai quả đài bằng lụa xanh đỏ, anh gật đầu chào cô. Cô nửa vui vì thấy Minh cũng tinh nghịch dùng cái đồ chơi trẻ con mà cô đã tinh nghịch tặng anh, vừa buồn vì thấy Minh biết tin đau đớn của cô rồi mà vẫn thản nhiên như thế.

Trinh giận dỗi quay vào bếp.

Mưa mỗi phút thêm dữ dội, gió đầu đông, trong cơn bão rớt rít thê thảm trên những ngọn xoan cao.

Một hồi còi xe lửa đằng xa vọng lại, Minh vội khoác chiếc áo tơi mưa, xách đèn ra đường sắt đứng chờ. Nước mưa giọt xuống chiếc mũ dạ và áo

tối đen, ướt đẫm. Toàn thân run cầm cập, anh ngược nhìn bầu trời đen u ám, ngửa mặt cho nước lạnh tấp vào, anh thấy tủi thân với cái nghề vất vả của mình.

Đoàn xe đã đến, hai con mắt lửa chói lòa, tiếng bánh rít trên đường sắt nghe ghê rợn. Không có một hành khách nào xuống, anh phất cờ thối còi cho tàu chạy.

Trong toa hạng nhì, tấm cửa kính từ từ hạ xuống, một người đàn bà rất đẹp, cổ quàng lông cừu trắng, mặc “măng-tô”, thở một luồng khói thuốc, ngửa bàn tay trắng muốt hứng nước mưa, rồi ngoảnh đầu lại cười với một người đàn ông Pháp đứng sau lưng đang quàng chặt cổ nàng. Tiếng cười ròn rã trong trẻo phả vào mưa gió trong đêm. Tiếng cười ấy, bóng người đàn bà đẹp ấy lướt qua mặt Minh như một cơn gió độc. Mất hẳn rồi, người đàn bà đẹp! Người đàn bà đầu tiên, mối tình đầu, một nguồn yêu thương đã qua trong một chuyến tàu đêm, như lời nàng hứa hẹn với anh, trên một chuyến tàu đêm xưa.

Hết mong rồi, còn gì nữa! Cả một niềm yêu đương độc nhất lúc tuổi xanh, một bông hoa tình đầu nở trong lòng thơ, một hình ảnh người yêu dấu in trong trái tim còn đầy tình cảm, lúc này, hết thảy đều tan tác, đều mờ xóa, còn đâu!

Đoàn tàu đêm đã biến mất đằng xa thăm, Minh chán ngán xách cây đèn đỏ quay vào phòng giấy, vắt mũ, vắt áo ướt sũng nước vào một xô, rồi gục mặt xuống bàn.

Ngoài cửa kính, ngay lúc đó, có một bóng người, rồi cánh cửa dần dần hé mở, người ấy rón rén bước vào.

- Cô Trinh! Cô chưa ngủ?

Trinh để chiếc nón xuống góc tường:

- Thằng em lớn bị cảm, không có người sai, em phải mang nước lên để thày pha cà phê.

Minh cảm động nhìn cô. Anh bỗng nhiên nhận thấy cô đẹp lạ lùng, một vẻ đẹp có duyên và hiền hậu.

Thấy anh chăm chú ngắm mình, Trinh đỏ mặt bên lễn, lòng đầy vui sướng. Đây là lần đầu cô được anh nhìn lâu như thế, trái hẳn mọi khi.

- Thày có rét để em nhóm lò than...

- Không, tôi không rét lắm. Cô ngồi đây uống nước rồi hãy về ngủ. Cô không từ chối chứ?

Minh kéo ghế bảo Trinh ngồi. Trong khi pha hai tách cà phê, Minh cười rủ rủ bảo cô:

- Cô Trinh đẹp thật, quả tôi không ngờ...

Trinh cười thơ ngây:

- Em đẹp thật à? Hôm nay thày sếp mới khen em!

- Bởi bây giờ tôi mới có dịp ngắm kỹ. Mười năm nữa khen thì mới muộn, chứ lúc này khen đã muộn đâu.

Trinh thốn thức:

- Lúc này lời khen đã muộn rồi... thật muộn rồi... vài tháng nữa, em sẽ không còn được ở gần thày... em sẽ đi xa, đi rõ xa... em sẽ lấy chồng!

Trinh nước nỡ, kéo vạt áo lau nước mắt, âu yếm nhìn Minh.

“Cô sẽ lấy chồng!” Minh nhắc lại câu ấy bằng một tiếng cười chua cay, ngao ngán – “ Lại một cái bóng nữa đi qua cuộc đời mình! “

Nhưng Minh hối hận rằng tiếng cười ấy đã làm Trinh thêm tủi, anh động tâm thương, vịn vai cô:

- Cô Trinh! Cô sắp lấy chồng... tôi thành thực mừng cô... Em Trinh đừng khóc nữa, đừng khóc nữa. - Anh thở dài buồn bã. - Thời gian đã trôi qua nhanh chóng biết bao. Tôi đã phí hoài những năm tháng tốt đẹp nhất của đời mình vào những hình bóng hão huyền trên những chuyến tàu. Những gì tôi vừa trải qua đều vô nghĩa hết, nhất là cái giấc mơ ngu xuẩn và vô vọng ấy. Trong khi em là một vẻ đẹp có thực ngay bên tôi mà tôi không nhận ra. Mãi tới lúc này...

Trinh đâm ra hoàn toàn bối rối. Hai má cô ửng lên một màu hồng, rồi cô e lệ ngoảnh mặt sang phía khác.

- Tôi là một gã đàn ông tầm thường, nghèo khổ lại vô nghĩa nữa. Bây giờ, chỉ có điều này đáng nói, là tôi yêu em, cho dù em sắp lấy người đàn ông kia, người mà tôi không cần biết là ai.

- Ôi, xin thầy đừng tiếp tục nữa, em không thể nào chịu nổi - Trinh nói mắt ứa hai hàng lệ - Mọi chuyện đã quá muộn. Với em thì chẳng có gì đáng kể. Em chỉ là một cô gái giản dị. Chẳng thà em không được gặp thầy, được biết thầy. Giờ đây, mỗi khi thầm so sánh giữa thầy với người đàn ông mà em sắp lấy càng khiến em thấy ghê rợn.

Nói xong, Trinh gạt nước mắt rồi từ từ quay về gian nhà lá của lão phu-kíp lúc này còn leo lét ánh đèn dầu giữa bóng đêm thăm thẳm.

**(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy số 162/1937)**

# Table of Contents

<u>1</u>	<u>Cát Bụi</u>
<u>2</u>	<u>Yên Hoa</u>
<u>3</u>	<u>Đời Tư Lã Bối</u>
<u>4</u>	<u>Cụ Quận Ăn Tết Vui</u>
<u>5</u>	<u>Đôi Giày Cũ</u>
<u>6</u>	<u>Người Gác Đêm</u>
<u>7</u>	<u>Ông Kềnh</u>
<u>8</u>	<u>Cô Gái Làng Sơn Hạ</u>
<u>9</u>	<u>Đô Kinh Bắc</u>
<u>10</u>	<u>Để Tặng Các Võ Sĩ Già</u>
<u>11</u>	<u>Phấn Hương</u>
<u>12</u>	<u>Thời Gian</u>
<u>13</u>	<u>Đôi Mắt Đẹp</u>
<u>14</u>	<u>Một Chuyện Quái Đản</u>
<u>15</u>	

<u>16</u>	<u>Một Đêm Vui</u>
	<u>Một Đêm Mưa Mốc</u>
<u>17</u>	
	<u>Một Tâm Hồn Trong Đêm Tối</u>
<u>18</u>	
	<u>Hần Học</u>
<u>19</u>	
	<u>Để Lòng</u>
<u>20</u>	
	<u>Anh Gắng Nuôi Con</u>
<u>21</u>	
	<u>Đất</u>
<u>22</u>	
	<u>Ai Giết Lão Phong Lôi</u>
<u>23</u>	
	<u>Lucie</u>
<u>24</u>	
	<u>Những Hình Bóng Cũ</u>
<u>25</u>	
	<u>Những Ngày Thơ Ấu</u>
<u>26</u>	
	<u>Buồn Vương Mây Khói</u>
<u>27</u>	
	<u>Người Đưa Thư</u>
<u>28</u>	
	<u>Một Chuyện Của Lòng</u>
<u>29</u>	
	<u>Lỗi Tình</u>